+ GM. PHÊRÔ TRẦN THANH CHUNG

HỒI KÝ

KONTUM 2008

Giám mục Phêrô Trần Thanh Chung

10 - 11 - 1926 (năm Bính Dần):

Sinh tại Cồn Dầu - Hoà Xuân

Quận Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng.

14 - 11 - 1926:

Cha Phêrô Chánh rửa tội

tại nhà thờ Cồn Dầu.

1937:

Vào Chủng viện thừa sai KonTum

Thêm sức tại KonTum.

1946 - 1948:

Chủng viện giải tán

về sống tại Cồn Dầu.

Cuối năm 1949:

Vào Đại chủng viện

25 - 08 - 1955:

Chịu chức Linh Mục

Tại Nhà thờ Chính toà KonTum

do Đc Paul Seitz.

PHÊRÔ TRẦN THANH CHUNG
Nguyên Giám Mục Kontum

HỒI KÝ

Kontum 2008

DILEXITME

Lời giới thiệu

Tôi không có ý định ra mắt cuốn Hồi Ký nhỏ bé nầy cho ai khác ngoài các cháu gần gũi nhất, nhưng có vài người bạn gợi ý cho phổ biến rộng rãi hơn, đặc biệt cho anh em linh mục - những người đồng hành với tôi - trên khắp các nẻo đường truyền giáo Tây Nguyên vui buồn sướng khổ xưa cũng như nay và suốt đời bên nhau.

Lời nói chí lý.

Tôi xin mạo muội chia sẻ vài nét trong giai đoạn đem Tin Mừng của Chúa và những tâm tư tình cảm của tôi lúc bấy giờ cũng như hôm nay. Chắc chắn không khỏi những thiếu sót trong cách trình bày hoặc khác biệt trong cách hoạt động truyền giáo hay cách sinh sống thời bấy giờ. Mỗi thời có những nét riêng tư, thời nào cho thời ấy, nhưng chung quy tìm vinh danh Chúa và mưu ích cho anh chị em dân tộc.

Tập đầu tiên có tính cách gia đình nhiều hơn. Nghĩa là cho các cháu tại quê nhà thế hệ cách đây những sáu mươi năm để họ có chút ý niệm về tuổi thơ và ơn gọi của tôi thời bấy giờ. Từ năm 1926 đến 1955.

Tập hai là Hồi ký Kơbey từ 1958 đến 1966, đời sống truyền giáo cho anh chị em Jarai Hrap, Halăng, Jeh, Triêng.

Tập tiếp theo, thăm mục vụ khắp nơi trong giáo phận, đa phần thời tôi làm Giám mục chính toà.

Mong những ngày tháng gần đây tôi sẽ cho ra mắt tập hồi ký lúc tôi làm giám đốc chủng viện thừa sai tại Đàlạt. Và những tập bổ túc khác nếu thời giờ cho phép.

Vài lời đơn giản, tôi xin hân hạnh giới thiệu với Đức Cha Micae và anh em linh mục.

Kontum, ngày 14 tháng 11 năm 2008 (*)

Phêrô Trần Thanh Chung,
Nguyên Giám mục Kontum

---

* *Ngày giáp 70 năm tôi lãnh Phép Thêm Sức thời Đức cha Jannin tại Trường Thánh Cuenot Kontum.*

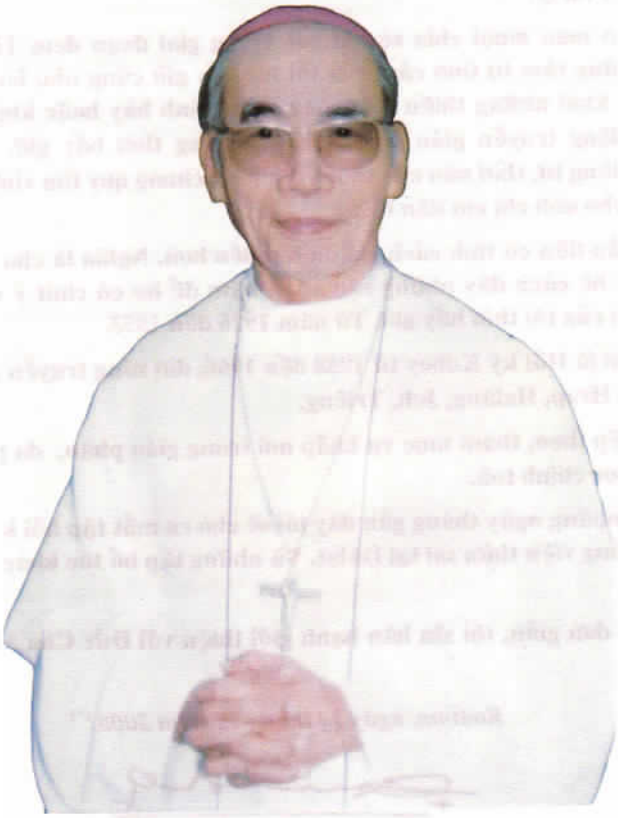

LỜI TỰA

"Thiên Chúa viết chữ thẳng trên những đường cong".

Là câu nói mà Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung thường nhắc đến trong các bài giảng, bài chia sẻ của ngài. Câu nói đó cho thấy ngài luôn nhìn mọi sự kiện, biến cố lịch sử dưới con mắt đức tin: Chúa là Chủ lịch sử. Tất cả mọi sự đều trong bàn tay quan phòng kỳ diệu của Thiên Chúa.

Đức Cha Phêrô đã viết lại cuốn Hồi Ký này với tâm tình tạ ơn và tôn vinh Thiên Chúa. Ngài luôn ý thức con người và ơn gọi của ngài là hồng phúc, là ơn ban nhưng không của Thiên Chúa. Qua cuốn hồi ký này, Đức Cha Phêrô đã thuật lại những chặng đường ngài đã đi qua, với ba giai đoạn:

I. **Hồi Ký 1926 - 1957**: *Gia đình và ơn gọi Linh mục*

II. **Hồi Ký Kơbey:** *Sứ vụ mục tử trước 1975*

III. **Hồi Ký Từ Tháng 8 Năm 1974:** *Sứ vụ mục tử sau 1975*

Mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ đều có những nét lịch sử riêng của nó, ví tựa tuổi thơ, tuổi thanh xuân và tuổi già của đời mỗi người được gửi gắm qua từng nét chữ, giọng văn tả thực về cuộc sống dâng hiến, cụ thể là giai đoạn phục vụ trong thiên chức Linh mục, giám mục của ngài.

Đọc qua cuốn sách này, chúng tôi như học được nơi ngài một con người không biết mệt mỏi loan truyền Tin Mừng – Chân Lý của Chúa Kitô đến với mọi người.

Hy vọng cuốn sách này, như là gia sản quý báu của Ngài để lại cho các thế hệ đi sau, là các Linh mục, tu sĩ, là con cháu trong dòng tộc biết noi theo ngài trong niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất, Đấng đem lại nguồn sống vĩnh cửu cho mọi người.

Văn Phòng Toà Giám Mục Kontum
20.9.2008

Kontum 2008

Các em, các cháu nội ngoại gần xa mong tôi để lại ít dòng về xứ sở, gia đình và lai lịch ơn gọi của tôi, nhất là vào những năm chiến tranh hỗn loạn chủng viện đóng cửa tôi phải trở về sống ở quê nhà giữa những xáo trộn của thời cuộc.

Cám ơn các cháu đã có nhã ý gợi lên ý tưởng này. Viết hồi ký cho ai khác thì ngại nhưng cho nội bộ những người thân thì không có vấn đề. Thỉnh thoảng thời gian nghỉ hưu tôi về quê và được nhiều người hỏi thăm những câu chuyện, những biến cố đã xảy ra cách đây năm bảy chục năm, thời gian mà các cháu và ngay cha mẹ các cháu cũng chưa sinh ra, ai cũng tò mò tìm hiểu. Đấy là lý do nảy sinh tập hồi ký bé nhỏ này. Vả lại thời gian của người tuổi hưu, tuy không hoàn toàn rảnh rỗi nhưng tương đối cũng còn có thể dành chút thời giờ cho các cháu thân thương của mình. Tôi mong tập hồi ký bé nhỏ này đem lại cho các cháu một chút thích thú đồng thời góp một ít kinh nghiệm cho cuộc sống của các cháu. Những điều tôi thuật lại đây có tính cách lịch sử – nói lịch sử thì có vẻ long trọng quá - tôi muốn nói là có nền tảng sự thật chứ không phải trên mây trên gió, tuy những ngày tháng liên quan đến những biến cố có khi xê dịch đôi chút.

Đây cũng chỉ là hồi ký cá nhân, một người sinh ra phần lớn năm tháng ở chủng viện và môi trường truyền giáo Tây nguyên, chỉ sống ngắn ngủi một phần tuổi thanh thiếu niên tại quê nhà thời buổi loạn lạc, nên chủ đích ghi lại những gì có liên quan đến gia đình, không thể nắm vững mọi vấn đề và đi sâu vào chi tiết. Có những lúc ngồi trầm tư để moi lại những biến cố đã chìm sâu trong đêm tối của quá khứ. Một khi đã biết chắc chắn mới ghi lại. Xin các cháu thông cảm và bỏ qua những thiếu sót.

Những hồi ký về các năm tôi ở sở họ phục vụ anh chị em dân tộc sẽ có tập riêng.

HỒI KÝ 1926 - 1957

GIA ĐÌNH VÀ ƠN GỌI LINH MỤC

THỜI THƠ ẤU VÀ THIẾU NIÊNTRONG GIA ĐÌNH ĐẾN 1937

Trước hết về gia đình, tôi rất tiếc là cha mẹ tôi cũng như các bậc chú cậu dì của tôi lúc còn sống đã nhiều lần thuật lại nhưng tôi không ghi chép. Các bậc đàn anh trong làng hầu như cũng đã ra đi gần hết. Những điều tôi viết ra đây đa phần là công việc của ký ức hơn là tìm hiểu nơi người này người khác.

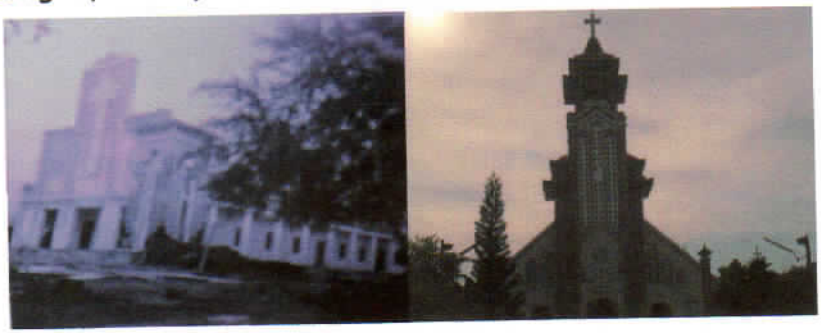

Nhà thờ gx Cồn Dầu cũ và hiện nay

Mảnh đất Cồn Dầu đã được Cố Thiên (Maillard) tạo lập thời Văn Thân quãng năm 1885 - 1900, có một người Cồn Dầu đã ghi lại khá rõ, tập này để tại gia đình Cồn Dầu. Tiếp đây xin ghi lại vài lời của Cha Guerlach, trước kia là thừa sai tại Kontum sau này cha sở Đà Nẵng nói về Cố THIÊN (Maillard) ông Tổ sáng lập Xứ Cồn Dầu, trích từ quyển L'oeuvre néfaste, trang 72 đến trang 87, xuất bản năm 1906, Sàigòn. Cha Guerlch viết:

"Cách Đà Nẵng bốn cây số về phía nam, có Xóm Cồn Dầu, một nhóm người khá đông khoảng 400 thuộc dân tứ chiến, sống trong cảnh nghèo ngặt, Cố Thiên bằng mọi cách đã tạo cho họ những phương tiện làm ăn. Ngài đã xây đập ngăn nước biển để có ruộng sinh sống. (bây giờ gọi là Bờ Đập, con đường

Hang đá Đức Mẹ gx Cồn Dầu

xe duy nhất chạy từ Đà Nẵng, Cẩm Lệ về Cồn Dầu.) Sau biết bao lao nhọc và tốn kém, ngài tạo được gần 100 mẫu ruộng để cấy cày. Ngài còn giúp đỡ họ có trâu để cày bừa và lúa thóc để ăn.

Ngài hy sinh cuộc sống và ngay cả mạng sống để cứu tất cả những họ đạo ở Quảng Nam (Phú thượng, An Ngãi, Tùng Sơn, Trà Kiệu. . .) và hàng ngàn giáo dân họ đạo Trung Tín ngài đem từ Quảng Ngãi ra trú ẩn tại Phú Thượng. Ngài đã giải thoát họ khỏi những cơn tàn sát đẫm máu do Văn Thân và Triều Đình Huế gây nên. Ngài kiệt sức vì đàn chiên mà ngài gọi là những người con của mình và được ngài yêu thương thắm thiết. Những việc ngài làm và những công ơn của ngài thật đáng ghi nhớ muôn đời. "

Từ tuổi còn thơ đến tuổi 50, tôi nhớ mãi Xứ Cồn Dầu mỗi ngày thứ hai giáo dân cầu nguyện cho linh hồn thầy Đônatô, Thánh bổn mạng của cố Thiên, với tất cả lòng biết ơn trìu mến.

GIA ĐÌNH NỘI NGOẠI CỦA TÔI

Trước hết bên ngoại, Catarina Biên, thường gọi là bà biện Biên, người gốc Hải Châu, Trà Khê ở Trung Lương. Ông ngoại gốc Quảng Ngãi, Alexi Nguyễn Đình Trinh hay ông biện Biên, làm việc trên Tàu của Pháp thường lui tới Đà Nẵng, có người nói thế không biết thực hư thế nào, ông đã cưới bà ngoại tôi và nhập tịch làng Trung Lương. Theo lời người trong gia tộc

Bà biện Biên

thuật lại hai ông bà sau khi lập gia đình mới trở lại Đạo Công Giáo. Ông ngoại có ngôi nhà rường đẹp tuy không giàu có gì nhưng ăn trộm thường rình mò. (thời xưa người Quảng thường gọi ngắn gọn nhà rường là nhà có rường có cột ràng rịt rất vững chắc, chỉ nhà có tiền có của chút mới làm được). Không biết ông đã làm gì mà bọn ăn trộm thù ghét và đốt nhà. Nghe tin, cha phụ trách Cồn Dầu bấy giờ là người Pháp, có lẽ là chính cố Thiên (?) đã xuống thăm. Thấy hoàn cảnh tội nghiệp, ngài đã gọi lên Cồn Dầu và cho ông bộ sườn nhà. Sau này ông cảm kích tấm lòng tốt của ông cố nên hai ông bà đã trở lại Công Giáo. Vì ông ngoại người có văn hóa nên được cha sở chọn làm ông Biện trong Giáo Xứ.

Lúc nhỏ tôi thường xuyên xuống chơi nhà ông bà ngoại. Tuyệt nhiên tôi không còn nhớ gì khác ngoài câu chuyện chuồn chuồn. Ông thấy tôi thích bắt chuồn chuồn nên ông cười và bảo tôi để cho nó cắn rốn thì mau biết bơi.

Ông ngoại mất vào quãng lúc tôi lên 6 - 10 tuổi. Tôi nhớ lúc mai táng ông về thì Cha Sở lúc đó là cha Nguyễn Văn Chánh đứng trên hành lang nhà xứ nhìn xuống thấy mẹ tôi và các dì đang khóc thì ngài có mấy lời an ủi. Ông ngoại tôi lúc đó làm biện và có công nhiều với Giáo Xứ. Đó là tất cả những gì tôi biết

về ông ngoại. Còn bà ngoại chết năm nào tôi không rõ. Chính tôi đã chụp hình bà nhưng vào năm nào tôi cũng không nhớ. Có lẽ cuối năm 1947 hoặc những năm 1950 đến 1955 lúc tôi ở Đại Chủng viện Sàigòn.

Các cha sở thời niên thiếu của tôi: cha Chánh ở Cồn Dầu hai đợt, đợt 1 từ năm 1924 đến 1930, ngài ban Phép Thánh Tẩy cho tôi. Đợt 2 từ năm 1934 đến 1943, chính ngài gởi tôi đi chủng viện Kontum năm 1937. Giữa hai đợt, cha Gallioz, cố Thiết từ năm 1930 đến 1943. Về cha Chánh thì tôi biết rất rõ, không có vấn đề. Lúc tôi làm Linh mục thì ngài đã về hưu tại An Ngãi. Còn cố Thiết thời gian ngài làm cha sở , lúc đó tôi lên 5 lên 6 tuổi chỉ còn nhớ mường tượng vài hình ảnh, ngài đi dạo với con chó Cabô của ngài, tôi biết tên con chó vì ngài gọi Cabô, Cabô, ... mỗi khi nó chạy xa ngài. Rồi những năm tháng loạn ly từ 1947 - 1954 (?) ngài bị đem vào Quảng Ngãi và theo lời người ta nói thì được VM giao cho công tác chùi súng. Quãng năm 1954, năm tôi chịu chức năm, thì ngài ở Hội An, thời kỳ Pháp chiếm đóng. Tôi có đến thăm ngài. Lúc đó ngài đã lẩm cẩm lắm rồi. Có lúc suốt ngày và ngày này qua ngày khác, ngài ngồi ở hiên với quyển sách kinh nguyện của ngài. Tuổi tác ngài tuyệt nhiên tôi không biết gì hết. Hai cô nấu ăn cho ngài thuật lại câu chuyện vui vui có vẻ tiếu lâm này. Có lần các sĩ quan Pháp đến thăm ngài. Ngài đem rượu chào mừng họ, ngài rót một ly cho ngài, ngài nốc một hơi rồi đậy nút đem vào phòng cất ngay. Hai cô thấy vậy lấy làm khó chịu và được ngài trả lời: chúng nó là quan năm quan sáu, chúng nó có tiền, còn cha làm gì có tiền mà đãi. (Quan năm quan sáu lúc đó là đại tá thiếu tướng bây giờ.)

Ông ngoại bà ngoại sinh được 9 người con: bốn trai, năm gái:

BIÊN - KÝ - BÀI - THƠ - ĐỆ - THÔNG - THÁI - BÌNH - AN.

Mẹ và các dì

Yxave Nguyễn Thị BÀI là tên mẹ tôi nhưng người ta thường gọi là bà Bản tên người con trưởng trong gia đình. Dì Biên (hay dì Sách) có lẽ chết lúc tôi chưa sinh, hoặc lúc tôi còn bé. Ký là cậu Hiển. Thơ, cậu Mỹ. Để, dì Thế. Thông, dì Nhứt. Thái, cậu Chương. Bình là Dì chín Bình. An, cậu Huấn. Dì Bình độc thân, chỉ còn một chân. Dì bị phỏng nước sôi nặng, lúc lên 14, 15 tuổi. Cha sở Đà Nẵng thời bấy giờ là cố Lượng (?) bảo đem gấp xuống bệnh viện. Các bác sĩ chỉ còn một cách duy nhất để cứu mạng là cưa chân, không cưa thì chết. Lúc tỉnh dậy, thấy mất một chân, dì tôi giận quá và hươ tay vào mặt cố sở. Cố sở cười nói vui vẻ: "con gái đẹp 14, 15 tuổi mất đi một chân thật đáng thương, dù có hươ tay muốn đánh ông cố thì ông cố cũng sẵn sàng tha thứ hết. " Dì tôi thuật lại như thế. Dì là thợ may đầu tiên trong làng. Quần áo lúc nhỏ cũng như lúc ở chủng viện do Dì tôi may. Lúc còn trẻ Dì ở nhà ông ngoại tại Trung Lương, sau này lên Cồn Dầu ở trong vườn Dì Nhứt. Những ngày tháng sau hết dì ở nhà tôi. Lúc Dì chết tôi không về được.

Ông bà nội Xuân

Dì Nhứt chết năm 1991, tôi có về dự.

Dì Thế mất 21. 1. 1993, tôi về làm Lễ an táng ngày 30 Tết. Sau đó tôi cần phải về Kontum ngay. Tôi nhờ người thân ở Đà Nẵng mua vé máy bay hay xe đò nhưng ngày 30 Tết không bao giờ có xe và máy bay cũng không. Trong Thánh Lễ an táng tôi đã giao cho Dì tìm xe cho tôi. Tôi đã được như ý. Lúc lên tới Miếu Bông, lạ thật, vừa tới thì có xe đón ngay. Vô cầu Gành, tôi đi qua đi lại để đợi xe về Kontum. Ai ai thấy tôi cũng mời ở lại ăn tết vì họ bảo ngày 30 không bao giờ có xe. Nhưng mười lăm phút sau có chiếc xe từ Pleiku chở 5, 6 thanh niên thanh nữ về Bình Định ăn Tết và trở về Pleiku. Tôi theo xe về ngay. Thế tôi mới tin dì đã tìm xe cho tôi.

Dì Nhứt và Dì Thế thường cho tôi bú lúc còn bé, vì mẹ tôi đi buôn suốt ngày có lúc không về kịp nên nhờ hai dì. Lúc tôi lớn lên, hai dì thường hay nhắc đến.

Các cậu của tôi qua đời, ngày tháng không rõ, tôi không về dự đám tang được vì có lúc tôi đang ở vùng nguy hiểm hoặc không được báo tin kịp.

Những anh chị em trong dòng họ nội ngoại dâng mình cho Chúa:

Chị Võ Thị Báu SPC (Sr Martine, con ông Quý, cháu bà Huỳnh Thị Lân (bà Cần))

Chị hai tôi Trần Thị BẢN, Nguyễn Thị HUẤN và Nguyễn Thị LUYỆN con cậu Huấn, dòng MTG Gò Thị. Trần Thị Thanh THỦY, Dòng Vinh Sơn Sàigòn. Cha Huỳnh ngọc QUÝ (hiện ở Đức) cháu nội Ông Kính. Huỳnh Thị Thu

Cùng cháu Thủy

HUYỀN, cháu nội ông Kính.

Nguyễn Thị Thúy LOAN, cháu nội Dì Thế. Nguyễn Thị NGÀ, cháu nội Dì Thế, Hồ Thị THUYỀN, cháu ngoại cậu Hiển, bốn cháu thuộc Dòng Phaolô Đà Nẵng. Thầy Nguyễn can TRƯỜNG cháu nội cậu Hiển và Thầy Nguyễn minh TÂN cháu ngoại chú Phẩm học ở chủng viện Huế; Đỗ Thị Thúy VÂN gia đình ở Bảo Lộc, tu Mến Thánh Giá Gò Vấp, cháu ngoại Dì Sách (Biên) và tôi nữa là 13 (tính cho đến 2006). Còn một ít cháu ở Hộ Diêm Phanrang tu Dòng Trinh Vương, tại Củ Chi và Dòng Ngôi Lời .... tôi chưa được rõ nên không ghi vào đây. Chúc các cháu được ơn bền đỗ và dòng họ luôn có người tiếp tục phục vụ Giáo hội.

Ông bà Nội Xuân đã sinh 7 người toàn con trai:

XUÂN - HẠ - THU - ĐÔNG - KẾ - MẬU - CƯỜNG.

Simon XUÂN là tên cha tôi, trưởng nam. HẠ là chú Mến. THU, ĐÔNG chết từ bé, tôi không thấy mặt. KẾ, chú Phẩm; MẬU, chú Mẩu; CƯỜNG, chú Phước. Chú Phước đời vợ trước là thím năm Ưng, thím chết thì chú cưới thím hai Hóa (Tống Thị Hóa.)

Ông nội Giuxe Trần Xuân (Trần hữu Lý), con ông Trần Nguyên, Trung Lương, là em của Bà Trần Thị Lọ (Hội) và bà Trần Thị Lem (Viết), là anh của Bà Trần Thị Lân (Cần).

Bà nội Xuân (Huỳnh Thị Xin) là chị ruột ông Kính ông Thứ ông Sang và bà Hậu.

Bà nội Xuân mất 1961, (?) ông nội Xuân 1962. (?) Những

năm nguy hiểm tôi ở PleiKơbey không về được (xem hồi ký Kơbey). Tất cả những hình của ông bà chính tôi chụp, lúc tôi ở Đại Chủng viện Saigòn về nghỉ. Cha tôi và em Diệm bị bắt vào tháng tư năm 1947, vào thời gian đó tôi chưa có máy ảnh. Vì thế ai cũng buồn tiếc không được thấy hình của cha tôi và của em Diệm.

Chú Kế chết lúc tôi quãng 5, 6 tuổi. Lúc bấy giờ tôi đứng từ xa ở bờ xe thấy khiêng xác qua nhà thờ.

Chú Mầu, Chú Phước, tôi không nhớ năm nào.

Trong các chú của tôi có chú Phước (Cường) là người học chữ Hán lâu năm. Bà nội xuân có lần nói bà gánh những mấy gánh sách của chú tôi cũng chưa hết!

Trần Hữu tộc: Đệ I phái - Đệ I chi

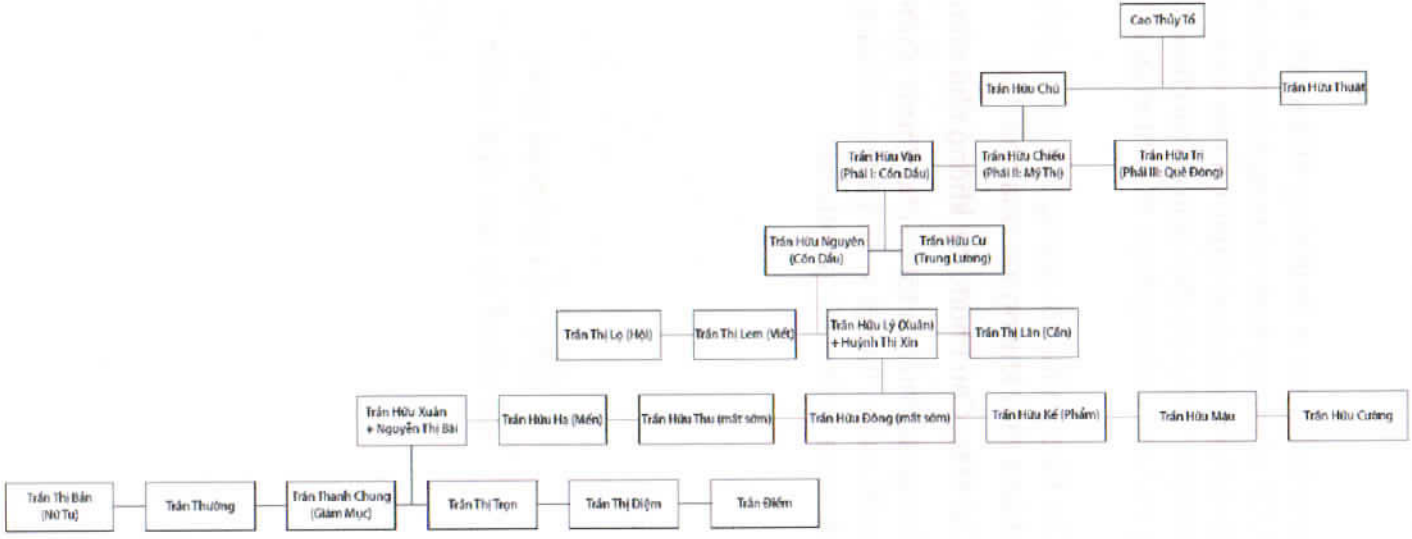

CHA MẸ TÔI VÀ GIA ĐÌNH

Cha tôi sinh năm 1895, Mẹ tôi năm 1900, lập gia đình quãng năm 1920.

Cha mẹ tôi sinh tất cả 6 người con (ba gái ba trai):

BẢN - THƯỜNG - CHUNG - TRỌN - DIỆM - ĐIỂM.

Chị hai Mađalêna BẢN tu MTG Trà Kiệu sau sát nhập MTG Gò Thị, Qui Nhơn. Lúc còn nhỏ khi vừa hiểu biết, tôi nhớ chị đau mắt, cha tôi vất vả dẫn đi hết thầy lang này đến thầy lang nọ, thầy thuốc bắc hay thuốc nam gì đó. Thời bấy giờ ở nhà quê có lẽ họ chưa bao giờ nghe nói đến tiệm thuốc tây hay bác sĩ. Nghe nói chuyện đi nhà thương thì ai cũng sợ.

Quãng 13, 14 tuổi chị xin dâng mình cho Chúa tại Dòng MTG Trà Kiệu. Sau này các Dòng MTG "cũ" nhập Dòng MTG Gò

ANH CHỊ EM TRONG GIA ĐÌNH

Chị Hai: Madalêna TRẦN THỊ BẢN
Sinh ngày: 10/11/1921 tại Cồn Dầu
Thầy Nhiên rửa tội ngày 14/11/1921
Cha L.Vallet làm các phép: 24/05/1922
Rước lễ bao đồng và thêm sức: 1927
Khấn hứa lần đầu tại Qui Nhơn: 31/05/1961

Anh Ba: Gioan Kim TRẦN THƯỜNG
Sinh ngày: 16/05/1924 tại Cồn Dầu
Cha Phêrô Chánh rửa tội ngày 19/05/1924
Thêm sức: 1938
Phép hôn phối với Catarina TƯƠNG: 28/11/1944

Anh Bốn: Phêrô TRẦN THANH CHUNG
Sinh ngày: 10/11/1926 tại Cồn Dầu
Cha Phêrô Chánh rửa tội ngày: 14/11/1926
Thêm sức tại Kontum
Vào CV thừa sai Kontum năm: 1937
Chịu chức Linh mục: 25/08/1955
Tấn phong Giám mục: 22/11/1981

ANH CHỊ EM TRONG GIA ĐÌNH

Em Năm: *Anna TRẦN THỊ TRỌN*
Sinh ngày: 21/08/1929 tại Cồn Dầu
Cha Phêrô Chánh rửa tội ngày: 26/08/1929
Thêm sức: năm 1943
Qua đời: 07/10/2001
An táng ngày 10/10/2001 tại nghĩa địa Cồn Dầu

Em Sáu: *Maria TRẦN THỊ DIỆM*
Sinh ngày: 28/11/1931 tại Cồn Dầu
Cha Phêrô Gallioz rửa tội: 08/12/1931
Thêm sức: năm 1943
Bị bắt và chết tại nhà lao Tiên Hội: năm 1947

Em Út: *Phanxico X. TRẦN ĐIỂM*
Sinh ngày: 05/12/1933 tại Cồn Dầu
Cha P. Gallioz rửa tội: 10/12/1933
Thêm sức: năm 1943
Phép hôn phối với Maria Đặng Thanh Trà: 24/06/1955
Cha Tadêô Mừng chứng hôn.

Thị.

Em Anna TRỌN cũng đi tu MTG, sau về nhà và sống độc thân. Lúc tôi ở Đà Lạt (1966 - 1974) thì em nhờ tôi xin cho em một bé mồ côi để nuôi. Ban đầu xin cho em một bé trai, em không thích. Sau đó em xin bé gái 2, 3 tuổi tại Cô nhi Phanrang đặt tên là Tâm. Lớn lên em có chồng được ba bốn đứa con thì mẹ Trọn chết. Hiện giờ gia đình xin về nhà chồng tại Tân An (Bình Chính) Phanrang.

Em Trọn và cháu Tâm

Em Trọn Chết ngày Lễ Mân Côi 7. 10. 2001. Hôm đó Cha Tôma Nguyễn văn Thượng mời tôi dâng thánh Lễ Bổn Mạng cho Giáo Xứ Tiên Sơn. Vừa về đến Tòa Giám Mục thì nghe chuông

Lễ an táng em Trọn

Điện Thoại báo Em Trọn vừa mới qua đời. Tôi vội vã về Cồn Dầu liệm xác và cử hành Lễ an táng cho em. Cùng đồng tế hôm ấy có cha Kinh là Cha sở Cồn Dầu, cha Việt, quản lý TGM Đà Nẵng, cha Thành cha sở Lệ Sơn, Cha Tổng Đại Diện Kontum Hoàng Đức Oanh (bây giờ là GM Kontum) , cha Đường, Cha Liên, cha Thượng, cha Huỳnh. Hết lòng cám ơn quý Cha.

Trong sáu người con của cha mẹ tôi, chỉ có hai anh em THƯỜNG, ĐIỂM lập gia đình và đông con.

Chị hai Bản trưởng nữ sinh năm 1922, THƯỜNG năm 1924, Chung năm 1926, TRỌN năm 1928, DIỆM năm 1931, ĐIỂM năm 1933.

Theo gia phả lưu tại bà con làng Trung Lương, tộc tôi mang tên TRẦN HỮU nhưng lúc làm giấy tờ để thi Certificat d' Études primaires tiểu học Pháp vì không biết, tôi lại lấy tên lót TRẦN THANH và các cháu tôi cũng lấy theo.

Tôi sinh ngày 10 tháng 11 năm 1926, Bính Dần. Mẹ tôi thường bảo đây là cọp rạng đông vì sinh ra lúc rạng đông. Giờ đấy cọp tìm mồi, dữ lắm đấy!

Chịu Phép thánh tẩy ngày 14 tháng 11, kỷ niệm ngày thánh Cuenot Giám Mục Qui Nhơn tử đạo, Đấng đã sai người đến khai sáng miền đất Tây Nguyên Giáo phận Kontum, nơi tôi truyền giáo suốt đời Linh mục.

Thời thơ ấu, trong gia đình có lẽ tôi là người thuộc hạng quậy phá nhất. Tôi nhớ cha tôi đã cho tôi một trận đòn, lúc

quãng sáu, bảy tuổi, vì một lần nào đấy tôi đã có lời lẽ thưa bẩm không đúng phép với ông Chánh Học, cha của ông Nguyễn đình Chiểu.

Tôi đã học trường Xứ, lúc với thầy Nho lúc với thầy Tánh nguyên tu sĩ dòng sư huynh Lasan(?), khi Xứ không có thầy, thì xuống trường Trung Lương học với thầy Xoài. Chuyện trốn học là cơm bữa. Có lần thầy giáo sai anh Chiểu và anh Thậm ra nhà bắt tôi khiêng vô nhà trường. Dọc đường chị Lỳ cười nhạo, tôi đã xô té xuống ao... Nhiều lần khác bị Thầy Tánh nhốt ở trường, mẹ phải đem cơm.

Một trong những thú vui nhất là những ngày nghỉ học dẫn gà đi ăn ngoài đồng. Mẹ tôi buôn gà tây nuôi hàng trăm con. Mỗi lần dẫn đi ăn, bầy gà dường như tự sắp hàng kéo dài cả 30, 50 thước và chạy rất mau. Tôi phải vất vả chạy theo mới kịp.

Vài hình ảnh và cảnh trời của tuổi thơ vẫn còn in mãi trong trí óc.

Những con chim bạn của tôi như chim chiền chiện loại chim nhỏ hơn chim sẻ chuyền qua chuyền lại liên tục từ cành này qua cành khác; những con chim chèo bẻo kêu la inh ỏi, đuôi xẻ đôi như đuôi cá, đen lông, đen cánh, bộ giò cũng đen. Hiện nay, lúc về Cồn Dầu không còn thấy nữa. Thật tiếc!

Gia đình mẹ tôi có hai người giúp việc. Chị Ngọt, con ông Thơm, Trung Lương, giữ em.

Chú Dư, con ông Cần, Cồn Dầu, giữ trâu.

Có thời mẹ tôi buôn gạo buôn nếp. Tôi nhớ nhiều lần mẹ cha thức suốt đêm cùng với các chú của tôi đến giúp giã gạo. Sau đó bao giờ cũng có xôi, mặc dù đã quá khuya nhưng mẹ không quên gọi tôi dậy ăn cho vui.

Có lúc bà buôn chè. Phải lên An Ngãi Phú Thượng để mua và xuống Hàn bán. Thời đó đi Hàn có nghĩa là đi Đà Nẵng bây giờ. Thú vui nhất của trẻ em là chiều chiều ra ngồi ngoài đường ngoài ngõ ngay cả ở Đò Xu nữa để đón mẹ đi chợ về. Bao giờ cũng có bánh ít hoặc bánh nậm. Thời bấy giờ gọi là Đò Xu, nghĩa là mỗi lần qua lại phải trả một đồng xu. (10 xu thành một cắc (hào), 10 cắc thành một đồng bạc).

Cha tôi làm nông vất vả. Ngoài ra ông còn có nghề đan lờ rất giỏi rất lanh. Ông không cần đẹp chỉ cần nhiều thôi. Vừa đan vừa ngâm nga các kinh trong sách mục lục, nhất là mười lăm sự thương khó Đức Chúa Giêsu. Hai ông bà làm việc siêng năng nhưng không bao giờ có tiền nhiều, chỉ hằng ngày dùng đủ, có lúc thiếu thốn nữa là khác.

Vài hình ảnh còn ghi lại rõ nét thời thơ ấu. Mẹ tôi rất thương tôi. Mùa nóng nực, ban đêm mẹ tôi ngồi quạt cho tôi tới khuya mẹ cũng chưa ngủ. Vừa quạt vừa lần chuỗi. Thức giấc lúc nào cũng còn thấy mẹ ngồi đó với xâu chuỗi trong tay. Cả khi nấu cơm, vừa chụm lửa vừa thinh lặng lần hột. Lúc còn nhỏ cũng như lúc 12, 13 tuổi ở Chủng viện về nghỉ hè vẫn thấy như vậy.

Đức Mẹ Cốn Dầu

Tôi biết ơn mẹ tôi cách riêng vì những lời chỉ bảo và gương lành của mẹ

về đời sống đạo cũng như lòng mến yêu Đức Mẹ ngay từ tuổi còn thơ. Tôi tin chắc ơn gọi làm Linh mục cũng là nhờ lời cầu nguyện của mẹ.

"Con níu Mẹ, Mẹ níu con..."

NHỮNG CHỦNG SINH ĐẦU TIÊN TẠI CỒN DẦU

(thời cha Chánh người An Ngãi làm cha sở)

Đợt 1: anh Chiểu con ông Chánh Học, anh Ngự con ông Xã Ký, anh Đoan con ông Hương Quá vào Chủng Viện quãng năm 1935.

Đợt 2: Nhứt con dì Nhứt và tôi năm 1937.

Đợt 3: chú Toán con ông Biện Kính và Tiên con bà Nguyện vào năm 1940.

Trong ba đợt này chỉ mình tôi làm Linh mục. Anh Chiểu tình nguyện theo Cách Mạng ngành hành chánh từ năm 1945 sau khi mãn Tiểu Chủng Viện, lúc đi giảng tại Phường Quý. Anh về làm phó chủ tịch Xã Thanh Lương, trụ sở đóng tại thôn Lỗ Giáng. Sau này anh giữ những chức vụ gì tôi không rõ. Những năm sau Biến cố 1975, theo tôi được biết, anh vào nam và dạy trường cán bộ cao cấp tại Thành phố HCM. Tôi ít khi thấy ai mê say làm Cách Mạng như anh đến độ từ bỏ đức tin!

Hình anh Chiểu

(Ngày 13 tháng 1 năm 2005, nhân dịp đi khám bệnh tại thành Phố, tôi đã đến thăm anh tại Bệnh viện Thống Nhất, năm nay anh có 55 tuổi đảng, thăm anh đây là lần đầu tiên, biết đâu cũng là lần sau hết. Nghe người làng kể lại thì hầu như anh mất đức tin hoàn toàn. Trước khi đến bệnh viện tôi đã đến nhà tư và

đã gặp bà vợ của anh cho biết anh đang điều trị ở bệnh viện Thống Nhất. Dường như anh bị té và đang dưỡng bệnh. Trí óc vẫn tỉnh táo, tai hơi nặng. Sau một hồi trao đổi câu chuyện với nhau, anh mới nhận ra tôi.

Vì đông người không muốn cho ai nghe nên anh ghé vào tai tôi và hỏi nhỏ: "Anh có phải évêque không?" Anh dùng tiếng Pháp, Evêque là Giám mục, có lẽ không muốn cho ai biết. Chắc trước kia đã có người nói cho anh biết tôi làm giám mục. Đúng như thế, tôi trả lời. Tôi cũng ghé sát vào tai anh và vì có đông người nên nói nhỏ: "Tôi cầu xin Đức Mẹ cho anh nhiều". Tôi còn nói : "lúc trước còn là chủng sinh, anh có giảng về Đức Mẹ". Trước kia Chủng viện Kontum có thói quen khi tháng năm đến, cha Bề Trên thay vì để các cha giảng thì chia phiên cho các chủng sinh mỗi chiều nói về Đức Mẹ. Anh Chiểu đã có lần nói về tình thương của Đức Mẹ. Nghe tôi nói anh trầm lặng suy nghĩ. Tôi tin vào tình thương của Đức Mẹ, người Mẹ không bao giờ quên công trạng của con, dù nhỏ mấy đi nữa. Và mong Mẹ chuyển cầu cho anh để Chúa làm việc trong tâm hồn anh. Anh cho tôi địa chỉ: 353 Khu Báo Chí, quận 2 ở Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh. Trước khi từ giã ra về, anh đã ôm hôn tôi trước mặt mọi người và người ta không biết tôi là ai mà thân thiện như thế. Tôi vẫn tiếp tục cầu nguyện cho anh. Mong dịp nào gần đây tôi sẽ cố gắng đến thăm anh.

Chiều 23 tháng 6 cũng năm 2005, nhân dịp đi Thành Phố để tái khám, tôi đã đến thăm anh tại nhà ở Thủ Đức. Tôi gặp anh và có cả bà vợ anh nữa. Vợ anh có lẽ là người Nùng. Anh vui vẻ nhìn tôi và một lát sau, tôi tự giới thiệu, anh nhận ra tôi. Còn bà vợ gọi ngay tên tôi "ông Chung Kontum. "Anh yếu và dường như chỉ muốn ngồi một chỗ. tôi khuyên anh nên chống gậy và đi đi lại lại cho khỏe. Bà vợ cũng khuyên anh như thế. Anh nặng tai, hiểu chậm nhưng vẫn ý thức rõ ràng điều anh

nói cũng như những lời anh nghe. Hai anh em cùng nói chuyện chơi với nhau rất lâu gần tới 45 phút, đề cập đến Cồn Dầu, đến bà con cô bác trong làng. Khi bà vợ vừa ra khỏi phòng, tôi liền nói: "Anh em mình tuổi đã cao, giờ ra đi lúc nào không biết nên tôi đến thăm anh và chúc sức khỏe anh. Chúng ta nên nghĩ đến cõi sau. " Thấy anh không hiểu mấy hoặc nghe cách lạnh nhạt, tôi nói tiếp: "Chúng ta nên nghĩ đến quê hương trên trời. " Sợ anh không hiểu, tôi nói tiếp rõ ràng hơn: nghĩ đến Chúa đấy. " Dường như tự ái phản ứng khá mạnh, anh lấy tay chỉ đến mấy tập báo nói về đảng đang để trên bàn và đưa tay chỉ lên bức tường ngay chỗ tôi ngồi có treo tấm ảnh của anh với tấm bằng 50 năm tuổi đảng và nói: "Tôi chỉ biết đảng, tôi chỉ nghĩ đến tôi và nghĩ đến Đảng thôi. "Thấy câu chuyện đã dài và không đi tới đâu, tôi vui vẻ chào anh và nói: "Chúc anh sức khỏe, tôi nhớ đến anh mỗi ngày và cầu nguyện cho anh. " Anh muốn đưa tôi ra tận xe. Tôi cầm tay anh và đưa anh đi. Theo lời bà vợ, anh không xem tivi, không nghe đài, cũng không còn đọc sách vở báo chí. Tôi nhận thấy trong xóm toàn là nhà các cán bộ và gia đình. Nói theo con người, anh hoàn toàn mù tối về đức tin và không còn chút hy vọng nào. Chỉ hy vọng giờ sau hết. Tôi cảm thấy Chúa giao cho tôi người này. Bà con hay ai khác không bao giờ nghĩ đến vì thất vọng hoàn toàn. Nhưng chắc chắn lời cầu nguyện của Giáo Hội không bao giờ thiếu.)

Ngày 5 tháng 12 năm 2005, ngày tôi đi mừng giáo phận mới lập, Giáo phận Bà Rịa. Và cũng là ngày tôi đi tái khám. Từ Bà Rịa lên Tp. Hồ Chí Minh tôi có tạt ngang qua thăm anh. Thăm lần này có quà nữa. Và có Tứ đi theo. Anh có vẻ khỏe hơn, minh mẫn hơn. có bà vợ ngồi đó. Tôi không để cập gì đến đời sống đức tin. Sau câu chuyện trao đổi với nhau về sức khỏe, sức khỏe của anh và của tôi. Anh vui vẻ và tự nhiên thốt lên cách bâng quơ: không biết giờ chết thì sao hè! Bà vợ cũng là đảng viên liền nói

: thì chết là chết chớ làm sao nữa, chết thì hỏa táng. Tôi liền nói: Có Chúa lo liệu cho anh. Tôi không muốn thêm lời nào sợ bà vợ làm phật lòng anh. Nói xong, tôi bắt tay anh và ra về.

Ngày 12 tháng 6 năm 2006, tôi đi tái khám có ghé thăm anh và có mua quà tặng anh.)

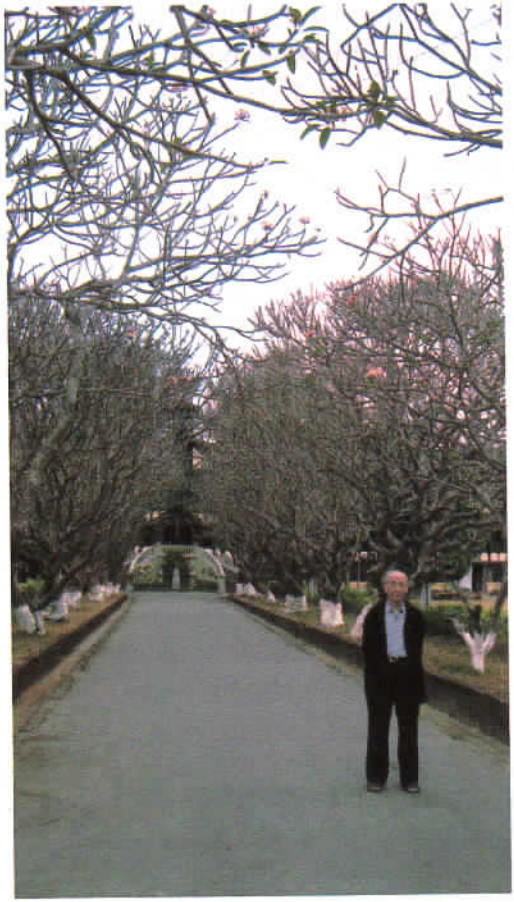

Tại chủng viện Kontum

TIỂU CHỦNG VIỆN THỪA SAI KONTUM, TỪ 1937 ĐẾN 1946

(tiếp tục lai lịch ơn gọi của tôi)

Tôi với Nhứt là người em bạn dì cũng được giới thiệu vào Chủng Viện thừa sai Kontum năm 1937. Đây thật là hồng phúc. Mẹ cha và gia đình rất vui mừng. Tôi nhớ mãi ngày nào đó vào quãng 3 giờ sáng chúng tôi lên cầu Cẩm Lệ đón xe đò từ "Tourane" đi Qui Nhơn, (thời Pháp gọi là Tourane, hay là Hàn, từ ngày phong trào VM 1946 gọi là Đà Nẵng). Mẹ cha thương nhớ ôm lấy tôi và từ giã. Dượng Nhứt, cha của Nhứt cũng là cha đỡ đầu của tôi đưa chúng tôi vô Qui Nhơn và lên Kontum. (Em Nhứt đã thôi Chủng Viện quãng năm 1940 (?), năm 1946 bị VM đưa đi và từ đó biệt tăm)

Cha Bề trên đầu tiên của tôi là Gustave Hutinet, tên Việt là cố Nhì, tên Bahnar Bok Hu. Bấy giờ chúng tôi còn ở bên cánh trái của Chủng viện gọi là Probatorium trường thử.

Thế là tôi bắt đầu ở chủng viện rồi. Lần đầu tiên xa nhà. Nhớ nhà lắm lắm. Chiều chiều tựa cửa sổ nhìn về phía bắc Kontum mới thấy câu ca dao học được lúc nhỏ hiện ra trong trí với tất cả ý nghĩa của nó " Chiều chiều ra đứng ngõ sau ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều"

Càng nhớ mẹ càng cố gắng học hành chứ không trốn học như xưa nữa. Một lần nọ tại hành lang trước nhà cha Bề Trên, ngài hỏi tôi: "Chung ơi, con có siêng năng học hành không?" Tôi đáp: "Thưa cha, con siêng lắm" Nghe tôi trả lời, mấy anh em chủng sinh ai cũng cười. Tôi không hiểu tại sao họ lại cười. "Trai đất Quảng nói thiệt lắm, không có úp mở. "Thật sự tôi rất siêng năng, rất ham học, khác xa với thời bảy, tám tuổi.

Một hình ảnh khác khó quên. Cha Bề Trên rất yêu mến chủng sinh và rất bình dân. Phòng ngài chúng tôi tự do đến đọc sách hay xem hình ảnh, có khi tập nói tiếng Pháp với ngài. Ban đêm quãng 9 giờ, khi mọi người đã yên giấc, ngài lên phòng ngủ của chúng tôi, mùa lạnh để đắp mền vì nhiều khi còn nhỏ dại ngủ mê mền rơi dưới giường. Mùa nóng thì ngài đóng cửa sổ sợ lạnh đột xuất nguy hiểm. Ở Kontum thỉnh thoảng có người chết vì khí hậu thay đổi bất ngờ lúc nửa đêm, nhất là thời bấy giờ rừng còn bao vây sát nhà. Có một lần ngài đi ngang qua giường tôi mền vẫn còn xếp nguyên nhưng không thấy tôi. Chắc là ngài áy náy lắm. Ngài đi tìm khắp nơi. Sau hết ngài xuống nhà nguyện và lên phía bàn thờ Đức Mẹ. Ngài gặp tôi đang ngủ say sưa ở đấy. Sở dĩ có chuyện kỳ lạ này là vì chúng tôi có thói quen sau khi đọc kinh chung ai muốn viếng Đức Mẹ tùy ý. Tôi lên cầu nguyện rồi tại sao nằm ngủ luôn ở đấy mà chẳng hay biết. Hay là vì nhớ nhà nên thích ngủ ở nhà mẹ?

Còn một chuyện ngủ mê nữa. Cũng trong năm 1937 hay 1938 tôi không nhớ rõ, chúng tôi về nghỉ Hè. Từ Kontum về Qui Nhơn, đi xe hơi: riêng Quảng Nam Quảng Ngãi một xe; Bình Định một xe; và các tỉnh phía nam một xe. Tối ngủ chung tại nhà Ông sáu Triêm Qui Nhơn. (Nhà ông Sáu Triêm là nơi được Bề Trên Chủng viện Kontum chọn làm nơi quy tụ để đưa đón chủng sinh lên xuống trong các kỳ nghỉ Hè.) Hôm đó, trên chuyến xe lửa tàu chợ từ Qui Nhơn ra Đà Nẵng có các chủng sinh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam. Đến ga Tri Bình thuộc Quảng Ngãi cách Đà Nẵng 100 cây số, xe dừng lại đổ khách. Tôi xuống đi vệ sinh, trí nửa tỉnh nửa mơ rồi xe chạy mất, tôi vội vã chạy đuổi theo xe nhưng không kịp. Tôi nhớ mãi có hàng trăm người đang cấy cày trong cánh đồng đứng nhìn theo tỏ dấu thương hại. Tôi sợ hãi quá sức tưởng tượng! Dường như có bàn tay vô hình nào đó chỉ tôi vào nhà ông xếp ga. Một cậu bé mà

dám vào nhà ông xếp ga xe lửa cũng lạ! Tôi gặp hai ông bà và trình bày sự việc. Thật hai ông bà tấm lòng quý hóa như cha như mẹ. Bà dọn cho tôi một mâm kẹo đậu và bảo tôi cách dễ thương: "Con ăn rồi ngủ đi. Ông bà sẽ 'đánh dây thép' (điện báo) cho người ở Trà Kiệu chiều nay sẽ đi Xe Suốt vô đem con về." Lúc đó quãng 10 giờ sáng. Đúng thế vào lúc 4 giờ rưỡi chiều có anh Minh chủng sinh lớp lớn Trà Kiệu theo Xe Suốt vào đem tôi về Trà Kiệu trên chuyến tàu lửa khác. Hôm sau có dượng Nhứt vô chở xe đạp về Cồn Dầu. Cồn Dầu cách Trà Kiệu gần 38 cây số. Tới cầu Cẩm Lệ thì tôi thấy mẹ tôi chờ đó rồi. Bà nửa khóc nửa cười ôm hôn tôi lia lịa. Hôm đó là Lễ Thánh Phêrô Phaolô Bổn Mạng tôi vì lúc đi ngang qua Họ Mỹ Xuyên tôi thấy có cờ xí treo linh đình, hỏi Dượng thì biết hôm đó là lễ các Ngài. Câu chuyện này đã xảy ra cách đây sáu mươi mấy năm nhưng tôi vẫn nhớ mồn một từng chi tiết. Tôi cảm động biết ơn vì có bàn tay nào đó che chở tôi bình yên, thời bấy giờ liên lạc rất khó nhất là lúc tôi mười một mười hai tuổi, nào có xông xáo gì đâu.

Năm 1938, tôi lãnh nhận Bí Tích Thêm Sức do tay Đức Cha Martial Jannin tại Kontum. Thầy Jerome Thiệt Phường Nghĩa là bõ đỡ đầu. Có một thời gian tôi thường đi xưng tội với Đức Cha Jannin. Chủng viện cho phép ngày thứ bảy đi xưng tội với một cha nào trong các sở họ tùy ý vì chủng viện không có cha nào khác ngoài cha Bề Trên.

Thời gian này, có Hoàng Đế Bảo Đại và Nam Phương Hoàng Hậu đến Kontum. Bảo Đại thăm Chùa Bác Ái. Hoàng Hậu ghé thăm các trung tâm từ thiện và Chủng viện. Đức Cha Jannin đọc bài chúc mừng bà tại phòng học chung. Sau đó bà mỉm cười nghiêng mình chào chúng tôi và thinh lặng đi ra với Đức Cha. Thời đó vua chúa không quen ngỏ lời với lê dân! Bà Hoàng Hậu người cao đẹp, thùy mị dịu hiền.

Theo lời người ta nói bà Nguyễn Hữu Hào mẹ của cô Nguyễn Thị Lan (tức bà Hoàng Hậu tương lai) là ân nhân chủng viện Kontum. Có lần bà Nguyễn Hữu Hào lên bày tỏ nỗi niềm đau xót của bà với cha Hutinet về vấn đề hôn nhân giữa con bà với Bảo Đại. Bảo Đại là người lương, Hoàng Hậu là người công giáo phải có phép chuẩn và phép chuẩn với điều kiện con cái phải được rửa tội mà vua thời bấy giờ đâu có dễ dàng cho con được rửa tội, nước "Annam" thời bấy không thể chấp nhận một vị vua có đạo Công giáo tôi suy đoán như thế thôi, không dám đi sâu vào vấn đề này vì tôi không rõ sự việc thời bấy giờ. Sau hết chắc Đức Cha Dumortier Giám mục Sàigòn đã chuẩn. Trên đây chúng ta thấy Bảo Đại chỉ ghé thăm Chùa Bác Ái chứ không đến thăm các trung tâm công giáo.

(Năm 1998, lúc tôi ở Paris, có một bà người Pháp đến thăm tôi, bà tự động nói với tôi về bà Nam Phương Hoàng Hậu và hết lời khen ngợi Hoàng Hậu. Bà nói: Bà Hoàng Hậu sống ở Cannes như một bà thánh. Bà yêu thương và năng thăm viếng giúp đỡ những người khó nghèo cô đơn. Có lẽ bà đã chết trước đó mấy chục năm rồi thời Ông Ngô đình Diệm làm Tổng Thống, nhưng họ vẫn nhớ đời sống gương mẫu của bà. Năm 1988 là năm phong thánh các vị tử đạo Việt Nam, Bảo Đại đã trở lại Đạo công giáo và yết kiến ĐGH GP đệ nhị, tôi chỉ nghe nói thế chưa có dịp kiểm chứng.)

Những năm ở Chủng viện, những ngày Lễ Bổn Mạng Chủng viện, Bề Trên tổ chức rất trọng thể. Lễ Trái Tim Chúa Giêsu, lễ thánh Phanxicô Xavie, lễ thánh Têrêxa Hài Đồng Giêsu. Sau cơm tối có rước kiệu đi quanh các sân banh, đèn nến sáng rực trời.

Năm 1939 tôi còn ở Probatorium và đang học lớp Septième, Sixième gì đó. Tôi nhớ rõ năm ấy Đức Piô XI qua đời.

Đang khi cha Bề trên Hutinet dạy lớp tôi được tin đó, thì ngài quỳ sụp ngay tại chỗ đọc kinh De profundis (Ớ Chúa tôi, tôi ở chốn thẳm sâu). Và tiếp đấy Đức Piô XII lên ngôi kế vị và cũng là năm bắt đầu thế chiến thứ 2 giữa Đức - Pháp và đồng minh.

Hè năm 1940, tôi xin phép ở lại Chủng viện, không về quê như các anh em khác. Tôi không rõ vì lý do nào mà tôi xin ở lại đang khi đó tất cả đi nghỉ hè. Có lẽ tôi thích ở lại để có dịp tập đi xe đạp? Đức Cha Jannin qua đời vào kỳ hè này và tôi dự lễ an táng Ngài. Tôi nhớ có mấy tiểu đội lính theo hầu linh cửu, chắc ngài được tặng huy chương Légion d'honneur vì ngài rất có công với miền đất Kontum. Ngài là vị giám mục sống rất nghèo khó và mến thương người dân tộc. Phòng ngủ ngài rất đơn sơ, giường ngài là hai tấm ván. Chủng viện Kontum là công trình kiến trúc của chính ngài. Bàn thờ Nhà nguyện thừa sai với những đường nét và Kinh Lạy Cha chính tay ngài chạm trổ, rất công phu và nghệ thuật. Ngài có chiếc xe Citroen danh tiếng. Có lúc chạy trong rừng bằng bánh xe gỗ. Tiếng xe chạy dưới phố trên chủng viện vẫn nghe.

Cha Bề Trên tiểu chủng viện lúc đó cũng là Bề Trên giáo phận, cha JB Décrouille. Ai cũng hướng về ngài và đoán sẽ là giám mục tương lai. Tôi nhớ mãi lời ngài nói với tôi: "Con cầu nguyện cho cha khỏi làm Giám Mục, nếu được như ý muốn, cha hứa sẽ đóng bàn ghế cho nhà nguyện." Ngài sợ làm Giám Mục lắm. Ngài đã được như ý. Lúc bấy giờ tôi mười bốn tuổi. Không rõ tôi có cầu nguyện cho ngài hay không, nhưng chắc chắn là tôi mến ngài lắm. Ngài đã giữ lời hứa và đóng bàn ghế nhà nguyện còn đang dùng bây giờ, trước kia ngồi bệt xuống sàn ván. Ngài sợ làm giám mục, dần dần sau này tôi đoán chừng rằng thời buổi bấy giờ Giáo phận rất ít Linh mục, giáo dân thì đông và ở rải rác khắp nơi lại thêm đau ốm liên miên nên trách nhiệm giám mục đầy lo âu...

Cha Bề Trên JB Décrouille là một trong những vị Linh mục để lại cho tôi nhiều ấn tượng đẹp về đời sống Linh mục. Ngài rất đạo đức và đặc biệt có lòng sùng kính Đức Mẹ. Hằng năm mỗi khi tháng Mẹ sắp đến, thay vì các cha huấn đức 15 phút cho các chủng sinh theo thông lệ thì ngài yết danh sách những chủng sinh lớp lớn thay phiên nhau trình bày về Đức Mẹ. Ngài có cả tủ sách bằng tiếng Pháp đa phần sách về Đức Mẹ, ai muốn tra cứu và chuẩn bị đề tài của mình tùy ý. Những sách thiêng liêng mà tôi đọc đầu tiên xuất phát từ tủ sách riêng của ngài. Thời bấy giờ tiếng Việt chưa có sách bao nhiêu.

Ecole apostolitque de Kontum - Mai 1938

Đức Cha Sion Khâm, Bề Trên Dòng Thánh Yuxe tại Bình Định được bổ nhiệm giám mục kế vị Đức Cha Jannin Phước. Thế là cha Bề trên của tôi thoát khỏi gánh nặng giám mục như lòng

ngài cầu xin và mong muốn. Đức Cha Sion là con người tính khí hiền dịu, vui vẻ, ăn nói chậm rãi. Có thời gian ngài huấn đức cho chủng sinh và dạy học cho lớp tôi nữa. Tôi vẫn còn nhớ bài hát bằng tiếng Pháp mà cha Louison, cha sở Phường Nghĩa đã sáng tác để chủng sinh chúc mừng ngài:

"Tout Kontum est en liesse,

On va, on vient, on s' empresse.

Vive Monseigneur Sion"

Tôi xin tạm dịch:

Giáo phận Kontum vui sướng tràn ngập,

Kẻ qua người lại tấp nập

Vạn tuế Đức Cha Sion.

- Năm 1944, có một ngày, sau bữa ăn sáng, vì đá banh hăng quá nên tôi bị hernie étranglée, thiên trụy, ruột sa, đau quá sức tưởng tượng, cha Bề trên vẫn là cha JB Décrouille - cũng là tay y tá có tiếng khám phá cần phải đi bệnh viện mổ gấp, nếu quá vài tiếng đồng hồ thì không còn hy vọng. Đúng như thế, tôi được chở xuống bệnh viện vào ngay phòng cấp cứu, hai bác sĩ Pháp, một dân sự và một bác sĩ Trung Đoàn đã mổ tôi. Quãng 9 giờ sáng họ gây mê bằng cách cho hít một cục bông có thấm thuốc mê. Hít lần thứ ba thì không còn thấy thiên địa gì nữa. Ông Y tá lúc đó là Thầy Kiên người Nghệ An, ông bảo tôi: " Em hịt vào, hịt mạnh vào nghe không" và đến bốn giờ chiều tôi mới tỉnh lại. Quãng mười ngày sau tôi đã rời bệnh viện để về chủng viện. Anh em ai cũng bảo tôi may mắn quá, nếu không thì đã đi chín suối rồi. Lúc ở bệnh viện chiều chiều sáng sáng vào thăm tôi, ông bác sĩ dân sự đã mổ tôi là một người tin lành rất dễ thương thấy tôi lần nào cũng mỉm cười biết ơn nên có lần ông nói với những người y tá cùng đi với ông : "Voilà le spectacle du

séminaire. " Ông muốn nói, chủng viện vui như thế đó.

Chương trình học tiểu chủng viện thời bấy giờ rất thiếu sót, chắp vá, Pháp không ra Pháp, Việt không ra Việt, thiếu giáo sư chuyên môn, hoặc có nhưng không thường xuyên lại thêm tình hình chính trị lúc bấy giờ xáo trộn liên tục. Năm 1944, lớp tôi thi Certificat d'Etudes primaires complémentaires. Sau đó có người thi Brevet (BEPC) sau khi chủng viện giải tán.

Năm 1945 là thời gian duy nhất chúng tôi hát liên tiếp trong cùng một năm bốn quốc ca theo thời gian thay đổi chế độ: Việt, Pháp, Nhật, VM:

"Dậy dậy mở mắt xem hoàn châu, " (thời Bảo Đại)

"Allons, enfants de la Patrie. "

"Kimi gayowa?"

"Đoàn Quân Việt Nam, "

Thời đó có lúc sinh hoạt chung tại sân vận động, các học sinh bắt buộc phải hát quốc ca.

Đầu năm, Pháp đem từ Đà Nẵng lên Kontum ba tiểu đoàn và đại bác 75 túc trực dọc sông Dak Bla để hãn ngữ. Nhưng nghe tin Nhật sắp tấn công thì bao nhiêu tiểu đoàn Pháp đã bỏ chạy. Các kho lương thực vật liệu quân đội Pháp mở toang hoang, ai muốn khuân vác hoặc lấy gì tùy ý. . .

Nhật chỉ đến với một xe GMC thôi và chiếm cả Kontum. Được tin họ đến thăm chủng viện, Cha Décrouille và Curien ra cổng đón vào nhà. Họ vào chủng viện soát lục các phòng. Tôi nhớ cha Curien giao cho họ mấy khẩu súng loại mauser năm 1870. Để tỏ thiện chí đây chỉ là loại súng cũ kỹ dùng trong việc săn bắn, ngài lên cu - lách cho thấy không có đạn thì viên sĩ quan Nhật nhào tới giựt lấy khẩu súng ngay!

Đức Cha Sion, các cha Pháp cũng như tất cả kiều dân Pháp bị Nhật quản thúc tại nhà ngủ chủng viện phía Probatorium. Riêng cha Bề Trên Décrouille già yếu nên tôi xin Nhật cho ngài ở phòng riêng của ngài. Mỗi buổi sáng tôi đưa ngài đi làm lễ, có hai lính Nhật đứng hai đầu bàn thờ canh phòng. Vốn liếng tiếng Nhật của tôi vừa đủ trao đổi những gì cần thiết, dù vậy họ nể tôi. Hôm nay chỉ còn nhớ vài tiếng thôi. Cha Lưu Phương cũng thường giao dịch với người Nhật bằng cách viết chữ Nhu. Chữ Nhu viết ra thì người Tàu Nhật Đại Hàn hay Việt Nam đọc và có thể hiểu nhau. Hễ gặp người Nhật thì ngài vội vàng ngồi xuống viết trên đất ít chữ thì hai bên cười khà có vẽ khoái trá lắm. Sau thời gian ngắn, Đức Cha và các cha Pháp cũng như kiều dân Pháp tất cả được đem đi Nha Trang.

Lúc đó cha Simon Thiệt làm giám đốc chủng viện. Để dễ bề sống với quân đội Nhật, ngài đã tiếp rước long trọng các sĩ quan Nhật đến thăm chủng viện. Bấy giờ quốc ca Nhật được tập nhiều ngày và bốn bè hát rất hùng hồn vừa ý các quan Nhật! Họ hứa sẽ giải phóng và đem lại tự do cho vùng Đông Nam Á! Cửa chủng viện có lính canh phòng rất cẩn mật, thời gian các cố và các kiều dân Pháp bị tạm giam. Ai đi ngang qua thì bắt buộc phải cuối đầu chào các ông lính Nhật! Ai không tuân thì họ tới đè đầu xuống bắt phải chào. Không phải tất cả người Nhật nào cũng ngạo mạn như vậy đâu. Thời bấy giờ ai cũng đồn đại lính Nhật hay hãm hiếp đàn bà. Vì thế các cô các bà Phường Nghĩa lúc đi ngang qua chủng viện để xuống chợ có người mặt mũi bôi lọ! Có điều này lạ, khi nghe tiếng máy bay từ rất xa, toán lính vừa nói chuyện với nhau thì trong chốc lát không còn thấy bóng một tên nào nữa. Họ chui vào các bụi rậm rất lanh và rất tài tình. Nếu nhìn kỹ thì thấy họ nằm ngửa và chĩa súng lên trời luôn sẵn sàng trong tư thế chiến đấu với máy bay. Có lần một viên sĩ quan với một thông dịch viên người Việt đưa tay chỉ về phía ảnh Đức

Mẹ và nói với tôi: "Bà này là người Pháp ở thành Lourdes, đừng có thờ bà nữa. "Tôi trả lời: "Xin lỗi ông, nói đúng hơn, Bà là người Do thái chứ phải người Pháp đâu. Dù Bà là người Do Thái có hiện ra ở Lourdes, Bà vẫn là Mẹ Thiên Chúa, là Mẹ của chúng tôi. Đây là vấn đề tôn giáo của chúng tôi có liên quan gì đến các ông đâu. " Họ làm thinh.

Một đêm, đang khi các chủng sinh ngủ, thì lính Nhật bắt ông Sứ, người đứng đầu cai trị tỉnh Kontum, lên gác nhà ngủ lớn của chủng sinh để tra hỏi quân đội Pháp đã trốn đâu. Ông Sứ trước sau như một trả lời: "Moi civil moi pas connaitre" – Tôi là dân sự, không biết gì.

Nhưng quân đội Nhật chỉ làm chủ tình hình Kontum quãng non non vài tháng, sau đó họ âm thầm rút lui cũng như trước đây đã âm thầm xuất hiện.

Tiếp đó Phong trào VM vùng lên với những cuộc biểu tình, mít tinh rầm rộ rồi tuần Lễ Vàng, rồi phái đoàn trung ương từ Hànội đến có cha Phạm bá Trực, tôi nhớ mãi ngài vì ngài có hàm răng đen. Tôi nhớ mang máng Chủng viện chỉ còn lại duy nhất lớp tôi, lớp lớn hơn hết với 9 người. Theo chương trình thời bấy giờ gọi là lớp Văn chương. Các lớp khác dường như đã giải tán vì hết gạo. Chúng tôi rất hăng say với phong trào VM. Bao nhiêu các lá cờ Pháp được tháo mở và dùng vào việc khác, chỉ trừ mảnh vải đỏ được giữ lại và may cờ Viêt Minh. Chúng tôi đã khâu và may nhiều lá cờ khổng lồ 2 x 4m. Lá cờ lớp tôi lớn nhất Kontum. Lớp tôi lúc đó rất hăng say với phong trào VM, nhất là có hai cậu người Vinh, thuộc quê bác tên là Ngọc và Minh thuộc Dòng Phanxicô xin nhập lớp tôi từ Quatrième.

Cha Lưu Phương (người Vinh) ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên. Ngài nhờ lớp tôi viết giấy cổ động. Ai cũng tìm lông gà để viết hàng mấy trăm mảnh giấy và dán khắp nơi tại

Thị xã Kontum: "Linh mục Lưu Phương ra ứng cử đại biểu Quốc hội. Yêu cầu dồn phiếu cho Linh mục." Ngài đã đắc cử vẻ vang, một trong ba đại biểu Quốc hội tại Kontum, khóa đầu tiên. Lúc bấy giờ có ba Linh mục người Vinh hoặc Hànội gì đó trước kia đã bị Pháp giam tại ngục Kontum hoặc ngục Đak Glei được giải phóng để về quê. Các ngài có ghé vào chủng viện thăm chúng tôi. Các ngài đơn sơ vui vẻ đạo đức đã để lại một lời mà tôi vẫn còn nhớ mãi: "Các con hãy cầu nguyện cho Hội thánh." Tôi bắt đầu suy nghĩ. Có cái gì sâu xa ẩn giấu trong lời nói đó. Càng suy nghĩ càng thấm thía cho đến hôm nay 80 tuổi già lời nói đó vẫn còn in sâu trong tâm trí tôi.

Lúc đó dường như phong trào VM có ý kiến nhờ Cha Lưu Phương tổ chức một cuộc biểu tình anh em Dân tộc để kêu gọi đứng về phía họ. Đúng thế, thật là cuộc biểu tình vĩ đại, rầm rộ, khí thế, trong đời tôi chưa bao giờ thấy. Từ chợ kéo xuống nhà thờ chính tòa theo đường Nguyễn Huệ và Đào duy Từ rồi vòng lên Trần Hưng Đạo, vai mang ná, tay cầm đao để rồi tập trung tại sân vận động. Tiếng hô khẩu hiệu vang trời. Những người dẫn đầu cuộc biểu tình đã tới sân vận động nhưng đuôi vẫn còn trước nhà thờ Tân Hương. Sân vận động trước kia là chợ bây giờ. Lần đầu tiên tôi chứng kiến một đám đông biểu dương lực lượng như thế này, dài cả cây số. Theo như cái nhìn của tôi, nhiều người chỉ huy phong trào VM lần đầu tiên thấy một lực lượng vĩ đại đâm ra lo sợ. Sân vận động biến thành một biển người đầy ắp. Tiếp đến là bài thuyết trình. Cuộc biểu tình càng khí thế bao nhiêu thì bài thuyết trình càng nảy lửa bấy nhiêu. Ông Hà Lượng quê Quảng Nam, có người bảo ông ta trước đây đã giúp cố Hiền (?), giọng nói vang dậy dường như khắp Thị xã Kontum ai cũng nghe, mặc dù bấy giờ chưa có máy phóng thanh. Mỗi lời nói kèm theo cú đấm như làm cho bầu không khí rung chuyển; "dù thằng Tây, dù thằng Nhật có tới đây cũng không thoát được sức

mạnh hùng hậu của chúng ta..." Nhưng rồi sau tuần lễ vàng thì không còn thấy bóng ông ta nữa.

Có một lần một người trong lớp tôi tọc mạch thử hỏi một anh bộ đội người dân tộc Ba Tơ để biết anh lương tháng bao nhiêu. Câu trả lời của anh thật hùng hổ làm cho người hỏi cảm thấy thèn thẹn: "Đi lính cho tổ quốc mà lương với lậu gì?"

Anh em chủng sinh chúng tôi vì lâu ngày không còn liên lạc được với gia đình ở xa nên sống rất chật vật, quần áo hết mà gạo cũng không còn. Tôi nhớ có người nào đó đã lâu tháng mà không bao giờ biết tới lát thịt heo nên thèm quá sức, thật tội nghiệp! Ngày ngày chúng tôi trồng khoai, tối ngủ chỉ bận quần đùi, vì áo lót giặt chưa kịp khô. Nhưng chiều nào sau giờ lao động cũng không quên xuống ngã tư Thị xã nghe tin tức. Cả tỉnh Kontum chỉ có một đài duy nhất, đến giờ thì họ quay máy điện để nghe. Nhất là những trận giao tranh với quân đội Pháp.

Rồi sau hết cũng đến ngày phải giải tán chủng viện. VM ra lệnh tiêu thổ kháng chiến vì sợ có nguy cơ quân Pháp trở lại Kontum. Tiêu thổ kháng chiến có nghĩa là các nhà to cửa lớn và cầu cống phải phá tan bình địa cũng như dân chúng phải tản cư để địch quân đến không còn cơ sở hoạt động. Nhiều lần Chính quyền VM tỏ ý muốn đặt bom tất cả các nhà thờ và chủng viện là những cơ sở tôn giáo lớn nhất thời bấy giờ tại Thị xã Kontum. Nhưng cha Lưu Phương đại biểu Quốc hội đã mạnh dạn can ngăn. Ngài trình bày nếu san thành bình địa những di tích lịch sử và tản cư người kinh thì ngoại quốc sẽ viện cớ vùng Tây Nguyên là đất người Thượng như thế sẽ không còn chỗ đứng sau này cho Việt Nam nữa. Đấy là một trong nhiều lý do cha Lưu Phương đã lên tiếng với Chính quyền VM. Cha Simon Nguyễn Diện (người An Ngãi) lúc đó là Bề Trên Giáo phận cũng đã có ý kiến như thế với Chính Quyền Việt Minh.

CHỦNG VIỆN GIẢI TÁN

(về sống tại Cồn Dầu từ 1946 đến 1948)

Lớp tôi mạnh ai nấy tìm đường về quê. Trước hết phải xuống Qui Nhơn rồi sau đó có tàu lửa để phân tán kẻ bắc người nam. Vinh có hai cậu, Ngọc và Minh; Huế có thầy Phạm văn Lộc, sau này là giám mục Kontum. Quảng Nam có anh Nguyễn bá Tòng và tôi, đa số Bình Định, còn lại là Nha Trang Phanrang. Xe hơi rất hiếm. Phải đốt than thổi lửa ba bốn tiếng đồng hồ mới chạy được. Các bạn lớp tôi kể như tất cả từ đó không còn hy vọng trở lại chủng viện nên có lẽ đã lập gia đình. Riêng anh Étienne Võ hữu Hạnh người Bình Định qua Pháp học tại Đại chủng viện Strasbourg nhưng rồi cũng ra lập gia đình với một người Pháp. Anh ta thật là người khoa bảng hiếm có.

(Năm 2005 cha Nguyễn văn Úy nguyên giáo phận Kontum nay nhập giáo phận Ban mê thuột quen biết ông Hạnh và học riêng với ông cho biết ông ta đã đỗ sáu tiến sĩ và viết nhiều sách tiếng Pháp.)

Ngày 22 tháng 4 năm 1946 tôi đã có mặt tại Cồn Dầu. Giáo Xứ Cồn Dầu lúc bấy giờ không có cha sở. Trước đây, thời cha Nguyễn văn Chánh, có hai dì phước Gò Thị, bà Candide, (dì Thơm) và Berthe (dì Điệp) đến giúp. Cha Chánh đi năm 1943, hai dì này cũng đổi, thì có Frère Jacques Dòng thánh Yuxe đến thay thế nhất là để phụ

Thăm dì Berthe tại Gò Thị

trách vấn đề lúa má. Thời bấy giờ có một lúc trên nguyên tắc, mặc dù cách Phú Thượng mười lăm hai chục cây số, Cồn Dầu vẫn trực thuộc Giáo Xứ Phú Thượng vì đồng lúa Cồn Dầu một phần thuộc Cô Nhi và Xứ Phú Thượng nên cha sở Phú Thượng kiêm cả mục vụ luôn. Tôi nhớ mang máng như thế vì mỗi lần nghỉ Hè, nếu Cồn Dầu không có cha thì với tư cách chủng sinh phải lên tận Phú thượng để thăm cha sở. Đi lễ Chúa nhật thì xuống Đà Nẵng chỉ cách xa bốn cây số.

Năm 1946 lúc tôi về Cồn Dầu, thì quân đội Pháp đóng tại Đà Nẵng. VM và quân đôi Pháp hai bên "cùng sống chung hòa bình. "Tình trạng này không kéo dài được. Hai bên lườm nhau. Nhiều đường phố VM đã dựng lên những "Lôcốt", ụ đất, công sự để bảo vệ. . .

Thời gian ở Cồn Dầu tôi tập hát hoặc dạy xưng tội rước lễ vỡ lòng cho các em trong Xứ, dạy Bình Dân Học Vụ (xóa mù) và làm việc để giúp gia đình. Những ai chưa biết chữ phải cố gắng đi học mỗi chiều. Cha mẹ tôi rất vui mừng vì có dịp phục vụ cho giáo xứ. Chính Quyền VM có biện pháp để tất cả người dân phải biết đọc biết viết. Có nhiều ngày đi Đà Nẵng, nhất là ngày Chúa nhật, phải qua nhiều trạm, mỗi trạm có giăng dây và có bảng viết một ít chữ cái, ai đọc được thì cho đi, những ai mù chữ thì phải ở lại học cho đến bao giờ thuộc mới được tiếp tục đi.

Tôi nhớ có một hoặc hai người bà con có sự hiểu biết về tôn giáo hơi nông cạn thường bàn ra tán vào để tôi thoái chí nản lòng khỏi phải bồn chồn chờ mong chủng viện mở cửa. Nhất là họ dựa vào Tin Mừng để chủ trương rằng đời tu có phần phiêu lưu mạo hiểm. Nghĩa là nếu tu không thành thì bấy giờ "cuốc đất không nổi, ăn mày hổ ngươi". Đời bấy giờ Tin Mừng này được đọc mỗi năm một lần vào ngày Chúa nhật nên ai cũng thuộc làu. Có lẽ họ có thiện chí thôi. Tôi chỉ mỉm cười. Tôi nghĩ

đâu có thể áp dụng dễ dàng lời Tin Mừng của Chúa như thế. Theo mạch văn, đây là tâm trạng của người quản lý bất lương. Khi chúng ta có thiện chí đi tu để làm việc cho Chúa, nếu không thành thì Chúa đâu có loại bỏ đến độ phải chết đói. Có người bênh vực tôi và nói: Coi cậu ta đó thì biết. Cậu ta còn trong tình trạng tu trì dở dang, nhưng có khả năng làm những việc mà người khác không làm được! Người ấy nhắm đến tôi và bênh vực tôi.

Tôi vẫn nhận định lúc này là thời gian chờ đợi chủng viện mở cửa lại. Cha mẹ tôi và tôi những ước mong như thế. Nhất là mẹ tôi theo sát tôi từng ly từng tý trong việc học hành cũng như trong việc sống đạo. Tôi cố gắng trao giồi trí thức. Tôi tìm sách để học tiếng Anh. Tôi nhớ đi khắp Thành phố Đà Nẵng để tìm một quyển sách tiếng Anh nhưng vẫn không thấy. Thời gian này anh Nguyễn đình Chiểu làm phó Chủ tịch Xã. Anh nhập phong trào VM khi còn đang đi giảng Phường Quý Kontum. Có thể nói anh là con người rất say mê phong trào Cách Mạng. Đọc kinh dâng Lễ và các việc đạo hạnh khác đối với anh không còn ý nghĩa gì nữa. Anh trên tôi ba lớp.

Bấy giờ có lệnh đập thành Quảng Nam, vì sợ nếu địch chiếm được thành thì quân ta khó bề tấn công. Chiều quãng 4 giờ thanh niên nam nữ tập trung kéo nhau đi, trong đó có tôi nữa. Thành Quảng Nam xa cách Cẩm Lệ trên 20 cây số. Tôi suy đoán tình hình sắp xoay chiều.

Đúng như thế, cuối năm 1946, thì hai bên Việt - Pháp đã đến giờ không còn "sống chung hòa bình" được nữa. Tôi nhớ như tối ngày 22 tháng 12 cũng năm 1946 thì tiếng súng bắt đầu nổ inh ỏi tại Đà Nẵng. Đêm hôm đó tại Cồn Dầu bão to gió lớn. Thật một đêm kinh hoàng. Quãng 10 giờ đêm tôi nghe tiếng thét la trong nhà Xứ. Nhà tôi cách nhà xứ quãng hơn 200

thước đường chim bay. Tôi vội xách đèn vào xem cơ sự. Quân du - kích Xã bao vây nhà Frère Jacques, (người ta thường gọi là thầy Đặng An). Tôi đoán không sai, chắc là Thầy bị đập bị đánh gì đây. Tôi tìm hiểu sự việc nhưng không được ai trả lời, trái lại du kích cầm quả lựu đạn chĩa vào mặt tôi hằm hằm đuổi tôi về. Từ đêm đó tôi mới bắt đầu hiểu thế nào là bắt cóc. Tôi lủi thủi r về. Sáng hôm sau công an còn đến tra hỏi dân làng tại sao mộ công dân biến mất mà không ai báo cáo. Sau này tôi mới nghe tin thầy bị chặt làm ba khúc. Tôi không rõ vì lý do nào thầy b giết. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn lấy làm lạ tại sao qua những biến cố kinh hoàng đó mà tôi vẫn an toàn vì thầy Jacques l thầy sở của tôi và tôi luôn luôn phục vụ giáo xứ bên cạnh thầy Bây giờ có lúc tôi mới hồi tỉnh lại tại sao bấy giờ tôi gan dạ nh thế!

(Frère Jacques trước kia làm giám Thị Chủng viện Kontur trong những năm đầu. Trong thời bình sau này cha Nguyễn hữ Mừng đã đem xác thầy về mai táng tại nghĩa địa Cồn Dầu.)

Cầu xe lửa và cầu Cẩm Lệ bị gài mìn sập hoàn toàn. Tiến súng bắt đầu nổ khắp nơi. Cũng may là các máy bay của Phá chưa thấy xuất hiện.

Hình chụp với cha Nguyễn Hữu Mừng năm 1964

Tôi nhớ một bu chiều nào đó sau ngày 2 tháng 12 từ bên kia bế đò Xu Quân đội Pháp bắ xối xả như vãi đạn trê làng Cồn Dầu. Lần đầ tiên nghe tiếng súng đạ ai cũng kinh hoàng và s Pháp đột nhập không bi lúc nào nên có lệnh tản c

gấp.

Cha mẹ tôi thuê ghe chở lúa và những vật dụng cần thiết từ bến đò Toản Trung Lương vào Mỹ Xuyên, cách Cồn Dầu trên hai chục cây số, dưới Trà Kiệu quãng mươi cây. Hai Nhứt anh em bạn dì với tôi biến đâu mất trong những ngày hỗn loạn đó, cho đến bây giờ cũng không ai rõ. Có tin đồn họ đã bắt em. Trong lúc tôi đi ghe vào Mỹ Xuyên có du kích Xã lục soát vật dụng của tôi trên ghe, trong đó có nhiều sách vở. Họ bắt gặp được trong các quyển sách của tôi có hình Đức Mẹ. Anh ta mới nói: "Đời bây giờ mà còn thờ kính Bà này" Tôi trả lời: " Đấy là Mẹ của tôi thời nào tôi cũng tôn kính chứ có liên quan gì đến ai đâu. " Thấy tôi trả lời mạnh dạn, họ để ghe tôi đi.

Qua những câu chuyện về Đức Mẹ trên đây, tôi nhận thấy tôi có duyên nợ gì đây với Đức Mẹ. Trên kia đã có lần tôi ngủ say mê dưới chân Đức Mẹ tại nhà nguyện chủng viện. Tiếp đến viên sĩ quan Nhật và anh thông ngôn đặt vấn đề thờ kính Đức Mẹ và hôm nay anh Du kích Xã lục soát ghe tôi thấy có ảnh Đức Mẹ cũng tra gạn. Tôi cảm thấy sung sướng được có dịp bênh vực Mẹ. Bây giờ đây khi viết lại nhưng dòng này tôi mới thầm nhủ rằng chính Mẹ đã bảo vệ mạng sống ơn gọi của tôi. Tạ ơn Mẹ vô vàn!

Tại Mỹ Xuyên tôi ở nhà ông Quý bà Mười dạy giáo lý cho các em. Đây là họ nhánh của Trà Kiệu, các em lớn 16, 17 tuổi nhưng chưa được rước lễ vỡ lòng. Một trong những người đó còn lại là ông y - sĩ Đào, (ba của Bác sĩ Vinh ở Gia Lai.) Hiện giờ tiệm bán thuốc của ông trên đường từ Ngả ba Nam Phước lên Trà Kiệu.

Tại Mỹ Xuyên, mỗi ngày Chúa nhật phải cuốc bộ lên Trà Kiệu dự lễ. Nghỉ chân và dùng bữa tại nhà Bà Biện Tiếp, và cô hai Lực, mẹ cha Minh bây giờ. Tình hình tạm yên ổn. Thỉnh thoảng

mới thấy đôi ba chiếc máy bay thám thính của Pháp lượn qua lượn lại khạc mớ đạn rồi đi. Không ai bắn trả.

Có lần tôi đi Vân Đỏa thăm cha già Chánh. Sau khi ở Cồn Dầu, có lẽ ngài được bổ nhiệm vào biển. Từ Mỹ Xuyên vào đấy quãng 30 cây số. Phải cuốc bộ. Thời buổi đó xe đạp vẫn còn hiếm.

Đức Mẹ Trà Kiệu

Tôi ở Mỹ Xuyên từ đầu năm 1947. Tháng 4 năm ấy thì có các cán bộ từ Tỉnh về tập họp dân chúng tại sân nhà thờ Trà Kiệu và ban lệnh gọi là"lệnh hồi hương". Nội dung cuộc họp tuyệt nhiên tôi không còn nhớ chút nào. Ai cũng vội vã kéo nhau về quê và thầm nghĩ rằng rồi đây sẽ được yên ổn làm ăn. Đường về quê đầy nhưng giai đoạn nguy hiểm, ban ngày sợ máy bay, ban đêm phải cẩn thận nếu không thì lọt vào ổ phục kích lính Pháp hoặc đi ngang qua các đồn lũy của họ thì chết cả đám.

Về nhà thì cũng chưa thấy yên. Làng Cồn Dầu có lệnh tổ chức tự vệ. Lệnh của làng chứ không phải của Chính Quyền nào. Ai cũng phải đi canh gác. Vào quãng tháng tư tháng năm, VM tấn công và gặp ai bắt nấy, giận cá chém thớt vì đa số đã

tẩu thoát. Cha tôi và em Diệm cũng như một ít thiếu niên 12, 13 tuổi, Chương con cậu Mỹ, Tam con dì Nhứt và nhiều người khác bị bắt trong hoàn cảnh này vào quãng tháng tư hay tháng năm năm 1947. Thời gian này tôi đang ở Đà Nẵng để kiếm công ăn việc làm. Những tháng ngày này thật đau xót cho gia đình nhất là mẹ tôi, mẹ đội áo em Diệm đi thất tha thất thểu như người mất trí trong vòng mấy năm trời không nguôi.

Sau một thời gian ở rừng núi Tiên Phước, em Diệm được VM cho về. Tôi đoán, tôi chỉ đoán thôi, dù sao họ cũng còn chút nhân đạo, nỡ nào đi làm khổ cho một em gái vô tội mười lăm mười sáu tuổi. Em đã ghé Trà Kiệu thăm chị và chị nghĩ rằng mẹ ở nhà nhớ em quá sức tưởng tượng rủi có gì xảy ra cho mẹ thật tội nghiệp nên vội bảo em về. Chị tưởng rằng từ rừng núi Tiên Phước cuốc bộ về đây bình an vô sự thì từ Trà Kiệu về Cồn Dầu không đến nỗi nào. Nhưng chẳng may khi em về gần tới làng Trung Lương thì một người nào đó nhận ra em là người Cồn Dầu bị bắt trước kia, nên báo cáo cho VM. Thế là họ lại bắt em. Thật là chiên lành gặp thú dữ.

Chụp chung với chị Hai và các cháu tại đền Đức Mẹ Trà Kiệu

Hôm nay là chiều ngày lễ các thánh nam nữ 2006, khi xem lại đoạn này lần sau hết, tôi thấy cần dừng lại ở đây để nhớ đến em và cầu nguyện cho em, nhất là xin em cầu nguyện cho gia đình, cho anh cũng như cho những người đã bắt bớ em. Tôi xác tín rằng em đang ở trong cõi ánh sáng vô biên của Cha trên trời. Tôi cũng xác tín rằng Cha đã cho phép những gì xảy đến cho em là để có lợi cho em. Đầu óc chúng ta

quá giới hạn chỉ biết đánh giá theo sự giới hạn. Từ đó dễ sinh ra những cảm nghĩ buồn phiền cay đắng hay oán hận người này người kia.

Trong trại giam tại rừng núi Tiên Phước hai cha con lao động rất cực nhọc, đau ốm đói khổ không tưởng tượng ! Ban đầu hai cha con ở chung, sau đó Diệm bị tách rời sống riêng ở xa và được giao cho công tác giữ các em bé, con cán bộ theo lời hai Chương thuật lại. Tôi biết rõ cha và em tôi rất đạo đức. Cha chết trước, Diệm chết sau không biết rõ năm tháng. Theo lời các em trốn thoát trại giam kể lại như vậy. Hoàn cảnh những tháng năm đen tối thời bấy giờ là thế, chúng tôi không oán trách ai nhưng thông cảm và tha thứ, nước mắt giàn giụa. Tôi nhớ mẹ tôi mấy năm khóc ròng rã. Xác em Diệm đã được cải táng đem về Cồn Dầu quãng 1951 - 1953, thời gian tôi học ở Đại Chủng Viện Saigòn. Em Diệm người thấp, tròn trịa, rất hiền dịu dễ thương, rất đạo đức, rất ham mộ lần chuỗi. Em rất thương cha mến mẹ, rất thương anh bốn và anh bốn cũng thương em lắm. Nếu không biết Diệm là ai thì nhìn bé Vân con của Tứ, có thể hình dung Diệm một phần nào. Nơi cha và em bị giam và

Bé Vân con của Tứ chụp năm 1992

chết, hai bác cháu (Tứ) đã đến tận nơi nhưng không nhận ra. (năm 2003).

Chị Hai

(Để tiếp tục công việc tìm kiếm trên, ngày 1 tháng 4 năm 2005, tôi và Điểm cùng hai cháu Binh, Tứ có ông Biện Nghiệm người An Ngãi cùng vô Tiên Phước. Theo sự hướng dẫn của ông Nghiệm chúng tôi đã đào mộ và chỉ thấy còn chút đất đen. Ngày hôm sau 2 tháng 4 gia đình đem lên mai táng trên mộ đã xây sẵn từ nhiều năm tại Nghĩa địa Cồn Dầu. Để dễ nhớ, ngày 2. 4 trùng với ngày ĐTC Gioan - Phaolô II vừa tạ thế. Chúng tôi cảm thấy hài lòng một phần nào vì đã cố gắng làm trọn chữ hiếu với những người thân thương nhất đời. Hai em Chương và Tam thuật lại hai cha con đau khổ rất nhiều, đau khổ vì thiếu cơm ăn áo mặc, đau khổ vì rận chí đầy mình, vì những vết thương mang trên da thịt, đau khổ vì lao động quá cực nhọc, nhưng sự đau khổ đó không thấm vào đâu so với nỗi xót xa trong tâm trí nhất là đối với con gái tuổi 15, 16 bùi ngùi nhớ thương mẹ, nhớ thương gia đình như đứt từng đoạn ruột đến độ không thể diễn tả nên lời. Ngoài ra còn đau khổ vì bị đối xử tàn tệ vì Đức tin. Mọi người trong làng minh chứng hai cha con hoàn toàn là những người vô tội, bị bắt chỉ là vì có đạo và sống trong làng có đạo, gặp ai bắt nấy, giận cá bằm thớt. Có em trên đây đã thuật lại khi cha tôi

bị đòn đau quá và kêu Chúa thì họ càng giận dữ và tát vào mặt: "Chúa mầy ở đâu không đến cứu mầy." Mọi đau khổ đã qua và hôm nay cha sống trong hạnh phúc an bình với Chúa. Chúng tôi xác tín mãnh liệt vào tình thương vô biên của Cha trên trời. Hai cha con hiện ở nơi vinh phúc sáng chói trong vòng tay yêu thương của Cha.)

R.I.P

Trước đấy mấy tháng trong hoàn cảnh bấn loạn cha mẹ tôi khuyên kiếm công ăn việc làm tại Đà Nẵng và ở lại đêm dưới đấy. Nhất là mẹ tôi rất lo sợ cho tôi. Cha Jeannin Gros chính xứ Đà Nẵng giới thiệu tôi ban đầu làm thư ký văn phòng cho Đại Tá Công binh Ferron, người đã xây lại cầu Cẩm Lệ, sau đó thông dịch viên cho các sĩ quan hành quân. Dịp này tôi đã tận tình binh đỡ những người bị bắt. Tôi đã từng chứng kiến cách đối xử dã man của Quân đội Pháp đối với tù nhân, nhưng tiếng tôi thấp bé quá không đủ sức cứu họ. Đi theo những cuộc hành quân nhất là ban đêm thật nguy hiểm, tôi tưởng đã có lúc bỏ mạng tại vùng rừng núi. Thư ký cũng như thông dịch viên chỉ trong vòng hai ba tháng rồi sau đó may quá cha sở Đà Nẵng trao cho tôi thư của Cha JB Décrouille Giám đốc Chủng viện Thừa sai Kontum gọi nhập học. Tôi chuẩn bị tựu trường. Thời bấy giờ chỉ có phương tiện độc nhất là đường biển để vào Nha Trang và theo đoàn xe nhà binh lên Banmêthuôt để về Kontum.

Trong khi chờ đợi tôi ở nhà, tối đến phải vào vườn nhà thờ ngủ. Vườn nhà thờ bấy giờ tổ chức thành ấp chiến lược với vài chục cây súng trường cũ kỹ. Mỗi gia đình có chòi riêng và hầm

trú ẩn. Mặt trời vừa sụp xuống thì tất cả mọi người già trẻ lớn bé phải vào vị trí. Có lần Việt Minh muốn tấn công nhưng không thành. Tôi nghĩ dại nếu có cuộc giao chiến xảy ra nhất là nạn cháy nhà, thì vườn nhà thờ sẽ hóa thành mồ chôn không biết bao người nhất là đàn bà trẻ em ! Chính người giáo dân không thấy nhưng nghe anh em bên lương thuật lại có lần Bộ đội VM tiến quân vào Cồn Dầu có hàng ngàn người đi theo mang thúng mủng để sau khi đánh thắng sẽ thu chiến lợi phẩm. Nhưng có một Bà đứng trên tháp nhà thờ mỗi lần có đạn bay vô thì Bà lấy tay gạt một bên. Thấy Bà thì địch quân khiếp sợ và rút lui. Bà đó là ai? Trước kia Đức Mẹ phù hộ các giáo hữu là Bổn Mạng Xứ Cồn Dầu. Về sau Giáo hội không còn kính lễ đó nữa, cha Nguyễn Hữu Mừng chọn Lễ Mẹ lên trời thế lại. Tôi xác tín Mẹ đã cứu con cái của Mẹ.

Cha Jeannin Gros Cha Sở Đà Nẵng đã liên lạc với thủy quân Pháp để tôi được một chỗ trên tàu vào Nha Trang đầu tháng giêng năm 1948. Thời gian từ năm 1946 đến 1954 từ miền nam tỉnh Quảng Nam vô cho đến Phú Yên là vùng Việt Minh chiếm đóng: "Cấm vô cấm ra". Vả lại vùng này cũng không còn phương tiện giao thông, theo lời nhiều người, chỉ còn có "xe goòng" thôi. Xe goòng là wagon xe lửa được một toán người vừa đẩy vừa chạy trên đường rầy. Có bán vé, có ga, có xếp ga đàng hoàng. Không rõ một giờ tốc độ bao nhiêu??

Thế là tôi từ giả mẹ để đi tựu trường. Mẹ tôi đau khổ rất nhiều vì cái chết của cha và em Diệm nhưng Chúa đã thương bù lại cho bà một phần thưởng đặc biệt có người con tiếp tục đi học làm Linh mục cho Chúa. Như thế tôi đã về gia đình từ tháng 4 năm 1946 đến đầu năm 1948 tất cả là một năm tám tháng. Tôi không thể nhớ đến giai đoạn bi đát này mà không tạ ơn Chúa vì tình thương lạ lùng của Ngài bao bọc che chở tôi. Biết bao lần tôi đã thoát chết, ngoài những nguy hiểm tánh mạng mà còn

những nguy hiểm khác cho ơn gọi của tôi. Nhiều bạn thông dịch viên rủ tôi đi trường võ bị Thủ Đức, vào thời kỳ đó trường võ bị bắt đầu mở cửa. Ngoài ra Chính quyền VM trước kia có thể bằng cách này hay cách khác bắt tôi làm việc cho họ. Nhưng tôi được để yên chỉ bận tâm đến ơn gọi của tôi. Nói đến đây tôi đặc biệt nhớ ơn mẹ tôi đã cầu nguyện và săn sóc ơn gọi của tôi. Tôi nhớ có lần mẹ hỏi tôi: "Hai ba ngày này mẹ không thấy con đọc quyển sách có mép đỏ con thường đọc mỗi ngày. " Đấy là quyển sách Tùy thân của chủng sinh bằng tiếng Pháp có mép đỏ tôi thường đọc mỗi ngày để suy gẫm và cầu nguyện, nhưng có lẽ có ngày nào đó tôi không đọc. Tôi không ngờ mẹ tôi lại theo dõi cậu thanh niên này đến mức độ đó! Còn nói chi đến giờ kinh tối, tôi thấy mẹ ngồi hàng giờ trước bàn thờ gia đình để lần chuỗi, để cầu nguyện. Chắc chắn cậu con trai này có chỗ quan trọng trong lời cầu nguyện của bà.

Quãng thời gian này Cồn Dầu không có Linh mục coi sóc. Trước đây cha An ở được ít tháng sau đó ngài về An Ngãi ở với cha Ấn bào đệ ngài. Thỉnh thoảng có các cha trong vùng đến giải tội và dâng lễ. Có lần Cha Sinh đã về Cồn Dầu. Lúc tiễn đưa ngài về Đà Nẵng, có hai anh Nhu và Phục mang súng hộ vệ ngài, với vài người khác cùng đi trong đó có tôi. Lúc từ Đà Nẵng về lại Cồn Dầu, tới Đò Xu, chúng tôi đi qua lại trên bến đò, có hai thanh niên ăn bận rất lịch sự giả vờ hành khách cùng đợi đò như chúng tôi. Thừa dịp họ tiến sát tới anh Phục và đã dùng súng lục bắn anh chết ngay tại chỗ và cướp súng của anh. Còn anh Nhu ở xa hơn thấy thế cũng đã nổ súng nhưng hai thanh niên kia vừa tẩu thoát vừa bắn trả. Lúc đó tôi đứng gần anh Phục nhưng không có gì xảy ra cho tôi. Thật tội nghiệp cho Phục! Đấy là một trong những cảnh huống mà tôi đã đương đầu với cái chết đường tơ kẽ tóc. Thật may mắn cho tôi.

Thánh Lễ cầu cho ông bà tại nghĩa trang Cồn Dầu

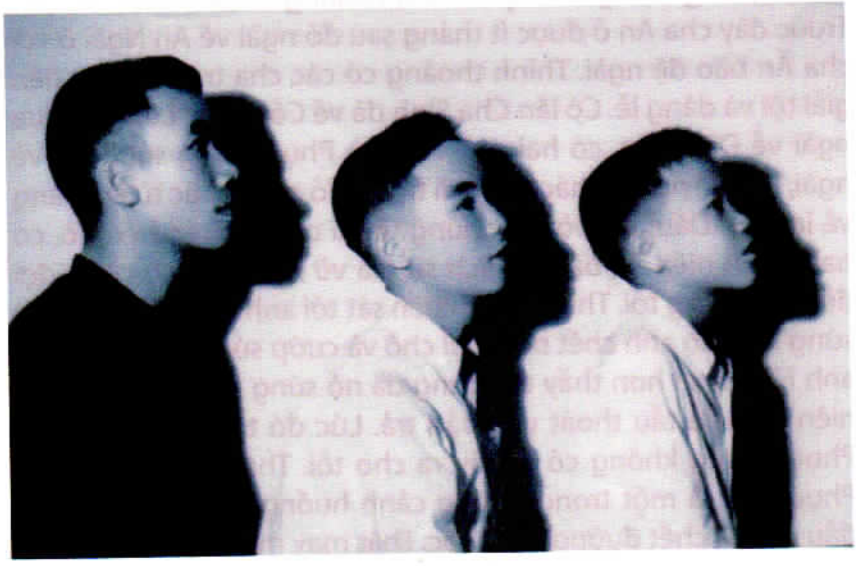

Đây là những học sinh tôi đã huấn luyện và đem vào Chủng Viện

Việt An là nơi Cha và em gái tôi Trần thị Diệm bị đày và chết trên núi năm 1947

Cha Espie, Mẹ và các dì của tôi

Trâu đạp lúa và kho lúa gx Cồn Dầu

Cấy lúa

TỰU TRƯỜNG ĐẦU NĂM 1948

Hôm nay tôi khăn gói lên đường chạy theo tiếng gọi. Sự ra đi của tôi để lại cho mẹ tôi niềm nhớ thương vô cùng tận đồng thời đem lại cho bà sự an ủi không sao diễn tả nên lời. Mẹ đã theo dõi ơn gọi của tôi, đã khuyên lơn, đã cầu nguyện suốt đời để tôi dâng mình cho Chúa.

Đầu tháng giêng năm 1948, tôi lên chiếc tàu hành quân có tên là "Boudeuse" để đi Nha Trang. Thật ai khéo đặt tên Boudeuse cho nó, tiếng Pháp có nghĩa là " khó tính. " Nhiều người lính Pháp say sóng liên miên. Chiếc tàu này xử dụng quãng từ năm 1766 đến giờ, có tên trong Larousse, (xem phần lịch sử ông Bougainville) Từ Đà Nẵng vô Nha Trang chỉ có 550 cây số nhưng mất ba ngày ba đêm, vì phải dừng lại liên tục để lục soát các ghe tàu đi dọc bờ hoặc ngoài khơi. Lúc gặp một chiếc thuyền đánh cá hoặc chở hàng, họ dùng loa để kêu gọi dừng lại và lính lên lục soát. Có nhiều ghe không tuân lệnh, nhưng viên chỉ huy chiếc tàu vẫn kiên nhẫn rược theo. Trên tàu không những có loa nói hàng cây số vẫn nghe và ban đêm có đèn pha sáng trưng thấy tất cả những người trên ghe trên thuyền. Có nhiều người nhảy xuống biển bỏ lại ghe thuyền. Có lẽ họ quá sợ hoặc có vấn đề. Vấn đề đây là chở khí giới tiếp tế cho VM. Lúc đi ngang qua Qui Nhơn, họ bắn xối xả vào bến cảng vì Qui Nhơn lúc đó còn trong vùng VM.

Thế là tôi đã vượt hơn nửa đường còn quãng 250 cây số nữa sẽ cập bến Nha Trang. Tại đây Đức Cha Piquet Lợi cho tôi ở Tòa Giám Mục để đợi xe lên Kontum. Thời bấy giờ tình hình nguy hiểm, mỗi lần di chuyển tuyến đường xa để tiếp tế, nhà binh cần cả đoàn xe trên 100 chiếc. Ngoài xe nhà binh, người dân cũng không còn phương tiện nào khác. Trong thời gian

chờ đợi tôi xin đi cấm phòng tại Dòng Phanxicô lúc đó ở trên đồi cao sát bên biển. Đến lúc sắp có xe tôi xin Đức Cha ra ở nhà cha Xuyên tại Ninh Hòa để rồi từ đó đi Ban Mê Thuột rồi về Kontum. Đây vùng đất hứa của tôi.

Tôi không nhớ rõ ngày tháng nhưng quãng đầu năm 1947 thì Pháp đã về chiếm lại Kontum, các Linh mục Pháp Việt đã về gần đông đủ như trước. Tình hình yên ổn. Đức Cha Sion đã bắt đầu mở tạm Đại Chủng Viện cho một số thầy lớp lớn trước kia đã học tại Qui Nhơn, đa số gốc Kontum tất cả quãng 8, 9 thầy. Đây là Đại Chủng viện đầu tiên tại Kontum.

Về lại đây, tôi học riêng vì tôi chưa học đầy đủ các lớp tiểu chủng viện đồng thời dạy bốn, năm em chủng sinh mới mộ tại Kontum. Thời gian này chưa chính thức mở lại tiểu chủng viện vì không có học sinh. Các tỉnh từ Quảng Nam tới Phú Yên vẫn là vùng VM. Riêng lớp tôi chỉ có mình tôi duy nhất được may mắn tựu lại. Các bạn khác một phần kẹt trong các tỉnh vùng Vm không ra được, phần khác có lẽ đã rút lui. Tôi không được tin tức gì.

Trong những năm 1948 - 1949, các thầy Tôma Lê thành Ánh từ Qui Nhơn đi đường bộ trốn về Kontum; Thầy Giuxe Hoàng ngọc Minh (Rậu) ở lại giữ Đại Chủng Viện thừa dịp có tàu Pháp hành quân ghé vào Qui Nhơn, thầy liền xin theo vào Sàigòn và sau đó về Kontum, cả hai thầy được Đức Cha Sion phong chức Linh mục. Tiếp sau đó thầy Joakim Nguyễn thúc Nên trốn ra Đà Nẵng về lại Kontum và được gởi đi Sàigòn tiếp tục học Đại Chủng Viện. Thầy Phêrô Nguyễn Hoàng cũng theo con đường thầy Nguyễn thúc Nên chẳng may bị bắt và có án tù lâu năm nhưng may mắn gặp được thời buổi chia đôi đất nước năm 1954 nên Chính Phủ VM ân xá. Cả hai thầy sau này đã chịu chức Linh mục.

Ngày 22 tháng 12 năm 1949, lúc Đức Cha Sion đang chữa bệnh tại Pháp, Cha Bề Trên Giáo phận Paul Renaud gởi tôi vào Tp. Hồ Chí Minh. Đường sá lúc bấy giờ vẫn còn nguy hiểm, phải đợi có đoàn xe nhà binh có khi cả 100 chiếc mới đi được. Đại Chủng Viện lúc bấy giờ thuộc quyền các cha MEP, gồm đủ các Giáo phận miền Nam, kể từ Huế trở vô cộng thêm các giáo phận Lào và Campuchia. Các cha giáo đa số người Pháp trong số đó có các cha bị trục xuất từ Trung Cộng. Các cha giám đốc bấy giờ trước hết là cha Albert Delagnes, rồi đến cha Lesouef đồng thời cũng là giáo sư Kinh thánh sau này là giám mục Pnompenh, cha Lourdez, cha Prat, cha Triêu, cha André Gonthier, cha Perrin, và cha Espie nguyên là cha xứ Cồn Dầu. Chương trình Đại Chủng Viện tổ chức theo chế độ tam cá nguyệt, học ba tháng nghỉ một tháng. Những chủng sinh ở xa như tôi thì hơi bất tiện, vì nghỉ ít mà phải đi đường xa rất tốn kém. Có lúc về Đà Nẵng bằng tàu thủy hay máy bay quân đội Pháp, một tuần trước khi nghỉ hè tôi phải ra liên lạc xin chỗ cho tôi và nhiều thầy ở Huế cùng đi với tôi để bớt tốn kém, có lúc bằng máy bay dân sự hãng Cosara của ông Phạm Hòe có lần được bớt 50% với tư cách sinh viên. Có lúc ở lại chủng viện. Có lúc Cha Renaud Bề trên Giáo Phận Kontum gởi đi nghỉ tại nhà các cha xứ người Pháp bạn của ngài, có lần tôi được gởi đi Di Linh ở với Cha Du Merac, lần khác với Cha Grelier tại Mỹ Tho. Đây cũng là dịp tốt làm quen với các cha Pháp thời bấy giờ. Có lúc đi nghỉ tại nhà bà con tại Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) tại gia đình anh Lưu (Luận) bấy giờ là lính nhảy dù quân đội Pháp. Những năm đầu tiên chỉ mình tôi là Chủng sinh Kontum.

Những năm tôi học ở Đại chủng viện, tình hình ở Cồn Dầu tương đối bình yên. Cho đến năm 1950? vẫn vắng bóng cha sở. Sau đó có cha Gabriel Espie (cố Mỹ), rồi cha Béliar (cố Phước) rồi đến cha Tađêô Nguyễn Hữu Mừng từ năm 1954 đến năm 2001,

sau đó cha Nguyễn Kinh.

(Quảng từ 1950 đến 1954 thời kỳ Miền Nam với thủ Tướng Trần văn Hữu đường giao thông tương đối ít khi bị quấy nhiễu. Năm 1955 tôi về Kontum để lãnh chức Linh mục, (cùng đi với tôi có thầy Trinh) ban đêm xe đò phóng rất nhanh có lúc 110 cây số giờ, hoặc hơn nữa vì sợ VM.)

Năm 1952 tôi lãnh nhận Nghi Thức Cắt Tóc tại Sàigòn gia nhập hàng giáo sĩ. Bắt đầu bận áo dòng, trước đây chỉ bận áo dài đen.

Năm 1954 chịu chức năm tại Đà Nẵng nhân dịp cha Lê như Hảo lãnh chức Linh mục do Đức Cha Piquet. (Nghi thức cắt tóc và chức năm trên đây sau này Giáo hội đã thay thế bằng các nghi thức đọc sách, giúp lễ và lễ nghi tiếp nhận vào chức phó tế).

Chịu chức Năm tại Đà Nẵng

Tôi lãnh nhận Chức phó tế tại Sàigòn do Đức Cha Cassaigne và sau hết chức Linh mục tại nhà thờ chính tòa Kontum ngày 25 tháng 8 năm 1955 do Đức Cha Phaolô Seitz Kim. Thế là thời gian Đại Chủng Viện đã trôi qua. Từ tháng 12 năm 1949 đến tháng 7 năm 1955.

Tôi về làng dâng lễ tạ ơn. Tôi là Linh mục đầu tiên xuất thân từ Cồn Dầu. Các xứ khác đạo lâu đời như An Ngãi, Phú Thượng Trà Kiệu, Vân Đỏa, Tiên Đỏa.v.v. thì xưa nay Linh mục rất nhiều. Vì thế Cha sở Nguyễn hữu Mừng tổ chức cuộc rước linh đình có một không hai từ trước đến giờ từ bến Đò Xu về nhà

thờ. Thời đó gọi là lễ Linh mục Vinh Quy về quê nhà. Không ai có thể diễn tả hết nỗi vui mừng của mẹ tôi. Bà cho giết hai bò và một trâu. Dù không thích lắm nhưng tôi chiều ý mẹ để làm vui lòng mẹ vì mẹ đã trải qua bao đau khổ. Nhất là gia đình tôi còn một số rất đông bên lương, mẹ tôi tổ chức lớn để có dịp gặp gỡ và mẹ giới thiệu tôi cho họ. Bà con cô bác xúm xít quy tụ để làm cho lễ càng thêm linh đình có một không hai. Em út của tôi là Điểm, ba của Tứ, đáng lẽ sau ngày lễ của tôi mới được cử hành hôn nhân, nhưng mẹ bảo phải cưới vợ trước để có dâu con phục vụ lễ của anh nó.

Đức Cha Paul Seitz và tân Linh mục
ngày 25/08/1955

Tình hình chính trị thời bấy giờ đã lắng đọng đâu vào đấy. Cuộc di cư vĩ đại chưa từng có, một số lớn người công giáo trốn miền bắc để vô lập nghiệp Miền Nam dưới thời ông Ngô đình Diệm làm Tổng Thống. Số người lương cũng không ít. Các tuyến đường giao thông miền nam bấy giờ đã thông suốt và không có gì nguy hiểm.

Sau lễ tạ ơn về lại Kontum, dịp này một sự việc xảy đến cho tôi không hợp sở thích tôi lắm. Đức Cha chỉ định tôi đi làm tuyên úy quân đội. Vì vâng lời ngài tôi đã đi làm thủ tục tại văn phòng Đại tá Vinh. Tôi có bổn phận vâng lời Đức giám mục nhưng cũng có quyền trình bày chân thành những ý nghĩ của tôi để tùy ý ngài định đoạt. Cám ơn Chúa. Ngài đồng ý cho tôi khỏi làm tuyên úy. Sau đó tôi được bổ nhiệm dạy học và quản lý tại tiểu chủng viện Kontum, thời cha Thomann làm giám đốc đầu tiên với hai niên - khóa liên tiếp 1955 - 1957. Thế là chủng

viện thừa sai mở lại chính thức.

Đầu niên khóa 1957 - 1958 thì cha Alexi Phạm văn Lộc làm giám đốc, (sau này là giám mục Kontum) cha Thomann và tôi ra khỏi chủng viện và mỗi người nhận sở mới. Riêng tôi đi Tân Cảnh và sau đó Plei Kơbey. (sẽ được thuật lại trong Hồi ký Kơbey.)

Nhân dịp nói về gia đình tôi thuật lại cái chết của mẹ tôi 1972 và Lễ Kim Khánh Linh mục năm 2005 cũng như ngân khánh giám mục 2006.

DẠY HỌC VÀ QUẢN LÝ TIỂU CHỦNG VIỆN KONTUM 1955 - 1957

MẸ TÔI QUA ĐỜI

Thời gian tôi làm Giám đốc Chủng viện Thừa sai Kontum, tại số 1 Thống Nhất, thành phố Đàlạt (tháng 6 năm 1966 đến tháng 8 năm 1974).

Mẹ tôi chết ngày 30 tháng 11 năm 1972, lúc tôi ở Đàlạt. Gần như suốt tháng 11 năm 1972 tôi đau liên tục. Cha Alphonse Desroches, bạn thân của tôi là giáo sư và y tá chủng viện không hiểu tôi đau bệnh gì và rất lo lắng cho tôi. Con người tôi mỏi mệt như rụng rời tay chân, ăn uống cảm thấy như cực hình, từ trước đến giờ chưa lần nào thấy như vậy... Tháng 11 năm đó tôi vừa tròn 46 tuổi. (sinh 10.11.1926)

Chiều 30 sau bữa cơm tối tôi nhận được cú điện thoại của Sinh con Dì Thế. Nó bảo: "anh Chung, dì đã qua đời rồi". Gặp trời bão, nghe tiếng được tiếng mất. Sau đó điện thoại im bặt. Tôi không rõ dì đây là dì của ai. Mẹ của nó, mà tôi gọi bằng dì hay là mẹ của tôi nó cũng gọi bằng dì. Nó nói qua điện thoại quân đội, số ĐT tôi cũng chẳng biết. Thời đó chưa có điện thoại dân sự, ngoại trừ một hai chỗ như Đàlạt. Tôi đâm xôn xao. Sau đó quãng tiếng đồng hồ tôi nhận tiếp cú điện thoại. Cũng một lời báo tin như trước, tôi hỏi lại cặn kẽ hơn: "Dì là mẹ của ai đây?" Nó bảo:

Thánh lễ an táng

"Là mẹ của anh, Dì Bản đấy. Anh về gấp. "Tôi cảm thấy như trời đất sụp đổ trên đầu. Ngày hôm sau tôi vội vã

Mua vé máy bay buổi sáng cho hai bác cháu (Tứ, bấy giờ ở Chủng viện phía Dòng Chúa Cứu Thế) cùng về một chuyến Đà Lạt - Sàigòn - Đà Nẵng, phải qua Tp. Hồ Chí Minh vì hôm đó không có máy bay trực tiếp Đà Lạt - Đà Nẵng. Tôi nhớ mang máng như thế. Giá máy bay khứ hồi hai mươi lăm nghìn cho hai bác cháu. Hôm ấy có Đức Cha Seitz tới Dalat, ngài cần đi Tp. Hồ Chí Minh gấp, nên tôi nhường máy bay buổi sáng cho ngài, tôi và Tứ đi máy bay chuyến ban chiều. Đến chiều lại gặp trời bão, thật rủi quá, chuyến bay bị hủy nên hôm sau phải đi xe đò Xuống Sàigòn. Dọc đường xe phải ngừng nhiều chặng vì hai bên VM và Quốc gia đụng độ nhau. Thật đủ thứ xui. Về Sàigòn tôi nhờ Đức Cha mua vé hộ đi Đànẵng vì thời đó phương tiện duy nhất là máy bay và nhờ người quen hoặc có uy thế mới mua gấp được. Ở Đàlạt thì hãng máy bay tôi quen biết từng nhân viên từ trên xuống dưới, không có vấn đề. Thế là ngày 4 tháng 12 vào lúc 2 giờ chiều chiếc máy bay Boeing đáp xuống phi trường Đà Nẵng. Từ máy bay tôi thấy Sáng con dì Nhứt đứng bên chiếc xe Jeep nóng lòng chờ đợi và tìm tôi giữa những người đang đi xuống thang máy bay, đến người cuối cùng thứ 118, 119 mới thấy tôi và Tứ, nó vội vã chở hai bác cháu về Cồn Dầu. Về tới nhà, Tứ khóc to và lấy tay đập quan tài đòi mở ra cho thấy mặt bà nội. Sau đó Thánh Lễ an táng. Có cha sở Nguyễn Hữu Mừng cùng đồng tế với tôi. Chiều hôm đó nắng ráo đẹp trời và nước đồng Cồn Dầu cũng đã rút, đám tang đi dễ dàng qua bờ đập. Trước đây ai cũng tưởng nếu mưa gió

Đưa mẹ tôi ra nghĩa trang

lụt lội kéo dài thì chỉ có cách chôn cất trong vườn. Có các thầy ĐCV Hòa Khánh: Thầy Truyền, thầy Tâm, Thầy Thi, Thầy Vân đến dự. Thầy Truyền, Tâm mấy năm sau đã chịu chức Linh mục. Đêm hôm đó sau an táng về nhà tôi cũng tưởng đi theo mẹ luôn vì cảm thấy vừa đau lòng xót dạ đồng thời thêm bệnh trĩ vừa mới xuất phát hành hạ quá thể. Sáng hôm sau đi nhà thương thánh Phaolô Đà Nẵng và Mẹ Ange Giám Tỉnh Dòng Phaolô giới thiệu qua Bệnh viện Đức. Tôi đã qua ca mổ yên xuôi một lần cho đến bây giờ, gởi luôn cho mẹ, bệnh không bao giờ trở lại nữa. Nằm bệnh viện một tuần lễ. Chị hai nghe tin tôi nằm nhà thương nên nhờ cô hai Huấn chở Honda đi thăm. Một cái rủi nữa, chị té xe bị thương nên hai chị em cùng nằm giường gần nhau tại bệnh viện. Mẹ chết còn có chị.

Mẹ tôi quý mến các cháu và các cháu cũng quyến luyến với nội lạ lùng. Lúc tôi ở Kobey hay Đà Lạt về gia đình thăm, ít khi thấy mẹ tôi ngủ đêm một mình, gần như luôn luôn có hai cháu mỗi đứa mỗi bên bằng cách chia phiên nhất định để khỏi phải giành nhau. Những đứa khác không còn chỗ nữa thì đề nghị cho một trong hai em một đồng để nhường chỗ, nếu không được như ý thì đành phải nằm ngang dưới chân bà. Tôi tả hơi tỉ mỉ câu chuyện trẻ em nhưng để cho thấy cái cảnh cháu thương bà, bà thương cháu đến mức độ nào.

Mẹ tôi và cháu Tứ năm 1968

MỪNG 50 NĂM LINH MỤC TẠI NHÀ THỜ CHÍNH TÒA KONTUM

ngày 25 tháng 8 năm 2005
Các Bài Đọc: *1Cr 11, 23 - 26. Ga 21, 15 - 17*

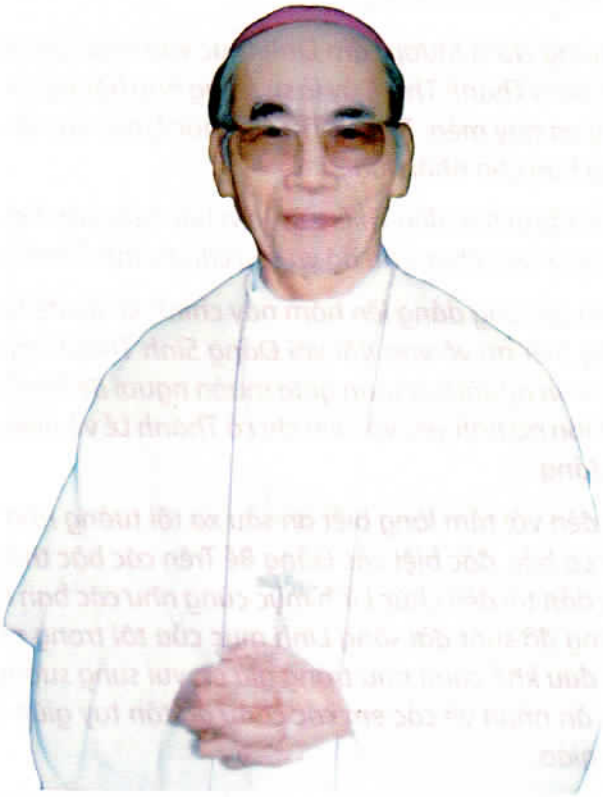

Đầu Thánh Lễ.

Kính thưa Đức Cha Micae, Đức Cha Alexi, Cha Tổng Đại Diện, quý Cha, quý Thầy, chủng sinh, quý Tu sĩ nam nữ, Ban Chức việc, Yao Phu, Giáo lý viên và anh chị em thân mến,

Trước hết tôi trân trọng cám ơn quý Đức Cha và anh em Linh mục cũng như toàn thể anh chị em xa gần cố gắng đến dự lễ để tạ ơn Chúa với tôi và cầu nguyện cho tôi hôm nay. Thật là niềm yên ủi và một nâng đỡ lớn cho tôi.

Tôi mừng Năm Mươi Năm Linh mục vào thời gian Giáo Hội mừng kính Năm Thánh Thể. Đây là sự trùng hợp bất ngờ mà tôi rất ngưỡng mộ và quý mến. Thánh Thể và chức Linh mục là hồng ân vô giá Chúa ban cho nhân loại.

"Tôi sẽ lấy gì báo đền Thiên Chúa vì bao hồng ân Ngài xuống trên tôi. Tôi sẽ nâng chén cứu độ và kêu cầu thánh Danh Ngài."

Thánh Lễ cùng dâng lên hôm nay chính là dịp để biểu lộ tất cả tấm lòng biết ơn vô vàn đối với Đấng Sinh Thành muôn thuở đã chọn tôi con người bất toàn giữa muôn người để làm Linh mục của Ngài. Món nợ tình yêu vô biên chỉ có Thánh Lễ vô biên mới đền đáp xứng đáng.

Tiếp đến với tấm lòng biết ơn sâu xa tôi tưởng nhớ đến cha mẹ bà con cô bác, đặc biệt các Đấng Bề Trên các bậc thầy đã đào tạo hướng dẫn tôi đến chức Linh mục cũng như các bạn hữu thân tình đã nâng đỡ suốt đời sống Linh mục của tôi trong những lúc gian nguy đau khổ cũng như trong giờ an vui sung sướng. Tôi xin ghi ơn các ân nhân và các em các cháu đã tận tụy giúp tôi trong đời truyền giáo.

Tôi cũng không thể không nhắc đến những Sở Họ mà Chúa đã giao phó cho tôi coi sóc, Tân Cảnh, Đức An và Chủng Viện Thừa Sai Kontum tại Đàlạt, đặc biệt là Địa Sở Kobey với anh chị em Jarai

- Halăng mà tôi đã từng sống với họ những năm đầu tiên đời sống Linh mục. Tất cả được dâng lên trên dĩa thánh hôm nay, kẻ sống cũng như những người đã qua đời. Xin Chúa thương chúc lành cho tất cả.

Ơ iem đe nhong mơmai oh,

Năr 25 khei 8 xơnăm 1955, Bok Xoi tih Kim xang pôk inh jing Bok xoi tơ Hnam Khop tơm tơ anê iem. Dang ei tơ Hnam khop tơm âu duh tơ anê iem di, đei tơkuh 50 xơnăm bok xoi. Inh xô - hơk tơkơi iem pơyup đon păng inh wă bơnê kơ Bă Yang.

"Inh gô iok kiơ wă bơnê kơ Bă Yang gah tôm tơdrong mă Di xang ăn kơ inh. Inh gô yol gol dong hoai păng krao măt Di."

Pôm tơmam xoi đik gơh tơgăl kơ bơnê kơ Di. Bơnê kơ Di yor Di xang rơih iok inh bơngai hel hol jing bok xoi păng phai năm

jang kơ đe nhong mơmai oh tơ bri kông mă inh băt jat.

Inh bơnê kơ tôm đe mă xang chơng - nhăk inh truh năr jing bok xoi. Duh bơnê kơ iem xang đei tơcheng gah inh păng xang khop kơ inh kơplah dôm xơnăm inh jang tơ anê iem. Bơnê. Bơnê.

Chia sẻ Tin Mừng

Anh chị em thân mến,

Như tôi đã nói đầu Thánh Lễ, tôi mừng năm mươi năm Linh mục vào thời gian Giáo Hội mừng kính Năm Thánh Thể. Đây là sự trùng hợp bất ngờ mà tôi rất ngưỡng mộ và quý mến. Thánh Thể và Chức Linh mục là hai hồng ân vô giá Chúa ban cho nhân loại.

Nói tới Thánh Thể là nói đến tấm bánh được bẻ ba bẻ tư chia cho nhau ăn.

Nói tới Thánh Thể là nói đến tấm thân Chúa Giêsu bị đánh

bầm dập dường như bị xé đôi xé ba và bị treo trên thập giá trông thật thảm thương cho đến giọt máu cuối cùng Ngài cũng không tiếc. Đó là cuộc đời hy sinh vì yêu chúng ta.

Đời sống người tín hữu Chúa Kytô nói chung hay đời sống các người truyền giáo hoặc Linh mục nói riêng, tất cả phải là con đường yêu thương và hy sinh theo gương Chúa Giêsu, bằng cách này hay cách khác. Nhất là người Linh mục của Chúa Giêsu là con người bị ăn ngấu nghiến, như người ta thường nói.

Mừng năm mươi năm Linh mục, kể như cuối đời của tôi, với tư cách người đi trước, tôi xin được chia sẻ một cách chân thành vài nét trong đời sống truyền giáo không ngoài mục đích xin quý cha và anh chị em cùng tạ ơn Chúa với tôi và nhất là cầu nguyện cho tôi để phần nào tôi biết thân thưa với Chúa Giêsu như Phêrô: "Lạy Chúa, Chúa thông hay vạn sự, Chúa biết con yêu mến Chúa."

Việc đầu tiên tôi thấy cần phải tạ ơn Chúa vì Ngài đã thương chọn tôi và ban cho tôi hồng phúc được sống những năm tháng đầu tiên ở vùng đất xa xôi hoang dại với anh chị em miền núi Jarai - Halăng, những người con đơn sơ bé nhỏ nghèo khó mà tôi yêu thương thắm thiết. Qua đó, Ngài chỉ cho tôi thấy ý nghĩa cuộc đời Linh mục mà tuổi thanh niên của tôi hằng thao thức. Chính đời sống của họ nhắc nhở và dạy cho tôi biết sống Tin Mừng của Chúa Giêsu, biết chia sẻ, biết sống hư hao, biết sống mòn mỏi cho anh chị em, và nhất là loại xa nếp sống hưởng thụ, trưởng giả mà con người ai cũng ít nhiều bị lây nhiễm.

Tiếp đến tôi còn cảm thấy phải tạ ơn Chúa vô vàn vì có lần Ngài đã ban cho tôi sống một giai đoạn cực kỳ nguy hiểm, có lúc đương đầu với cái chết nói được là đường tơ kẽ tóc, thời gian hai cha trong giáo phận đã ra đi với cái chết đẫm máu cũng như nhiều anh em Linh mục thời bấy giờ ít hay nhiều đã trải qua những giờ phút vô cùng đau khổ. Tạ ơn Chúa vì nhờ những giờ phút hiểm

nguy đó mà tôi nhận thấy con người được thanh luyện, được bay lên cao hơn và ý thức về lý tưởng Linh mục nhất là được sống thân mật gần gũi Chúa hơn bao giờ hết. Không chỉ lúc bấy giờ nhưng ngay lúc này tâm tình vẫn còn hứng khởi mỗi khi tôi hồi tưởng đến nhưng giờ phút đó.

Nhờ qua những cảnh âm u đen tối đầy nguy hiểm cận kề cái chết mà tôi cảm thấy thương mến anh chị em giáo dân của tôi, biết đồng cảm với họ và sẵn sàng sống chết với họ. Đây cũng là dịp tôi thấy cần cảm tạ Chúa vô vàn. Tất cả là ơn của Chúa.

Tôi nhớ mãi lời một cha già người Pháp bạn thân của tôi biết tôi ở trong vùng nguy hiểm đã có lần vừa mỉm cười vừa nói với tôi một cách thân tình và hóm hỉnh: "Cậu chưa có chết đâu, tội lỗi nhiều cần phải sống để đền tội đã. " Lời nói đùa nhưng phản ánh một phần sự thật.

Nói đến đây tôi đột nhiên liên tưởng đến một nhân vật trong quyển tiểu thuyết của Graham Green"Quyền năng và vinh quang. " Một vị Linh mục nọ sống trong thời kỳ cấm cách. Ông nghiện rượu và mang tiếng tình cảm lăng nhăng. Ông bị người ta truy nã. Hoảng hốt, ông vượt biên. Nhưng khi nghĩ đến đoàn chiên bơ vơ, ông chỉ lẩn quẩn vùng biên giới chờ dịp trở về giúp đỡ họ, bất chấp hiểm nguy. Ngày nọ có tên phản bội đánh lừa bằng cách báo tin có người sắp chết cần gặp ông. Ông vội trở về. Ông bị bắt và bị xử bắn.

Qua câu chuyện này, tôi muốn nói lên chân lý này: "Chúa trao ban chức Linh mục trong bàn tay con người đầy những yếu đuối, có khi lọ lem, đồng thời cũng ban cho họ quả tim người cha người mẹ biết yêu thương và hy sinh cho đoàn chiên. Quả tim có pha giọt máu của Chúa. " Ôi thật lạ lùng! Tuy là chuyện tiểu thuyết nhưng cảm hứng từ thực tế.

Năm 2005 là năm tôi mừng 50 Linh mục, trùng hợp với thời gian ĐTC GP II qua đời. Dịp này tôi xin chia sẻ một suy tư ngắn gọn về

đời sống của ngài, gương mẫu cho tất cả chúng ta. Đức Thánh Cha, một vị chủ chăn thánh thiện, một tấm gương sáng ngời cho thế giới, một vị truyền giáo không bao giờ biết mỏi mệt mặc dù có lúc đã lãnh năm viên đạn trong mình. Trong lịch sử xã hội loài người cũng như trong lịch sử Giáo hội chưa bao giờ có một biến cố vĩ đại như lễ an táng của ngài, cả thế giới hướng về Rôma và cả hàng mấy triệu người có mặt tại đấy.

Tôi nhận thấy cái bí quyết của đời sống lạ lùng đó là con người có đời sống cầu nguyện sâu thẳm. Cầu nguyện chuyên cần từ tuổi thanh thiếu niên cho đến thời làm Giáo Hoàng. Cầu nguyện mỗi ngày hai tiếng đồng hồ trước Thánh Thể.

Điểm thứ hai là lòng mến yêu tha thiết Đức Trinh Nữ Maria. Năm 1981 khi những viên đạn bắn tung tóe vào ngài, tiếng rên la đầu tiên phát xuất từ miệng ngài: "Maria Mẹ của con, Maria Mẹ của con." Nghĩa là vạn sự phó thác cho Mẹ.

Bốn tuổi mồ côi mẹ. Mười tuổi mồ côi anh. Hai mươi tuổi mồ côi cha. Nghĩa là gia đình không còn ai nữa. Bao nhiêu tình thương của ngài dường như dồn hết cho Đức Mẹ. Và chính Mẹ đã hướng dẫn ngài đến với Chúa Giêsu.

Cầu nguyện chuyên cần và lòng quyến luyến với Đức Maria đấy là bí quyết nên thánh, bí quyết truyền giáo đắc lực đồng thời cũng là bí quyết trung thành với Chúa cho đến giờ sau hết.

Nhờ lời chuyển cầu của Mẹ, ước gì tất cả chúng ta biết nhìn lên và noi gương vị Giáo Hoàng mà Chúa Quan Phòng đặt để vào thời đại của chúng ta, thời đại khủng hoảng trầm trọng.

Và cũng nhờ lời chuyển cầu của Mẹ và lời cầu xin của anh chị em, xin Chúa thương ban cho tôi được trung thành với Chúa cho đến giờ sau hết để biết thân thưa với Chúa Giêsu như Phêrô: "Lạy Chúa, Chúa thông hay vạn sự, Chúa biết con yêu mến Chúa."

Dịp Ad Limina năm 1996

Ơ iem đe nhong mơmai oh,

Năr âu inh tơcheng gah 50 xơnăm jang xơnong bok xoi mă Bă Yang xang ăn kơ inh. Inh tơkơi iem pơyup đon păng inh wă bơnê kơ Di.

Mă adroi jat, inh bơnê kơ Di, kơlih ah pơtơm jang xơnong bok xoi Di xang phai inh năm oei tơ dêh đe kon Jarai - Halăng rơnguă - rơngueng ataih ateng. Yuơ mơnoh inh pơxrăm jing kon kông thoi kon kông wă gum kăn - hăp jing kon Bă Yang. Mă loi ah chăl mơnoh nhôn duh jrâm lơ tơdrong iu - yêr lôch pôch pă ke ră, chong Bă Yang xang wei wer inh păng pơxrăm inh jing bơngai khin - kuan kiơ đon Di wă.

Inh tơkơi iem dah bơnê kơ Di păng inh duh khop kơ inh jing xơn kơjăp lơm đon băt dăl lôch wă gơh tơl kơ Giêsu thoi Pêtrô: "Ơ Kơdră, Ih lơle tôm tơdrong, Ih lơle inh băt kơ Ih."

Mừng 50 năm Linh Mục tại Măng La

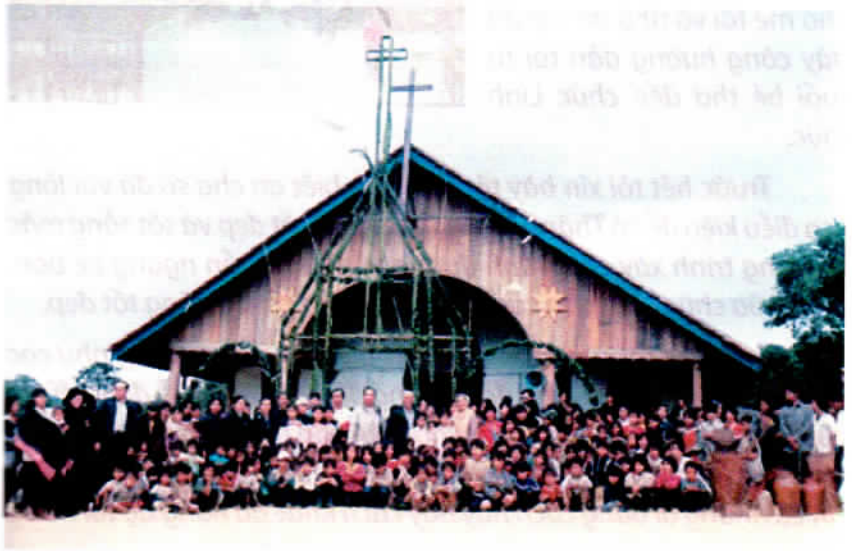

MỪNG KIM KHÁNH LINH MỤC

(tại quê nhà)

Lễ Thánh Anrê Tông Đồ, 30 tháng 11 năm 2005
Kỷ niệm ngày qua đời của mẹ tôi
Các Bài Đọc: Rm 10, 9 - 18; Mt 4, 18 - 22.

Đầu Thánh Lễ.

Kính thưa Cha sở và anh chị em thân mến.

Hôm nay là ngày Lễ kính Thánh Anrê Tông Đồ, một trong bốn vị môn đệ đầu tiên của Chúa Giêsu, xin ngài chuyển cầu cho chúng ta sốt sắng noi gương ngài đem Tin Mừng của Chúa cho anh em.

Ngày hôm nay cũng là ngày giỗ mẹ tôi, tôi muốn kết hợp ngày giáp 50 năm Linh mục vào trong cùng một ngày để cầu nguyện cho mẹ tôi và nhớ ơn mẹ đã dày công hướng dẫn tôi từ tuổi bé thơ đến chức Linh mục.

Trước hết tôi xin bày tỏ tấm lòng biết ơn cha sở đã vui lòng tạo điều kiện để có Thánh Lễ trong bầu khí tốt đẹp và sốt sắng mặc dù công trình xây cất thánh đường vẫn còn ngổn ngang bề bộn. Xin Chúa chúc lành cho công trình của cha thành công tốt đẹp.

Sau nữa tôi cũng tận tình biết ơn anh chị em cũng như các em các cháu trong xứ đạo đã cố gắng đến dự Thánh Lễ đông đủ để cùng với tôi tạ ơn Chúa và cầu nguyện cho tôi nhân ngày giáp 50 năm Linh mục. Xin Chúa xuống muôn ơn lành trên anh chị em và tất cả những ai bằng cách này hay cách khác đã nâng đỡ tôi trong

đời sống Linh mục, đồng thời trong tâm tình người môn đệ của Chúa Giêsu, tôi cầu xin Chúa thương ban cho Giáo xứ được nhiều ơn gọi Linh mục tu sĩ.

Sau hết xin cha sở và anh chị em thương cầu cho tôi để trong chặng đường cuối cùng cuộc đời Linh mục, tôi luôn sống trong tình thương của Chúa và phục vụ Giáo Hội.

Chia sẻ Tin Mừng

Bài TM thuật lại câu chuyện Chúa Giêsu đã chọn bốn môn đệ đầu tiên là những người chài lưới. Chúa dạy cho họ cách bắt người. Họ là những cậu thanh niên 20, 25 tuổi chuyên nghề biển. Có lẽ họ chưa biết Chúa Giêsu rõ lắm cũng chưa ý thức lời mời gọi của Ngài. Nhưng cái nhìn âu yếm của Chúa Giêsu đi thẳng vào con tim khối óc của họ với sức quyến rũ lạ lùng. Từ đó họ đã bắt đầu say mê Chúa Giêsu. Từ người đánh cá Chúa đã làm cho họ thành những Tông Đồ nền tảng Giáo Hội Ngài. Xin thánh Anrê Tông Đồ chuyển cầu cho Giáo xứ nhỏ bé chúng ta được nhiều thanh niên nam nữ say mê chạy theo Chúa Giêsu như Thánh Anrê.

Anh chị em thân mến,

Mừng 50 năm Linh mục, kể như cuối đời của tôi, với tấm lòng hết sức chân thành, tôi xin được chia sẻ với anh chị em và các em các cháu vài nét liên quan đến ơn gọi làm Linh mục và đời sống truyền giáo của tôi.

Từ bé thơ đến tuổi 11, 12 tôi học lúc tại trường Trung Lương, lúc trường nhà xứ, ngày nghỉ học tôi giữ gà cho mẹ tôi. Mẹ tôi nuôi hàng trăm con gà tây phải đưa ra đồng mới có chỗ ăn. Trốn học không phải là không có. Có lần bị thầy nhốt tại nhà trường, mẹ phải đem cơm. Rồi một ngày kia cha sở mộ người đi chủng viện Kontum. Cha mẹ đem tôi đi trình diện cha sở. Cha sở chấp nhận. Thế là tôi bắt đầu là chủng sinh Kontum từ năm 1937.

Gx Cồn Dầu
mừng kim khánh Linh mục

Năm 1946 - 1948, chủng viện đóng cửa vì thời cuộc, tôi về nhà hai năm làm việc trong gia đình và giúp tập hát, dạy bình dân học vụ trong xứ. Đầu năm 1947, tiếng súng nổ, tôi di tản vào Mỹ Xuyên ở đó tôi dạy xưng tội rước lễ vở lòng cho một số em. Sau đó có lệnh hồi hương, chúng tôi trở về Cồn Dầu. Thời gian này cha và em gái tôi qua đời. Cuối năm 1947, tôi nhận được thơ cha Bề Trên gọi về lại chủng viện.

Thời gian sống tại quê nhà trên đây, nhiều lần tôi cảm thấy cái chết ở một bên mà Chúa đã cho tôi thoát khỏi và cũng là thời gian tôi gặp nhiều khó khăn nguy hiểm cho ơn gọi Linh mục. Nhưng nhờ ơn Chúa thương và lời cầu nguyện và khuyên nhủ của mẹ, tôi đã tiếp tục vào lại chủng viện. Tôi nhớ mãi lời mẹ khuyên: "Làm Linh mục của Chúa là hạnh phúc nhất đời, con đừng bận tâm đến công ăn việc làm, tiền bạc hay vui thú thế gian đầy những giả dối. Mẹ cầu nguyện cho con."

Lúc mừng năm mươi năm Linh mục, khi suy nghĩ đến giai đoạn này, tôi cảm thấy không biết lấy gì để cám ơn Chúa đã thương quyến rũ tôi cũng như đã ban cho tôi một bà mẹ đạo đức. Xin anh chị em và các em các cháu hiệp ý với tôi để một phần nào đền đáp tình thương của Chúa.

Đầu năm 1948 chủng viện Kontum mở cửa lại và cuối năm 1949, tôi được gởi học tại Đại Chủng Viện Sàigòn và năm 1955 chịu chức Linh mục.

Sau khi chịu chức Linh mục, tôi được Đức Cha sai đi làm cha

sở cho anh chị em Dân Tộc thiểu số. Ở đây tôi cảm thấy cần phải tạ ơn Chúa vì Ngài đã thương chọn tôi và ban cho tôi hồng phúc được sống những năm tháng đầu tiên ở vùng đất xa xôi hoang dại với anh chị em Miền Núi Jarai - Halăng, những người con đơn sơ bé nhỏ nghèo khó mà tôi yêu thương thắm thiết. Qua đó, Ngài chỉ cho tôi thấy ý nghĩa cuộc đời Linh mục mà tuổi thanh niên của tôi hằng thao thức. Chính đời sống của họ nhắc nhở và dạy cho tôi biết sống Tin Mừng của Chúa Giêsu, biết chia sẻ, biết sống hư hao mòn mỏi cho anh chị em Dân tộc, và nhất là loại xa nếp sống hưởng thụ, trưởng giả mà con người ai cũng ít nhiều bị lây nhiễm.

Tiếp đến tôi còn thấy phải tạ ơn Chúa vô vàn vì có lần Ngài đã ban cho tôi sống một giai đoạn cực kỳ nguy hiểm, có lúc đương đầu với cái chết nói được là đường tơ kẽ tóc, thời gian hai cha trong Giáo phận đã ra đi với cái chết đẫm máu cũng như nhiều anh em Linh mục thời bấy giờ ít hay nhiều đã trải qua những giờ phút vô cùng đau khổ. Tạ ơn Chúa vì những giờ phút nguy hiểm đó mà tôi nhận thấy con người được thanh luyện, được bay lên cao hơn và ý thức về lý tưởng Linh mục nhất là được sống thân mật gần gũi Chúa hơn bao giờ hết. Không chỉ lúc bấy giờ nhưng ngay lúc này tâm tình vẫn còn hứng khởi mỗi khi tôi hồi tưởng đến những giờ phút đó.

Nhờ qua những cảnh âm u đen tối đầy nguy hiểm cận kề cái chết mà tôi cảm thấy mến thương anh chị em dân tộc của tôi, biết đồng cảm với họ và sẵn sàng sống chết với họ. Đây cũng là dịp tôi thấy cần cảm tạ Chúa vô vàn. Tất cả là ơn của Chúa.

Tôi nhớ mãi lời một cha già người Pháp bạn thân của tôi biết tôi ở trong vùng nguy hiểm đã có lần vừa mỉm cười vừa nói với tôi một cách thân tình và hóm hỉnh: Cậu chưa có chết đâu, tội lỗi nhiều cần phải sống để đền tội đã. " Lời nói đùa nhưng phản ánh một phần sự thật.

Nói đến đây tôi đột nhiên liên tưởng đến một câu chuyện trong tiểu thuyết: Một vị Linh mục nọ sống trong thời kỳ cấm cách. Ông nghiện rượu và mang tiếng tình cảm lăng nhăng. Ông bị người ta truy nã. Hoảng hốt ông vượt biên. Nhưng khi nghĩ đến đoàn chiên bơ vơ, ông chỉ lẩn quẩn vùng biên giới chờ dịp trở về giúp đỡ họ, bất chấp hiểm nguy. Ngày nọ có tên phản bội đánh lừa bằng cách báo tin có người sắp chết cần gặp ông. Ông vội trở về. Ông bị bắt và bị xử bắn.

Qua câu chuyện, tôi muốn nói lên chân lý này: "Chúa trao ban chức Linh mục trong bàn tay con người đầy những yếu đuối có khi lọ lem, đồng thời cũng ban cho họ quả tim người cha người mẹ biết yêu thương và hy sinh cho đoàn chiên. Quả tim có pha giọt máu của Chúa. Ôi thật lạ lùng! Tuy là chuyện tiểu thuyết nhưng cảm hứng từ thực tế.

Khi mừng Kim Khánh Linh mục trùng với ngày kỷ niệm mẹ tôi qua đời, tôi biết ơn mẹ tôi vô vàn vì mẹ đã dạy tôi từ bé lòng quyến luyến với Đức Maria. Những gương mẫu tốt lành của mẹ vẫn còn in rành rành sống động từng chi tiết trong trí óc tôi hôm nay. Lúc còn bé nhỏ vào những đêm hè nóng bức, tôi nhớ mãi mẹ tôi thức trắng đêm quạt cho tôi. Mỗi lần thức giấc tôi vẫn thấy mẹ vừa quạt vừa lần chuỗi. Mỗi khi đi đâu về gặp mẹ chụm lửa nấu cơm, tay vẫn lần chuỗi. Tôi xin lỗi anh chị em khi thuật lại vài chi tiết trên đây có tính cách gia đình riêng tư nhưng qua những chi tiết đó tôi đã bắt đầu biết quyến luyến với Đức Maria và nhờ Mẹ Maria chuyển cầu mà tôi được làm Linh mục của Chúa.

Mỗi khi nói đến Linh mục, người ta tự nhiên nghĩ đến các bà mẹ. Có những bà mẹ có tâm hồn Linh mục. Họ siêng năng cầu nguyện cho các Linh mục, và có tài huấn luyện con và cầu nguyện cho con để con làm Linh mục. Con làm Linh mục là phần thưởng đặc biệt Chúa dành cho các bà mẹ. Tôi nói thế để chị em huấn

luyện và cầu nguyện cho con em từ thuở bé thơ. Trong việc huấn luyện con làm Linh mục, Đức Maria có một vai trò đặc biệt. Anh chị em đừng quên.

Mừng năm mươi năm Linh mục kể như là cuối cuộc đời của tôi, xin tất cả cầu nguyện cho mỗi một ngày còn lại được ghi đậm nét hai chữ trung chữ hiếu với Cha trên trời trong tất cả những gì mà tôi còn có thể làm để phục vụ Giáo Hội của Ngài.

Một lần nữa xin chân thành cám ơn cha sở và tất cả đã vui lòng đến dự Thánh Lễ tạ ơn hôm nay để cầu nguyện cho tôi.

Nhờ sự bảo trợ của Mẹ Maria, nhờ lời chuyển cầu của thánh Anrê Tông Đồ mà chúng ta mừng lễ hôm nay xin Chúa thương chúc lành cho tất cả anh chị em và các em các cháu.

Thánh lễ Noel tại nhà thờ Cồn Dầu năm 2006

Incundo adsumus animo Venerabili Fratri Petro Trần Thanh Chung, Episcopo emerito dioecesis Kontumensis, cui, quinquagesimam anniversariam memoriam recolenti post acceptam sacerdotalem ordinationem, ex animo gratulamur atque, pastoralia laudantes quae patravit opera, Apostolicam Benedictionem, benevolentiae Nostrae testem, ei peramanter in Domino elargimur.

Ex Aedibus Vaticanis die XII mensis Maii anno MMV.

Hân Hoan Mừng 50 Năm

ngày

Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung

được

Thụ phong Linh Mục

1955 - 25.8 - 2005

Trong tâm tình gắn bó, Tôi hướng tới Hiền-Đệ đáng kính Phêrô TRẦN THANH CHUNG, Giám Mục nghỉ hưu Giáo phận Kontum và chân thành chúc mừng Lễ Kim Khánh Linh Mục của Hiền-Đệ. Tôi khen ngợi Hiền-Đệ đã hoàn thành thật tốt đẹp công việc mục vụ và hân hoan gửi Phép Lành Toà Thánh như là bảo chứng lòng ưu ái của Tôi với Hiền-Đệ trong Chúa.

Từ Điện Vatican, ngày 12 tháng 05 năm 2005.

LỄ NGÂN KHÁNH GIÁM MỤC

22. 11. 2006

Lời nói đầu

Kính thưa Đức Cha Micae, Đức Cha Alexi, Cha Tổng Đại Diện, quý Cha, quý Tu sĩ nam nữ, các Yao phu Ban Chức Việc và toàn thể Cộng đồng dân Chúa, Trước hết tôi xin chân thành cám ơn Đức Cha và anh chị em có nhã ý đến dự lễ ngân khánh giám mục của tôi, để cùng với tôi tạ ơn Chúa về hồng ân Chúa đã ban cho tôi được phục vụ trong chức năng giám mục. Thật thế phục vụ là một hồng phúc. Hồng phúc đó Chúa đã ban cho tôi cũng như cho anh chị em chúng ta cùng chung vai sát cánh

làm việc trong cánh đồng mênh mông bát ngát rừng núi Tây Nguyên này mà Chúa giao cho tất cả chúng ta.

Hai mươi lăm năm qua đôi khi chúng ta không dám nhìn lại vì có lúc nó giống như con đường cong queo khúc khuỷu đầy hiểm trở. Nhưng tôi xác tín rằng tất cả là tình thương của Chúa .

Tôi cám ơn anh chị em đã nâng đỡ tôi, cầu nguyện cho tôi và cộng tác với tôi trong những giờ phút an vui sung sướng cũng như những ngày đầy khó khăn trăn trở. Ước gì trong bất cứ hoàn cảnh nào, đời chúng ta là một lời hát mừng tạ ơn liên tục như thánh nữ Xêxilia mà chúng ta mừng kính hôm nay. Xin ngài chuyển cầu cho chúng ta.

Và hôm nay cũng là Bổn Mạng của các ca đoàn. Nhân dịp này xin thay mặt cộng đoàn chúc mừng lễ của các anh chị các em các cháu trong các ca đoàn giáo phận biết noi gương ngài biết dùng lời ca tiếng hát đem lại niềm vui và lòng sốt sắng trong giáo phận thân yêu của chúng ta.

Ơ iem đe nhong mơmai oh,

Mă gơgơl jat, inh đei nơr hmach duh bơnê kơ iem đei adrin năm hoang gum plang xoi păng khop kơ inh năr âu ji năr tơkuh bar jit pơđăm xơnăm jing bok xoi tih. Kơplah bar jit pơđăm xơmăm Bă Yang xang ăn kơ inh lơ lang lơ leng ai lơng - ro wă gum inh jang mă keh duh pu mă xơn xơnong hngăm hngo mă Di pơjao. Be iem dah gum inh bơnê kơ Di dăp đon.

Inh duh bơnê kơ iem đe mă oei tơ âu thoi đe mă oei tơ tơring ataih ateng, ah chăl anat anot iem đei gum inh, mơnah păng bơr khop, mơnah păng tơdrong pring - dol inh. Bă yang băt kơ iem mă nhôn duh băt jat kơ iem. Bơn pơyup đon bơnê kơ Di.

Kuă kiơ dôm năr erih bơn jing tơdrong hat lơng - ro xô - xôn wă tơbôh đon băt kơ Bă Yang thoi Yă adruh Xêxilia mă bơn jom năr âu. Apinh di khop tang bơn.

Di duh ji me xơđơng dôm khul hat lơm Pung Khop Kontum. Tang măt bôl, inh đei nơr thơthâu lơng kơ iem păng khop kơ iem.

Chia sẻ Tin Mừng.

Anh chị em thân mến,

Thánh Augustinô nói: "Cùng với anh chị em, tôi là Kytô - hữu, cho anh chị em tôi là giám mục"

Giáo hội là mẹ của chúng ta. Mỗi người phục vụ Giáo hội tùy theo địa vị và chức năng; giám mục có trách nhiệm nặng hơn vì là người hướng dẫn cộng đoàn. Tất cả người con trong Giáo hội bất kỳ ở địa vị nào hay giữ chức năng nào cần phải có một tâm tình: tin tưởng và mến yêu Giáo hội.

Nhân dịp lễ ngân khánh giám mục của tôi, tôi xin suy diễn vài tư tưởng trên đây.

Từ mấy chục năm nay trên thế giới ai cũng nhận thấy có tình trạng khủng hoảng về tôn giáo. Khủng hoảng về tôn giáo đa phần và trước hết bắt nguồn từ khủng hoảng về Giáo hội. Có người không tin Giáo hội nhưng chỉ tin vào Chúa Kytô. Sở dĩ không tin vào Giáo hội vì họ thấy Giáo hội mang nặng tính con người.

Chúng ta cần có suy nghĩ đứng đắn hơn. Giáo hội không phải là một hội đoàn mình muốn tin hay không tin, thích hay không thích nhưng

Giáo hội là của Chúa Kytô,

Giáo hội và Chúa Kytô là một.

Giáo hội chính là đối tượng lòng tin của chúng ta.

Nếu không sống theo chiều kích Giáo hội thì chỉ là sống trôi nổi lềnh bềnh, lạc lõng. Chiều kích Giáo hội đây chính là chiều kích của Thiên Chúa làm Người. Giáo hội là Giêsu Kytô nối dài. Yêu mến Giáo hội chính là yêu mến Chúa Kytô. Yêu mến Chúa Kytô mà gạt bỏ Giáo hội thì không còn là kytô - hữu đích thực nữa. Giáo hội trong giáo phận này hay giáo phận khác, Giáo hội hôm qua hay hôm nay cũng là gương mặt duy nhất của Chúa Kytô. Phải yêu mến Giáo hội với cái nhìn đức tin. Nếu không có cái nhìn đức tin rõ ràng về Giáo hội thì chúng ta không thể thức tỉnh một tình yêu đích thực. Giáo hội không phải là một nhóm người nào xa lạ, nhưng là cộng đoàn. Nói cộng đoàn là nói yêu thương, tin cậy lẫn nhau và nhất là xây dựng cho nhau.

Một ví dụ rất cụ thể: một nhóm người phao tin Đức Mẹ hiện ra dạy phải làm những điều này điều nọ bất chấp giáo lý của Giáo hội, bất chấp sự can thiệp của giám mục hay của anh chị em trong cộng đoàn. Chúng ta hãy đề phòng kẻo mắc mưu ma quỷ.

Khi Đức Mẹ hiện ra tại Lộ Đức, Ngài bảo Bernađet hãy đến trình với cha xứ để Mẹ có một nhà thờ. Trình bày với cha xứ tất nhiên cha xứ sẽ có ý kiến của giám mục.

Thánh Ynhaxiô Antiokia nói: "anh em đừng làm gì mà không có giám mục và Linh mục của ngài. Hãy gắn bó với giám mục và Thiên Chúa sẽ gắn bó với anh em."

Chúng ta nhớ rằng Chúa không giao Giáo hội cho thiên thần nhưng giao cho bàn tay con người có khi đầy những khuyết điểm. Nếu chúng ta mong đợi một Giáo hội hoàn hảo trăm phần trăm thì không bao giờ có. Giáo hội luôn luôn có

thiện chí tìm cách đổi mới để trở nên Giáo hội của mọi thời đại. Chúng ta thấy sau mỗi Công Đồng, bà mẹ Giáo hội đẹp ra và duyên dáng trẻ trung hơn, hấp dẫn hơn và đó không chỉ là công việc của các vị chủ chăn mà của mỗi người trong chúng ta nữa.

Chúng ta hãy yêu mến Giáo hội bất cứ trong hoàn cảnh nào, nhất là khi chúng ta chịu đau khổ vì Giáo hội cũng như có lúc đau khổ do Giáo hội gây nên.

Chúng ta thử xem Phanxicô assisi và Linh mục Lutêrô, hai con người cùng đứng trước thảm trạng phân hóa và gương xấu trong Giáo hội nhưng có những phản ứng khác nhau. Lutêrô bất mãn ly khai Giáo hội và lập giáo hội mới. Và từ đó không biết bao nhiêu là giáo phái khác nhau. Trái lại Phanxicô đau khổ không kém nhưng ngài đã sống thánh thiện nghèo khó suốt đời để xây dựng Giáo hội cho đẹp hơn.

Mỗi ngày Chúa nhật, đặc biệt các ngày lễ trọng, chúng ta cảm thấy sung sướng vì là dịp gặp gỡ anh chị em trong cộng đoàn đông đủ hơn, nhất là khi có giám mục cùng với Linh mục đoàn dâng lễ để cầu nguyện, để nhắc nhở nhau cũng như củng cố niềm tin cho nhau.

Một nhà bác học nọ có lần nói: ngày Chúa nhật tôi dự lễ, tôi cảm thấy sung sướng được gần gũi anh chị em trong cộng đoàn, được ngồi chung một ghế với họ đa số là những người lao động vất vả không có trình độ như tôi nhưng tôi cảm thấy yêu mến họ hơn và nhất là học hỏi nơi họ niềm tin yêu đơn sơ chất phác, lòng khiêm nhường cũng như lòng mến yêu Giáo hội tha thiết. Như thế lòng mến yêu Giáo hội không chỉ là vấn đề hiểu biết, vì có nhiều thần học gia danh tiếng nhưng thật đáng tiếc đời sống đức tin đối với Chúa và Giáo hội thật kém cỏi. Vì thế đây là dịp nhắc nhở chúng ta tạ ơn Chúa đã cho chúng ta được sinh

ra trong Giáo hội của Chúa. Đây là một hồng ân mà có lẽ chúng ta chưa lưu ý đủ. Cha T. de Chardin nói: "Giáo hội là một cộng đoàn có tình yêu lớn nhất, không có thể tìm đâu cho ra trong thế giới này.

Đức Hồng Y Etchegaray - ngài qua Việt Nam hai ba lần, tôi đã có dịp gặp ngài tại Đà Nẵng Huế và Hànội cũng như lần khác ở Rôma - ngài thuật lại câu chuyện: một dịp nọ lúc ban phép Thêm Sức bên Pháp có một cậu thanh niên đứng lên nhìn ngài chòng chọc và hỏi: Thưa Đức Cha, có 12 vị Tông Đồ, vậy Đức Cha kế vị Tông Đồ nào. Ngài đáp lại ngay tức khắc: kế vị cả 12 Tông Đồ luôn.

Qua câu trả lời của Đức Hồng Y, chúng ta thấy phục vụ giáo hội địa phương hay Giáo hội toàn cầu là một Giáo hội duy nhất. Chúng ta nên có một quan niệm hợp lý hơn, không chỉ nhìn thấy một Giáo hội có ranh giới địa lý nhưng là một Giáo hội cốt tử, cơ bản, toàn cầu: xung quanh giám mục Linh mục với một phần dân Chúa sống chặt chẽ mầu nhiệm Giáo hội một cách chính thức. Tất cả cùng nhìn lên cộng đoàn 12 Tông Đồ gương mẫu đã bỏ mọi sự theo Chúa và sống rất liên kết mật thiết với nhau, chứ không nói Giáo hội của thánh này hay thánh nọ.

Nhân ngày ngân khánh giám mục của tôi hôm nay, dịp tốt mời gọi chúng ta hiệp ý cầu cho nhau để qua thời buổi khủng hoảng trên thế giới và ngay trên cõi đất Việt Nam, cầu nguyện để chúng ta ngày càng tin vào Giáo hội và mến yêu Giáo hội cũng như kề vai sát cánh

Dịp Ad Limina năm 2002

làm việc để xây dựng Giáo hội trên phần đất quê hương của chúng ta. Dù sống dù chết, chúng ta xin Chúa cho chúng ta cảm thấy hạnh phúc được luôn luôn ở trong Giáo hội của Chúa.

Xin anh chị em cũng cầu nguyện cho tôi để những năm tháng cuối cùng trong cuộc đời vẫn làm một cái gì ích lợi cho Giáo hội tùy khả năng, cám ơn anh chị em.

Ơ iem đe nhong mơmai oh,

Xtô Augustinô đei khan: Iem ji kon Bă Yang, inh duh ji kon Bă Yang păng iem. Chong inh ji Bok xoi tih wă chơng - nhăk iem.

Inh wă pơma minh bar nơr păng iem gah tơdrong ngua, tơdrong băt kơ Bôl Dieng.

Bôl Dieng ji Me bơn. Rim nu bơn athâi hoang jang gum Bôl Dieng kiơ xơnong tơngla. Bok xoi tih đei xơnong hngăm loi yor di athâi chơng - nhăk đe kon Bă Yang. Đi đăng bơn athâi đei đon lui - ngua, đon băt kơ Bôl Dieng. Bôl Dieng âu ji poGiêsu xang pơjing. Giêsu păng Bôl Dieng ji minh. Mă Bôl Dieng lơm Pung khop mă Bôl Dieng jâp teh duh ji minh. Bôl Dieng chơng - nhăk bơn lơm đon lui. Tơng uh kơ đei Bôl Dieng chơng - nhăk, bơn gô rơwơng kơ trong, bi gơh bôk trong lơng - jue mă Giêsu tơbôh ăn. Tơ noh nai jâp teh pho đei tơdrong xơl wơl, tơdrong rơwơng - rơwo lơm tơdrong khop yor bi lui - ngua kơ Bôl Dieng.

Pho đei bơngai khan: bi kăl lui kơ Bôl Dieng, pôm lui kơ Giêsu đik ji bo boih. Tơng khan thoi noh bơn uh kơxi kon Bă Yang, duh uh kơxi đam Giêsu. Po Giêsu xang khan: Bu bi lui - ngua kơ bơr Bôl Dieng, athâi năng hăp thoi đe agah. "

Bă Yang bi pơjao Bôl Dieng kơ anjơlê chong Di pơjao kơ kon bơngai. Pă jor ti kon bơngai pho bruh - brăm biơ, Giêsu lơle tơdrong ei boih, chong lơm tơdrong lui, lơm tơdrong erih - xa

kăl - hăt, Di ling oei păng hăp wă chơng hăp.

Pho đei bơngai khan dơng: nhôn lui kơ Me Maria pluk tơ Plei nhôn, nhôm pôm lui kơ tơdrong Di bơtho đik, bi kăl kơ pơm kikiơ anai.

Ji hơkô - hơkap Xamăt boih, bơn athâi kơchăng iu gô jing răm hlong hloi păng hăp lah!

Tơ Plei Lourdes, Me Maria athâi Bernadette năm apinh kơxi bu bu anai, chong apinh bok xoi Plei bơ ăn kơ Di minh pôm hnam khop. Bok xoi duh bi khin pơm kikiơ kơdih, chong năm ră kơ bok xoi tih mơi. Adroi kơ bơ hnam kơ Me Maria, bok xoi tih athâi chă năng âu ji Me Maria dơng plenh dah Xamăt chă pơpơm Me Maria.

Xtô Ynhax Antiokia đei khan: "Iem ne pơm kikiơ mă bi đei bok xoi tih păng bok xoi di. Iem athâi oei - xa nhan klep păng bok xoi tih iem, BY gô oei nhan - klep kơjâp păng iem"

Bơn athâi ngua kơ Bôl Dieng. Mă loi bơn athâi băt kơ Bôl Dieng thoi Me tơngla kơlih Giêsu xang pơjao tôm tơdrong kơ Bôl Dieng, mă Bôl Dieng lơm Pung Khop dah Bôl Dieng jâp teh duh lelăi. Bôl Dieng rơneh bơn jing kon Bă Yang lơm Adieng Nhao, Bôl Dieng pơhrok jơhngâm bơn păng Yang Ai, Bôl Dieng pơklaih tơdrong ioch bơn lơm tơdrong mut hnhơm, xem - me bơn lơm Adieng Akâu - Pham Giêsu, hơtuch Bôl Dieng pik đak yâu ah jơ wă lôch păng chơng - nhăk bơn truh tơ măng plenh.

Ah plang xoi dang ei bơn apinh Bă Yang ăn kơ bơn mă lôch mă erih, bơn ling oei lơm Bôl Dieng Rôma, Bôl Dieng mă Giêsu xang pơjing.

Inh duh apinh iem khop kơ inh di. Bơnê kơ iem.

Venerabili Fratri Petro Trần Thanh Chung,
Episcopo emerito Kontumensi, proxime celebranti
feliciter quinque lustra a suscepta episcopali ordina-
tione, frugiferos missionalis labores pro Dei Ecle-
sia in Vietnamia, memores gratulamur; dum pre-
cantes faustissima quaeque, eidem Apostolicam
Benedictionem libentes impertimur; caelestium
donorum conciliatricem ac signum fraternae
Nostrae communionis cum eo in Christo Domino.

Ex Aedibus Vaticanis, die XIX mensis Octobris, anno MMVI

Hân Hoan Mừng 25 Năm

ngày

Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung

được

Tấn phong Giám Mục

1981 - 22.11 - 2006

Kính gửi Hiền-đệ quý mến Phêrô Trần Thanh Chung,
Giám Mục nghỉ hưu Giáo phận Kontum, chuẩn bị mừng Lễ Ngân Khánh Giám Mục.
Với tâm tình tri ân, Tôi hân hạnh ghi nhận công cuộc truyền giáo của Đức Cha
đã mang lại nhiều hoa trái tốt đẹp cho Giáo Hội Việt Nam.
Cùng với lời chúc mừng tốt đẹp nhất, Tôi hân hoan ban Phép lành Tòa Thánh
như bảo chứng muôn vàn ân thánh và dấu chỉ hiệp thông huynh đệ
với Đức Cha trong Chúa Kitô.

Từ Điện Vatican, ngày 19 tháng 10 năm 2006.

HỒI KÝ KƠBEY (1958 – 1966)

SỨ VỤ MỤC TỬ TRƯỚC 1975

Mến tặng
anh chị em giáo dân Địa sở Kơbey, nơi tôi đã phục vụ
những năm tháng đầu tiên đời Linh mục của tôi.

Những biến cố thuật lại trong Hồi Ký này từ năm 1958 đến 1966, cách đây gần 50 năm. Theo lời yêu cầu nhiều người bạn và các cháu, tôi cố gắng ghi lại trung thực. Tính trung thực lịch sử đương nhiên làm nhiều người trong xã hội hôm nay không mấy hài lòng về những danh xưng và tâm trạng nghi kỵ hoặc những ngày tháng kinh hoàng của anh chị em giáo dân Jarai - Halăng chúng tôi thời bấy giờ. Cái gì đã qua là đã qua. Chúng tôi không bao giờ có mưu đồ chính trị hay mảy may oán hận.

Hồi ký Kơbey gồm ba giai đoạn:

- Thời bình từ 1958 đến tháng 9 năm 1960.

- Thời buổi kinh hoàng từ tháng 9 năm 1960 đến cuối 1963.

- Di tản về PleiKrong đầu 1964 đến tháng 9 năm 1966.

THỜI BÌNH TỪ 1958 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 1960

TÔI ĐI TÂN CẢNH

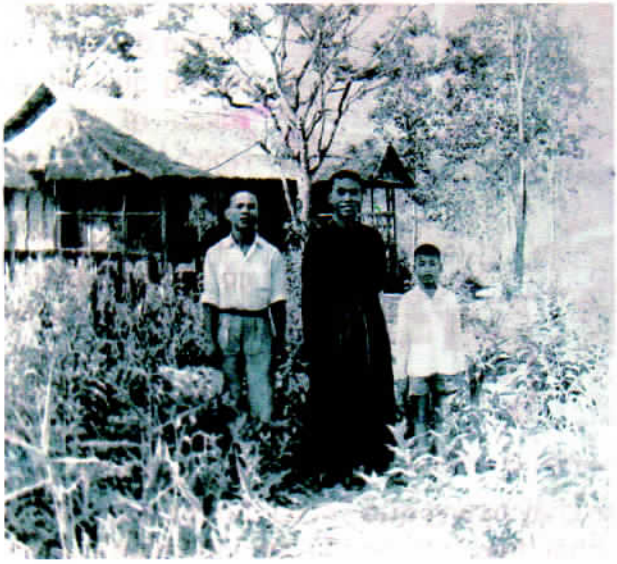

Cha sở Tân Cảnh chụp cùng Tý và Nguyệt
(ảnh chụp 1957)

Sau khi mãn Đại Chủng Viện Saigòn, tôi được Đức Cha Phaolô Seitz KIM phong chức Linh mục ngày 25 tháng 8 năm 1955, tiếp đó được chỉ định làm quản lý và dạy học tại Chủng Viện Thừa Sai liền hai Niên Khóa 1955 - 1957 thời cha Thomann làm Giám đốc. Vào thời gian này, tôi không nhớ rõ trước hay sau việc bổ nhiệm quản lý, tôi đã được Đức Cha chỉ định làm tuyên úy quân đội theo lời yêu cầu của Chính Quyền thời bấy giờ. Tôi đã đi làm thủ tục tại Sư Đoàn 22 (?) thời Trung Tá Vinh. Tôi đã chân thành trình bày với Đức Cha tôi không thiết tha gì với nhiệm vụ tuyên úy quân đội nhưng hoàn toàn tuân theo ý ngài. Ngài đã suy nghĩ và giải thoát cho tôi.

Tháng bảy năm 1957, tôi được bổ nhiệm làm cha Xứ tại

Cha sở Tân Cảnh ngồi nhà sàn

NGÃ BA THÁNH GIÁ. Từ Kontum theo Quốc lộ 14 lên 42 cây số, bên phải là đường đi Đak Tô, rẽ trái là đường qua cầu sông Đak Tơkan đi Đak Mot, tức Ngọc Hồi bây giờ. Thánh Giá được các cha Thừa Sai dựng từ lâu và sau biến cố 1975 đã biến mất. Địa - điểm Ngã Ba Thánh Giá còn được các binh sĩ Trung Đoàn 22 đóng tại đấy đa số người Miền Nam đặt tên là Đak Tà Cành, vì con sông Takan chảy ngang qua. Tôi đã cho địa danh này mang tên Tân Cảnh nhái theo hai tiếng Takan nghe thanh tao hơn đồng thời cũng là tên Giáo Xứ đầu tiên của tôi, vả lại lúc đó toàn là người kinh.

Thế là tôi làm cha xứ Tân Cảnh và kiêm luôn cả Đak Tô cách đó sáu cây số. Đak Tô lúc đó cũng vẻn vẹn đôi ba nhà buôn và một đại đội lính Bảo An, đa số là người công giáo. Cũng như ở Tân Cảnh, tôi được chỉ định để phục vụ người Kinh.

Sau biến cố 1975, Huyện Đak Tô được dời xuống thế cho Tân Cảnh và một xã mới mang tên Tân Cảnh nằm trên con đường đi Ngọc Hồi. Đak Tô cũ được mang tên là Kon Đào, tên một làng gần đấy. Tôi giải thích hơi dài dòng vì hậu sinh không phân biệt những thay đổi sau biến cố 1975.

Ngay khi tôi đến Tân Cảnh, Cha Beysselance, cha sở Đak Mot đã có nhã ý nhờ làng Kon Hơjao, người Kinh gọi là Kon

Cheo, họ đạo của ngài, cách đó ba hay bốn cây số, làm cho tôi một nhà sàn bằng tranh. Kẻ qua người lại nhất là lính Trung Đoàn ai cũng khen là nhà đẹp, vì tại đây duy nhất nhà tôi là nhà kiểu cách dân tộc. Và lính Trung đoàn cũng đã vui lòng cất cho tôi một nhà thờ tranh, sau này cha Nguyễn Quang Huy tiếp đến cha Nguyễn Trung Hưng đã xây bằng vật liệu nặng và có cả hang đá Đức Mẹ nữa nhưng với biến cố 1975 tất cả đã biến mất chỉ còn lại đống gạch kỷ niệm thời xa xưa. Ai cũng hy vọng sẽ có thời mở cửa và nhà thờ sẽ được xây cất trên nền nhà thờ cũ.

Giáo dân của tôi gồm các gia đình binh sĩ và anh chị em buôn bán không quá một trăm người! Cha sở tuổi ba mươi coi sóc một Giáo xứ với 100 giáo dân! Dường như Đức Cha có lần đã mỉm cười với tôi nhưng ngài chủ tâm đặt tôi ở Tân Cảnh có một ý nghĩa riêng. Tôi đoán thời buổi đó dường như Đức Cha gặp khó khăn với Chính Quyền Ngô Đình Diệm về vấn đề Dân tộc. Phía bắc Kontum gồm các dân tộc Sơđang, Jeh, Triêng và được giao cho các Linh mục toàn là người Pháp. Số Linh mục Việt nam thời đó rất ít và phải phục vụ các xứ giáo dân Việt Nam tại Kontum và Pleiku. Vì thế sự hiện diện một Linh mục Việt nam tại Tân Cảnh sẽ làm bớt căng thẳng, tôi suy đoán thôi. (Thời đó cha Beysselance và Chastanet sở Đak Mot, cha Dujon và Arnould phía Bắc Kontum)

Tôi ở Tân Cảnh tám tháng, từ tháng 7 năm 1957 đến Mùa Phục Sinh 1958. Tiếp đó được bổ nhiệm đi PleiKơbey thay cha Joachim Nguyễn thúc Nên vì đau yếu lâu ngày cần đi chữa bệnh và xin chuyển đi sở khác. Việc bổ nhiệm đi Kơbey thật thích hợp với sở nguyện của tôi. Dường như trước kia tôi đã có lần gợi ý với Đức Cha về vấn đề tôi thích đi truyền giáo cho anh chị em Dân tộc, chỉ gợi ý thôi. Vì tôi xác tín rằng Linh mục phải hoàn toàn lệ thuộc Đức Giám Mục để ngài tự do bổ nhiệm.

Thế là tôi chuẩn bị đi nhận sở mới. Việc cần thiết đầu tiên là phải có một con ngựa làm bạn đường rừng. Tôi mua lại ngựa của Đại úy Ứng ở Trung Đoàn đóng tại sân bay Tân Cảnh, giá năm nghìn tám. Đây là ngựa hồng, rất đẹp, trông oai vệ, đuôi dài chấm đất. Nhà buôn gọi nó là ngựa quan, họ kiêng kỵ không dám mua vì sợ buôn bán ế. Thời bấy giờ các nhà buôn người Kinh vào các làng Thượng dùng ngựa để chuyên chở hàng hóa vì đường xe chưa có, vả lại xe máy cũng còn rất hiếm. Việc đi lại của các Linh mục cũng cần những phương tiện tương tự. Tôi không thích gì ngựa quan, bất đắc dĩ phải mua vì không tìm được con nào khỏe và vừa túi tiền hơn. Chỉ mỗi tội ngựa bất kham lính Trung Đoàn ai cũng cỡi thử nhưng đều bị nó cho nằm đất. Tôi đoán vì lý do đó viên đại úy đã bán lại cho tôi với giá tương đối rẻ. Thế mà suốt thời gian ở PleiKơbey nó vẫn kính nể tôi, chưa bao giờ dám chơi xấu với ông Linh mục tuổi cọp này. Chỉ có Ngiu người giúp việc Jarai của tôi cũng được nó thường cho ít nhất là ba lần nằm đất! Có lần suýt chết! Mỗi lần về Hội Đầu tháng, tôi cỡi ngựa đi ngang qua phố xá Kontum để về Toà Giám mục, ai cũng trố mắt nhìn, khúc khích cười và lấy làm thích thú.

Các cha già còn khuyên tôi mua một khẩu súng săn, cần có thịt rừng, vì từ Kơbey phải cuốc bộ mất cả ngày đường mới tới chợ. Vì non trẻ chưa kinh nghiệm, sau này tôi thấy chẳng cần tới súng bao nhiêu, nhưng chỉ cần một tấm lưới là đủ, cá suối la Sir với rau dớn đầy rừng là quá sướng rồi. Các cha già thương và lo lắng cho tôi lắm. Theo lời khuyên các ngài, tôi cũng cố gắng

gom góp vốn liếng để mua một khẩu súng giá bảy nghìn. Tiếp đó tôi mua một máy đánh chữ hiệu Princess giá hai nghìn tám trăm đồng. Chữ nhỏ và đẹp. Máy đánh chữ thật cần thiết cho mục vụ hằng ngày và giúp làm việc hứng thú hơn. Lúc tôi sắp phong chức Linh mục, mẹ cho tôi một số tiền để mua chén thánh bên Pháp nhưng thuế quan cao quá tôi đành phải mua tại Sàigòn rẻ hơn, như thế số tiền dành dụm và tiền lễ mỗi tháng Đức Cha cấp cho đủ sắm tất cả những vật dụng cần thiết, không phải mượn ai. Mỗi tờ lễ ba mươi ngày thời bấy giờ là hai nghìn bảy trăm đồng. Và mỗi tháng Cha Jacques quản lý cũng vui vẻ cho đều đặn. Những điều tôi ghi đây có vẻ nhỏ nhặt nhưng các bạn cũng như các cháu thời nay thích biết giá sinh hoạt thời xưa đồng thời cũng muốn biết những hành trang để "đi Thượng" thời bấy giờ. Một chiếc xe đạp từ năm trăm đến một nghìn. Nếu còn phải nói thêm cho vui thì một gói Bastos xanh giá một đồng rưỡi. Thời bấy giờ họ thường gọi chơi với nhau là thuốc Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi cũng cảm thấy sung sướng phần nào vì được hút thuốc của Tổng Thống! Tôi đã đa mang tật hút thuốc từ năm 1946, lúc tuổi hai mươi, thời kỳ chủng viện tạm đóng cửa để về làm việc giữa đời.

Thế là mọi phương tiện đã được chuẩn bị để nhận sở mới.

TÔI ĐI PLEIKƠBEY

Theo thiển ý tôi lúc đó, truyền giáo Kơbey đúng là lý tưởng thừa sai Kontum. Nhất Kon Mahar nhì PleiKơbey vì phải băng rừng vượt núi lội suối qua sông, không có đường xe máy hay xe hơi. Được đi Plei Kơbey thật là niềm vui tuyệt vời. Nhất là từ khi tôi bắt đầu lên các lớp lớn, thời gian này tôi được mục kích các cha già Việt Pháp mỗi khi các ngài về hội đầu tháng, kẻ đi xe đạp, người đi ngựa, thật vất vả, nhưng vẫn luôn tươi cười sung sướng. Nhất là trong những thời gian nghỉ ngắn hạn đôi khi có dịp tới sở các ngài, nhìn xem phương pháp làm việc hoặc cách sống của các ngài. Vào quảng 15 hay 16 tuổi, có lần cả chủng viện được đưa lên Võ Định để nghỉ lại vài ngày, địa sở nửa Kinh nửa Thượng của cha Simon Thiệt, người đồng hương với tôi. Ngài sống rất đơn sơ, khó nghèo, nhất là rộng rãi, một gương mặt mà có lẽ trong đời tôi ít khi thấy. Ngài mổ heo mổ bò để đãi các chủng sinh. Một cha Pháp nói về ngài : "Trong thế giới ít có ai rộng rãi dễ thương như cha Thiệt."

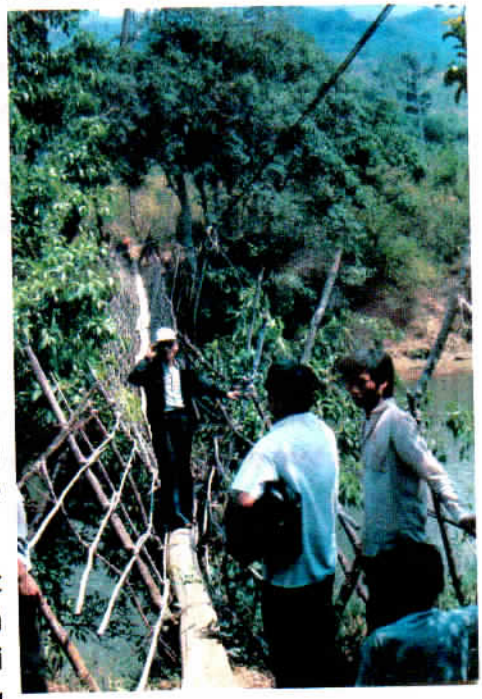

Đường rừng

Sau khi lãnh chức Linh mục, các cha già đã xin Đức Cha Kim cho hai anh em Linh mục chúng

tôi, Trinh và Chung, được đi du học nhưng không hiểu vì sao Đức Cha đã từ chối, có lẽ vì Giáo phận thời bấy giờ còn quá thiếu Linh mục. Nhưng được đi Plei Kơbey quả thật đối với tôi là hạnh phúc. Dạy học ở chủng viện hay đi du học đối với tôi chỉ là chuyện ngoài lề. Sau những biến cố 1945 - 1947, lớp cha Lê Quang Trinh chỉ còn mình ngài, và lớp tôi duy nhất mình tôi. Bao nhiêu người bạn lớp của cha Trinh hay của tôi gần như buông xuôi vì thấy thời cuộc khó khăn ngày càng kéo dài có lẽ đã lập gia đình cả rồi. Ngài là người bạn lớp dưới tôi được Đức Cha chỉ định thế chân tôi dạy ở Chủng viện. Ngài tỏ ý tiếc không được may mắn như tôi. Ngài không được đi Kơbey thì ít nữa cảm thấy hạnh phúc lây với tôi khi tiễn chân tôi đi nhậm sở Kơbey!

Một buổi chiều đẹp trời Mùa Phục Sinh năm 1958, hai anh em chúng tôi lên đường đi Plei Jơdrâp cách Kontum quãng 20 cây số để ngủ đêm tại nhà cha Lưu Phương. Sở dĩ nghỉ đêm tại đây vì Kơbey là sở nhánh của ngài từ đây được Đức Cha tách giao cho tôi, đồng thời để quảng đường ngày hôm sau bớt vất vả. Cha đã báo trước giáo dân Kơbey xuống đón tôi về Sở mới.

Sáng hôm sau đoàn tùy tùng gồm mấy chục anh em Kơbey gùi sách vở và vật dụng của tôi. Cha Trinh đi xe đạp và nhường ngựa cho tôi. Chỉ có một con ngựa, chưa có tiền mua thêm một con nữa cho có bạn. Đi xe đạp có khi vất vả hơn đi bộ vì phải lên dốc nhiều lần. Có những dốc dài thoai thoải hàng cây số, đi bộ không cảm thấy mệt, chỉ ngồi trên xe đạp mới biết mình đang leo dốc.

Bỏ P.Jơdrâp, chúng tôi bơi sõng qua sông Đak Bla rồi rẽ trái thẳng lên Plei Krong, qua sông Pơkô và hướng thẳng về núi Nang Brai (Momray), dãy núi cao nhất vùng Tây Bắc Kontum, 1780 thước (theo bản đồ nhà binh Pháp, nhưng bản đồ mới của

Việt Nam 1580). Theo lời anh em dân tộc, quanh năm hầu như ngày nào đỉnh núi cũng có cụm mây nho nhỏ như tấm khăn vắt ngang trông oai vệ như vị thần quản trị toàn vùng. Dưới chân núi có suối Ia Sir bắt nguồn từ những rặng núi phía Halăng uốn lượn quanh các đồi hàng năm bảy chục cây số để rồi đổ xuống sông Pơkô và sau hết nhập vào thác Ia Ly.

Núi Nang Brai

Ia Sir là con suối lớn nhất vùng và cũng có thể nói là nguồn sống của các làng nằm dọc theo bờ suối. Chúng tôi phải qua suối này hai lần bằng cầu treo, một lần trước khi tới Plei Klêng và lần thứ hai trước khi vào làng Kơbey. Phải công nhận rằng tài nghệ dân Jarai thật đáng tưởng lệ vì cầu treo của họ làm thật đẹp và bảo đảm hơn cầu treo các làng khác mà chúng tôi đã từng đi qua trước đây. Cầu treo dài từ 20 đến 30 thước đan bện bằng những sợi mây lấy từ núi Nang Brai, có những sợi to bằng cổ tay. Cả đoàn người vai mang nặng nối đuôi nhau đi vừa nhún vừa nhảy thoải mái không chút e ngại. Còn ngựa thì phải lội suối.

Suối Ia Sir

Từ sông Pokô đến cầu treo Plei Klêng quãng hơn tiếng đồng hồ, và từ đây sau vài cây số chúng tôi đến làng Pơdư, đây là hai họ nhánh Jarai trực thuộc địa sở Kơbey. Từ Plei Pơdư đi hơn tiếng đồng hồ thì tới cầu treo thứ hai để rồi đặt chân đến vùng đất Kơbey.

Tôi cảm thấy đây là vùng đất thiêng từ giờ này Chúa giao trách nhiệm cho tôi. Kinh Lạy Cha đọc hằng ngày, tự nhiên hôm nay tôi cảm thấy mang nặng một ý nghĩa mới mẻ sâu sắc hơn, một tâm tình đậm đà thấm thía hơn. Cha của tất cả mọi người cũng là Cha của anh chị em Jarai - Halăng bé nhỏ nghèo khó sống nơi rừng núi xa xôi hiểm trở chưa ai biết đến bao nhiêu, người Cha mà tôi yêu mến và suốt đời Linh mục có bổn phận làm sáng tỏ gương mặt để họ mến yêu hơn. Đó là sứ mạng Chúa giao cho tôi. Hạnh phúc đem Tin Mừng của Chúa Giêsu dào dạt trong tâm hồn tôi hơn bao giờ hết. Trong đời tôi chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc như hôm nay. Tự nhiên tôi hồi tưởng đến những năm 1945 - 1947, lúc chủng viện vì thời cuộc phải đóng cửa, tôi về sống ở quê nhà và bất đắc dĩ để qua ngày đoạn tháng, tôi được cha Jeannin Gros chính xứ Đà Nẵng giới thiệu làm thông dịch viên cho Quân đội Pháp một thời gian ngắn tại thành phố cũng như trong các cuộc hành quân. Và sau đó các bạn thông dịch viên lại quyến rủ tôi đăng tên vào Trường sĩ quan Thủ Đức vừa mở cửa. Tôi lưỡng lự và sau đó dứt khoát từ chối. Tôi tưởng là đời chủng sinh đã tàn lụi không hy vọng gì có những ngày như hôm nay. Có lần tôi nghĩ đến đời sống tu Dòng hoặc lập gia đình như những người bạn nói trên đây. Đầu óc bấy giờ có vẻ mung lung lắm. Nhưng mỗi ngày mẹ

tôi vẫn an ủi nâng đỡ và cầu nguyện cho tôi và sau hết tôi đã được thơ cha Bề Trên gọi lại.

Nói đến mẹ tôi, tôi liên tưởng ngay đến xâu chuỗi trên tay của bà mỗi sáng mỗi chiều khi thức dạy cũng như trước khi đi ngủ. Tôi không biết mỗi ngày bà lần mấy chuỗi nhưng tôi xác tín rằng những xâu chuỗi đó dành cho tôi có ngày hôm nay, đồng thời tôi cũng xác tín rằng ơn gọi Linh mục của tôi được nảy sinh từ lòng sùng kính Đức Maria, người Mẹ mà tôi đã bắt đầu quyến luyến từ thuở nhỏ nhờ gương lành và lời mẹ tôi thúc đẩy cũng như thời chủng sinh nhờ cha Bề Trên G - B Décrouille thường nhắc nhở trong giờ huấn đức. Tôi nhớ rõ các giờ huấn đức của ngài luôn kết thúc bằng một hai lời về lòng mến yêu Đức Maria và nhất là đời sống đạo đức của ngài là tiếng nói mạnh nhất đang vang lên trong tôi.

Tôi đang mãi mê đuổi theo những ý nghĩ đó thì tiếng suối reo từ xa xa làm tôi thức tỉnh và nhớ mình đương đi lên Kơbey.

Trời đã ngả về chiều, những cơn gió thổi mạnh làm lay chuyển các cành cây bên bờ suối la Sir như chào đón chúng tôi. Cảnh trí thơ mộng tuyệt vời. Núi Nang Brai sừng sững hiện ra trước mắt. Bên phải, dãy núi Gor Tơng phát xuất từ phía Plei Krong như dẫn đường chúng tôi đến đây và tiếp tục chạy thẳng về phía Tây Bắc bao bọc các làng thuộc địa sở của tôi. Qua suối la Klo, chúng tôi bắt đầu thấy làng Kơbey với con đường thẳng tắp chạy vào nhà xứ.

Đường rừng

Được tin chúng tôi đến, anh chị em giáo dân vội vã ra đón, lòng thoả thuê mãn nguyện. Họ xầm

xì với nhau: "Hmâu ama do mơng ta boih! Có cha ở với mình rồi." Thấy chúng tôi, các em bé mỉm cười sung sướng nhưng vẫn còn e lệ và vội vã chạy níu áo mẹ. Níu áo mẹ nhưng vẫn ngoái lại nhìn chúng tôi dường như để xem chúng tôi có được sung sướng như các em không. Thật dễ thương, những tâm hồn trẻ thơ ! Trên gương mặt tươi vui của anh chị em giáo dân, tôi thoáng nhận ra có những nét buồn thầm kín vì họ đang ở giữa mùa dịch tả. Những tháng vừa qua đã chết quãng 20 người và hiện giờ nhiều người còn liệt giường. Hai anh em chúng tôi thật xót xa. Đoàn người đông đảo vây quanh chúng tôi nói nói cười cười sung sướng, người thì nói tiếng Jarai hoặc tiếng Bahnar, người thì bập bẹ vài tiếng Kinh vì họ biết chúng tôi là hai Linh mục trẻ chưa bao giờ ở với anh chị em dân tộc.

Lần đầu tiên tôi nhận thấy lòng khao khát của giáo dân đối với Linh mục sau lâu ngày vắng bóng cha xứ và nhất là họ đang sống giữa mùa dịch tả. Sau khi dùng bữa cơm tối sơ sài, chúng tôi ngả lưng nghỉ ngơi đôi chút sau một ngày đàng mệt nhoài rồi ngủ lúc nào không hay và những người đến thăm cũng lần lượt ra về lúc nào không biết. Quãng quá khuya chúng tôi vẳng nghe có tiếng khóc phía sau nhà xứ. Tôi tự nghĩ: thêm một người chết! Sáng sớm có ông già đến thăm và báo em bé cháu ông vừa qua đời. Ông xin mượn súng săn của tôi để bắn trâu chuẩn bị bữa ăn chôn cất cháu theo tục Jarai. Ông già đó là Chánh Tổng Chơi. (ông ngoại của Thầy A Dên đang học ở Đại Chủng Viện Xuân Bích Huế bây giờ. Má của thầy lúc tôi

Hình má Thầy A Dên
(hình chụp năm 2007)

mới đến nhậm xứ suýt soát mười một mười hai tuổi.)

Ông có bầy trâu nhà thả ăn ngoài rừng lâu ngày không có súng khó lòng bắt được.

Thế là thêm một em bé chết vì dịch tả. Việc đầu tiên của tôi phải làm là đi thăm các bệnh nhân. Cũng may là tôi đã tiên liệu những thuốc cần thiết vì trước đây tôi đã được nghe nói đến dịch tả đang hoành hành, cùng với thuốc tôi đem theo vài chai rượu Rhum dành cho những người lớn tuổi, uống thuốc xong thì có thể dùng một ly nhỏ cho ấm dạ ấm lòng. Phát thuốc thì dễ nhưng canh chừng để họ uống thuốc là chuyện khó. Tôi phải đi một vòng để coi bệnh và phát thuốc. Sau mấy tiếng đồng hồ đi thăm một lần nữa và tôi nhận thấy một số không uống nhưng để dưới gối nhất là con gái, đàn bà. Con gái Jarai cũng nhõng nhẽo không khác gì con gái Kinh. Kinh nghiệm các cháu gái của tôi. Tôi nhớ một gia đình có ba cha con, người chị đã chết cách đó mấy ngày, còn cha và em gái cũng đau nặng, dân làng mặc dù không dám nói ra nhưng ai cũng tưởng rằng họ sắp sửa ra đi ! Tôi đã cứu cả hai cha con. Loại thuốc tôi cho đây phải uống năm viên một lần và sáu lần trong 24 tiếng và uống rất nhiều nước. Đôi khi tôi phải đứng đó để ép uống xong tôi mới đi. Con trai hay người lớn thì tương đối dễ, nhưng con gái thì trời ơi đất hỡi vẫn ngần ngừ không chịu uống! phải nhẫn nại chờ đợi một hồi lâu, có khi phải hù doạ nữa. Có lẽ thứ thuốc tôi cho uống lúc đó là loại Sulfaguanidine của Mỹ (công hiệu như Ganidan của Pháp). Tôi bắt đầu hiểu người Jarai. Tôi phải làm tất cả vì ở vùng sâu vùng xa không một bác sĩ hay y tá đặt chân đến. Tôi ý thức rằng sự hiện diện của tôi trong hoàn cảnh này thật quá cần thiết để cứu sống nhiều người. Trường hợp bệnh nặng cần phải cáng đi bệnh viện tại Kontum nhưng họ không bao giờ chịu đi. Lý do họ sợ chết xa nhà. Chết xa nhà thì họ lại kiêng kỵ không dám đem xác về nhà, chỉ nằm ngoài rừng

hoặc trước cổng làng. Nhờ thuốc và nhờ đi thăm thường xuyên với những lời căn dặn về vệ sinh, về cơm ăn nước uống tôi đã đẩy lui được dịch tả. Nhờ liên lạc với bà bác sĩ Smith ở Kontum, bà đã gởi gấp lên một số thuốc trụ sinh. Thật là niềm vui lớn cho tôi. Thuốc trụ sinh bấy giờ rất hiếm và đắt tiền. Trường hợp đi tả nặng đối với người lớn, typho, terra, tétra hay auréo 0, 500 cho uống 12 viên một lần duy nhất ! chỉ sau một tiếng đồng hồ là khỏi ngay. Lần đầu tiên tôi thấy liều lượng của bà Bác sĩ Mỹ. Vả lại anh chị em dân tộc ít khi dùng thuốc nhất là loại trụ sinh nên đối với cơ thể của họ thuốc rất nhạy.

(Sau này lúc tôi làm giám đốc Chủng viện Thừa sai tại Đalạt, có lần tôi đã giới thiệu liều lượng này cho cha Alphonse Desroches là y tá chủng viện, y tá sành nghề, trường hợp một ít chủng sinh đi tả nặng và lâu ngày bệnh không thuyên giảm. Ban đầu ngài có vẻ ngại không dám nhưng vì tôi chịu trách nhiệm, ngài nghe lời tôi và thấy kết quả như tôi nói.)

Ngoài việc cho thuốc, tôi cần phải giúp đỡ về mặt thiêng liêng, dạy dỗ, giải tội xức dầu và đem Mình Thánh Chúa...để chuẩn bị cho họ ra đi bình an. Chúng ta nhớ đây là những người đạo mới chưa hiểu biết giáo lý bao nhiêu cần được dạy dỗ chỉ dẫn. Và liên tục hết ngày này qua ngày khác, thật vất vả. Cũng may là trong các sở nhánh của tôi không bị dịch như ở Kobey.

Việc làm tôi khổ tâm nhất là khi có người chết, họ để xác năm ba ngày hay cả tuần lễ mới chôn, thường là những gia đình có tiền có của, chờ bà con các làng xa đến và cũng là dịp giết trâu bò đãi khách đãi dân làng với hàng mấy chục ghè rượu, kéo dài cả ngày lẫn đêm. Cách ăn uống có tính cách phô trương, thiếu vệ sinh và giữa mùa dịch tả thật vô cùng tai hại! Khi ghè đã lưng thì cứ chêm nước, và chêm mãi, nước đây là nước suối chứ không phải nước đun sôi để nguội. Và những dĩa thịt đầy

ruồi và ruồi. Càng ăn càng chết càng chết càng ăn. Vòng luẩn quẩn. Tập tục nặng nề biết làm sao mà huỷ bỏ?

Xung quanh cái chết của người Jarai, tôi còn thấy nhiều tục lệ thật đáng thương!

Khi một người gần chết nghĩa là trong cơn hấp hối, miệng há hốc, thì họ đã bắt đầu lấy khăn vải trùm đầu kéo xuống cằm để buộc chặt cho khít môi. Thật tội nghiệp! Nhiều lần tôi can thiệp bắt phải chờ cho tắt hơi hoàn toàn thì tôi sẽ lấy rượu mạnh phun vào thì toàn thân sẽ mềm mại uốn nắn cách nào cũng được nhưng lời nói của tôi như đi vào sa mạc, không mang lại kết quả nào bởi lẽ tôi không ở luôn với họ khi có người hấp hối.

Một tập tục khác: nếu có người trong gia đình chết tiếp chưa kịp làm hòm thì họ quật mồ người đã chôn trước đó vài ba ngày để cùng nhét chung một hòm. Hòm của dân tộc ở đây được làm bằng khúc cây to có khoét rãnh ở giữa hình cái mõ, cả toán người có khi mất lâu ngày mới làm xong. Ở đây không có thợ cưa cũng không có sẵn ván đóng hòm như người Kinh, vì thế mà có vụ quật mồ để chôn chung như trên. Khốn hơn nữa huyệt mả đào sâu chỉ quãng bốn hoặc năm tấc! Có lần chó đánh mùi và đào lên! Và nghĩa địa xa cách làng chỉ gần hai trăm thước thôi!

Lần đầu tiên tôi dự nhứng đám tang Jarai. Trong gia đình có tang thì bà con rủ rỉ khóc than và kể lể muôn ngàn câu chuyện dĩ vãng liên quan đến người chết, nào khi bắt ốc hái rau, nào khi đi rừng đi rẫy, nào khi được mẹ cha cưng chiều... họ chưa có thói quen cầu nguyện cho người chết, ngoài nghĩa địa thì tất cả đoàn người đi đưa cùng khóc rú lên, cả cây số vẫn nghe.

CHO NGƯỜI CHẾT ĂN

Khi một người trong gia đình chết và đã chôn, trong vòng một tháng bà con phải đem cơm "nuôi" họ. Trên mộ có ống lồ ô đâm thẳng xuống hòm và chiều chiều hay sáng sáng đem cơm bỏ vào ống, sau đó quét tước mồ mả tươm tất sạch sẽ. Thường thường sau một tháng thì không nuôi nữa.

Đấy là một ít tập tục Jarai ngay những ngày đầu tiên mới đặt chân lên đất Kơbey tôi đã chứng kiến. Mặc dù đã dứt khoát theo Chúa nhưng một số nào vẫn còn lén lút cách này hay cách khác đi theo đường xưa lối cũ.

Nhân dịp này tôi cũng muốn thuật lại vài hủ tục mê tín mà ít hay nhiều họ vẫn còn giữ, tuy không nguyên vẹn và công khai như xưa vì dù sao họ vẫn ngại vì tôi có mặt ở đó. Với thời gian dần dà họ loại bỏ nhờ sự học hỏi giáo lý và chỉ bảo của Yao Phu cũng như của cha sở.

LỄ BỎ MẢ

Cách riêng đối với mồ mả cha mẹ ngoài việc "chăm nuôi" còn phải giẫy cỏ quét rác mỗi ngày cho đến suốt đời. Việc phục vụ trên đây kéo dài trở nên quá cực nhọc vì vậy được hạn chế còn lại năm năm hoặc mười năm tuỳ theo gia đình quy định và được kết thúc vĩnh viễn bằng lễ bỏ mả.

Lễ này được tổ chức rất lớn trong vòng ba ngày với những hình thức trang trọng để tỏ lòng biết ơn báo hiếu cha mẹ và "từ giã" các ngài lần cuối cùng. Lễ này không có gì là buồn, trái lại đượm màu sắc vui nhộn, có múa nhảy, ca nhạc, chiêng trống,

reo hò suốt đêm, xen lẫn nhiều trò đùa không mấy đứng đắn giữa nam nữ, có khi ẩu đả đâm chém nhau vì ghen tương kình địch... nguyên nhân có các làng xa tấp nập kéo tới với nhiều cái phức tạp không lường được. Trong lễ này họ giết bò trâu dê heo gà vịt và bày biện những của ngon vật lạ, để tưởng nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Sau đó thì giao mồ mả cho trời đất thiên nhiên nghĩa là bỏ hoang không bao giờ nhớ tới nữa.

Lễ bỏ mả với những nghi thức long trọng trên đây không chỉ dành cho cha mẹ mà cả đứa con cưng của cha mẹ cũng được quyền hưởng nữa.

LỄ ĐÂM TRÂU TẾ THẦN

Mỗi khi sửa chữa nhà RÔNG hoặc làm nhà RÔNG mới thì luôn luôn có lễ đâm trâu tế thần. Nhà Rông cao vòi vọi là tượng trưng nơi các thần ngự trị với uy quyền, sức mạnh, giàu sang phú quý của các ngài đặc biệt là Thần Sét đồng thời nhà rông cũng là biểu tượng tinh thần đoàn kết của dân làng.

Lễ khánh thành được tổ chức rất mực long trọng. Trước nhà Rông có dựng một cây nêu cao và một cây nêu nhỏ.

Tại chân nêu cao người ta cột một con trâu và tại nêu nhỏ một con dê, trâu đực thì dê cũng đực, trâu cái thì dê cái, trâu bạch thì dê bạch, ... Đây là đòi hỏi của các thần và chủ yếu là thần Sét (Ơi pơtao kơtăl). Những hình phạt hoặc tai ương như bão lụt, mất mùa đói kém, việc sinh đẻ con sống mẹ chết v.v... là do chính các thần này gây nên. Từ cây nêu có buộc dây chỉ kéo lên nhà Rông và từ nhà Rông được giăng đi từng nhà trong làng để nói lên tinh thần hiệp thông và đồng hưởng các ân lộc

dồi dào do thần ban cho v.v...

Đêm vọng lễ, mỗi gia đình thay phiên đến cầm dây cột trâu và chủ gia đình đọc lời nguyện xin xua đuổi tất cả những xui xẻo bất hạnh và xin đem đến may mắn hưng thịnh theo lòng mong ước! Sau đó một toán người mang chiêng đi từng nhà vừa đánh vừa hú thét vừa đòi giao cho họ tất cả những xui xẻo và họ sẽ cho lại mọi sự may lành.

Sáng sớm ngày đâm trâu mỗi nhà một người đại diện lấy một nắm gạo đã đặt bên con trâu từ đêm hôm trước vãi lên lưng trâu, ý muốn nói gởi tất cả những xui xẻo bất hạnh đi theo cái chết của nó.

Lễ đâm trâu là một trong các mê tín mà dân làng phải dứt khoát từ bỏ một khi trở lại đạo. Các bô lão là những người đứng đầu làng đã tự động và kêu gọi dân làng xin nhập cộng đoàn con cái Chúa. Họ đã thề hứa loại bỏ những hủ tục mê tín và không bao giờ được trở lại đường xưa lối cũ nữa. Nhưng chỉ có con cháu thì học giáo lý và xin chịu phép thánh tẩy, còn các cụ ông cụ bà thì chỉ chờ giờ sau hết mới xin theo Chúa. Vì thế những mê tín dường như có ma lực hấp dẫn khó mà đoạn tuyệt. Ông bà còn tin theo thì cũng kéo cả đoàn con cháu ít hay nhiều hoặc bằng cách này hay cách khác phải theo ông bà.

Dù sao chúng ta cũng biết ơn các bô lão đã phần nào có công trong việc thúc giục con cái theo đạo vì nếu các bô lão không thuận theo đạo thì cả làng vẫn là làng ngoại giáo, không Linh mục nào có quyền đến ở trong làng họ.

Tôi phải làm gì để giúp đỡ và xây dựng cho họ trong những trường hợp khó khăn trên đây?

Tôi nhớ như trong năm đầu tiên khi mới bắt đầu đặt chân lên Kơbey, tôi đã thấy lễ ăn trâu. Trước khi ăn trâu có ông cầu

đến xin phép. Tôi nghĩ nếu xin phép tất nhiên có cái gì bí ẩn trong đó. Họ trả lời ăn vì thói quen chứ không cúng tế như thời còn bên lương. Tôi đoán họ xin phép để khỏi có sự nghi ngờ.

Những hình thức cúng bái lược thuật trên đây trong thời gian còn ngoại giáo trước kia, không còn tái diễn trăm phần trăm, một phần vì sợ Chúa phạt, dù sao họ vẫn có chút lòng tin vào Đấng Tối Cao, một phần vì sợ cha sở. Cha sở có quyền vặn hỏi họ vì họ đã tình nguyện theo Chúa và đã thề hứa với Chúa quyết tâm đoạn tuyệt những mê tín. Tôi nhận thấy họ biết nghe theo lời đã cam kết. Nhưng ai mà biết hậu ý của họ? Và nhất là họ lợi dụng cha sở mới chưa có kinh nghiệm về những tập tục mê tín của họ. Có chú Yao phu nhưng yao phu cũng ngại trình bày mọi sự cho cha sở.

Vấn đề cho kẻ chết ăn, tập tục bỏ mả, lễ ăn trâu tế thần và nhiều mê tín khác, tôi nghĩ muốn loại bỏ thì cần phải có cái gì thay thế. Cần phải mừng lễ Các Linh Hồn, lễ Các Thánh hằng năm hết sức long trọng và làm nổi bật chẳng hạn những tâm tình báo hiếu ông bà cha mẹ bằng lời kinh nguyện sốt sắng. Cụ thể mỗi khi có người trong gia đình qua đời, phải tập họ cầu nguyện cho người chết chẳng những ngày mai táng mà cả tuần lễ tiếp theo trong gia đình.

Ngoài ra tổ chức thường xuyên những cuộc rước kiệu Đức Mẹ trong làng, Mẹ đi thăm con và Mẹ sẽ đem niềm an vui nếu có lòng tin cậy vào Mẹ như tôi thường nói với họ. Vì thế họ rất mộ mến việc rước kiệu Đức Mẹ như tôi đã làm một hai lần. Rất tiếc tôi chỉ làm một hai lần mà không tổ chức thường xuyên ví dụ các thứ bảy đầu tháng hay dịp lễ kính Đức Mẹ.

Một việc sùng kính khác mà tôi nghĩ không nên bỏ qua, đấy là dựng tượng Đức Mẹ giữa làng. Đây là những việc sùng kính có tính cách bình dân giúp họ tin tưởng vào sự che chở

của Mẹ trong mọi nơi mọi lúc, nhất là chiều chiều sau kinh tối chẳng hạn họ tập trung hát xướng chào kính Mẹ. Một khi có lòng mến mộ Đức Mẹ thì tự nhiên những việc mê tín sẽ không còn ý nghĩa và sẽ bớt dần. Việc này đáng lý tôi phải làm ngay khi đặt chân đến Kơbey nhưng chưa làm và không làm kịp thì thời buổi kinh hoàng sắp đến ! Chắc chắn việc sùng kính phải nuôi dưỡng bằng căn bản giáo lý, bằng lời giảng dạy, nhưng việc này phải làm, việc kia không được bỏ.

TIẾP TỤC LỄ ĐÂM TRÂU TẾ THẦN TRÊN ĐÂY

Là Linh mục trẻ từ môi trường chủng viện và từ xứ họ người kinh vừa bước qua thế giới người dân tộc chưa có thời giờ học tiếng Jarai và nhất là đi sâu vào phong tục của họ, tất cả đều lạ lẫm nhất là mặt tâm lý. Thẳng đường mực thì đau lòng gỗ. Cứng quá sẽ gãy mất. Tôi thú thật tính tôi thời tuổi thanh niên rất hung hăng, tôi phải cầm mình và lựa lời lựa lúc để tập họp các bô lão trình bày cho họ thấy những trường hợp tệ hại nói trên và nhiều hủ tục mê tín khác có dịp sẽ trình bày sau.

Riêng về vấn đề uống rượu trong mùa dịch tả, nếu không loại bỏ ngay thì có nguy cơ số dân làng sẽ không còn lại bao nhiêu. Dân số làng Kơbey quãng từ ba trăm rưỡi đến bốn trăm. Trước khi tôi đến đã chết 20 người rồi và còn tiếp tục gần như mỗi tuần! Theo lời tôi khuyên bảo, họ đồng ý từ đây về sau cố gắng áp dụng những biện pháp sau đây: chết chỉ được để hai hoặc ba ngày thôi, nhất là giữa mùa dịch; huyệt mả sâu ít nữa tám tấc hay một thước, không quật mồ chôn chung như trước, có nhiều cách để giúp đỡ nhau. Ai không tuân thì có tiếng nói của làng. Các bô lão dường như không đủ uy quyền để ra lệnh đó. Họ xin nhượng quyền phạt đó cho cha sở. Tôi đã ra hình

phạt đó một hai lần: ví dụ đi gùi dầu lửa tại Kontum để dạy lớp bình dân học vụ hoặc xài trong nhà thờ. Tiền dầu lửa cha sở chịu, công đi về hai ngày của người có lỗi với làng. Biện pháp đó ai cũng hài lòng. Thời đó muốn có vài ba thùng dầu lửa để dùng tại Kơbey thì thật vất vả, tất cả trên lưng người hoặc lưng ngựa! Ngoài ra tôi không còn biết dùng biện pháp nào khác hữu hiệu hơn. La rầy hoặc gắt gỏng là điều rất cấm kỵ, cách đối xử như thế tuyệt đối không bao giờ được phép; chắc chắn có lúc phải nghiêm nghị nhưng luôn luôn với lời lẽ dịu dàng. Đây là kinh nghiệm của một cha già nọ và cũng là bài học đầu tiên của tôi khi bước chân vào đất Jarai. Có lúc họ được so sánh như trẻ em, nếu bị quát mắng thì không bao giờ họ dám bén mảng tới nhà xứ. Không chỉ với anh em Jarai mà với các dân tộc khác cũng tương tự.

Về vấn đề uống rượu giữa mùa dịch tả, tôi đã khuyên họ nên vâng lời bức thư của Đức Cha về vấn đề hạn chế các ghè rượu và thời gian uống chỉ được kéo dài trong ngày thôi. Mặt trời lặn thì phải dẹp tất cả. Trước kia chưa có luật này thì chúng ta tưởng tượng suốt đêm từ xó xỉnh này đến các gốc cây, ai cũng nằm lăn lóc! nhiều cảnh tượng không tốt đẹp lắm!...

Trong vấn đề sống đạo, tôi tự nghĩ muốn trở thành một Kytô - hữu, trước tiên phải là con người có nhân cách. Con người là mảnh đất để gieo hạt giống Tin Mừng của Chúa. Nếu không xây dựng con người thì làm sao có thể xây dựng đời sống đạo. Đây là công việc trường kỳ của Linh mục.

Tôi phải làm gì, phải làm thế nào để anh chị em Jarai có đời sống nhân bản hơn? Công việc khó khăn này đòi hỏi thời gian rất lâu dài. Tôi cảm thấy lời chỉ bảo của tôi như giọt nước trong biển cả. Nhưng tôi nghĩ nếu không làm thì biển cả thiếu đi giọt nước đó. Vạn sự khởi đầu nan, phải bắt đầu một cách

khiêm tốn. Sở dĩ đặt vấn đề vì tôi có nghe thời buổi xa xưa trong các vùng khác có Linh mục đã quá hăng say đổi mới với nhịp độ không bình thường nên đã không thành công mà lại sụp đổ. Sau một thời gian ngắn ngủi sống với họ tôi có thể nói lên vài kinh nghiệm. Thật thế tôi đang bước vào thế giới Jarai, một thế giới hoàn toàn xa lạ.

Làm sao biết đường mà đi?

"Hỡi người lữ khách, ở đây không có đường.

Chỉ có cách vừa đi vừa mở đường."

Đường tiếng Việt có nghĩa là đường đi mà còn có nghĩa là chất ngọt dịu lấy từ mía. Chỉ con đường này mới có thể dẫn tôi vào thế giới tâm hồn người Jarai. Khi chúng ta nhẫn nại chịu đựng, đối xử dịu dàng và chỉ khi nào họ cảm thấy được yêu thì bấy giờ mới có thể nói rằng chúng ta có khả năng làm được một cái gì. Vả lại người Jarai cũng có tự tôn dân tộc như ai. Có khi phải sống như Jarai rồi mới cảm hóa được Jarai. Họ được cảm hóa mà không biết mình được cảm hóa lúc nào. Nếu không đi con đường đó thì người Jarai có nhiều cách để thoái thác ví dụ "cha là người Kinh ! còn chúng con là Jarai mà...Cha quen nếp sống người Kinh, chúng con quen nếp sống Jarai...làm sao cha ép chúng con sống theo đường lối Yuơn..." Nhưng khi họ cảm thấy chúng ta yêu thương họ và sẵn sàng chết sống với họ thì không còn đặt vấn đề nữa.

Nhưng cũng hãy coi chừng, nhập cuộc với anh chị em Jarai, nếu không có lập trường và đường lối thì bị lôi cuốn theo Jarai với tất cả cái tệ hại của họ. Có những phong tục rất tốt đẹp lành mạnh cần phải bảo tồn, có những phong tục nghi ngờ pha lẫn mê tín dị đoan chúng ta cần tìm hiểu đến nơi đến chốn. Phải Kytô - hóa Jarai chứ không phải Jarai - hóa Kytô. Nếu không lưu ý về điểm này chúng ta dễ sa vào sách lược mị dân và gây hại

đến đức tin...

Thật sự tôi bắt đầu chạm trán với ít nhiều khó khăn. Tôi bắt đầu bước những bước đầu tiên vào đường rừng! Đường rừng có lúc băng qua những nẻo cây suôn thẳng xinh đẹp nhìn mát cả mắt, có lúc phải vượt qua những chặng toàn là gai góc, cần phải mở đường bằng cách chặt tỉa những bụi gai, có lúc phải nhẹ nhàng chuyển mình vươn qua. Bằng cách này hay cách khác tôi biết có đôi ba gia đình có đạo say sưa liên tục, cúng tế chùng lén hay làm nhiều việc mê tín khác hoặc bỏ lễ chúa nhật thường xuyên, gương xấu cho cộng đoàn. Đối với người kinh, chỉ cần thăm viếng nhắc nhở, sửa mình hay không tùy sự tự do của họ. Nhưng ở đây đối với anh chị em Jarai toàn là đạo mới, những gương xấu đó cần phải sửa chữa cách hiệu quả, nếu không thì lây lan cả họ đạo. Thời bấy giờ mỗi họ đạo gồm quãng hai hay ba trăm dân, nhà cửa san sát nhau trong vài ba mẫu đất, nhà thờ nhà xứ ở giữa, những gì xảy ra cho các gia đình, thì cả làng cũng biết.

Có lần tôi xây dựng cho một gia đình về những khuyết điểm trên đây, tôi đụng phải một con người cá tính và tự ái. Họ phản ứng bằng cách đề nghị rằng nên để ai cúng thì cứ cúng mặc dù họ là công giáo, nếu đòi hỏi phải sống theo luật đạo, thì làm sao người Jarai, Halăng có thể trở lại công giáo dễ dàng. Nhưng qua cách đối xử và giải thích nhẹ nhàng của tôi, ngày hôm sau ông ấy đã đến gặp tôi từ sáng sớm và xin lỗi vì đã có những lời lẽ không hợp ý trời. Đối với ông này theo đạo có nghĩa là chịu phép rửa tội thôi còn những hủ tục mê tín cúng quải có thể giữ lại phần nào để vừa ý dân làng.

Sau đó mấy ngày, có đám cháy nhà trong làng. Tôi thấy rõ và cả làng cũng nhận định, nếu không có tôi ở đấy chắc các nhà trong làng biến thành đống tro vì nhà nào cũng san sát nhau.

Trong quá khứ, trường hợp này đã xảy ra đôi lần. Lúc ấy là giữa mùa hè có cơn gió chiều thổi mạnh, một ngôi nhà bốc cháy và tàn lửa bay khắp nơi. Thanh niên hay đàn ông dường như đã mất bình tỉnh cứ đứng dưới sân khóc la to tiếng: Chúa ơi! Chúa ơi ! xin Chúa cứu chúng con ! Tôi có cảm tưởng họ chỉ chờ Chúa đến cứu chứ không biết làm gì. Tôi lật đật sai người giục trống nhà thờ để các người vắng mặt vội vã về nhà vì đa số rẫy gần làng. Các em giúp việc của tôi lên mái nhà xứ và nhà thờ tưới nước và ngồi canh chừng trên ấy để họ thấy và bắt chước, còn tôi thì chạy ra từng nhà và ra lệnh tất cả thanh thiếu niên và đàn ông lên ngồi trên mái nhà với bầu nước, ngoại trừ một số giúp nhà bị hỏa hoạn, trong lúc bối rối có lần tôi phải phát vào mông họ mới vâng lời. Vô số ngọn lửa bay tới tấp trên các mái nhà bị dập tắt ngay. Thế là tất cả các nhà trong làng được cứu, ngoại trừ ngôi nhà bị bốc cháy đầu tiên, đồ vật một ít được đem ra kịp. Nếu tập trung chữa nhà này thì không thể được vì không đủ lượng nước, nguồn nước uống và suối la Sir xa hàng mấy trăm thước, và nếu càng dùng cây đập thì ngọn lửa càng lên cao nguy hiểm cho các nhà khác. Về gia đình bị cháy nhà tôi kêu gọi anh em trong làng giúp đỡ họ và tôi cũng đóng góp với họ. Về sau người người trong làng ai cũng trầm trồ xưa nay chưa bao giờ thấy cái cảnh mấy trăm người ngồi trên các mái nhà như hôm nay. Ai cũng bảo nếu không có "cha mình" cho ý kiến thì chỉ có việc ra rừng mà ngủ. Tôi mới nói: tại sao lúc nhà cháy cứ đứng đó mà kêu Chúa? Chúa cho mình có trí khôn có hai tay, phải biết hành động chứ! Cám ơn Chúa đã cứu Kơbey khỏi cơn hỏa hoạn. Tôi cũng nhận thấy qua biến cố này mà uy tín phần nào ngày càng lên cao. Từ đó dễ ăn dễ nói với họ và những lời khuyên răn dễ chấp nhận. Thực sự trước đây tại vùng này cũng như các nơi khác, hễ có cháy nhà thì cả làng cũng bị thiêu rụi, vì nhà trong làng san sát nhau nhất là lúc trời nắng và có gió to.

Hơn nữa không ai có sáng kiến và đủ uy quyền để điều khiển.

TÔI PHÁT THUỐC

Trên vùng này không bao giờ thấy bóng y tá hay bác sĩ. Chúng tôi đang ở trong chế độ Cộng Hòa Miền Nam thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm (1955 - 1963) có lẽ còn mới mẻ chưa kịp tổ chức các trạm y tế trong các làng dân tộc. Vả lại y tá cũng không ai mà lên chỗ rừng thiêng nước độc này, thảng hoặc có lên thì chỉ thoáng qua cho xong chuyện rồi vội vã về ngay. Chính tôi phải cáng đáng tất cả. Vì thế bệnh viện sẵn sàng cho tôi tất cả những thuốc cần thiết. Để khỏi mất thời giờ trong vấn đề phát thuốc, mỗi sáng nhà xứ có ba tiếng trống báo hiệu. Người giúp việc đã được tôi huấn luyện giúp băng bó hoặc cho những thuốc thông thường. Những trường hợp nặng hoặc chích thuốc thì chính tôi làm vì tôi chưa kịp huấn luyện cho người giúp việc của tôi. Một hai lần tôi bị sốt rét chính tôi tự chích cho tôi. Có điều tôi lấy làm lạ là người dân tộc không muốn uống thuốc nhưng lại thích được chích thuốc.

BÁC SĨ THĂM ĐỊA SỞ KƠBEY

Trong những năm đầu tiên ở PleiKơbey, những năm còn an bình có lần tôi đã mời Bà BS Mỹ Smith đến thăm vùng rừng núi xa xôi này. Việc mời BS đến thăm Địa sở không có ý nghĩa gì khác hơn là sự thân thiện cá nhân. Bà là giám đốc bệnh viện dân tộc tại Kon Mơnei. Sau năm 1961, nghĩa là sau cái chết của hai cha Hoàng Ngọc Minh và Quý (Bonnet), bệnh viện được cải

tên là Bệnh Viện Minh - Quý, hai vị Linh mục này đã hy sinh cuộc đời cho anh chị em Dân tộc. Bà là giám - đốc và các nhân viên theo chỗ tôi biết thì hầu hết là các chị em Dòng Ảnh Phép Lạ và Dân tộc. Họ làm việc rất tận tụy và lương tâm. Hầu như tất cả các bệnh nhân dân tộc từ khắp nơi được chữa trị tại đây. Còn anh chị em Jarai - Halăng thời bấy giờ thì còn tin ở việc cúng tế hay các bà phù thủy trong làng hơn là tin thuốc và rất ngại đến nhà thương. Vả lại từ Kơbey về Kontum đi mất cả ngày, bà con không ai muốn khiêng một bệnh nhân quảng đường xa, một việc phiêu lưu vì không chắc gì bác sĩ có thể cứu họ. Sự có mặt của bà ở vùng sâu vùng xa nói lên một phần nào lợi ích về phương diện này. Và nếu trong trường hợp cấp cứu thì có lẽ bệnh nhân sẵn sàng đi bênh viện của bà.

Khi được tin ngày giờ bà hẹn, tôi đã sai người dẫn ngựa đến bến đò Plei Krong cách xa Kơbey một buổi đường để đón bà. Bà cỡi ngựa và có em đi trước dắt ngựa cho bà. Bà đến Kơbey và trước tiên đi các làng Halăng phía tây bắc Kơbey.

Cuộc du ngoạn này làm bà rất thích thú và dân làng rất sung sướng đón tiếp bà. Bà nói tiếng Bahnar khá thông thạo và dân làng Halăng hay Jarai cũng hiểu được. Sau khi đi thăm vùng Halăng, lúc trở về Kơbey bà cười nói cách đắc chí: "Thanh niên cả nam cả nữ ra đón tôi ai cũng có môi son." Tôi trả lời: "Tôi cũng lấy làm lạ, có bao giờ thấy con trai hay con gái ở đây có môi son như thế đâu, nhưng có lẽ họ tưởng rằng đi đón người đẹp thì phải vậy." Bà càng cười đắc chí hơn nữa. Dân tộc Halăng cách xa Kontum hơn ngày đường. Lâu tháng đi chợ một lần bán gà hoặc đồ lặt vặt lấy từ rừng để có tiền mua sắm trong nhà. Họ gặp chi mua nấy. Có lẽ họ thấy con gái Kinh thoa son, họ cũng bắt chước mua son nên trong làng dịp lễ này nọ con trai con gái cũng bôi son cho vui!

Bà bác sĩ ở Kơbey vài ngày. Hầu hết những người đau yếu nặng hay nhẹ cũng đến với bà. Bà ăn thì rất ít nhưng uống càfê không đường và hút Bastos thì nhiều. Dân làng rất biết ơn bà.

(Sau năm 1975 bà về Mỹ và chết năm 2004. Bà rất đạo đức, rất thương người.)

ĐỨC GIÁM MỤC VIẾNG THĂM MỤC VỤ

Cũng quãng trong năm 1959, Đức Cha Kim viếng thăm mục vụ Giáo Xứ và ban Phép Thêm Sức. Có lẽ là lần đầu tiên từ trước đến giờ. Các năm về trước giáo xứ PleiKơbey thuộc Plei Jơdrơp nên các giáo họ phải tập trung tại Sở chính. Hôm nay có cả Sr Marie - Louise người Pháp, Nữ - tử Bác Ái Vinh Sơn, giám - đốc trại phong Kontum tháp tùng vì Kơbey có nhiều anh chị em bệnh nhân và phong cùi cần bà giúp đỡ.

Trong bữa ăn, Đức Cha có lần tỏ ý thương hại những chị em Jarai vì nhận thấy một số khá đông bị bướu cổ và sưng má. Tôi mới lần lượt trình bày cho ngài hai chứng bệnh đó và phương thế chữa trị.

Đúng thế một số khá đông chị em Jarai ở đây có bướu cổ, tại Kontum cũng như các nơi khác thì họa hoằn lắm mới gặp. Họ thiếu chất iode vì thế từ khi mới đặt chân đến Kơbey tôi đã cho uống iodine, ngay từ tám chín tuổi.

Theo chuyện cổ tích Jarai để lại thì con gái Jarai đi đến đâu cũng chê con gái các bộ lạc khác không đẹp vì không có bướu dài lòng thòng như họ. Và mỗi khi đi rẫy thay vì để bướu buông thõng trước ngực thì họ vắt trên vai để dễ làm việc.

Còn con gái đàn bà có bệnh sưng má không có bác sĩ nào

chữa được. Cha sở Kơbey không chữa được bệnh nhưng cấm mang thứ bệnh này vào nhà thờ. Ai cũng cười và chờ câu giải đáp. Tôi nói, đây không phải bệnh nhưng là tật hay nói đúng hơn là thói quen. Con gái đàn bà người kinh ngày xưa thì ăn trầu, con gái Jarai thì ngậm thuốc lá cho đã ghiền, ngay trong nhà thờ cũng có người còn ngậm thuốc và nhét một bên má nên má giống như sưng lên. Đàn bà Jarai thường trồng thuốc trong vườn, họ hái lá non và bỏ vào bếp tro nóng sau đó họ nhai và ngậm. Nghe xong ai ai cũng cho một trận cười giòn. Còn đàn bà Halăng thì hút tẩu bằng đất có xe dài quãng bốn tấc xuống ngang hông, khi ngậm ống điếu thì có tay bợ.

Các nữ tu Vinh Sơn thăm Kontum năm 2006

Khi về lại Kontum, Sr Marie - Louise vừa cỡi ngựa vừa bế một em bé mồ côi, có cậu thanh niên cầm dây dắt đi. Chẳng may dọc đường bà bị vướng khóm le nên lúp rơi xuống đường. Bà vừa cười vừa kêu la inh ỏi. Cậu thanh niên vội lấy đội cho bà. Đời bấy giờ lúp Vinh Sơn còn to với hai cánh rộng thênh thang. Sau này cậu thanh niên sung sướng thuật lại lần đầu tiên cầm được lúp bà xơ trong tay và đội cho bà!

ĐỜI SỐNG THƯỜNG NHẬT NGƯỜI JARAI

Tôi rất cảm kích về đời sống vất vả của anh chị em dân tộc, nhất là đời sống của phụ nữ. Họ ăn mặc rất sơ sài vì không có gì để mặc. Làm việc rất nặng nhọc nhưng không có gì để ăn. Các em sơ sinh của họ không có gì để bồi dưỡng. Mỗi khi đi Kontum tôi thường mua vài chục bình có núm vú và sữa hộp cho các em, có cả vitamin để trộn với sữa. Mỗi khi từ Đà Nẵng lên tôi cũng nhờ mẹ tôi mua cả chục cây vải đen, người Quảng gọi là vải ta, loại vải thô to sợi, rẻ tiền, chị em rất thích.

Quanh năm có lúa đủ để ăn thường xuyên, thỉnh thoảng có năm mất mùa thì họ ăn củ, loại củ này phải ngâm dưới suối vài ba ngày mới loại được chất độc. Jarai ăn lúa nếp rất dẻo, đối với người Kinh không quen thì ngán lắm. Họ thích ăn lúa nếp vì mau no mà lâu đói. Ăn ngày hai bữa, vào nửa buổi sáng, nửa buổi chiều. Lúc mới lên Kơbey cha Nên đã nhượng lại cho tôi tám mươi vuông lúa tẻ giá ba nghìn đồng. Lúa nếp tôi mần không nổi!

Phụ nữ Jarai phải giã lúa mỗi ngày, ngày nào xào ngày ấy, ít khi chuẩn bị trước. Để được một nồi cơm ăn phải mất ít nhất bốn tiếng đồng hồ. Bốn giờ sáng họ đã bắt đầu giã lúa, rồi sàng, sảy, rồi giã đi giã lại, sau đó đi tắm. Tiếp đến cho nước vô nồi. Nồi tròn bằng đất rất dày, chụm lửa mãi mà dường như không biết bao giờ mới sôi. Nước sôi cho gạo vào nồi, khi cạn nước thì đặt nồi xuống than đỏ bên bếp rồi xoay đi vần lại, động tác này kéo dài gần như vô cùng tận, nhất là ngày Chúa Nhật ai cũng ngồi quanh nhà thờ để chờ cho nồi cơm của chị em chín rồi mới bắt đầu đọc kinh và dâng Thánh Lễ. Vì thế lúc bấy giờ các họ đạo thuộc giáo xứ Kơbey, người ta đã bầu lên những ông Biện ông Câu đôi khi chưa có đạo mục đích chính là đi từng nhà

nhắc nhở và thối thúc dân làng đặc biệt các bà nấu cơm cho lẹ để kịp đọc kinh dự lễ.

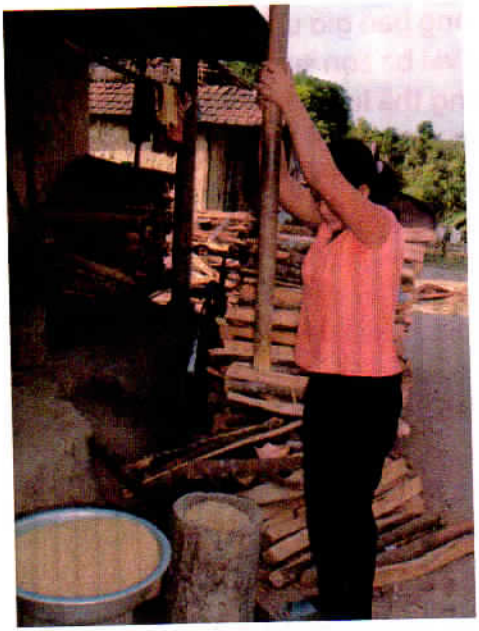

Người Jarai giã gạo

Cơm Jarai rất sạch sẽ tinh vi không bao giờ có sạn cát như gạo Việt nam thời bấy giờ. Từ bông lúa khô ngoài rẫy họ tuốt bỏ thẳng vào gùi và từ gùi đổ ngay vô kho lúa và từ kho lúa qua cối và từ cối vô nồi. Nghĩa là họ không phơi lúa ngoài sân hay ngoài đàng như người Kinh.

Cái cảnh chị em giã lúa mỗi sáng, những ai mới thấy lần đầu cũng đứng lại nhìn vì thấy hơi là lạ. Trước mỗi nhà dài quãng năm chục thước, có chồ nơi khách ngồi nghỉ chân trong ngày nhưng sáng sớm là nơi "tập thể dục" hay là "đất dụng võ" của chị em. Mỗi chồ có ba bốn cối và mỗi cối hai ba người. Gần như chị em nào cũng mình trần không mặc áo xống gì mùa đông cũng như mùa hè vì mồ hôi nhễ nhại, áo đâu mà thay cho đủ. Có lần một toán lính hành quân từ Saigòn đến và ngủ đêm tại Kơbey. Ban sáng thấy chị em giã gạo và say sưa đứng nhìn. Họ bảo lần đầu tiên trong đời mới thấy cái cảnh chị em giã gạo! Thật tội nghiệp! Không biết bao giờ mới có máy gạo đỡ vất vả cho chị em miền núi?

NƯỚC UỐNG

Người Jarai, Halăng không bao giờ uống nước suối. Xung quanh làng Kơbey có những vài ba con suối, suối lớn, suối nhỏ chảy ngang chảy dọc. Đàn ông thả lưới, đàn bà xúc cá. Nhưng nước uống thì có một nguồn nước vọt lên từ khe núi khe đổi được dẫn ra bằng những ống lồ ô. Từ mạch nước cho tới chỗ lấy nước được rào rất kỹ, không ai được bén mảng. Đây gọi là nước vọt hay là nước giọt. Nước vọt lên và nước chảy từng giọt. Sáng trưa chiều chỉ có con gái đàn bà đến lấy nước và tắm rửa thôi đặc biệt sau khi giã gạo. Khi họ chạy làng thì việc trước tiên là tìm cho được một khe nước từ đổi hay núi vọt ra để uống. Tôi nói chạy làng nghĩa là toàn làng chạy đi tìm chỗ ở mới. Ở đây dân Jarai tương đối ít chạy làng, nhưng phía Halăng trước kia thì có thể nói là thường xuyên hoặc vì mê tín hoặc vì lý do này nọ nhất là khi các già làng bảo nước không tốt.

THỨC ĂN CỦA NGƯỜI JARAI

Jarai ăn cơm với mắm kể là sướng lắm rồi. Lâu ngày họ mới xuống Kontum một lần mua được chút mắm nêm mắm tôm. . . về ăn được đôi ba ngày và còn chia cho bà con gần gũi cùng nhà nữa. Nhà Jarai Kơbey dài những năm ba chục thước. Gia đình này ăn gì thì gia đình khác cũng biết. Của ngon thì không giữ được lâu. Ngoài ra họ ăn lá mì giã với muối. Đó là nói đến những ngày tháng mưa to gió lớn, bình thường họ có suối la Sir cá nhiều và rừng núi bao vây quanh làng với đủ loài muông thú. Đàn ông thả lưới, đàn bà con gái đi xúc, các em trai gài bẫy chim chuột, cắm câu dọc suối, thanh niên gài bẫy

bắt thú rừng. Có thứ bẫy rất nguy hiểm cho tính mạng được để phòng bằng những dấu hiệu cắm ở bìa rừng. Mỗi sáng, có khi từ sáng tinh sương, các ngả đường trong làng, rộn rịp kẻ qua người lại vội vã ra rừng ra suối xem bẫy xem câu đã gài từ chiều hôm trước. Nếu trễ sợ người ra trước chộp mất. Lúc về ít hay nhiều ai cũng cầm trên tay con chim con chuột hay cá, có người may mắn hơn khiêng trên vai con heo rừng hay con mang, đấy chỉ là trường hợp họa hoằn thôi. Đang khi đó các bà các cô ở nhà, cơm đã chín, chờ thức ăn chồng con đem về.

Đặc biệt buổi trưa trời nắng ráo là giờ của các bà các cô đi xúc cá nối đuôi nhau cả hàng dài vài ba chục người, thoải mái không áo xống gì, có gặp khách đi đường thì lấy hai tay che ngực, vai mang giỏ tay cầm rổ ra các suối lớn suối nhỏ, nhưng nếu có ai đó gặp họ thì có thể vui vẻ chào hỏi, nhưng đừng có chúc các bà may mắn bắt được nhiều cá. Họ chỉ tủm tỉm cười và không bao giờ đáp lại vì người dân tộc rất kiêng kỵ. Chúc như thế tức là chúc họ đi không về không. Về vấn đề săn bắn cũng vậy. Lúc mới đến Kơbey lần đầu tiên, có người mượn súng tôi đi săn, tôi vui miệng chúc họ được may mắn thì thấy họ lại không vui lắm!

DỆT VẢI, NGÀY SINH THÁNG ĐẺ

Người Jarai dệt vải nhưng phải mất thời gian dài mới có được cái váy cái áo cái khăn choàng, thỉnh thoảng có thêu con cò con cuốc rất đẹp, dùng cho ngày lễ nhiều hơn, bình thường họ mua áo quần chợ rẽ tiền vì dệt bằng máy.

Ngày sinh tháng đẻ của chị em gặp nhiều cảnh khốn đốn đáng thương vô cùng, không biết bao giờ mới có bệnh xá để

Dệt vải

giải quyết những khó khăn cho họ. Có lần một bà sinh con, một chân ra trước, bà mụ bó tay ngồi ngó. Tôi thúc giục họ đem đi bệnh viện và thề hứa giúp đỡ đủ mọi phương tiện nhưng vô ích. Sau hết bà nằm đó mà chết. Lý do không đi bệnh viện vì họ sợ chết ngoài làng và vì cử kiêng không dám đem về nhà.

Một lần khác một bà đi thăm bà con làng xa, bị cấm khẩu và bất tỉnh. Họ khiêng về để tại cổng làng không được phép đem vào nhà. Tôi ra thăm, bắt mạch và vội vã lấy thuốc chích cho bà. Bà đã tỉnh lại và được khiêng về nhà. Ai cũng nói: "Cha mình làm phép lạ!!"

Người đàn bà Jarai sợ nhất vấn đề sinh đôi, vất vả đã đành mà lại không có gì để nuôi. Thỉnh thoảng lúc giận dữ họ rủa nhau: chúc cho mầy sinh đôi sinh ba!! Bao nhiêu đứa con sinh đôi Jarai hay Halăng tôi sẵn sàng giúp họ và tiếp tế những gì cần thiết. Dường như để tỏ lòng biết ơn, họ thích và đôi khi nài nỉ tôi đặt tên cho các em bé sinh đôi nhất là bằng cách nhái tên của tôi bắt đầu bằng hai chữ CH : "Chiuh, Chir, Cher, Chor. . . " Họ có một thứ lá ăn để ngừa thai, tên là pơgang Kơlăr. Thứ lá này chỉ có con gái đàn bà biết và được trồng trong các bộng cây.

LÀM RẪY

Người Jarai Halăng mỗi năm làm một mùa. Quãng tháng giêng tháng hai thì họ "xem rừng" (lăng glai) nghĩa là tìm đất để làm mùa. Khi đã chọn được mảnh rừng vừa ý thì "phát rừng". Tháng ba tháng tư, khi cây cối đã khô thì đốt. Tháng năm, trễ lắm đầu tháng sáu khi trời bắt đầu mưa thì trỉa lúa. Đồng thời họ trỉa dưa trỉa bắp để ăn lai rai trước khi có lúa. Có nhiều rẫy rất lớn đến vài mẫu tây tùy khả năng, tùy nhân sự nhiều hay ít. Họ làm đổi công. Những tháng tiếp đó thì làm cỏ. Đây có lẽ là công việc nặng nhất. Đến tháng mười thì tuốt lúa. Họ không gặt không cắt như người Kinh. Họ chờ cho lúa chín khô thì tuốt bỏ vào gùi và đổ thẳng vào chòi ở bìa rừng. Mỗi rẫy có chòi ngủ nghỉ, có chuồng gà, có bếp nấu ăn nghĩa là tất cả những gì cần thiết để ngủ đêm ngoài rẫy cho những ngày làm mùa từ tháng năm tháng sáu đến tháng mười. Nhưng họ vẫn luôn tôn trọng ngày Chúa nhật ngay cả những người chưa có đạo (đây tôi nói đến những làng đã xin theo đạo). Chiều thứ bảy về xưng tội và dự lễ Chúa nhật đầy đủ. Sáng thứ hai thì cha mẹ con cái đùm để lại kéo nhau ra rẫy, tay xách gà xách vịt cả chó cũng chạy theo. Trong làng chỉ còn lại ông già bà già lụm khụm không còn khả năng làm việc với các em học sinh từ khi bắt đầu có trường học trong làng. Ở nhà các em nấu ăn tự túc. Những ngày mùa trong làng rất vắng người, nếu không đề phòng thì rất dễ bị cháy nhà.

Làm cỏ lúa, một trong những công việc nặng nề nhất. Sau đó được nghỉ ngơi đôi chút nhưng tiếp đến có công việc khác cũng vất vả không kém nhất là khi lúa bắp bắt đầu trổ bông thì ban ngày phải đuổi chim đuổi khỉ, chiều đến phải canh giữ heo rừng. Nếu không thì chẳng còn gì để ăn. Các làng trên miền này cách xa nhau hàng chục cây số và ở giữa hai dẫy núi Nang Brai

và Gor Tơng, chim chóc và thú rừng đủ loại có thể nói là vô số. Nhiều lần tôi cỡi ngựa đi sở nhánh, khi đi ngang qua những cây to dọc bìa rừng đôi lúc gặp cả hàng trăm con khỉ. Chúng không sợ lại còn ra vẻ chọc ghẹo nữa là khác. Chiều đến thì hàng trăm heo rừng kéo nhau ra các đám lúa hoặc đám mì. Nếu không kịp thời đuổi đi thì đám mì hay rẫy lúa sẽ tanh bành.

Tôi nhận thấy công việc người đàn bà Jarai rất cực nhọc: giã gạo, nấu ăn, gùi nước, kiếm thức ăn (uống rượu mà không có gì nhấm nháp thì đàn ông sẽ quy lỗi cho đàn bà vụng về. .) ngoài ra còn phải dệt vải, dệt khăn áo cho chồng con, khăn là tấm vải lớn quàng khi dự lễ hay nghi thức theo tục Jarai, đan có khi cả tháng mới xong. Người đàn ông khi rẫy bái xong thì cõng con đi dạo chơi, không mấy khi cầm lấy cái chày, đang khi đó đàn bà làm việc tối ngày.

UỐNG RƯỢU

Theo cổ truyền, người Jarai mỗi năm nhiều lần, nhất là sau ngày mùa, uống rượu và ngủ đêm tại mồ mả để tưởng nhớ người chết. Để thay thế tập tục này và tránh nhiều sinh hoạt không mấy tốt đẹp như tôi trình bày trên đây, các Linh mục tổ chức mừng Lễ Cầu cho Các Linh Hồn cách long trọng hơn, tập cho họ xin lễ cho ông bà cho người thân đồng thời bà con

sống còn của giống nòi. Tiếng nói của tôi dường như chỉ vang trong sa mạc. Sau này Đức Cha Kim đã có một bức thư chung về rượu mạnh lời lẽ cũng rất mạnh nhằm đến anh chị em dân tộc và liên hệ ngay cả người kinh công giáo bán rượu mạnh cho họ nữa. Nghĩa là trường hợp người Kinh bán, cho, đổi chác, còn người Thượng mua thì tất cả cũng không được lãnh nhận các Bí Tích!! Tôi nhớ như thế. Theo chỗ tôi được biết, bức thư này có sự hỏi ý và đồng thuận của các giám mục thời bấy giờ. Sau biến cố 1975 vì gặp nhiều khó khăn, không còn ai nhắc nhở đến bức thư này.

Mừng kim khánh Linh mục với giáo dân Kobey tại Măngla

(Theo thiển ý tôi, trong tương lai nếu tình trạng tệ hại còn kéo dài như hôm nay, vì ý thức sự sống còn của anh chị em Dân tộc, tôi tiên đoán và cũng mong Đức Giám Mục Kontum sẽ làm sống lại bức thư này với ít nhiều thay đổi theo sự khôn ngoan của ngài. Trong các trại định cư của anh chị em Dân tộc như chúng tôi vừa đi thăm một vòng (năm 2004), nhà cửa nhà nước vừa mới cất xong, dân chưa tới ở thì trước tiên đã có đầy đủ các quán rượu của người Kinh đang chờ họ!! Tôi rất thương mến anh chị em Dân tộc nhưng không thể không nói đến tập tục cũng như sự yếu đuối của họ về vấn đề này. Khi còn bế trên tay, mẹ uống xong thì thế nào đứa con cũng được mẹ đưa cho nếm thử vài hớp. Từ nhỏ đã quen mùi rượu rồi.)

Khi nói đến uống rượu và ngủ đêm ngoài mồ mả, có người nói bệnh phong cùi phát sinh từ đấy. Tôi không xác tín về

lối nhận xét này vì trên thế giới buổi đó theo như tôi tìm hiểu thì có gần ba mươi triệu người phong cùi, họ đâu có uống rượu và sinh hoạt ngoài mồ mả như Jarai?

Có lần BS Harter, bác sĩ chuyên về phong cùi trên thế giới đã đến Kontum. Tôi đã mời ông đến P. Kơbey ở lại ít ngày và khám bệnh cho cả làng. Tôi không nhớ rõ, dường như 15% dân làng ít hay nhiều bị nhiễm phong cùi. Từ đấy theo lời các bác sĩ chỉ bảo tôi cho họ uống Sulfone thời bấy giờ có lẽ là hiệu nhất. Tôi cũng không hiểu tại sao Jarai lại bị phong nhiều hơn các bộ lạc khác. Ngay ở trại phong Đak H'kiã Kontum đa số cũng là Jarai. Rất tiếc tôi không đặt vấn đề với bác sĩ để biết nguyên nhân chính của bệnh phong cùi. Tại Kơbey có một ít người bị nặng hơn, dân làng cho ở riêng ngoài rừng. Bà con không dám lên nhà thăm, cơm nước ngày ngày họ đem treo trên cây trước chòi để bệnh nhân ra lấy. Thỉnh thoảng tôi đến thăm viếng và giúp đỡ họ.

TRƯỜNG HỌC ĐẦU TIÊN TẠI KƠBEY

Khi đặt chân đến Kơbey một trong những việc ưu tiên là xây trường học. Trước khi xây trường học, tôi đã cố gắng tìm một số em đem về Kontum để đi học nhưng vô phương. Trai hay gái cũng tránh né. Thế giới các em cũng như các người dân tộc là thú vui đại ngàn, câu cá bẫy chim ... Trước đây cha già Ánh đã có lần đưa các em về Thị xã để học. Học được ít ngày rồi cũng trốn về làng. Bắt lại lần thứ ba thứ tư, có em đã lên cây lấy khố treo cổ. Tôi nghĩ đến hệ quả đó thì không dám ép nữa. Vả lại tôi cũng rất thông cảm với các em vì làng Kơbey cảnh trí rất đẹp, núi cao rừng rậm và suối la Sir nước trong và cá nhiều. Và

theo như tôi tìm hiểu thì các nơi khác không có đầy đủ những con thú mà tôi gặp được ở đây.

Tôi đã tìm được một ông thợ từ Kontum lên làm nhà trường. Sườn mái cột kèo xong, bây giờ tới phiên làng trét đất và lợp tranh. Sau vài ba tháng thì xong ngôi trường quãng 50 thước vuông với ghế bàn đầy đủ. Tôi mua một con heo với ít ghè rượu để mừng nhà mới. Nhất là đây cũng là dịp tốt để cha mẹ khuyến khích các em đi học. Tôi đã xin Ty học chánh trả lương cho hai ông thầy. Bây giờ đến lượt tôi làm việc. Mặc dù đã loan báo cho mỗi gia đình các em từ năm, sáu đến mười, mười hai tuổi phải đi học. Nhưng lớp vẫn vắng tanh. Mỗi sáng tôi phải đi từ nhà và ghi tên các em. Kết quả khả quan. Mỗi chiều kiểm tra số học sinh. Nếu có em trốn học thì tôi đi tìm và đối xử rất nhẹ nhàng, nhưng cương quyết. Trên đây là lớp ban ngày.

Các làng nhánh, với số tiền tôi xin được, tôi cũng tổ chức mỗi làng một lớp học vào buổi tối quãng từ bảy đến 9 giờ, giáo viên mướn ngay tại làng. Hỡi ôi! có nhiều em học ba năm nhưng chưa biết các chữ cái! Tôi không hiểu nổi. Sau hết mới khám phá ra không phải lỗi tại học trò nhưng là lỗi tại thầy. Mỗi tối thầy dạy quãng 15, 20 phút thì thầy đã nghỉ rồi. Đa phần thì không dạy nhưng trên bảng vẫn để ngày tháng đường hoàng để đề phòng cha sở đến kiểm tra. Có nhiều lần tôi mượn tiếng đi săn để ghé vào thăm lớp học quãng giờ nói trên thì trò cũng không mà thầy cũng chẳng thấy. Điều tra ra thì người làng ai cũng cười và nói thầy thì ăn lương thôi chứ không dạy!!

ĐỊA SỞ KƠBEY

Ngoài Kơbey (Jarai) là làng chính, tôi còn 6 làng nhánh nữa. Phía Jarai có hai làng Plei Klêng và Pơdư.

Phía Halăng có bốn làng: Đak Rơde ie, Đak Rơde tih, Plei Kram, Plei Khôk Klong. Làng xa nhất là Plei Khôk Klong, đi ngựa hơn một buổi đàng. Một địa sở hai thứ tiếng. Mấy tháng đầu, tiếng nào tôi cũng bập bà bập bõm. Và làng nào cũng mới tòng giáo, riêng Kơbey lâu hơn và trước kia là sở nhánh P. Jơdrơp, vì không có cha ở thường xuyên nên tình trạng sống đạo cũng không hơn gì các làng khác. Sau này Kơbey tách làm sở chính và Đức Cha đã chỉ định môt cha người Pháp nào đó làm cha sở, theo lời người ta thuật lại ngài lên được một đêm treo võng ngủ trên núi rồi từ giã. Có người bảo vì thấy gian khổ mà nản lòng? Sau đó cha Lê thành Ánh từ 1952. Thời gian 1954 - 1955 bỏ trống vì tình hình không ổn định. Tiếp đến cha Nguyễn Thúc Nên từ 1955 cho đến đầu 1958. Tổng cộng tất cả quảng năm năm có cha sở.

Từ Mùa Phục Sinh năm 1958, tôi thế cha Nguyễn Thúc Nên cho đến tháng 8 năm 1966 thì tôi được bổ nhiệm đi Đàlạt.

Theo tục lệ, khi một làng xin tòng giáo trước tiên rửa tội trẻ sơ sinh, còn thanh niên thanh nữ bắt đầu học đạo lâu năm qua nhiều lớp giáo lý do Yao phu dạy. Những người có tuổi cao hoặc các lão ông lão bà thì khi gần giờ sau hết mới xin rửa tội. Đó là truyền thống từ xa xưa để lại.

Gọi là Yao Phu thực sự thì ít nữa học năm sáu năm tại trường Cuenot nghĩa là trước tiên học cho biết đọc biết viết và thông hiểu những điều căn bản giáo lý, Yao Phu với trình độ đó thì địa sở Kơbey chỉ có một chú, còn bao nhiêu chỉ học một hai

năm biết đọc biết viết rồi trốn về làng. Tìm một chu Yao Phu từ làng xa đem về Kơbey thì không chú nào muốn đi. Vì thế việc dạy giáo lý cha sở phải đảm nhận gần như từ đầu đến cuối. Mỗi khi dạy giáo lý tôi thường có chú Yao Phu ngồi bên tôi để nghe và xem tôi dạy, như thế dần dà họ được huấn luyện trở thành giáo lý viên. Ở làng chính thì như thế nhưng những làng xa thì thất thường và gặp nhiều trở ngại. Nhưng mỗi đầu tháng tôi kêu gọi tất cả các chú Yao Phu trong địa sở tập họp tại làng chính Kơbey từ chiều hôm trước để suốt ngày hôm sau ăn uống tại nhà xứ và học giáo lý do chính tôi dạy.

TÔI HỌC TIẾNG JARAI

Những ngày đầu tiên khi lên phía Halăng thì có người nói chuyện với tôi bằng tiếng Bahnar, người nói bằng tiếng Kinh tiếng được tiếng mất, có mấy ông lính già thời Pháp thích nói tiếng Pháp với tôi !

Tiếng Jarai chưa có sách vở hay một tài liệu nào để lại. Tôi bắt đầu ghi chép. Mỗi tiếng trên một trang giấy học trò, ý nghĩa và ca dao ngạn ngữ liên hệ được bổ túc và sửa chữa dần dần với thời gian, với sự hiểu biết ngày càng phong phú. Dù bận công việc mấy đi nữa, mỗi ngày cố gắng ghi lại năm ba trang. Nếu công trình được tiếp tục như thế thì sau nhiều năm có cả một tự điển dày cộm. Rất tiếc sau những cuộc di dân hoặc

đổi xứ trong hoàn cảnh hỗn loạn, từ Kơbey xuống P. Krong, từ P. Krong đi Đàlạt rồi từ Đàlạt về Pleiku, tất cả những sách vở báo chí cũng như ghi chép đều biến mất, tôi chỉ giữ lại duy nhất máy đánh chữ, còn bao nhiêu sau biến cố 1975 tan ra mây ra khói! Jarai Kơbey và các làng lân cận vùng Kontum thuộc bộ lạc Jarai Hrap. Họ thường khoe với tôi Jarai Hrap là Jarai chính tông. Các Jarai khác chỉ là lai căng, Jarai nói ngọng!! Chính vài người tự hào với tôi như thế.

ĐỊA THẾ PLEIKƠBEY VÀ CÁC SỞ NHÁNH

Tôi rất mê cảnh trí làng Kơbey. Thật tuyệt vời. Tạ ơn Chúa đã dành cho tôi sứ mạng thừa sai vùng rừng núi. Lý tưởng mà từ lúc đầu xanh tuổi trẻ ôm ấp nay đã thành hiện thực. Cha Trinh với tôi trước kia thường mong ước sống chung với anh em Thượng, nói tiếng Thượng, chết sống trên miền đất Thượng. Đặc biệt môi trường tôi đang sống thật thơ mộng, giữa hai dãy núi Gor Tơng cao 900 thước, và núi Momray 1780, có suối Ia Xir thời bấy giờ nước chảy tràn bờ, trong xanh, cá nhiều có thể nói là nguồn sống của các dân làng trên đây. Tất cả như để nâng cao tâm hồn và giúp tôi say mê đời sống thừa sai của tôi. Dòng suối này bắt nguồn từ những dãy núi phía Đak Rơđe Kram và chảy ra sông Pơkô, các làng địa sở tôi đa số đều nằm trên bờ suối. Gần như vùng này gồm các muông thú đủ loại: cọp, trâu rừng, gấu, khỉ, vượn, đười ươi, heo rừng, chồn

Cây sung và núi Gor Tơng

với nhiều giống khác nhau, nai, mang, rùa nước, rùa núi, ba ba, rái.... Có lúc đi ngang qua các rẫy bắp, có hàng trăm con khỉ ở trên các cây xung quanh chờ dịp không có người thì tha hồ xuống bẻ bắp ăn. Phía Plei Khôk Klong có suối Đak Hơdrai chảy qua Lào thì có voi nhiều.

Lúc mới nhận sở, có lần tôi đi bộ suốt tuần 32 tiếng đồng hồ thăm các sở nhánh phía Halăng và các làng lân cận còn bên lương. Từ Kơbey lên Đak Rơde ie, Đak Rơde tih, Plei Kram, Plei Khôk Klong, Khôk Hnăr, Plei Trâp, Mam Le, Kơdil, làng cuối cùng Việt Nam. Vì là mùa mưa qua các suối bằng cầu dây. Dọc đường thỉnh thoảng gặp cứt voi cao tới đầu gối và nhiều khóm le bị nó quật ngã, lúc đó mới bắt đầu lanh chân vì sợ ông đuổi theo.

Từ Đak Rơđe tih qua Khôk Klong phải qua đèo Dăm Brăng cao hàng ngàn thước, có nhiều chỗ dốc đứng nguy hiểm phải xuống ngựa và đi chân, mạnh ai tìm đường nấy đi, ngựa tìm đường ngựa đi. Có lúc gặp cả bầy vượn hàng mấy trăm con, toàn thân và mặt mày đen đủi, thỉnh thoảng điểm vài vệt trắng trên ngực hoặc trên má, hai chi trước rất dài, có lúc chúng đứng yên đăm đăm nhìn chúng tôi, có lúc đu đưa qua lại một cách nhẹ nhàng từ cây này sang cây khác trông rất ngộ nghĩnh như để khoe tài và thách đố với khách đi đường. Chúng tôi dừng lại hồi lâu để ngắm nhìn cách thích thú. Khi chúng tôi vừa bắt đầu đi xa chúng, chúng lại rú lên như để mời chúng tôi ở lại xem. Thật là cảnh "chim kêu vượn hú" như người ta thường nói mà tôi đã nghe từ tuổi nhỏ, hôm nay tôi được thấy tận mắt.

Tại đây có một cái mộ mà dân tộc gọi là mộ chiến sĩ Halăng thời xa xưa, ai đi ngang qua mỗi người phải ngắt nhành lá tươi và bỏ trên mộ như để tưởng niệm người lính chiến, vì thế trên mộ luôn luôn có ngành lá xanh tươi.

Tôi lo cho cặp ngựa của tôi, rủi mà nó ngã gẫy chân thì

tôi không biết làm thế nào. Thế mà có một lần đang lúc tôi ngủ đêm tại Khôk Klong hai con lẻn về Kơbey hôm sau tôi phải nhờ hai cậu thanh niên vác yên về nhà!

LƯỚI CÁ

Suối Đak Hơdrai cũng như la Sir cá rất nhiều. Mùa hè nước trong xanh, chảy nhẹ, gần ăn trưa chỉ cần đem súng trường ra đứng trên cầu dây bắn một phát là có vài bát cá con chiên với dầu ăn ngon hết sảy. Phải biết kỹ thuật mới bắt được nhiều. Đứng trên cầu dây cách mặt nước chừng non vài thước, thả cục cơm hoặc viên đá nhỏ thì bao nhiêu cá đều dụm lại, để súng cắm thẳng xuống bụp một phát thì bao nhiêu cá đều phơi xác (đây phải là súng trường chứ không phải súng săn).

Năm 1960 tôi mua chiếc lưới nylon, đây là chiếc lưới nylon đầu tiên dùng tại xứ này, vừa thả xuống thì vội kéo lên ngay vì đầy ắp. Chỉ một mẻ lưới là đủ ăn cả ngày. Rồi dần dà Kơbey cũng theo gương tôi mua lưới nylon. Trước đây chưa có loại lưới mới này.

BẮT HEO RỪNG

Ở Jarai câu chuyện bắt heo rừng có lẽ lý thú hơn cả đồng thời nói lên sáng kiến và tài nghệ của anh em Jarai. (Kơng bơbui) Câu chuyện tôi sắp kể đây xảy ra năm 1958 và tôi đang ghi lại đây là năm 2007. Nếu hôm nay bắt heo rừng như thế thật là cuộc tàn sát, có lẽ không được khen thưởng trái lại bị phạt nặng nữa là khác, bất cứ ở xứ nào. Vả lại thời đó có thuê cũng chẳng ai dám lên đó mà phạt. Nhưng xin nhớ rằng chúng tôi đang sống

trong cảnh rừng núi heo hút vào những thập niên 50, 60 làng này cách làng khác hàng chục cây số. Sự sống con người phải được bảo vệ và quý trọng hơn sự sống của muông thú.

Tháng mười là mùa lúa chín. Rẫy bái dân làng rải rác khắp nơi giữa hai dãy núi Nang Brai và Gor Tơng, trên đồi, dưới thung lũng. Rẫy lúa có bắp trồng xen kẽ hoặc rẫy mì cần được bảo vệ cẩn thận vì khỉ và heo rừng rình rập chờ cơ hội là ập vào phá tan tành.

Heo rừng đi từng bầy hàng mấy trăm con ùa vào rẫy. Chỉ cần một người lên tiếng là nó hoảng hốt chạy vào ẩn núp tại khu rừng gần đấy. Người đó cầm rựa đi một vòng chặt đôi ba nhánh cây như làm dấu hiệu có người. Thế là heo rừng nằm yên, không dám động đậy. Bấy giờ anh ta về làng giục trống báo hiệu. Mùa lúa chín có hiệu trống riêng biệt dân làng ai cũng biết, vội vã từ khắp nơi tề tựu về làng và được hướng dẫn lên khu rừng có heo đang ẩn núp. Cuộc bao vây bắt đầu. Họ chặt le vót chông cắm quanh khu rừng. Già trẻ lớn bé, ai cũng làm việc. Công việc tương đối dễ, phái nam dù bé 15 tuổi cũng có thể tập vót chông với ông già 70, vì le đầy rừng không cần kiếm đâu xa. Phái nữ không có mặt đây. Chỉ cần vài tiếng đồng hồ là cuộc bao vây được siết chặt. Heo rừng nằm yên trong khu rừng bị bao vây. Thế là đêm hôm đó thành một đêm hội lớn. Họ đốt lửa, hát xướng, la hét... ăn cơm tối và ngủ đêm tại đó.

Chụp với giáo dân tại Kobey cũ

Quãng ba giờ sáng hôm sau các bà các cô trong làng thức dậy chuẩn bị bữa ăn sáng cho

các"chiến sĩ. " Cũng quãng giờ đó cha sở dâng Thánh Lễ riêng một mình để cùng kịp đi với các bà. Gần như tất cả dân làng Kơbey có mặt nơi trận địa. Trên ba trăm người. Ba đại đội.

Sau bữa ăn sáng, bắt đầu làm hàng rào le, cao quãng một thước rưỡi, phía trên có giàn để đứng. Hàng rào làm xong, nhổ chông gom lại từng đống. Công việc quãng vài ba tiếng là hoàn tất. Tất cả lên giàn, già trẻ lớn bé nam nữ có cả cha sở nữa, tay cầm tầm vông dài vót nhọn, đứng vững trong thế trực chiến. Chúng ta thử hình dung một bức"tường thành"toàn bằng le cao quãng một thước rưỡi, trên có giàn cho hàng trăm người đứng bao vây mấy mẫu rừng ! Thật sáng kiến độc đáo của anh em miền núi! Tiếp đến lực lượng xung kích hay cảm tử gồm độ mười lăm thanh niên, tay cầm giáo, không được cầm đao sợ nguy hiểm chém phải nhau khi đụng độ với địch, vai kề vai tiến vào ổ heo rừng. Gặp heo, đoàn cảm tử thét lên, và tất cả những người có mặt trên giàn cùng thét lên, tiếng thét vang dậy cả núi rừng làm cho heo sợ chạy tán loạn và tông vào hàng rào tìm ngã thoát, con thì mắc cổ vào hàng rào bị đâm chết, con thì tháo lui, những người trên giàn mạnh ai nấy đâm, dù bà già hay cô gái có vụng về mấy đi nữa cũng có dịp thi thố tài nghệ của mình. Mỗi đợt cũng được đôi ba chục con phơi xác bên hàng rào. Số heo rừng còn lại nhiều hay ít cũng bị thương hoảng hốt quay lại khu rừng tìm chỗ ẩn núp. Lực lượng xung kích tiếp tục làm việc, vẫn vai kề vai cẩn mật bảo vệ nhau, lúc quay tròn đứng tại chỗ, lúc chầm chậm tiến tới, hễ gặp bầy heo thì tiếng thét la càng dữ dội hơn, nỗi khiếp sợ càng làm cho heo chạy tán loạn và tiếp tục đâm đầu vào hàng rào làm mồi cho mũi nhọn tầm vông. Các bà các cô ai cũng tự cảm thấy hãnh diện vì mỗi người đâm chết cũng được vài ba con không thua kém nam nhi. Sau chừng mươi lăm hai mươi đợt thì bao nhiêu heo rừng trong vòng vây phơi xác, không con nào thoát được. Chỉ có một lần

con "heo một", loại heo đực đầu đàn to cao gấp đôi các heo khác xé rào trốn thoát.

Sau đó thu dọn chiến trường. Hàng rào cũng như chông làm củi để thui heo. Vừa khiêng heo về làng vừa la thét dọc đường: " Đáng kiếp bây! bây hại mùa màng của tao! Bây sống thì tao chết, bây chết thì tao sống. . . "

Tôi đã dự những trận chiến này ba lần vào những năm 1958 đến cuối năm 1960, những năm kể là còn yên lành. Lần đầu và lần hai, mỗi lần trên một trăm con, lần thứ ba được bốn trăm con! Chỉ một đêm và một buổi sáng giết được bốn trăm con heo rừng! Dân làng chia số heo cho các gia đình tuỳ theo số lượng người. Các làng xung quanh cũng được mời đến dự tiệc chung vui với Kơbey. Dân làng biếu cha sở một hai con. Chỉ có Dân tộc Jarai và trong Dân tộc Jarai chỉ có Kơbey và một hai làng khác mới có sáng kiến bắt heo như thế này. Tôi thuật lại câu chuyện này ai cũng cho là khó tin! Nhưng những anh chị em Jarai Kơbey của tôi vẫn còn đó! Những em thế hệ tuổi 14 vào năm 1958 thì năm nay 60, 70 tuổi. Vả lại những "chiến công oanh liệt" của họ được truyền tụng cho nhau từ thế hệ này đến thế khác.

Thịt heo rừng không những làm khô như trâu rừng mà còn có thể nấu với nước mắm có trộn ít mè thơm ngon hết ý và để bao lâu cũng được, bù vào những ngày không có gì ăn. Em gái tôi từ Đà Nẵng thường gởi lên cho nước mắm nhỉ thì hôm nay tôi không quên gởi cho mẹ và em một hũ để thưởng thức món thịt miền núi.

TÔI SĂN NAI

Ở Kơbey ban đêm ra chưa khỏi làng thì đã thấy chồn, chắc là các chú vô làng kiếm gà. Đi xa làng chừng năm trăm thước có khi đã gặp mang nai rồi. Lắm lúc một bầy mắt xanh hiện ra trước ánh đèn, nhất là những vùng có tranh vừa đốt cháy và sau vài cơn mưa bắt đầu đâm chồi. Phải lưu ý hết sức, nếu bắn lầm trâu thì vét hết túi tiền mà đền cho chủ, vì trâu với nai tầm cao và mắt xanh không khác gì lắm.

Lần đầu tiên tôi bắn một con nai, nhưng nó còn ba chân chạy được. Sáng hôm sau cả làng Đak Rơde đi tìm nhưng không gặp. Lần khác hạ được một con mang chết tại chỗ. Đó là tất cả công trình săn bắn của tôi ở Kơbey. Tôi chỉ đi săn hai ba lần vì chiều tối dạy giáo lý hoặc làm việc. Tôi thường giao súng cho những anh em thích săn bắn. Vả lại thời gian đi săn chỉ hơn hai năm đầu. Từ cuối năm 1960 về sau kể là thời gian nguy hiểm.

Khi còn ở Tân Cảnh lúc mới mua súng để chuẩn bị đi sở mới, tôi nhớ lại có lần người ta chỉ vẽ phương pháp bắn cọp và cách phân biệt mắt cọp với mắt nai, mắt cọp to và đỏ như lửa. Và nhất là trước khi nhắm bắn cọp phải tằng hắng để cọp sợ và quay đầu về hướng khác. Cọp vừa quay mặt thì nổ súng ngay, đạn sẽ trúng tim và cọp sẽ ngả lăn ra chết, nếu cọp không chết ngay thì nhảy vồ theo trớn của nó chứ không nhảy bổ tới người săn. Có lần tôi đi săn với một trung sĩ, ra khỏi Thị trấn quãng hai cây số thời bấy giờ toàn là rừng, tôi gặp thấy cặp mắt to và đỏ như người ta mô tả, tôi vội vàng đổi đạn để bắn cọp, vì đạn trong súng là đạn bắn nai. Đổi đạn xong, tôi vừa nhắm vừa tằng hắng nhưng cọp không chịu quay mặt cứ trừng trừng nhìn tôi, mặc dầu vậy tôi nhất định nổ súng. Đùng một phát! Để cho an toàn hơn, tôi thong thả đợi cho con thú bất động hoàn toàn

rồi mới chạy lại xem, nhưng cọp đâu không thấy chỉ thấy xác một con chim đớp muỗi to tướng nát bấy, lông cánh mỗi nơi mỗi ngả. Tôi với anh trung sĩ ngồi lại để rút kinh nghiệm. Bài học thì đúng vì con chim đậu trên gốc cây ngang tầm con cọp, mắt tròn xoe và đỏ au au nhưng tôi làm sai vì chỉ nhìn cặp mắt nhưng không quan sát kỹ thân mình, biết rằng ánh đèn đôi khi không đủ sáng để thấy toàn thân con thú. Thật uổng viên đạn ! Một viên đạn giá thị trường lúc bấy giờ là mười bảy đồng.

BẮN TRÂU RỪNG

Miền Kontum chỉ có vùng PleiKơbey mới có trâu rừng. Loại trâu to lớn và dữ tợn sống trên núi GorTơng phía đông PleiKơbey. Chỉ có súng trường mới hạ được nó. Bắn giỏi chỉ cần một viên đạn nhắm ngay vào tim là đủ. Trước khi bắn phải tìm chỗ ẩn núp cho an toàn, thường leo lên cây cao to. Cây nhỏ có thể bị nó húc ngả. Cuộc săn bắn thường về ban chiều quãng bốn năm giờ. Tôi mượn được viên sĩ quan nọ tại Kontum súng Mas 36 và súng Carbine. Hôm ấy một giờ chiều. Anh Mnem và tôi mất gần một tiếng mới lên tới đỉnh núi. Mnem súng lớn tôi súng nhỏ. May quá một bầy trâu hiện ra trước mắt cách quãng mấy trăm thước. Đếm được gần 70 con đang ăn. Tôi dặn anh chỉ bắn một con, đừng phí phạm. Dặn lấy lệ thôi. Mà giả như có muốn bắn hai cũng không kịp vì nó chạy hết. Tôi lên tảng đá cao chừng bốn, năm thước, anh Mnem đi xa hơn và tìm chỗ an toàn. Anh lựa con lớn nhất. Một phát súng nổ. Rồi ! một con ngã xuống, các con khác chạy tán loạn cùng một hướng. Con bị đạn vùng vẫy đứng lên và tìm người bắn để trả thù. Một phát súng tiếp. Con vật ngã lăn ra không xa anh Mnem lắm. Chúng tôi chờ chặp lâu để bảo đảm hoàn toàn vô hại mới dám đến gần. Con

trâu thật to lớn phi thường, nó nằm hông cao ngang xấp xỉnh mặt tôi. Chúng tôi về nhà, ngày hôm sau dân làng ra xẻ thịt.

Sáng sớm hôm sau gần như tất cả tráng niên nam nữ có mặt. Sau vài tiếng đồng hồ trâu được xẻ ra thịt. Việc đầu tiên nướng ăn no cái đã. Rồi kẻ khiêng người gùi người gánh. Cái đầu để nguyên tám người thay đổi nhau khiêng. Cặp sừng sẽ treo tại nhà rông. Đi về dọc đường thỉnh thoảng ngồi lại nghỉ. Không lẽ ngồi không mà ngó. Đốt lửa nướng ăn một dạo nữa. Về đến làng gần như mọi người có mặt để lãnh phần. Riêng người bắn có phần đặc biệt hơn. Người chủ súng thì theo thói quen xưa nay được biếu cho cái đùi. Một đùi trâu rừng nặng ký ngang con nai chứ không ít. Các em các cháu giúp việc cho cha xứ bận rộn suốt ngày hôm ấy để cắt từng miếng và phơi khô. Các dây thép gai đầy thịt được giăng khắp nơi trong vườn nhà xứ. Không gì ngon và quý cho bằng thịt trâu rừng khô. Chẳng những ăn và còn đem đi biếu khắp nơi. Nướng và đập, hành tiêu nước mắm xì dầu ớt tỏi thêm vào hết sảy. Quanh năm gần tới giờ ăn nghe tiếng búa tiếng thớt ở nhà bếp thì biết chắc chắn thức ăn hôm đó các em sẽ dọn lên là thịt trâu rừng khô.

Hình chụp năm 2007

TÔI GIẾT CỌP

Làng hẻo lánh ở giữa rừng sâu, thỉnh thoảng ban đêm cọp vào thăm làng. Con heo, con bò thường là miếng mồi ngon và dễ bắt nhất. Người Jarai thường gọi cọp là ông "Ơi Rơmông". Bắt được mồi, ông nằm ăn đã thèm rồi bỏ đi về rừng. Đêm tiếp đến nhớ mồi ngon thế nào ông cũng sẽ trở lại. Dân làng báo tôi biết. Khi mặt trời vừa sụp xuống núi, tôi lấy thuốc độc strychnine độ 1 gr gói trong miếng giấy quyến, liều nhỏ không chết, quá liều cọp sẽ mửa tại chỗ, vô hiệu. Tôi lấy dây cáp một đầu buộc những xương còn lại và đầu kia buộc vào gốc cây gần đó, bên trên để miếng thịt hoặc gan có nhét thuốc độc. Kế bên để một thau nước đầy. Khi tới, trước hết ông sẽ xơi miếng thịt hoặc gan, khát nước ông sẽ uống nước dọn sẵn cho ông. Nhờ nước nên thuốc mau tan. Còn xương có dây cáp cột chặt, ông nằm đấy mà gặm chứ không kéo đi nơi khác. Trong khoảnh khắc ông lăn ra bỏ xác tại chỗ. Có lúc ông chạy về rừng mới chết. Tôi cho người đáng tin cậy canh chừng vì sợ dân làng ăn thịt nguy hiểm nên tôi đem chôn để sau thời gian lấy bộ xương. Một bộ xương cọp rất có giá, người ta mua để nấu cao hổ cốt. Lúc ở Kơbey tôi đã giết được hai con. Tôi không có tiền bao nhiêu để đền ơn đáp nghĩa các em giúp việc cho tôi. Một bộ xương cọp làm cho các em vui lắm. Một bộ quãng sáu ngàn, giá một chiếc xe đạp Peugeot thời bấy giờ. Có nhiều người tiếc bộ da cọp. Nhưng phải là người chuyên môn lắm mới làm được, vả lại rất công phu! Thôi thì chôn luôn.

Trên đây tôi rất lưu ý cẩn thận đến thuốc độc. Khi nhét thuốc độc vào thịt hoặc gan để giết cọp thì chính tôi hoặc nhờ người tín nhiệm theo dõi sợ có người ăn cắp để hại nhau. Tôi đề phòng thôi. Loại strychnine này tôi đã nhờ một bác sĩ quen tìm

mua cho tôi. Nhưng người dân tộc cũng có loại thuốc độc riêng bằng nhựa hay rễ cây (?). Tôi nghe nói phía Halăng có người đã giết nhau bằng cách nhét vào cần ống điếu.

LƯỚI NGƯỜI

Tôi bắt heo rừng, trâu rừng, mang, nai, cọp, lươi cá .... Nhưng Chúa giao cho tôi "bắt người" đem về cho Chúa thì dường như chưa có kết quả bao nhiêu.

Chúa đặt tôi trong một vùng rừng núi bao la ngút ngàn rất đẹp, rất thơ mộng, anh chị em dân tộc đơn sơ chất phác dễ thương. Cám ơn Chúa đã thương ban cho tôi tâm hồn đa cảm, tuy nhiên tôi biết không phải ngồi đó để "thả hồn theo gió" nhưng phải ra tay hành động. Mặc dù một số nhỏ đã theo Chúa nhưng đức tin còn rất non kém. Qua nhiều biến cố, qua sự việc xảy ra hằng ngày, tôi nhận thấy họ còn quá khiếp đảm các thần của cha ông họ, nô lệ của ma quỷ, của những tập tục mê tín, thật tội nghiệp! Có người nói với tôi: "Thưa cha, chúng con nghèo và ngày càng sạt nghiệp, vì phải cúng liên tục, hết trâu rồi tới bò hết bò tới dê bởi lẽ đau ốm liên miên. Bà phù thủy bảo chi thì làm nấy. Không làm theo thì sợ chết sợ tai họa. Con nhận thấy theo Chúa như cha là sung sướng và thoải mái hơn hết. Cha dạy cho chúng con phải làm thế nào để tâm hồn được tự do như cha?"

Có lần tại làng P. Klêng tôi ban các Bí tích sau hết cho một người đau nặng, đồng thời dưới gầm nhà họ cũng đang giết dê để cúng. Trong những dịp sinh đẻ đau ốm cưới hỏi ma chay, họ ăn trâu, ăn dê, ăn heo ... không thể nào không cúng vái, dĩ nhiên kín đáo trong gia đình chứ không dám công khai vì theo cam kết thuở ban đầu đã xin theo đạo thì không còn chuyện cúng tế nữa.

Có người trong làng nói riêng với tôi, ngoại trừ thịt rừng, còn các con vật khác trong nhà nhất là dê thì bao giờ cũng có chuyện mới ăn. Có chuyện đây là cúng vái, cầu khẩn xin thần sự việc này nọ... Mặc dù con cái đã theo đạo nhưng ông bà cha mẹ vẫn là bên lương còn sống bên cạnh đó. Mỗi lần ăn trâu, mặc dù bên ngoài không có cúng vái chi nhưng thực chất là giữ lời khấn với thần nọ thần kia để khỏi những tai họa, (buăn).

Có lần họ nói với tôi: "Cha là Linh mục, là người kinh, đức tin vững vàng, không sợ ma quỷ quấy phá, không sợ chết. Cha chẳng những không sợ mà còn dùng quyền năng Chúa ban cho để đuổi chúng nữa. Còn chúng con là người Jarai còn khiếp sợ quỷ ma lắm mặc dù có số đã chịu phép thánh tẩy. "

Lời nói chân tình của vài anh em Jarai trên đây càng thôi thúc tôi suy nghĩ đến công việc mà Linh mục suốt đời phải làm. Không những làm mà lại phải sống gương mẫu nữa. Ảnh hưởng những người già, những bậc cha mẹ còn rất mạnh.

Một lần khác tôi đến làng Plei Khôk Hnăr còn bên lương. Tôi ghé thăm một gia đình. Gặp ông chủ nhà, tôi chào và vui vẻ hỏi đủ thứ chuyện nhưng ông chỉ mỉm cười không đáp trả một lời. Tôi rất ngạc nhiên. Người khác mách bảo tôi biết heo ông đẻ ngoài rừng ông mới bắt về vì kiêng kỵ nên không dám nói gì sợ heo chết! Mùa mưa thì họ giăng chỉ trắng khắp nơi từ rừng từ rẫy về đến nhà lúa. Có lúc thì không cho người khách lên nhà.

Trước khi vô nhà phải hỏi hôm nay có cữ hay không. Nếu cữ thì đứng dưới đất nói chuyện.

Gia đình Ngiu và các con cháu

Cậu Ngiu người giúp việc Jarai của tôi thường hay trêu ghẹo và bài trừ óc mê tín của anh chị em Halăng. Cậu làm ngược lại, nếu cữ thì cậu vừa cười vừa lên nhà, đôi khi còn la rầy họ nữa ! Họ vẫn vui vẻ không nói gì.

Về vấn đề ăn uống cũng thế. Có những ngày không được phép đi rẫy kiếm thức ăn, ở nhà có gì ăn nấy, thường là muối ớt, ngay cả chú Yao phu Jarai của tôi mặc dù không kiêng cữ gì nhưng vì phận sự phải sống chung trong làng đôi khi cũng chấp nhận phong tục của bộ lạc Halăng. Mỗi lần tôi đi sở nhánh, tôi không đem theo đồ ăn, họ dọn chi ăn nấy. Nếu không báo trước thì tôi cũng ăn cơm với muối ớt như gia đình chú yao phu.

Trong làng Kơbey có một bà phù thuỷ. Những người bên lương hay công giáo còn kém đức tin hay kín lén chạy đến với bà. Có lần tôi đã mời bà đến nhà để dạy dỗ khuyên răn. Tôi bảo bà nói lại cho biết bà đã làm những gì. Bà ta sợ và chối lia lịa. Vài người có đạo tốt trong làng yêu cầu tôi phạt vạ bà nhưng tôi không đủ lý do để phạt, tôi chỉ khuyên lơn bà nên tìm hiểu giáo lý, bỏ dị đoan mê tín rồi cho bà về. Nhờ vậy mà mê tín dị đoan bớt đi rất nhiều.

Tôi nhớ những tháng năm đầu tiên mới đến nhận xứ Kơbey chưa biết mô tê về vấn đề cúng tế. Ngày nọ ông câu đến xin phép dân làng ăn trâu, xin phép để tôi khỏi nghi ngờ gì. Câu

chuyện tôi đã thuật lại trên đây. Ông ta bảo dân làng nghèo khổ cần có thịt để chia cho nhau ăn thôi chứ không có ý đồ gì. Tôi nghĩ như thế thì có gì ngăn trở đâu mà cũng không ai có quyền cấm đoán. Tôi nhớ họ đem biếu tôi một dĩa. Thực sự dân làng khi được thịt mang nai hay khi giết heo bò thì họ thường đem biếu cha xứ.

MỤC VỤ THĂM TỪNG GIA ĐÌNH

Chẳng những các gia đình Sở nhánh mà ngay trong làng chính Kơbey tôi có chương trình dài hạn thăm từng gia đình. Họ được báo trước để đừng đi vắng. Phải lựa lúc khỏi làm mất giờ làm ăn của họ. Giáo dân rất thích vì được cha sở thăm viếng. Tôi gặp từng gia đình, cha mẹ con cái cháu chắt để tìm hiểu về đời sống đạo, về cách làm ăn, về việc học hành của con em, về sức khoẻ, những nhu cầu, những khó khăn thiếu thốn vv... nhất là những gia đình khô đạo, bỏ lễ Chúa nhật hoặc vợ chồng gặp khó khăn. Việc mục vụ này có kết quả rất tốt đẹp, nếu biết lựa lời để nói với tất cả tâm tình của người cha sở.

ĐỀ PHÒNG CÔ ĐƠN VÀ NẢN CHÍ.

Tôi phải làm gì đây để giải thoát người anh em khỏi mạng lưới khiếp sợ và để họ sống trong niềm an vui hạnh phúc người con Chúa cũng như tôi đang mang hạnh phúc đó trong người và đang sống giữa họ. Nhất là để cho họ hiểu tình thương lạ lùng của Chúa với những con người bé mọn. Tôi ý thức mãnh liệt vấn đề này đồng thời cũng ý thức sứ mạng Linh mục của tôi được sai đến để ở với họ.

Ngoài những thử thách khác, tôi xin đề cập đến hai điểm có thể làm cho con người lắm lúc phải bị lay chuyển.

Trước hết sự cô đơn về mặt tinh thần, một thân một mình ở giữa vùng xa vắng, đêm đêm ngày ngày tiếng"chim kêu vượn hú"vọng lên từ giữa hai dãy núi Nang Brai và Gor Tơng càng làm

tăng nỗi cô đơn hơn nữa.

Tìm đâu người bạn đường? Nhất là Linh mục trẻ chập chững bước vào đời truyền giáo, có những vấn đề không biết bàn với ai, không được ai chia sẻ, xung quanh toàn anh em Dân tộc và em giúp việc người kinh không đủ tầm cỡ để am hiểu những tâm tư, những khó khăn và nguy hiểm của Linh mục; còn anh em Linh mục thì chỉ gặp nhau một hay hai tháng một lần, đường đi lại đầy trắc trở nhất là thời buổi kinh hoàng như tôi thuật lại sau đây. Từ Kontum lên Kơbey quãng năm chục cây số nhưng phương tiện giao thông quá thô sơ và đường rừng vất vả có lúc gây ấn tượng như bơ vơ một trời một cõi.

Vấn đề ham mê đọc sách là một trong những vị thuốc thần thiêng chữa bệnh cô đơn. Đọc sách báo để nâng cao sự hiểu biết về thần học, mục vụ, khoa học. . . đồng thời để hòa mình với những con người trong thế giới khác và tạm quên một phần nào những khó khăn trong môi trường đang sống. . . Thời đó ngoài vài tờ báo đạo tiếng Việt, tôi còn mua thêm ít tờ nguyệt san tiếng Pháp như Fêtes et Saisons, Panorama chrétien, Missi và những sách truyện bổ ích cho đời sống tu đức cũng như nâng cao trí thức. Thánh Kinh toàn bộ tiếng Việt lúc bấy giờ chưa có. Tiếng Pháp bản dịch trường phái Jérusalem ra lần đầu tiên 42 tập.

Ngoài việc đọc sách báo, vấn đề lao động như đánh cá, làm vườn với các em các cháu là những cách giải trí tuyệt vời, chẳng những giải trí mà lại cần thiết để có bữa ăn ngon. Thời đó chưa có truyền hình, và tôi cũng tiếc chưa kịp tổ chức bóng đá hay bóng chuyền thì thời buổi kinh hoàng đã ập đến. Cách làm việc và tổ chức trên đây đã giúp tôi rất nhiều trong những giờ phút mà tôi có thể gọi là cô đơn. Hơn hết trong mọi sự phải biết tôi luyện con người có khí phách biết can đảm làm việc,

viết lách, học hỏi, nghiên cứu thì không còn thời giờ đâu mà cô đơn. Một con người ướt át tình cảm không biết làm việc trí thức hoặc lao động không thể đương đầu với những đợt sóng thần liên tục ập vào đời sống Linh mục. Chính vì tôi là con người tình cảm ươt át nên với chút kinh nghiệm tôi có những nhận định như thế.

Ngoài sự cô đơn còn có nguy cơ khác rình rập chúng ta đó là sự nản chí. Hoạt động truyền giáo mỏi mệt nhưng dường như không đem lại một kết quả nào đáng kể. Đây là dịp xem lại những kinh nghiệm ngàn đời của các nhà truyền giáo trong Giáo Hội, chính mình trồng cây nhưng Chúa cho phương trời xa hưởng lộc, truyền giáo ở đây nhưng Chúa cho Liên Xô hay Trung quốc hái quả. "Tôi trồng, Apôllo tưới, Chúa cho mọc lên" ở đâu tùy ý Ngài. Tôi ý thức rằng đây chính là lúc phải bình tĩnh nhận định cô đơn nản chí chỉ là chuyện bình thường và cũng là cơn thử thách Chúa gởi để biết khiêm tốn và tiến lên cao hơn. Nếu tôi chỉ mong hưởng thành quả ngay trước mắt và say mê chiến thắng mà không có đời sống nội tâm thì những hoạt động vất vả của tôi chỉ là quả đấm trong không khí. Cám ơn Thần Khí Chúa đã gợi lên cho tôi những suy nghĩ lành thánh để nâng đỡ tôi trong những giờ phút cô đơn nản chí. Tôi nhớ mãi lời của thánh Têrêxa Giêsu về vấn đề cầu nguyện và cũng là lời nhắn nhủ của cha linh hướng khi rời Đại Chủng Viện: "Bất cứ giá nào, mỗi ngày ít nhất 15 phút nguyện gẫm. " Đây là chiếc neo thần của đời sống Linh mục. Không có chiếc neo thần này thì con thuyền đời tôi sẽ trôi dạt theo mọi chiều gió. Và phải làm thế nào để cảm thấy 15 phút mỗi ngày vẫn còn chưa đủ, vẫn còn thấy dè sẻn và keo kiệt với Chúa. Tôi cố gắng thêm mỗi ngày một hai phút nữa cho đến bao giờ đạt tới con số 30 mới thôi. Tôi nhận thấy đây là sự sống còn của đời Linh mục của tôi trong lúc này. Không cầu nguyện thì cái hố sa đọa nằm sát một

bên! Những giây phút gặp Chúa chính là lúc sống thân mật với Chúa như con với Cha. Vì thân mật với Chúa, thì mới có thể đổi mới con người và vui vẻ chấp nhận ý cha trong mọi trường hợp.

Để tiếp tục trả lời câu hỏi trên kia, tôi phải làm gì đây để giải thoát anh chị em Jarai khỏi những khiếp sợ ma thần của họ? Dĩ nhiên tôi phải làm tốt việc tôi đang làm để vun xới và phát triển đức tin mà Chúa đã thương nhen nhóm trong lòng họ, đó là dạy giáo lý, dạy kinh thánh, nhất là tập cầu nguyện cho nhóm thanh niên nam nữ và trẻ em. Tất cả phải bắt đầu.

Khi mới bắt đầu bước vào thế giới anh chị em Jarai, có khi tôi đánh giá quá thấp khả năng hiểu biết của họ về thế giới bên kia. Họ có những câu hỏi và cách nói chuyện để lộ sự tò mò của họ về thế giới vô hình mà có lẽ chính tôi cũng ít khi đề cập đến vì sợ vượt mức hiểu biết của họ. Họ có những suy tư thần học chớm nở mà chúng ta không ngờ. Bằng cách này hay cách khác có lần họ đặt vấn đề: tại sao Chúa là người Cha tốt lành mà lại dựng nên thứ quỷ đen đủi xấu xa dữ dằn để hành hạ chúng ta. Chúa là người cha thương con tại sao dựng nên hỏa ngục để phạt con.

Câu trả lời của tôi đơn sơ, họ có thể hiểu dễ dàng và còn thích thú nữa. Tôi bảo Chúa là Cha yêu thương tuyệt hảo, mà hễ yêu thương tuyệt hảo thì không thể dựng nên một cái gì xấu. Chúa không dựng nên ma quỷ độc ác nhưng đã dựng nên thiên thần xinh đẹp tuyệt vời. Chính những thiên thần đó đã phản loạn coi mình ngang hàng với Chúa, vì thế họ đã bị loại ra khỏi mặt Chúa. Từ thiên thần sáng chói xinh đẹp trở thành quỷ dữ và thù ghét Chúa thù ghét chúng ta.

Chúa đâu có dựng nên hỏa ngục để phạt chúng ta. Thiên đàng hay hỏa ngục là do chính chúng ta chọn. Chọn Chúa là chọn thiên đàng. Không chọn Chúa tức nhiên bỏ Chúa và tự

loại ra khỏi tình thương của Chúa và khốn khổ muôn đời. Khốn khổ vì nuối tiếc. Nuối tiếc vô biên thì cũng trở thành lửa thiêu đốt muôn đời. Đó là hỏa ngục chính chúng ta chọn. Ma quỷ là loài thần linh quỷ quyệt và tài giỏi hơn con người nhưng bao giờ chúng ta quyết theo Chúa và đứng về phía Ngài thì ma quỷ không thể hại được chúng ta. Và chúng nó còn sợ chúng ta nữa là khác nếu chúng ta kêu tên Chúa với lòng mến yêu và tôn kính. Bằng nhiều ví dụ đơn sơ dễ hiểu tôi giải thích về thiên đàng hỏa ngục, ma quỷ, tôi nhận thấy nhiều người trầm ngâm suy nghĩ và cảm thấy được yên ủi. Tôi lấy ví dụ ngay trong gia đình giữa cha mẹ và con cái. Đứa con hiếu thảo và đứa con chống đối thù ghét cha mẹ.

Nhiều lần tôi đặt lại vấn đề dạy giáo lý của những anh em yao phu. Họ quá nhấn mạnh đến tiêu cực: hỏa ngục, tội lỗi, Chúa phạt, ma quỷ thù hằn, hình khổ đời đời trong hoả ngục. . . mà quên khía cạnh tích cực. Dĩ nhiên việc này phải làm, việc kia không được bỏ. Người Jarai quá sợ ma quỷ và còn sợ nhiều cái gì khác nữa nhất là thời buổi họ đang sống thì cách dạy tiêu cực làm cho đời sống Kytô - hữu mang bộ mặt sợ sệt buồn thảm, không có niềm vui, không phấn khởi. Ví dụ đối với nhiều yao phu, phép rửa tội tẩy rửa chúng ta sạch tội tổ tông. Nếu phép thanh tẩy chỉ có bấy nhiêu thì kể là chưa có chi hết. Ngược lại nhờ phép thanh tẩy mà chúng ta được hạnh phúc làm con Chúa, được gọi Chúa là Cha thân thương của mình, tâm hồn trở nên đền thờ Chúa ngự, đi rẫy đi rừng là mang theo cả đền thờ, có quyền năng đuổi cả ma quỷ, chết là về với Cha mình v. v. . . Hay nếu muốn nhấn mạnh về quyền năng kiểu Jarai, thì nói Ông Trời là Cha của mình, còn mình là con của Ông Trời, là những ông trời con rất có quyền năng trên ma quỷ, và ma quỷ rất sợ chúng ta nếu chúng ta siêng năng cầu nguyện và kêu xin Ngài.

Tôi mới bắt đầu bước chân vào thế giới Jarai, ngôn ngữ cũng như hiểu biết về con người Jarai còn giới hạn. Tôi cảm thấy công việc tràn ngập đôi khi không biết phải làm việc nào trước việc nào sau vì thấy việc nào cũng cần phải làm ngay. Học tiếng Jarai, dọn sách giáo lý, dịch sách Tin Mừng, làm bài hát... Tôi nhớ mãi lời cha Bề Trên Đại Chủng Viện: Age quod agis. Bạn hãy làm tốt việc bạn đang làm. Mỗi giây phút là để phục vụ. Mỗi giây phút có giá trị của nó.

MỘT NGƯỜI THẮT CỔ

Thời gian tôi ở Kơbey, thỉnh thoảng xảy ra vài vụ quyên sinh. Uống thuốc độc hoặc thắt cổ vì bất mãn giữa vợ chồng con cái hoặc với ai khác trong làng.

Một lần giữa đêm khuya có tiếng gõ cửa báo có người thắt cổ. Tôi vội vã chạy ra nhà nạn nhân. Nhà Jarai, Halăng dài từ 30 đến 70, 80 thước tùy bà con ít hay nhiều. Ra đến nhà, người ta chỉ cho tôi thấy một người quãng 70 tuổi treo cổ lủng lẳng trên cây trính. Cả nhà sợ hãi bỏ chạy, để mình tôi với ông già. Việc đầu tiên tôi tìm cái dao và tay trái ôm lấy ông, tay mặt cắt phứt cái dây. Ông già nhào xuống và đè lên tôi, cả hai cùng nằm xuống sàn nhà. Vội về nhà lấy thuốc hồi dương chích cho ông. Tôi xoa bóp cho ông và đem lưỡi vào. Ông tỉnh lại. Ông là người Halăng thuộc làng P. Khôk Klong tạm trú tại Kơbey, vì già yếu nên có lẽ muốn kết liễu cuộc đời .

Một lần khác, lúc tôi đi thăm sở nhánh lâu ngày, một ông già treo cổ và chết một mình trong nhà đang khi mọi người đi vắng.

Một lần khác nữa cũng một ông già uống thuốc độc sắp

chết. May quá hôm đó người ta kịp thời báo cho tôi. Thuốc mửa Ipeca sẵn có, tôi đã cứu ông. Người dân tộc thường ngâm lâu ngày một thứ rễ cây Mrai có chất độc để quyên sinh. Những ông già trên đây còn bên lương chưa có dịp học đạo. Tôi rất cám ơn một bác sĩ người Pháp đã giới thiệu tôi quyển Sách Thuốc "Quand le médecin est loin". Tôi đã mua và xin bệnh viện những thứ thuốc mà tôi thấy cần thiết cho một Linh mục ở xa. Dù không học nghề y tá nhưng những thuốc hộ thân hoặc giúp đỡ kẻ khác thật cần sẵn có trong nhà.

Dạo nọ người ta báo tin có cụ già đau yếu, người làng cho biết ông muốn gặp tôi. Vừa bước vô nhà thấy ông đang nằm nói chuyện vui vẻ với anh em bạn già. Tôi tưởng ông muốn gặp tôi để được chỉ bảo về vấn đề đạo lý vì ông còn bên lương, nhưng mong gặp tôi chỉ để xin một bao thuốc lá Bastos. Tôi về nhà lấy cho ông nhưng ông lại không hút. Ông để dành chờ lúc nào xuống âm phủ hút cho vui với bạn bè!!

Nói chuyện đạo, chuyện sống cõi sau với một số người già đôi khi tôi có cảm tưởng như nước đổ lá môn, vì tâm hồn cũng như đầu óc gắn liền với những phong tục mê tín từ ngàn xưa nhất là đối với những người giàu liệt nặng gần chết. Họ nằm ngủ giữa ghè chén chiêng nồi. Đây là những tài sản quý nhất của họ. Nếu tính ra tiền thì không biết bao nhiêu mà kể. Có ghè trị giá hàng mấy chục con trâu. Có người trước khi chết vuốt ve mơn trớn để tỏ nỗi thương tiếc lần cuối cùng.

Tôi nhớ trong hạnh thánh Gioan Maria Vianney, có lần ngài thăm một người liệt và đưa Thánh Giá cho hôn kính. Người ấy vội đưa tay giựt lấy Thánh Giá liền nói: Thánh Giá này bằng vàng đắt giá lắm !

Dưới hình thức này hay hình thức khác, tôi gặp những trường hợp tương tự đôi lần, tôi không biết dùng phương thế

nào để thuyết phục họ về của cải hư vô chóng qua, về cõi sống kiếp sau. Vô vọng. Chỉ có Chúa mới đổi mới tâm hồn, bàn tay dơ bẩn của con người không thể thò vào cõi tâm linh huyền bí đó được.

Nhưng đây cũng chính là lúc tôi đặt vấn đề thăm viếng. Đôi khi tôi cảm thấy hối hận vì có thăm viếng nhưng không thường xuyên. Thăm viếng người già yếu cô đơn một cách thường xuyên là nguồn an ủi rất lớn cho họ. Thăm viếng, cầu nguyện và truyền giáo là những việc đi với nhau. Không chỉ chính mình cầu nguyện mà cần xin bà con cầu nguyện cho. Họ cảm thấy mình được thương mến và được cha xứ và bà con để ý đến, đấy cũng là dịp để họ đặt vấn đề đời sau của họ.

NHỮNG NGÀY DÀI NHẤT

Thời gian này cùng với ít thanh niên tôi đã đi thăm vùng biên giới. Từ Khôk Hnăr đi lên các làng Mam Le, Kodil và những làng cuối cùng Việt nam từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều. Trong bản đồ Việt Nam hiện không còn thấy những làng này. Có lẽ vì còn ít người nên họ đã tự nhập các làng khác hay là đã tuyệt chủng? "Tuyệt chủng, " tôi dùng tiếng này hơi quá đáng nhưng sự thật có thể xảy ra.

Trong lúc đi thăm, tôi ghé vào nhiều làng. Có những làng vắng tanh như bãi tha ma không còn thấy bóng người bao nhiêu. Hỏi ra thì biết một số rất đông đã chết vì dịch tả. Trước nhà nào cũng treo toàn là sừng trâu và sừng trâu. Nghĩa là họ đã cúng trâu cho thần. Càng cúng càng chết, thật tội nghiệp! Tôi biết làm gì để giúp đỡ họ? Vô phương. Tôi có ít thuốc cho họ uống, họ cầm lấy nhưng chắc không tin tưởng gì. Họ tin cái

gì khác hơn là tin thuốc. Tôi kêu cúu với ai? Vả lại tiếng kêu cúu cũng chỉ vang lên giữa sa mạc. Thời đó có ai mà dám đặt chân lên đường đèo núi xa xôi chết chóc này!

Những ngày tôi đi thăm vùng biên giới này thật nóng khủng khiếp. Con chó Bi của tôi nuôi từ Tân Cảnh và hôm nay cũng đòi theo tôi, có lần xuống nước nằm một hồi lâu. Chưa bao giờ thấy chó xuống nước nằm như thế này.

Trên đường đi thỉnh thoảng gặp cả một vùng le bị voi giày xéo nát tanh bành. Bấy giờ chúng tôi mới lanh chân.

NHỮNG NGÀY LAO ĐỘNG

Làng Kơbey trên ba trăm dân rộng quãng ba mẫu. Ở giữa là nhà xứ, nhà thờ, sau này tôi cất thêm trường học và cận đó sân chơi bóng chuyền. Trước và sau nhà thờ nhà xứ là những khoảng đất trống. Những ngày nắng thật chói chang khó chịu. Người dân ở bìa làng cũng chịu một cảnh nắng như nhà xứ. Cũng may, phía đông cận nhà Rông còn có lưa thưa vài ba cây rừng mọc đã lâu năm đem lại chút bóng mát. Những năm đầu tiên mới đến, tôi cố gắng bỏ công sức trồng vài ba chục cây dừa, chẳng những có trái để ăn để uống nước mà nhất là có bóng mát lại thêm đẹp cảnh đẹp làng. Tôi tưởng dễ dàng như ý muốn. Nhưng mấy trăm con dê trong làng không để yên một thứ cây nào! Trồng xuống cây nào mặc dù rào ba lớp có cả thép gai xỏ bàn tay không lọt thế nhưng sau hết chỉ còn trơ trơ cái gốc! Dê thật là khủng khiếp! Ngay cả mủ xương rồng cũng liếm! Thế là phải đành chịu nắng. Các làng dân tộc khác tôi không để ý nhưng riêng Jarai ở đây thì làng nào cũng đầy dê. Nhất là những người còn bên lương thì dê là con vật thần hảo hơn hết.

Muốn ăn rau cải đành phải trồng tại các bờ suối.

NHỮNG LỚP GIÁO LÝ BAN TỐI

Ngoại trừ những trường hợp hôn nhân hay nhóm nhỏ rước lễ vỡ lòng, tôi thường tổ chức những lớp giáo lý chung trong nhà thờ mỗi chiều trước khi ngủ. Đây là giờ mà tất cả mọi người sau giờ lao động có thể đi học.

Tôi cố gắng tạo cho lớp giáo lý vui nhộn. Có các bài hát tiếng Jarai với nhạc Jarai, lời lấy ngay trong Tin Mừng. Ban đầu thì ít nhưng dần dà với lời mời gọi thì họ đi khá đông. Đây là một trong những vấn đề mà tôi cho là quan trọng vì khi mới trở lại đạo, họ chỉ học những điều cần thiết, đa số không được học hỏi đầy đủ lắm.

HỘI ĐẦU THÁNG

Mỗi ngày thứ ba đầu tháng anh em Linh mục về họp tại Toà Giám Mục. Đây là truyền thống lâu đời tại giáo phận Kontum và đây cũng là ngày vui nhất trong tháng vì anh em được gặp nhau đầy đủ. Chiều áp ngày hội, khắp nơi trong nhà rộn rã tiếng cười tiếng hát tiếng chào gọi và hỏi thăm tin tức nhau... Dường như đối với tôi đây là ngày nói chuyện nhiều nhất trong tháng.

Về đây có nhiều nhu cầu. Mỗi người có những nhu cầu khác nhau tuỳ ở xa hay ở gần. Riêng tôi người ở xa, trước tiên mua sắm những vật dụng cho cá nhân tôi cũng như cho các em giúp việc và cho địa sở. Có thể nói tôi đi chợ cho gia đình. Từ bánh lễ rượu lễ cho đến mắm muối cá khô, xà vông, những linh tinh này nọ và sách vỡ báo chí, thư từ mới nhận được... Tất cả ngày hôm sau sẽ được chất trên lưng ngựa.

Sự việc anh em gặp gỡ nhau có thể nói là một bí tích: Nâng đỡ khuyến khích nhau, thuật lại cho nhau những khó khăn và kinh nghiệm trong đời sống truyền giáo cũng như những biến cố đã xảy ra trong tháng, buồn vui sướng khổ, lo âu, sợ sệt... Thỉnh thoảng hẹn gạp nhau dùng một bữa cơm tại làng nhánh hay tại sở chính.

Nhưng trước tiên hội đầu tháng là gặp Đức Giám Mục, chung hoặc riêng tuỳ nhu cầu. Ngài có những lời khuyên, những chỉ thị, những công tác này nọ cần giao cho một số anh em ... Người cha chung bao giờ cũng có một vài lời đi sâu vào đáy lòng để đánh thức, cảnh tỉnh, nâng đỡ cá nhân Linh mục là con người công tác gần gũi nhất với ngài.

Sau hết điểm cao là giờ chầu Chúa, là Thánh Lễ đồng tế. Tôi có cảm tưởng như đang sống lại những buổi họp các Tông Đồ sau khi được sai đi công tác trở về phúc trình cho Chúa Giêsu những việc mình đã làm.

Các linh mục họp nhau ngày đầu tháng

Giải tán. Hẹn nhau tháng sau.

VỀ LẠI ĐỊA SỞ VỚI NHỮNG CÔNG VIỆC HẰNG NGÀY

(Tôi ban phép thánh tẩy cho các làng xa)

Kơbey cũ

Như tôi nói trên, ngoại trừ làng Kơbey hơn một nửa đã theo đạo, các làng khác chỉ một ít thiếu nhi và các em sơ sinh đã chịu phép rửa, còn thanh niên cần phải học lâu hơn. Khi việc học giáo lý đã hoàn thành thì định ngày rửa tội. Hầu hết các người làm cha mẹ đỡ đầu được chọn tại làng Kơbey. Ngày hôm ấy hàng trăm người cùng đi với tôi. Làng xa nhất phía biên giới là làng Plei Khôk Klong, cuốc bộ gần suốt ngày mới tới, nhất là phải vất vả lên đèo Dăm Brăng cao hàng ngàn thước. Những người cha hay mẹ đỡ đầu mang cơm ăn dọc đường và mang đồ tặng cho con phần hồn của mình. Thường thường là một tấm khăn trắng đan theo kiểu dân tộc... Thật là niềm vui của người làm cha làm mẹ thiêng liêng. Họ ý thức bổn phận nâng đỡ và quý mến người con phần hồn. Tôi ở đó quãng hai ba ngày để bổ túc giáo lý cho các em dự tòng, sau đó thánh lễ long trọng và ban phép rửa cho họ. Đây là một trong những ngày vui nhất đời Linh mục của tôi. Qua những sự việc trên, tôi cảm nghiệm được tình Chúa thương anh chị em dân tộc, những con người miền núi đơn sơ chất phác. Và tôi cũng cảm nghiệm được hạnh phúc Chúa dành cho tôi, hiến trọn tuổi xuân và cuộc đời cho Chúa và anh chị em miền núi.

TÔI ĐI DÂNG LỄ SỞ NHÁNH

Địa sở tôi gồm bốn làng Halăng và ba Jarai. Tôi cố gắng một hoặc hai tuần mỗi làng có Thánh Lễ một lần. Thánh Lễ và dạy giáo lý cho các em thanh thiếu niên. Tôi cũng thường khuyên mời ngay cả những người lớn tuổi mặc dù chưa tòng giáo cũng đến dự. Đi sở nhánh thật vất vả vì nhiều làng xa phải đi ngựa gần ngày đường. Đi được năm đầu rồi mấy năm sau thưa thớt hơn nhất là những năm tình thế nguy hiểm. Tôi nhận thấy rõ làng chính cần phải được đào tạo có căn bản và đạo đức hơn để nêu gương mẫu cho các làng khác nhưng nếu chỉ biết lo cho sở chính thì thật bất công, vì hầu hết những làng nhánh mới xin tòng giáo cần có sự hiện diện của Linh mục. Mùa mưa thường cuốc bộ với một ít thanh niên, hoặc với một hai em thiếu nhi vì nước lớn ngựa không qua suối dễ dàng được.

Mùa nắng thì đi ngựa với người giúp. Sau nhiều tháng lên Kơbey tôi đã mua thêm một con ngựa nữa. Trước khi lên đường thì cho ngựa một thau gạo nếp có pha với ít muối. Đối với ngựa miền núi đây là bữa tiệc lớn. Không dám cho ăn lúa vì sợ xóc ruột. Nhưng khốn nỗi cho ăn ngon thì nó không muốn đi, dùng dằng làm cho chủ rớt. Có lúc phải cỡi xuống suối và quần nó cho được năm mười phút đến khi nó mệt lử, bấy giờ nước kiệu mới êm. Nước kiệu là nước trung, sải là nước đại hai chân cùng nhảy một nhịp. Ngựa phi nước đại như người ta thường nói. Đường trường chớ dại sải nếu không phải là tay đua ngựa rành nghề, nó sẽ cho rơi vào buội le mà khốn. Tôi chỉ cho sải khi nào phải leo dốc dài. Thường đi ngựa đường xa tôi đem theo còi để phòng khi ngựa đánh mùi cọp thì thổi còi để đuổi cọp. Lúc đi sở về gần đến nhà cũng là lúc ngựa phi hết sức nhanh, nếu không đề phòng thì chết tươi với nó. Sở dĩ có chuyện đó là vì mỗi khi

đi đường xa về nó được thưởng cho một thau gạo nếp có trộn muối cũng như trước khi đi. Nó cũng không khác gì cha sở lắm mỗi khi đi sở nhánh về cũng mong được một bữa ăn khá ngon sau những ngày mệt nhọc ở sở nhánh không có người đầu bếp vừa ý. Con ngựa thật là cần thiết nhưng lắm lúc nó cũng làm cho bực dọc. Bình thường những ngày không cần đến nó thì phải buộc nó vào một cây cọc với sợi dây khá dài để nó có thể quay vòng ăn cỏ. Thỉnh thoảng phải đổi cọc. Quãng mươi lăm ngày phải đổi dây mới. Một sợi dây giá năm đồng và phải mua liên tục. Nếu đứt dây thì nó trốn về Phường Quý vì gốc gác và bổ bịch của nó cũng dưới đấy. Mỗi lần đi bắt nó mất cả tuần lễ. Có lần tôi đi Plei Khôk Klong, cách Kơbey quãng ngày đường về phía Tây Bắc, ban đêm dây đứt nó trở về Kơbey và giong thẳng về Phường Quý. Lúc về tôi phải đi bộ và nhờ thanh niên vác yên ngựa về Kơbey.

Có lúc để mua vui cho các em Dân tộc, chúng tôi đi sở nhánh có ngựa có chó và cả khỉ nữa. Con chó tôi nuôi từ Tân Cảnh cũng theo tôi tới Kơbey. Mỗi lần đi sở nhánh nó cũng đòi theo tôi. Hai cha con, tôi với người giúp cỡi ngựa, khỉ cỡi chó chạy theo. Dọc đường cho ngựa nghỉ để ăn cỏ uống nước, chó nằm ngủ, khỉ đi quanh quẩn kiếm ăn. Lúc tôi lên ngựa tiếp tục đi, khỉ cũng vội lên lưng chó. Có lúc chó hục hặc không mấy bằng lòng nhưng tôi chỉ lên tiếng tằng hắng thì nó cũng dịu dàng sống chung hòa bình với khỉ và chở khỉ đi. Tới làng, mọi người trầm trồ xúm nhau xem cái cảnh kì lạ chưa bao giờ thấy khỉ cỡi chó.

ĐI KẺ LIỆT CÁC SỞ NHÁNH

Một trong các công việc nặng nhọc là đi kẻ liệt các sở nhánh. Nặng nhọc ở đây tôi muốn nói người Linh mục được gọi bất cứ lúc nào. Khi có người làng xa đến báo có bà con hấp hối hoặc liệt nặng thì vội xếp đặt công việc để đi ngay như làng Khôk Klong hay Plei Kram chẳng hạn, mất gần năm, sáu tiếng đồng hồ, đi xe đạp hay đi ngựa tuỳ mùa và tuỳ làng, có làng phải đi ngựa để leo núi rất vất vả. Khi đến nơi, đôi khi –tôi nói đôi khi thôi - họ chỉ cho thấy kẻ liệt đang ngồi nói chuyện và sưởi lửa!! Tôi cũng mệt lử không thua gì kẻ liệt nhưng cũng cố gắng vui vẻ ngồi sưởi lửa với họ. Tôi nói vui vẻ, không bao giờ được phép nhăn nhó hay phàn nàn vì sợ trường hợp có kẻ liệt thật sự thì họ lại không dám mời Linh mục.

Những tháng năm yên vui thì lúc đi ngựa lúc xe đạp tùy mùa tùy làng nhánh xa gần, có khi đi bộ và ghé vào các rẫy bái

anh em dân tộc ăn bắp đã đời rồi ngủ lại đêm luôn. Nhưng những tháng năm kinh hoàng thì thường đi bộ với hai em thiếu nhi 13, 14 tuổi, các thiên thần của tôi. Tôi thường gọi các em như thế. Nếu tôi có mệnh hệ nào thì cũng một mình tôi, các em thiếu nhi vô tội không ai nỡ làm gì. Nhưng nếu đi với hai ba cậu thanh niên thì có ý nghĩa khác. Họ sẽ bảo đem thanh niên để bảo vệ.

Không gì thích thú cho bằng đi bộ đường rừng với các em 12, 15 tuổi. Tôi học hỏi nơi các em rất nhiều điều. Mặc dù

tuổi còn thơ, nhưng rừng là thế giới của các em. Các em biết tên từng cây cỏ, từng loại cây, danh mộc hay cây tạp. Những lối đi băng qua rừng chồi hay các đám cỏ, các em chỉ cho tôi thấy có dấu vết người hay con vật mới đi qua không lâu vì một ít lá ngược chiều một tí. Tôi nhìn kỹ nhưng không nhận ra. Các em càng biết rõ từng con chim con thú. Vì thế việc học hành đối với các em là một khổ hình và ngày nào được nghỉ học các em như bầy chim bay về rừng sướng mê tơi. Có lần trong cuộc hành quân đi ngang qua làng Kơbey, một đại úy nhờ tôi tìm cho ông một em để đem về Saigòn nuôi. Ông ta tưởng các em sẽ thích lắm. Tôi trả lời cho ông biết đấy cũng là điều tôi ước mong từ lâu, mong các em có thể đi học và gần gũi thế giới văn minh, nhưng thuyết phục một thiếu nhi về Saigo n để học là một chuyện phi thường ngoài sức tưởng tượng. Tôi bảo ông biết nếu cho em mỗi tháng một triệu, em cũng từ chối. Đấy là tâm trạng các em thời buổi 1960.

Có lần tôi đem vài thanh niên về Kontum, lúc đi ngang qua Trung Nghĩa, có mấy chiếc xe ủi đang phá cây dọn đất làm khu dinh điền. Lần đầu tiên trong đời các em thấy loại xe to tướng đến độ ngẩn người và nói với tôi: "Chắc phải là đại tướng mới lái được xe đây phải không cha?" Thật sự nói đại tướng nhưng cũng không hiểu đại tướng là ai là gì. Tôi liền trả lời chỉ cần một thời gian ngắn thôi các cậu cũng lái được. Các cậu suy nghĩ thích thú và tỏ ý muốn đi học lái xe. Dù sao các em dân tộc cũng có đầu óc cầu tiến miễn là biết khêu gợi đúng lúc đúng dịp và tạo điều kiện cho họ.

Cách đây thời gian không lâu cha Beysselance và tôi được Đức Cha Kim chỉ định đưa một đoàn thanh niên nam nữ dân tộc, tất cả 60 em, đi Saigòn dịp Năm thánh Đức Mẹ, năm 1958 (trong đó có một số sau này vào Dòng Ảnh Phép lạ). Các em đã được đưa đi thăm khắp nơi tại Tp. Hồ Chí Minh, các nhà thờ, các

nhà máy, ngay cả Hãng Bia La Rue, thời bấy giờ lớn nhất Đông Nam Á và Hãng thuốc lá Bastos. Các em bấy lâu nay chỉ quen với cảnh rừng núi hôm nay bắt đầu có cái nhìn về một thế giới khác lạ. Một khi trở về quê, cuộc tham quan với những sự lạ lùng mắt thấy tai nghe chắc chắn sẽ được chuyền từ miệng này đến miệng khác.

THỜI BUỔI KINH HOÀNG
TỪ THÁNG 9 NĂM 1960 ĐẾN CUỐI 1963

Tình hình bên ngoài tuy im ắng nhưng qua những tin tức chuyền miệng dường như có cái gì sắp xảy ra. Vì sợ nên người Jarai rất kín.

Thực sự những tháng năm kinh hoàng đang đến. Một buổi chiều quãng bốn năm giờ, lúc đang đi qua lại trước hiên nhà xứ đọc kinh chiều, thì một giáo dân từ Kontum về trao cho tôi một mảnh giấy bằng hai ngón tay của cha Lưu Phương chánh xứ P. Jodrâp với hàng chữ: "Báo tin cha hay cha Hoàng ngọc Minh đã bị Thượng Cộng giết." Hôm đó là 30 tháng 9 năm 1960. Lúc ngài ở Tân Cảnh về làng, thì nửa đường họ chặt cây chân xe và giết ngài. Rất tiếc tôi không về dự lễ an táng. Sau này về Kontum tôi thấy tấm hình thi thể ngài bị đâm nát từ đầu đến chân. Thật thê thảm. Chắc chắn đường đi nước bước cũng như cái chết của ngài đã được tính toán cẩn thận trước rồi, lúc đi cũng như lúc về. Tân Cảnh là xứ đạo tôi đã tạo lập năm 1957 như trình bày đầu tập hồi ký này và lúc tôi đi cha già Nguyễn quang Huy thay thế. Ban sáng cha Hoàng ngọc Minh từ xứ đạo Kon Kơla hay Kon Đú đến thăm ngài và ban chiều về thì bị giết.

Thế là thời giờ chết chóc đã đến và từ nay không bao giờ gặp lại được cảnh bình an thư thái như trước.

Lúc bình thường khi chúng ta đọc hạnh các thánh tử đạo thời xưa hay một vị nào đó bị giết vì danh Chúa Giêsu, tự nhiên chúng ta cảm thấy tâm hồn phơi phới vui lây với hạnh phúc của các ngài. Nhưng thực tế trước mắt chúng ta đang sống giờ phút hiểm nguy của các ngài thì bấy giờ chúng ta cảm thấy xao xuyến dao động đến mức độ nào! Chính tôi đang sống những giây phút và tâm trạng đó trong lúc này đây.

Theo chỗ tôi được biết lúc bấy giờ không rõ có xác thực hay không, kể từ những tháng cuối năm 1960 Việt Cộng đã âm thầm có mặt khắp nơi trên Tây Nguyên và cái chết của cha

Hoàng ngọc Minh là tiếng chuông báo giờ khởi sự hành động của họ đấy thôi.

Thỉnh thoảng từ các làng xa phía Halăng người ta đem tin một người bị ám sát từ dưới gầm nhà bắn lên. Mỗi tối anh em trong làng nhủ tôi nên đi ngủ ngoài rừng với họ. Tôi tự bảo: Có ghẻ mới né ruồi, Linh mục đâu có làm gì mà phải sợ chết. Nhưng đầu óc không khỏi căng thẳng. Tôi cố giữ con người bình thản để anh em trong làng bớt dao động. Trước kia dạy giáo lý, tập hát, làm bài hát, học tiếng, rồi lao động.... Hôm nay không thể tập họp thanh thiếu niên hay tập trung tâm trí làm những công chuyện đó. Vả lại người dân làng mỗi chiều tối cũng không có mặt ở nhà, họ trốn và ngủ ngoài rừng ngoài rẫy. Đôi khi chúng ta tự hỏi ngoài rừng đầy Việt Cộng, tại sao họ dám ra đó để tìm chỗ ngủ. Người dân tộc có những nơi mà họ cho là an toàn. Vì họ biết tôi không muốn ra rừng với họ, nên có những đêm mà họ cho là nguy hiểm cho tôi, họ đem tôi đi ngủ trên giàn bếp của họ. Có một lần tôi đã ngủ trên giàn bếp ông biện Mnem. Tôi ngủ trên, gia đình họ ngủ dưới. Nhưng tình trạng này không thể liên tục như thế, tôi đành phải ngủ nhà. Nhà tôi là nhà sàn nên mỗi đêm tôi thay đổi chỗ, lúc xó này, lúc góc kia, sợ dưới bắn lên !! Có nhiều đêm tôi ngủ tại nhà thờ, chui vào bệ bàn thờ, trên Chúa Giêsu, dưới gầm nhà thì dê, giữa thì tôi. Gầm nhà anh em dân tộc là nơi nghỉ đêm của dê và bò. Cửa nhà thờ thì các em khóa. Nhà thờ lợp tranh, vách đan bằng lồ ô đập giập và sàn nhà cũng thế.

Mùa đông năm 1960 hay 1961 là những năm tôi thấy trời lạnh khủng khiếp khác thường. Bao nhiêu mền bao nhiêu áo ấm đem ra dùng hết nhưng chẳng thấm vào đâu. Nhiều lần ban sáng dậy vội vã ra ngoài xem thử có tuyết hay không.

Một buổi tối có người báo tin Thượng Cộng sắp vào nhà

tôi. Đúng thế, tôi vội vàng dùng cơm tối và vừa ăn xong thì các ông vào. Nhìn ra đường dài chạy thẳng vô nhà xứ, một hàng lính đứng chĩa súng vào nhà tôi, rồi hai ông bước vào nhà, một ông ngồi đối diện súng nhỏ để trên bàn họng súng hướng về tôi, ông khác mang súng trường đứng bên cũng chĩa súng quay vào mặt tôi. Ông chỉ huy người Jarai nói với tôi bằng tiếng kinh: "ông có muốn cái dây không?" Tôi lưỡng lự một lúc rồi đáp: "Cái gì khác chớ cái dây ai muốn làm gì!" Ông nói tiếp : "ông cần phải có cái dây này. " Nói xong ông rút từ túi áo một mảnh giấy và đưa cho tôi. Hóa ra là cái giấy chớ không phải cái dây để trói tôi. Ông này là người Thượng Jarai vùng la Ly thích nói tiếng Việt nhưng không có dấu, làm anh chị em giáo dân đang vây quanh tôi ai cũng lo sợ cho tôi. Tôi mỉm cười và nói: "tưởng là cái dây chớ cái giấy thì mình cũng muốn chớ. " Nội dung tôi không nhớ rõ nhưng chung quy cũng là vấn đề giải phóng dân tộc.

Một ngày khác vào buổi sáng, một toán khác vào làng tập họp các giới để nói chuyện với dân làng, giới ông, giới bà, giới thanh niên nam nữ. Riêng tôi với ông câu Thơk được mời lên nhà rông, một cán bộ người kinh tên là Lý thuyết trình. Nhà rông chỉ có một cái ghế dài, ba người ngồi cùng nhìn về một hướng. Sau hết ông cán bộ hỏi tôi: "Ông tên gì, ai đặt ông ở đây, mục đích gì?" Tôi đáp: "Tôi là Phêrô Trần Thanh Chung, Linh mục giáo phận Kontum, không phải ông Hồ chí Minh cũng không phải ông Ngô Đình Diệm đặt tôi ở đây nhưng Đức Chúa Trời sai tôi đến phục vụ tôn giáo cho anh chị em Dân tộc, chết hay sống tôi chỉ biết nghe theo tiếng lương tâm của tôi, không bao giờ biết làm chính trị. " Nghe tôi trình bày cứng rắn và chân thành, ông không hỏi cũng không nói gì hơn. Ông câu Thơk thời gian sau này được mời đi với họ và từ đó không còn bao giờ nghe tin tức gì về ông!! Thật tội nghiệp ông câu của tôi!

Mặc dù ở trong hoàn cảnh nguy hiểm cực độ, qua những

lời thẳng thắn tôi muốn nói lên lập trường dứt khoát của người Linh mục của Chúa, không lưỡng lự, không nhập nhằng, không nước đôi. Tôi nghĩ thời kỳ nguy hiểm không chết cách này thì chết cách khác, chi cho bằng nếu chết thì chết vì lý tưởng Linh mục của Chúa Giêsu là hơn cả.

Trong tình thế này, tôi ít khi đi Kontum. Đi Kontum lúc bấy giờ dưới con mắt họ là đi báo cáo tình hình, tôi nhận thức rõ điều đó.

Có lần đang ngủ trưa, có tiếng gõ cửa và nói: "Có cha sở ở nhà không?" Tôi nhận ra là tiếng Đức Cha Kim. Tôi vội mở cửa, thấy Đức Cha Kim và cha Bề trên Lộc, sau này là Giám Mục, đến thăm tôi. Nhưng trước tiên điều làm tôi rất ngạc nhiên và lo âu, Đức Cha bận quần sọt và hai ống chân có vải bao bọc và phủ kín đến đầu gối thấm đầy máu. Tôi vội hỏi dọc đường Đức Cha gặp chuyện gì chẳng lành mà ghé vào đây. Thật người làm sao chiêm bao làm vậy. Đức Cha mỉm cười và bảo chả có gì sốt, anh em chúng tôi lên thăm cha đấy thôi vì tình thế khó khăn cha không về Kontum. Thật quý hóa tấm lòng tốt của vị chủ chăn và người bạn vẫn nghĩ đến người anh em ở xa đang gặp khó khăn. Hai vị ở lại với tôi và ngủ đêm tại Kơbey. Niềm an ủi lớn cho tôi và cho giáo dân Kơbey. Hai vị đến Kơbey theo đường Đak Yo băng qua núi Gor Tơng, lối đi vất vả nhưng an toàn hơn. Chân các vị được bao bọc phủ kín bằng bao bố từ bàn chân đến đầu gối để khỏi xóc tranh và khỏi bị vắt cắn. Nhưng loại đỉa rừng này rất tài tình có thể chui rúc qua nhiều lớp mảnh vải thưa hoặc bao bố. Thấy máu thấm ướt các ống chân các ngài việc đầu tiên tôi nghĩ đến các ngài bị thương hay tai nạn gì đây.

Trong bài viết về Đức Cha Seitz ngày mừng 100 năm sinh nhật của ngài, tôi nhận định ngài rất can đảm. Dường như ngài không biết sợ là gì. Trong thời kỳ nguy hiểm đang lúc súng nổ

đạn bay khói mù trời xe ngài vẫn chạy khắp nơi để đi thăm các Linh mục của ngài. Trên đây lúc ngài đến thăm tôi, ngài không bao giờ đặt vấn đề cho tôi phải ở lại hay về Kontum. Ngài muốn Linh mục phải là con người chết sống cho con chiên.

Những ngày tháng tiếp đến thật ghê rợn! Ngày nào anh chị em dân tộc ở rẫy về cũng đưa tin này tin khác đôi khi làm cho cả làng lo âu. Có điều lạ, trước kia người dân tộc Jarai rất kín, không bao giờ dám hé môi về vấn đề VC hay vấn đề chính trị với tôi vì họ rất e dè sợ tôi vô tình lộ cho ai, vì họ không chỉ sợ Vc mà còn sợ quốc gia không kém. Có lẽ họ đã chứng kiến hay nghe những vụ đập đánh tàn bạo những người chứa chấp VC. Nhưng từ cái chết thê thảm của cha Hoàng ngọc Minh giáo dân Kobey tỏ lòng quyến luyến với tôi hơn bao giờ hết và không có gì mà không cho tôi biết. Có lần họ khuyên tôi nên về Kontum thì tốt hơn nhưng hoàn toàn để tôi quyết định. Họ thấy tôi cương quyết ở lại bất cứ giá nào, thì họ không dám bàn. Dù sao tôi cũng thấy rằng họ muốn tôi ở lại với họ vì có lần họ nói: "cha con sống chết có nhau. " Họ xì xầm "ama ta hmâu yang lơm dih", cha mình có thần trong mình.

Tôi phải ở lại hay đi? Hoàn cảnh thật tế nhị với tôi. Tôi suy luận thế này: Con chiên tôi trong tình trạng hoảng hốt sợ hãi, chủ chăn bỏ chạy thì thật là hèn nhát. Mà giả như tôi rời bỏ họ thì tôi sẽ không bao giờ có thể trở lại vì trở lại thì càng nguy hiểm hơn trước. Chỉ có người trong cuộc mới nhận định được tình thế này. Vả lại Đức Cha đã đến thăm tôi, ngài am hiểu tình thế, nhưng ngài không có ý kiến khẳng định về vấn đề này, vì thế tôi cảm thấy an tâm hơn và ở lại với anh chị em giáo dân. Tôi xác tín rằng một Linh mục phải luôn luôn sống trong sự vâng lời Đức Giám mục. Vâng lời Đức Giám Mục có ơn của Chúa. Không bao giờ nên tự ý tìm cái sống cái chết theo sở thích riêng tư.

Trên đây tôi nói người Jarai rất e dè và rất kín miệng, đôi khi rất trẻ con. Câu chuyện sau đây sẽ làm cho ai cũng bật cười. Ngày nọ có VC vào làng Pơdư ban đêm, làng nhánh cách Kơbey đi bộ vài tiếng đồng hồ. Sáng hôm sau các bô lão trong làng, quãng hai chục người vội lên tôi báo tin, chắc chắn mong sự bảo trợ của tôi về phía Chính Quyền quốc gia. Rủi có gì xảy ra thì họ an tâm vì có cha sở biết và bênh đỡ. Những người vào nhà tôi trước tiên, tôi hỏi gặp tôi có vấn đề gì mà đông như vậy, họ chỉ mỉm cười, không hở môi. Họ chờ cho tất cả vào nhà và tất cả cùng nói một lần: "Thưa cha, đêm nay có Việt Cộng vào làng chúng con" Không ai dám nói trước rủi sau này có chuyện gì thì người nói trước mang trách nhiệm nặng hơn!

Nhà nguyện Pơdư

Tình thế đã bi đát lại càng bi đát, khi tiếp đó nhận được tin cha Bonnet vừa bị VC bắn. Đầu làng Kon Kơla cha Minh, cuối làng cha Bonnet. Cha Minh cuối năm 1960, cha Bonnet đầu năm 1961. Cha Bonnet (cha Quý) sinh năm 1926, cùng một tuổi với tôi. Rất tiếc lễ an táng của cha Minh cũng như cha Bonnet tôi không có mặt tại Kontum. Sau này tôi thấy ảnh của hai cha với cái chết thê thảm được trưng bày tại phòng khách Tòa giám mục. Tôi cầu nguyện cho hai cha nhiều nhưng nhất là xin hai cha cầu nguyện cho tôi. Các cha thuật lại mấy tháng sau cái chết của cha Hoàng ngọc Minh thì cha Bonnet lên thế ngài. Tôi không rõ ngài tình nguyện hay là nhận bài sai của Đức Cha. Nhưng dù có tình nguyện thì cũng có sự đồng ý của Đức Cha. Cha Bonnet vẫn tiếp tục đi các làng nhánh dâng Thánh Lễ như

thường lệ. Ngày nọ khi vừa ra khỏi làng thì VC chận lại và nói cho ngài biết có lệnh cấm đi, ngài mạnh dạng trả lời: "Tôi đến đây mà không dâng Thánh Lễ thì làm gì?" Ngài tiếp tục đi vài bước thì súng nổ. Thương tiếc cha vô vàn nhưng đồng thời cũng là hạnh phúc cho người môn đệ của Chúa Giêsu.

Và cách đó mấy ngày sau, đang khi tôi dâng Thánh Lễ Chúa nhật tại Kơbey, thì bỗng có tiếng nổ lớn phía Đak Rơđe tih, làng nhánh của tôi. Được biết có chiếc trực thăng của Mỹ bị bắn rơi tại Đak Rơde le, cách làng Kơbey đi bộ hơn tiếng đồng hồ về phía tây bắc. Tiếp đến từ phía Halăng có người đưa cho tôi cái tin sét đánh: " Thưa cha, cha là người thứ ba sẽ có số mệnh như cha Minh và cha Bonnet, vì họ bảo cần thanh toán Linh mục Chung. Sự có mặt của ông làm trở ngại cho hoạt động của họ. "Ý kiến của Thượng Úy VC tên H. Cái tin này thực hư đến mức độ nào tôi không thể kiểm chứng được.

(Năm 2000, đang lúc tôi là Giám mục chính tòa, mặc dù việc đi lại thời buổi này rất khó khăn và nguy hiểm, nhân dịp chuyến thăm mục vụ làng Kon Kơla tôi đi hành hương những nơi cha Minh và Bonnet đã chết. Từ Kon Mong rẽ trái lên hướng Kon Kơla, có cả hàng chục làng rải rác dọc đường. Khi đến Kon Kơla, tôi nhờ một hai người đưa tôi lén lên nơi cha Bonnet chết. Đường rừng gai góc đi bộ rất vất vả, tôi không nhớ rõ quãng đường dài bao xa nhất là đang lúc bụng đói và mệt lử về mặt tâm lý tự nhiên cảm thấy con đường đó xa hơn con đường thực tế, có lẽ quãng hai cây số. Cuối lộ trình người ta chỉ cho tôi một cây to bóng mát có Thánh Giá lớn bằng gỗ

được đóng vào thân cây, giữa vùng rừng núi âm u không người ở. Tôi quỳ cầu nguyện. Đây là con đường ngài đi dâng Thánh Lễ mặc dù có lệnh cấm. Tôi đã lấy một tấm ảnh kỷ niệm. Hôm ngày 4 tháng 7 năm 2005, có mấy cháu gọi ngài bằng bác ruột từ Pháp đến Kontum mục đích đi hành hương nơi bác đã chết. Họ đã đến Kon Kơla nhưng không dám đến tận nơi như tôi đã đến, chỉ nhìn xa xa thôi. Hôm đó vì mệt tôi không đi với họ. Trước khi ra về tôi nói với họ: "Ngài là chứng nhân Tin Mừng của Chúa đấy, chết vì làm phận sự Linh mục. Hãy xin ngài cầu nguyện cho các cháu. "Tôi tặng hai tấm ảnh nơi cha Bonnet và cha Minh đã chết. Lúc trở về khi ra khỏi làng Kon Kơla tôi cũng nhờ ít anh chị em chỉ cho thấy nơi cha Minh đã bị giết, con đàng mà xe tôi đã qua khi tới Kon Kơla lúc nãy vì không có ai hướng dẫn. Đến đấy tôi dừng xe và lấy tấm ảnh. Khi cha Minh từ Tân Cảnh về làng, đến chỗ quanh này thì họ chặt cây chận xe và đâm ngài chết ngay tại chỗ. Đây là con đường lớn xe chạy nên anh em Dân tộc không dám làm dấu gì để ghi nhớ. Năm 2000 giỗ 40 năm ngài qua đời, bà con Hội Am, Hố Nai đã mời tôi về dâng Lễ giỗ cho ngài.)

Tiếp tục câu chuyện chiếc trực thăng trên đây. Trực thăng này bị hỏng máy hay bị bắn rơi không ai rõ và những thành phần đội phi công bị bắt hay đã trốn thoát cũng không ai biết. Xác trực thăng nằm đó hết ngày này qua ngày khác cũng không thấy ai đi tìm. Anh em dân tộc tháo gỡ những bộ phận để làm ống điếu, làm dao làm rựa cuốc xẻng...

Trong thời gian này tôi nhận được mảnh giấy từ Đức Cha Kim gởi lên, lớn bằng hai ngón tay nhét dưới gót dày bata của người đem thơ với mấy hàng chúc bình an hiệp thông cầu nguyện và lời nhắn nhủ : "Các con đừng sợ kẻ có thể giết được xác, nhưng không thể giết được hồn; hãy sợ Đấng có thể diệt cả hồn lẫn xác trong hỏa ngục. " (Mt 10, 28)

Cám ơn Chúa. Tất cả những gì Chúa gởi đến cho tôi đều có ý nghĩa. Hoàn cảnh càng làm tôi gần gũi Chúa hơn. Trước kia có lẽ chưa sống mật thiết với Chúa. Những tháng ngày căng thẳng này, ngày nào cũng đọc Kinh Thánh từ mai đến chiều, đặc biệt Bible Jerusalem mới xuất bản 42 tập đầu tiên. Tôi chầu Chúa lâu giờ hơn. Có ngày tôi lần 13, 14 chuỗi. Trong đời chưa bao giờ lần chuỗi mỗi ngày nhiều như thế. Chiều chiều sáng sáng trong những ngày tháng kinh hoàng không gì đem lại nâng đỡ cho bằng những lời Kinh dâng lên Mẹ thân thương, sống chết trong tay Mẹ. Khi này và trong giờ lâm tử. Tôi vừa lần hột vừa đi qua đi lại trong phòng hoặc ngoài hiên, mỗi bước đi mang theo tất cả những hồi hộp lo sợ đồng thời những niềm an ủi và khích lệ vì chuỗi Mân Côi gói ghém tất cả vui thương mừng. Thật đây là những giờ thân thiết nhất giữa mẹ con. Thánh Têrêxa Giêsu Hài Đồng thường nói khi chúng ta lần chuỗi thì Mẹ cầm dây chuỗi một đầu chúng ta một đầu. Đúng thế, lời này làm tôi rất thích thú, Mẹ níu con con níu Mẹ, Mẹ con gắn bó thân thiết.

Thánh Yoan Maria Vianney Quan thầy các cha sở có lần nói: "Lạy Chúa, nếu Chúa thấy con bất xứng, xin Chúa đừng bỏ con tội nghiệp nhưng xin Chúa giao con cho Mẹ."

Dù có tội lỗi hay bất xứng đến độ nào đi nữa, thì hãy chạy đến với Mẹ, Mẹ sẽ giúp chúng ta sửa mình, đừng bao giờ dại dột đến độ phải nản lòng hay tuyệt vọng.

Sau này tôi có dịp đọc trong tạp chí 30 Jours, có một vị tên Alain de la Roche bị cám dỗ rất nặng trong vòng bảy năm trời, chẳng những bị cám dỗ mà còn bị ma quỷ đập đánh tàn nhẫn bằng roi, và chẳng bao giờ hưởng được sự bình an thư thái nào. Nhưng Đức Mẹ đã hiện ra và đã giúp dẹp các cơn cám dỗ. Mẹ hứa những ai lần chuỗi Mân Côi sốt sắng sẽ được Mẹ bênh đỡ. Nhưng với thời gian trôi qua ông đã lơ là việc lần chuỗi và còn

bị cám dỗ nặng nề quá sức tưởng tượng đến độ ông ngã lòng và muốn tự vẫn. Đang lúc ông rút con dao để thanh toán cuộc đời thì Đức Maria đi ngang qua tát vào mặt ông và nói: "Con người khốn kiếp! ngươi làm cái gì đấy? Nếu ngươi biết xin Mẹ giúp đỡ như bấy lâu nay ngươi đã xin thì đến nỗi gì phải kết liễu cuộc đời dại dột như thế này. " Nói xong, Mẹ biến mất.

(Đang lúc tôi ghi lại những dòng hồi ký này tức năm 2005, tôi nhớ đến vụ ám sát hụt ĐGH GP đệ II ngày 13 tháng 5 năm 1981, cũng là năm tôi được tấn phong GM Phó. Khi viên đạn bắn vào con người, lời nói đầu tiên phát xuất từ miệng ngài: "Maria ! Mẹ của con! Maria! Mẹ của con!")

Thật trong những cơn bấn loạn, lòng mến yêu Mẹ và tín thác vào Mẹ là niềm an ủi và là thành trì chở che vững chắc. Tôi không bao giờ quên những lời nhắn nhủ của các bậc đàn anh hoặc những lời Mẹ đã đặt để nơi môi miệng họ mục đích dặn dò chúng ta: "Bạn hãy mến Mẹ, Mẹ sẽ đặt để thiên đàng trong tâm hồn bạn". "Nếu con biết Mẹ mến yêu con đến mức độ nào thì con sẽ khóc òa lên vì sung sướng"

Mọi khi tôi còn lao động: trồng cây trồng dừa quanh nhà, hôm nay không còn sức nữa.

Tôi tự nhủ: "Chiều nay sẽ là chiều sau hết của đời tôi. "

Có lẽ lúc đó tôi ý thức hơn bao giờ hết đời sống Linh mục không đánh giá theo việc mình làm nhưng bằng sự hy sinh, đau khổ, cầu nguyện, lòng yêu mến. Tôi không thể làm được gì cho giáo dân nhưng sự hiện diện của Linh mục là tất cả.

Tôi rất thích thú cái cảnh các em thiếu nhi bắt gà để ăn thịt. Và chính tôi cũng có lúc vào cuộc với các em. Các em cầm cây vây quanh con gà chờ nó thoát chạy phía nào là đập ngay. Trong lúc túng quẫn con gà chỉ còn phương thế duy nhất là

bay bổng lên đậu trên mái nhà. Các em chưng hửng bỏ cuộc. Tôi có cảm tưởng như gà dân tộc bay giỏi hơn gà người kinh vì ít nhiều nó lây giống gà rừng.

Hình ảnh bắt gà tôi thường áp dụng cho đời sống thiêng liêng của chính tôi. Trong lúc gặp cảnh khó khăn túng quẫn nếu ngã lòng thì nằm ì đó mà chết. Nhưng lòng trí biết hướng thượng là phương thế duy nhất.

Không biết ở quê nhà ai tin cho mẹ tôi rằng tôi bị VC bắt đi gùi đạn qua Lào. Mẹ đã xin lễ cho tôi. Có lẽ ở Kontum có người nào đó quá lo lắng cho tôi và đã tưởng tượng và từ tưởng tượng đã vẽ vời như thế.

Cứ bốn giờ chiều thì đàn ông hoặc tráng niên kéo nhau ra rừng ngủ. Họ đi ngang qua nhà tôi và mời tôi cùng đi với họ. Tôi chỉ mỉm cười và chúc họ đi bình an. Tội nghiệp cho người anh em của tôi đã làm ăn vất vả suốt ngày tối đến lại phải tìm chỗ ngủ ngoài rừng ngoài rẫy!

Có lần ban đêm nghe có tiếng nổ lớn kéo dài mươi lăm hai mươi phút phía Halăng vùng tây bắc, phía trực thăng rớt. Sáng hôm sau hỏi tin tức thì ít người trong làng bảo tôi đừng sợ vì dân làng Đak Rơde Tih đốt lồ ô để VC tưởng là có lính quốc gia hành quân nên không dám vào làng. Dân miền núi có sáng kiến thật kỳ lạ ít ai nghĩ đến. Lồ ô là loại tre mọc ở rừng từng cụm, thân cây rất cao rất thẳng, thành rất mỏng dễ cháy dễ nổ và nổ rất to.

Dù sợ dù thế nào đi nữa tôi quyết định về Kontum một chuyến để thăm Đức Cha và anh em Linh mục của tôi. Biết đâu

là lần sau hết.

Bình thường trước kia đi ngựa hoặc xe đạp. Hôm nay đi bộ, áo dòng đường hoàng, có chết thì chết với áo dòng, cùng đi với hai thiếu nhi, thiên thần hộ thủ của tôi.

Dọc đường lần đầu tiên tôi gặp đười ươi, giống khỉ cao to đi thẳng giống người ta. Tôi sợ nó, nó sợ tôi, cả ba cha con thét la. Nó hoảng hốt chạy vào rừng. Một lần chúng tôi cũng gặp lính quốc gia phục kích trong rừng gần bên vệ đường. Họ chồm lên và thấy áo dòng. Họ không hỏi gì.

Tới bến đò Plei Krong, trời đã về chiều. Vừa từ sõng bước lên bờ, chẳng may gặp một nhà báo Mỹ với anh thông dịch viên. Tôi nói chẳng may vì vừa ra khỏi vùng nguy hiểm mà lại gặp ông Mỹ, tương lai về làng sẽ bị tra hỏi về nhiều điều không hay và có nguy hại cho tôi nữa là khác, vì VC có mặt khắp nơi ngay tại Thị Xã Kontum. Ông còn mời tôi lên xe Jeep về Kontum. Tôi rất phân vân nhưng lại cũng lên với ông. Tôi để lại hai thiên thần của tôi tại Plei Krong để có dịp các em nhập bọn về làng Kơbey. Ông nhà báo trao đổi với tôi qua thông dịch viên về vấn đề nhiều làng thượng tản cư, bỏ vùng VC để về vùng quốc gia. Ông cho biết tên ông là Francois Sully. Tôi mới nhận ra đây là Mỹ gốc Pháp rồi từ đó mới trao đổi bằng tiếng Pháp. Ông bảo: Diệm - Nhu nói dối. Nói dối về vấn đề gì, tôi hỏi và được ông đáp : "Đi tới đâu tôi hỏi Thượng tại sao tản cư thì họ nói ông Diệm bảo chạy. Còn hỏi ông Diệm thì ông bảo họ sợ VC. " Ông ta đã đi thăm nhiều vùng ở Pleiku cũng như ở Kontum.

Tôi thấy ông Mỹ này quá đơn sơ. Tôi giải thích cho ông một phần nào sự thật. Người Thượng bên ngoài thật là quá chất phác nhưng "vậy mà không phải vậy. " Phải ở trong hoàn cảnh vừa đói khổ vừa khiếp sợ như họ, phải sống chung với họ chiều hôm sớm mai thì mới thấy được tâm tư của họ. Về vấn đề này

thì người Thượng không còn là trẻ con nữa đâu. Người Thượng rất sợ VC nhưng họ chờ ông Quận đến làng dẫn đi, dẫn họ đi thì phải nuôi cơm và giúp đỡ họ mọi phương diện đồng thời VC có hỏi thì họ cũng có câu trả lời xuôi chảy rằng họ đâu có muốn trốn chỉ vì ông Quận bắt phải đi thôi. Nếu họ tự động chạy thì phải tự túc và sẽ ăn đòn với VC vì họ quá biết VC có mặt khắp nơi.

Về Kontum gặp anh em Linh mục ngày hội đầu tháng, tay bắt mặt mừng. Ai cũng sợ cho tôi số phận không may mắn. May mắn hay không thì chẳng cần biết nhưng lâu ngày gặp lại anh em thật là niềm vui khó diễn tả. Gặp anh em là một Bí - tích. Có một lần nào trước đây thời kỳ còn an lành vì ở xa nên tôi vắng bóng hội đầu tháng một hoặc hai lần, Đức Cha Kim nói với tôi: "Cha không cần gặp anh em nhưng anh em cần gặp cha". Đúng thế, nhưng tôi nghĩ lại mình cần gặp anh em hơn là anh em cần gặp mình.

Cha già Paul Crétin, cha giáo của tôi lúc ở tiểu chủng viện, lâu ngày gặp lại tôi, mỉm cười sung sướng và nói: "Cậu chưa có chết đâu, tội lỗi nhiều cần sống thêm để đền tội. " Đầu năm 1958, lúc tôi còn ở Tân Cảnh thì ngài ở Đak Kang Pêng cách tôi quãng 15 cây số, có lần tôi bắn được con mang chở xe đạp biếu ngài một đùi.

Những ngày này Cha Beysselance và tôi, hai anh em bạn cùng một hoàn cảnh tâm sự với nhau nhiều lần. Có lần ngài nói nhỏ vào tai tôi: "xin Chúa thương cho hai anh em mình được phúc tử đạo. "Tôi lưỡng lự và thầm nghĩ xin như thế sợ có thiếu khôn ngoan không. Tôi liền nói: "Nếu Chúa gởi đến thì vui lòng chấp nhận, còn xin thì không dám. "Ngài bảo: "Hãy thưa với Mẹ, Mẹ sẽ xin giùm cho, vì ở Cana Mẹ xin gì được nấy. " Cám ơn cha bạn của tôi. Ngài là vị Linh mục thánh thiện. Tôi biết ngài mong

muốn được hạnh phúc như hai cha Minh và Bonnet. Dường như ngài cũng có một người cậu bên Lào chết vì sứ mạng Linh mục do Pathet Lào giết. Cha Beysselance, cha sở Đak Mot, người bạn láng giềng của tôi – gọi là láng giềng nhưng đi bộ đường rừng một ngày cũng chưa tới. Vài năm trước biến cố nguy hiểm này, anh em chúng tôi đã có lần hẹn gặp nhau tại lang Lố, họ đạo cuối cùng của ngài và ăn cơm chung với nhau. Ngài cùng một hoàn cảnh nguy hiểm như tôi nhưng được cái may mắn là có đường xe hơi thông suốt từ Đak Mot ngang qua Tân Cảnh về tới Kontum. Ngài vẫn can đảm đi lại các sở nhánh như không có gì xảy ra. Dường như xe của ngài cũng có lần bị bắn.

Gặp các cha MEP tại Pháp

(Sau này, quãng năm 1995, dịp qua Rôma lần đầu tiên trước khi làm Giám Mục Chánh Tòa, tôi đã có dịp gặp lại ngài nhiều lần ở Montbeton. Nhất là theo lời mời của tôi, ngài về lại Giáo phận Kontum những dịp lễ lớn Sinh nhật, Phục Sinh để giúp giải tội, bắt đầu từ Giáo phận mừng lễ 150 truyền giáo Tây Nguyên (1998). Nhà Nước cũng dễ dãi với Ngài. Từ đó cho đến bây giờ là năm 2005, năm tôi đang ghi lại hồi ký, gần như năm nào hai cha Beysselance và Chastanet cũng về Kontum. Tôi tha thiết mời các ngài giúp giải tội tuần Thương Khó trước Phục Sinh và tuần trước lễ Noel, những ngày này anh chị em dân tộc tấp nập từ bảy Huyện về Kontum xưng tội. Tuần trước Lễ Phục Sinh, chưa nói đến các cha khác, riêng tôi mỗi ngày giải tội từ ba đến bốn trăm và ngày sau hết 900 suốt từ mai đến chiều tối, thật quá tải. Có hai cha về, chúng tôi vui lắm. Có điều lạ là riêng cha Beysselance được Nhà Nước

cho ở tại Đak Mot, sở cũ của ngài ngày xưa, ngay tại Thị trấn huyện Ngọc Hồi bây giờ cách Kontum 60 cây số, ngày xưa xin chết vì đạo thì chưa được, bây giờ Đức Mẹ thương cho ngài ở đó vài tuần để giúp đỡ bà con Xơđang.)

Ở Kontum vài ngày lo những việc cần thiết rồi cũng vội vã trở về Kơbey. Lúc về thì tôi đi đường khác vắng vẻ và an toàn hơn. Đây là tâm lý của những người sống vùng nguy hiểm, vì lúc ra đi thì thường bị để ý.

Được xe đưa lên Đak Wơk sở của cha Ngô Đình Thận, có cha Cẩn cha Đường cùng lên chơi. Các ngài tiễn tôi ra bờ sông Pơkô để mình tôi qua sông và hướng về Kơbey. Quần soóc, áo mayô, vai mang không quá nặng, tay cầm xâu chuỗi. Trời nắng chang chang, đường rừng không một bóng người lai vãng, có chỗ hai bên toàn là rừng le ngọn đan xen với nhau tạo thành bóng mát dễ chịu. Có chỗ phải băng qua những rẫy cũ trống lốc. Những đoạn đường cứ nối tiếp nhau như thế. Thình lình phía lưng chừng đồi bên tay phải nổi lên muôn ngàn tiếng mõ lóc cóc và cả rừng le rung chuyển như có trận gió dữ dội ùa tới, đang khi đó phía tay trái tuyệt nhiên im lìm không có gì xảy ra. Tôi liền đứng lại để quan sát sự việc. Vừa dừng chân thì tất cả im phăng phắc. Trước tiên tôi nghĩ ngay đến bầy khỉ rung cây để ghẹo tôi, sự việc có thể xảy ra. Nhưng khỉ cũng không mà chim chóc hay con vật nào khác cũng không. Hai cánh tay tôi nổi da gà. Tôi vừa tiếp tục đi thì trận gió với tiếng mõ lại bắt đầu. Như để thách đố, tôi đưa chuỗi đang cầm trong tay lên cao về phía những

Khánh thành nhà thờ Dak Yo
(ngày 09/10/2005)

kỳ quái vừa xảy ra thì tất cả trở lại tình trạng bình thường. Tôi nhìn đồng hồ đúng 12 giờ trưa. Tôi vừa đi vừa lần chuỗi thẳng một mạch không quan tâm đến những gì xảy ra. Sau non tiếng đồng hồ thì tôi tới làng Đak Yo, họ nhánh của Giáo Xứ Đak Wơk.

Tôi ghé vào thăm làng. Tôi thuật lại sự việc cho anh em trong làng nghe. Họ trách yêu tôi tại sao tôi dám đi một mình thời buổi này, nhất là đoạn đường vừa đi ban trưa thường gặp ma quái. Họ mời tôi ăn uống qua quýt sau đó họ cho hai thanh niên cùng đi với tôi về Kơbey.

Trời đã ngả về chiều. Chúng tôi lần theo suối la Xang. Sau hết tới chân núi Gor Tơng. Trời bắt đầu tối. Đường rừng âm u hiểm trở. Hơn tiếng đồng hồ chúng tôi băng qua núi và về đến nhà lúc bảy giờ tối.

Tôi bắt đầu sống lại những ngày lo âu, không những riêng tôi mà cả anh chị em trong toàn địa sở.

Bên kia suối la Xir dường như có toán Thượng Cộng đóng quân thường xuyên. Chiều chiều họ vào làng. Có lúc họ đến xin tôi xăng hay đá quẹt, ngoài ra không bao giờ xin gì khác. Có một người tên Danh người Quảng Ngãi thường đi quan sát tình hình cũng như các nhà trong làng, mặt mũi nói hằm hằm thì hơi quá đáng nhưng không một chút thiện cảm, không cởi mở, không thèm nói chuyện với ai, tôi chào hỏi cũng không đáp, trơ trơ lạnh ngắt như đồng. Tướng mạo thật khả nghi. Chắc chắn anh để ý đến tôi, để ý đến nhà xứ vì thấy anh qua lại rất nhiều

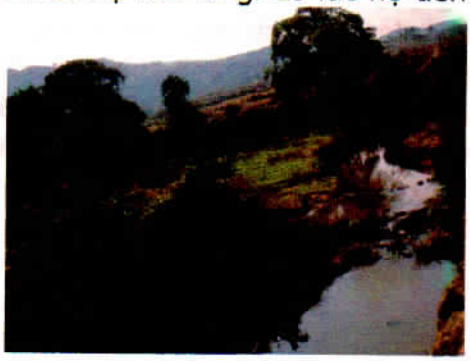

Suối la Xang

lần nhiều ngày, trước cũng như sau nhà xứ. Tôi có cảm tưởng anh chờ dịp không có giáo dân trong làng thì anh sẽ "mời" tôi đi, nhưng may quá những ngày nguy hiểm như thế dân làng ở nhà không dám đi rẫy, nhất là họ quanh quẩn dường như để bảo vệ tôi. Linh tính dường như báo trước có việc chẳng lành. Đúng thế, một đêm nọ đã khuya khi mọi người trong làng an giấc, anh ta đến gõ cửa nhà tôi nhưng không thấy mở, anh ta lấy bá súng đập vào cửa! Cám ơn Chúa, cám ơn Mẹ nhân lành, cám ơn thiên thần giữ mình, tôi ngủ mê chẳng nghe chi hết. Nếu nghe có lẽ tôi đã mở rồi vì biết đâu giáo dân gọi đi kẻ liệt. Sáng hôm sau anh chị em giáo dân cạnh nhà tôi thuật lại. Khi nghe anh ta đập cửa, cả nhà ông Plun cha của chị Hmring với năm sáu gia đình cùng ở chung một nhà đều thức dậy và ra ngồi chờ đợi sự việc sẽ xảy ra thế nào. Họ nói nếu có sự cố họ sẽ ùa đến. Nhưng anh ta đã rút lui.

Tôi đặt vấn đề: anh Danh này duy nhất là người Kinh trong toán quân bên kia suối la Sir, tôi gặp trong làng cũng như nhiều ngày qua lại dòm ngó nhà tôi, tại sao không vào ban ngày lại chờ đêm đến khi mọi người ngủ mới vào? Tôi đoán và có thể đi đến quả quyết rằng anh ta muốn bắt cóc đưa tôi ra rừng với anh. Nhà tôi ở là nhà sàn lát ván, vách trét đất, cài khoá rất cẩn thận. Thời kỳ nguy hiểm tôi đổi chỗ ngủ mỗi đêm, lúc xó này lúc xó khác. Theo lời dân làng, mấy tháng sau, anh này lúc trèo lên cây cao để quan sát làng Kơbey đã bị lính hành quân bắn chết và dân làng đã chôn tại chỗ. Nói đến đây tôi hồi tưởng đến Frère Jacques tại nơi sinh trưởng của tôi năm 1946 cũng một trường hợp bị bắt cóc và bị giết như thế. *(xem Hồi ký Cồn Dầu 1926 - 1955).*

Khi ghi lại những biến cố trên đây tôi không khỏi bùi ngùi cảm động vì cảm thấy nhãn tiền bàn tay của Chúa, của Mẹ hiền bao bọc lấy tôi. Nếu như lọt vào bàn tay đao phủ thì tôi đã ra

thế nào? Chỉ có Chúa biết! Đây là dịp nhắc nhở tôi dâng lên Chúa lời cảm tạ không ngơi không ngớt và cố gắng sống xứng đáng tình thương của Chúa hơn.

Tất cả những em giúp việc cho tôi, trước đây tôi đã cho về Kontum hoặc về quê không dám để ai ở lại với tôi thời kỳ nguy hiểm này ngoại trừ em Các con chú tôi, vừa nhỏ tuổi, vừa nhỏ thó không có gì đáng sợ cho em. Hiện giờ em còn sống ở Cồn Dầu, quê tôi. Em biết rõ ràng tất cả tình hình cũng như sự việc tôi thuật trên đây. Còn các giáo viên, lúc tôi xây trường học, tôi đã xin Sở Học Chánh Kontum cho tôi hai người, tôi cũng đã cho về Kontum từ lâu, nghỉ dài hạn hoặc đi tìm dạy một nơi khác tùy ý.

Hình chụp với Các tại PleiKrong
(hình chụp năm 2007)

Thời gian này thỉnh thoảng có nhiều toán lính nhảy dù trinh sát quốc gia, mỗi toán hai ba người từ ngả Lào đi ngang qua Kơbey về Kontum, liên tục suốt mấy tuần lễ. Họ ghé vào nhà này nhà khác trong làng để xin ăn, thường vào lúc bốn đến tám giờ sáng. Có một hai lần ghé vào nhà tôi. Mỗi người mang hai súng, súng lớn, súng nhỏ có bản đồ, bận y phục đen, chít khăn đen, hút thuốc thơm và còn mời tôi nữa. Có lần họ xin cơm. Nhưng tội nghiệp những ngày kinh hoàng này tôi không bao giờ nấu cơm. Tôi thường ra làng ăn cơm với bổn đạo của tôi. Họ kể lại có nhiều nơi nhiều lúc trong các cuộc thám hiểm dò đường gặp toán VC đông người, họ đập máy ném sông và thoát chạy. Theo người làng thuật lại sau khi ra khỏi làng Kơbey thì họ thay quân phục, từ đen đổi qua rằn ri. Hình ảnh anh lính nhảy dù in mãi trong tâm trí khó

quên. Họ rất hiên ngang và thanh niên tính! Bất cứ đêm hay ngày, từ Lào băng qua các rặng núi, rừng sâu và sông suối hiểm trở dường như họ không biết sợ là gì. Tôi suy nghĩ người thừa sai của Chúa Giêsu có can đảm như anh ta trong sứ mạng Chúa giao cho mình không. Đôi khi tôi có cảm tưởng Chúa Giêsu liếc anh ta và mỉm cười nhìn tôi: "Xem đấy ! con cái ánh sáng có được một góc can đảm như thế không?"

Sự thán phục anh lính nhảy dù có pha lẫn chút nghi ngờ nhất là trong hoàn cảnh tôi đang sống. Có lẽ đối phương chưa gặp nơi tôi cái gì để kết án, hôm nay cải trang để cài bẫy. Họ chỉ cần quân phục nhảy dù, hai khẩu súng... chứ có gì khó đâu! Có thể trong trường hợp nguy hiểm tôi quá giàu óc tưởng tượng chăng! Hai anh hỏi đủ thứ tin tức: "Ở đây có VC nhiều không? Cha có sợ VC không? tại sao cha ở đây? thời thế rất nguy hiểm tại sao cha không về Kontum?..." Những câu trả lời của tôi vẫn phản ánh sự thật, nếu là VC thì cũng không bắt tội được tôi, mà nếu không phải là VC thì cũng liệu hồn mà sống vì VC đầy rừng! Sau này về Kontum các anh có thuật lại cho Tĩnh biết có ông cha nào đó sống trong làng thượng giữa cảnh rừng hoang vắng tỏ vẻ nghi ngờ không tin họ là lính nhảy dù.

Mấy tuần lễ sau, có cuộc hành quân vĩ đại cũng từ biên giới Lào kéo về đi ngang qua làng Kơbey gồm đủ các binh chủng: nhảy đù, thủy quân lục chiến, bảo an, cộng hòa, biệt động quân, biệt kích Mỹ... cả hàng tuần lễ lai rai kéo nhau về ngả Kontum dường như không bao giờ hết quân. Có một trung úy tự xưng nguyên là sinh viên trường Albert Sarrault Hà nội vào nhà tôi xin nanh heo rừng. Ông bảo đây là bùa đeo vào người sẽ không bao giờ bị thương?! Tôi đem cho ông một gùi ông muốn lấy bao nhiêu tuỳ ý. Nhà rông Kơbey trưng bày hàng mấy chục sừng trâu rừng chắc dịp này cũng biến mất hết.

Đoàn hành quân ồn ào nhộn nhịp băng ngang qua làng Kơbey và các làng nhánh của tôi dọc suối la Sir suốt cả tuần lễ rồi sau đó để lại những ngày im ắng, cái im ắng kinh hoàng. Tôi thương hại anh chị em Jarai Halăng chiều chiều sáng sáng ngồi nhìn nhau mặt mày căng thẳng ủ rũ, không còn sức lao động như bấy nay. Có tiếng xầm xì với nhau: bao giờ ông quận đến đem mình đi? Mặc dù họ rất quyến luyến với mảnh đất rừng núi thân thương nhưng bây giờ đứng trước nỗi kinh hoàng thì không còn thiết tha gì nữa.

Sự việc đã đến theo lòng mong ước của họ. Chỉ thời gian ngắn sau cuộc hành quân vĩ đại trên đây, ông quận đã đến. Họ cấp tốc chuẩn bị lên đường. Các làng phía Kontum được huy động hàng mấy ngàn người lên giúp chuyển trâu bò, lúa thóc, ghè ché nồi niêu, tất cả tài sản của họ. Họ ra đi bỏ lại sau lưng làng mạc, suối la Xir với rừng núi thân yêu như người mẹ hiền đã nghìn đời ôm ấp và nuôi sống họ. Tất cả dồn về phía Plei Krong, bên kia sông Pơkô, con sông dài nhất Tỉnh Kontum bắt nguồn từ Đak Glei, chảy xuống nhập với sông Đak Bla đổ về la Ly.

Plei Krong trở thành trung tâm định cư khoảng năm ngàn người gồm các sắc tộc Jarai, Halăng, Rơngao. Có làng chạy xuống tận Plei Klech, Măng La ở chung với Bahnar.

Giờ đây anh chị em Jarai, Halăng ai cũng thở phào nhẹ nhõm, dường như vừa mới thoát một nỗi kinh hoàng từ xưa đến nay chưa bao giờ thấy, mặc dù họ phải bỏ lại giang sơn sự nghiệp với tất cả những gì thân thương và những kỷ niệm êm đẹp.

Họ được Chính quyền hỗ trợ về lương thực một thời gian ngắn. Bấy giờ là cuối năm 1963 thời gian ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Có lúc họ dường như bị bỏ rơi. Theo lời người ta

thường nói sau ngày đảo chánh, sự thật có phải như thế không, tôi không rõ lắm, Chánh quyền mới nghiêng về phía Phật giáo không mấy quan tâm đến người Thượng. Tôi đã thẳng thắn nói lên tiếng nói lương tâm trong bức thư gởi lên ông Tỉnh Trưởng Tỉnh Kontum và đồng kính gởi Thiếu Tướng Tư lệnh Pleiku. Trong bức thư có lời: ". . . nếu chúng tôi là những Phật tử thì chắc chắn sẽ được quan tâm nhiều như lời người ta đồn đại, nhưng đây chúng tôi lại là những người Thượng miền núi nghèo khổ đói rách gặp buổi loạn ly không được Chính Quyền đoái hoài..."

Bức thư của tôi "nổ lớn" ở Pleiku. Có người báo tin cho tôi như thế. Thực vậy, mấy ngày sau Thiếu Tướng cấp tốc phái ngay một viên đại tá đến Plei Krong để tìm hiểu tình hình tại chỗ và xem thử dung mạo ông Linh mục đó như thế nào mà có những lời lẽ đanh thép như vậy, đây là lời đại tá thuật lại với tôi. Khi tiếp chuyện, đại tá nói: "Thấy cha hiền lành mà trong thư thì thật bức xúc dữ dội. "Tôi đáp: "Có lẽ đúng như Đại tá nhận xét, hiền lành không có nghĩa là mềm như bún, nhưng biết chân thành và can đảm nói lên sự thật. Sự thật bao giờ cũng làm phật ý những người không sống theo lẽ phải. "

Rồi mấy ngày sau đó, hết đoàn xe này tới đoàn xe khác tiếp tục từ Kontum trực hướng Plei Krong, cách Kontum 20 cây số. Dân tạm có gạo ăn để làm nhà làm rẫy. Vùng Plei Krong toàn dân khoảng năm ngàn người, dân số thật quá tải, ruộng rẫy không đủ để nuôi sống họ nếu không được trợ giúp và nhất là không có tiếng nói yểm trợ.

Dân làng phát rừng để chuẩn bị làm rẫy và làm nhà ở. Nhà trường nhà thờ cũng bắt đầu mọc lên. Riêng tôi tạm ở nhà chú Yao phu Plei Krong để gần gũi họ trong khi chờ đợi có nhà xứ. Hai cha Trần khánh Lê (Trung nghĩa), cha Nguyễn tấn Đường (P. Jodrâp) cũng không xa đó lắm. Thỉnh thoảng có những đêm

nguy hiểm, cha Lê với tôi thường tìm chỗ qua đêm với nhau.

Trong những năm ở P. Krong từ năm 1964 đến tháng 9 năm 1966, Sr Marie - Louise người Pháp giám đốc trại Phong Dak H'kiă xin tôi phụ trách mục vụ cho anh chị em phong cùi, đa số người Jarai. Từ P. Krong về đấy khoảng 26 cây số. (Kể từ đây tôi hết đi ngựa rồi. Và ngựa của tôi, tôi cũng không biết nó ở nơi nào từ ngày bỏ Kơbey cũ. Có người đến xin mua lại nhưng tôi bảo nếu tìm ra thì cứ bắt. Lúc về Đà Nẵng, tôi mua chiếc Gobel giá 18 ngàn rưỡi.) Mỗi chiều thứ ba tôi đến giải tội cho anh chị em phong cùi đa số Jarai. Chiều tối tập hát và dâng Thánh Lễ. Sáng hôm sau dâng Thánh Lễ và dạy giáo lý cho các em. Ở đó có 8 chị Nữ tu Dòng Thánh Vinh Sơn phục vụ. Họ rất tận tụy với anh chị em phong cùi.

Cha sở và chiếc xe Gobel

Tại P. Krong, ngay từ các làng di dân đặt chân đến, đã có trại lính đóng bên kia sông. Cuối năm 1964 có cuộc chạm súng lớn giữa Biệt Kích và địch quân. Suốt đêm tiếng súng lớn súng nhỏ nổ liên hồi. Nhiều quả đạn súng cối và đại bác rơi vào giữa làng Kơbey và các làng khác nhưng không ai bị thương. Tôi tưởng là súng yểm trợ doanh trại như mọi khi và cứ ngủ ngon lành. Sáng dậy mới hay là hai bên có cuộc giao chiến dữ dội. Phía Biệt - Kích Mỹ có 80 người tử thương. Sáu người Mỹ trốn dưới sông an toàn. Toàn dân trong vùng khoảng năm ngàn người già trẻ lớn bé tràn ngập bờ sông bên này nhìn qua trại lính Biệt Kích khóc la ầm ĩ vì có số con em họ tử trận. Một cái tang chưa

bao giờ thấy! Ông Tỉnh Trưởng nhờ tôi can thiệp để họ nén xúc động vì sợ có hại cho tinh thần binh sĩ và dân chúng.

Sau khi ổn định được cuộc sống mới, anh em yao phu chúng tôi đêm đêm cùng nhau làm việc và bắt đầu nghĩ đến công việc mục vụ: dạy giáo lý, dịch sách lễ, các bài đọc, làm bài hát bằng tiếng Jarai... Tại trung tâm định cư P. Krong có Jarai, Halăng, Rơngao và một ít Bahnar. Dùng tiếng Jarai, các sắc tộc khác cũng hiểu được.

Thời gian tôi ở P. Krong, có một Linh mục người Hòa Lan, giám Đốc Caritas Quốc tế, tuổi ngoài 60, không nhớ đã được ai giới thiệu từ Tp. Hồ Chí Minh đến thẳng P. Krong xin ở tạm ít ngày tại nhà tôi để tìm hiểu đời sống anh chị em Dân Tộc. Tôi mời ngài ở lại nhà tôi và để ngài tự do đi lại một mình trong địa sở, để quan sát đời sống và sinh hoạt gia đình anh chị em miền núi. Suốt cả mấy ngày liền, ngài đi từng nhà từng làng từng bộ lạc, xem nơi ăn chốn ở của mỗi gia đình. Ngài ra tận ngoài rẫy xem cách họ làm việc, ra đồng xem các bà các cô xúc cá hái rau hoặc lên rừng xem họ bửa củi... Tôi thú thật không nhớ rõ ngài có nhận xét tổng quát thế nào nhưng chỉ ghi lại lời này: "Với đời sống như thế làm sao người dân tộc có thể làm Linh mục theo phong cách Rôma. " (prêtre selon le style romain, đúng tiếng ngài đã dùng) "Sự nhận xét rất người, rất thực tế, trăm phần trăm Hoà Lan. "

Thánh lễ riêng mừng 52 năm Linh Mục

TÔI Ở PLEIKRONG
TỪ ĐẦU NĂM 1964 ĐẾN THÁNG 9 NĂM 1966

Giám đốc CV Sohier tại Đà Lạt từ năm 1966 đến 1974

Vừa bắt đầu làm việc mục vụ có bài bản, thì có giấy Đức Cha Kim gởi đến báo tin cha Phaolô Nguyễn quang Trinh tử nạn xe hơi ở Hố Nai và gọi tôi lên Đà Lạt gấp để thay thế ngài. Thật là cái tang lớn, mất người bạn chí thân đồng thời xa lìa những người anh em Jarai - Halăng yêu quý của tôi. Trước đây cha Trinh đã tiễn tôi đi nhận xứ Kơbey, bây giờ tôi bỏ Kơbey để lên Đàlạt thế chân ngài. Đã từ mấy tháng nay Đức Cha quyết định dời các lớp cuối cấp Trung Học lên Đà Lạt. Ở đó tương đối an ninh và đầy đủ điều kiện học tập. Bốn lớp chủng sinh cũng như các cha giáo sư Pháp và cha giám đốc Lê quang Trinh cùng lên Đàlạt đầu Niên - khoá 66 - 67. Chủng viện thừa sai Kontum chỉ là nội trú, ban ngày chủng sinh đi học với các học sinh tại trường Adran của các Sư Huynh Lasan, ở đây hai bên cùng đóng góp giáo sư. Vừa chuẩn bị nhà cửa xong thì cha Trinh mất trong lúc xuống Saigòn để mua thêm một ít vật dụng cần thiết cho chủng viện mới. Chủng viện đây nguyên là bệnh viện mua lại của Bs Sohier, tọa lạc số 1 Thống nhất trên đồi cao 1495 thước cạnh Hồ Xuân Hương.

Lễ Noel tại Kơbey mới năm 2008

Bỏ Kơbey đi Đà Lạt, tin sét đánh cho giáo dân và cho chính tôi. Tôi biết rõ họ quý mến tôi mà tôi cũng thương mến họ vô vàn, không phải tôi có gì đặc biệt nhưng vì lý do đơn giản là đã cùng sống chết bên nhau trong những tháng năm cực kỳ nguy hiểm. Ai có chút kinh nghiệm về vấn đề này thì hiểu được tâm tình của anh chị em Giáo Xứ Kơbey và của tôi trong lúc này. Giờ chia tay thật đau xót và đẫm lệ.

Tôi ở PleiKơbey như thế là gần 9 năm. Tôi nhận thấy trong tình thế hỗn loạn chưa làm được một cái gì gọi là đáng giá, là nên thân, nhưng có một điều chắc chắn là tôi đã mến yêu thắm thiết anh chị em Jarai Halăng của tôi, tình mến thương này không sao diễn tả nên lời. Tôi tin rằng chính bàn tay Chúa đã đặt tôi trên mảnh đất hoang dại này và sự hiện diện của tôi trong hoàn cảnh gian nguy đau khổ để lại cho họ một chút lợi ích thiêng liêng nào đấy mặc dầu đầy những thiếu sót, cả những bóng tối nữa, nhưng sẵn có tình thương bao la của Chúa bù đắp.

Vé máy bay Đức Cha đã mua sẵn. Tôi chưa bao giờ cảm thấy đức vâng lời nặng nề và tinh thần căng thẳng như hôm nay. Tôi có cảm tưởng như đứt từng đoạn ruột. Tôi ra đi với hai dòng nước mắt, với sự nhớ thương không bao giờ nguôi. Để từ giả tôi, họ tự động tổ chức bữa ăn thật lớn. Tôi có can ngăn cũng vô ích. Một con bò, mười con heo, chưa nói đến gà vịt. Những tấm dù Mỹ được căng rợp trời. Trong bữa ăn họ xầm xì với nhau: "Đức Cha không dám xuống, sợ mình không cho cha mình đi. "Thực sự Đức Cha không xuống, chỉ nhờ anh Hồng tài

xế của ngài đem thơ.

Máy bay đáp xuống sân Liên Khương - Trời đổ mưa như thác - Một trang sử mới cho đời Linh mục của tôi.

Khi viết xong những trang Hồi Ký này, tôi có vài suy tư về đời sống Linh mục cần chia sẻ với các bạn thân, đặc biệt với các cháu đang tìm hiểu ơn gọi Linh mục hoặc đang đi trên con đường đến chức Linh mục. Việc đầu tiên tôi cảm thấy cần phải tạ ơn Chúa vì Ngài đã thương cho tôi được hồng phúc sống với những con người đơn sơ bé nhỏ nghèo khó và yêu thương thắm thiết với tất cả tâm tình của tôi. Hơn nữa tạ ơn Chúa vì nhờ qua những giai đoạn nguy khốn, nhất là khi nhìn lên cái chết của hai vị Linh mục đáng kính Minh Quý cũng như những khó khăn trăn trở của anh em Linh mục thời bấy giờ, tôi cảm thấy cuộc sống bớt tội lỗi và được gột rửa đi phần nào sự bất xứng của con người, được quyến luyến với Chúa, thêm can đảm hăng say phục vụ anh chị em giáo dân hơn. Ngay cả hôm nay khi hồi tưởng lại những giai đoạn này, tôi vẫn còn hứng khởi trong một tâm tình như thế. Nói đến đây đột nhiên tôi liên tưởng đến một nhân vật trong quyển tiểu thuyết "La Puissance et la Gloire", Quyền Năng và Vinh Quang của Graham Greene mà tôi đã đọc cách đây hơn năm mươi năm.

Với quãng thời gian quá xa tôi không biết những gì diễn tả đây có được trung thực hay không. Nhân vật này được tác giả cảm hứng từ niềm tin công giáo nhưng có pha giọng mỉa mai. Một vị Linh mục nọ sống trong thời kỳ cấm cách. Ông nghiện rượu và mang tiếng chút ít về vấn đề tình cảm lăng nhăng với cô gái Maria nào đó, tuy nhiên ông vẫn luôn ý thức mãnh liệt về sứ mạng Linh mục. Người ta truy nã ông. Hoảng hốt, ông vượt biên. Nhưng khi nghĩ đến đoàn chiên bơ vơ, ông chỉ lẩn quẩn vùng biên giới và chờ dịp về giúp đỡ họ, bất chấp hiểm nguy. Ngày nọ có tên phản bội đánh lừa bằng cách báo tin cho biết có người sắp chết cần gặp ông. Ông vội trở về. Ông bị bắt và bị xử bắn.

Chúa trao ban chức Linh mục trong bàn tay con người đầy những yếu đuối, có khi lọ lem nữa, đồng thời cũng ban cho họ quả tim người cha người mẹ biết thương và hy sinh cho đoàn chiên. Quả tim có pha giọt máu của Chúa. Ôi thật lạ lùng!

Kơbey mới

Đây chỉ là nhân vật tiểu thuyết, nhưng được cảm hứng từ thực tế. Khi đọc hạnh thánh Gioan Maria Vianê, chúng ta cảm phục và mộ mến sự thánh thiện và hy sinh vượt mức của ngài, "nhưng ở đây, lạy cha thánh Vianê, con xin lỗi ngài, khi đọc câu chuyện vị Linh mục này con cảm động hơn và có người còn rơi lệ. Cảm động vì tình thương và sức mạnh lạ lùng của Chúa thể hiện nơi con người yếu đuối."

Thấy người mà nghĩ đến ta, có khi chúng ta quá bướng

bỉnh không chịu đoạn tuyệt với cuộc sống quá xoàng, quá tầm thường và có khi bê bối nữa, Ngài gởi dồn dập những đau khổ để cảnh tỉnh và ngay cả cái chết đẫm máu để biến đổi chúng ta nên tốt hơn. Có nhiều người chỉ có thể nên thánh và cứu rỗi qua con đường này. Ngài muốn cho triều thiên họ sáng chói hơn. Với những suy tư trên đây chúng ta tự nhiên liên tưởng đến thánh Gioan Tẩy Giả. Nói theo kiểu loài người, cách đối xử của Chúa Giêsu đối với Gioan Tẩy giả có vẻ tệ bạc. Gioan bị cầm tù. Nghe tin đó, Chúa Giêsu vội trốn qua Galilê. Ngài làm đủ phép lạ nhưng lại bỏ Gioan côi cút trong tù không một cử chỉ nào để cứu bạn. Gioan là bạn thân và là người anh em, và còn hơn thế nữa là sứ giả của Ngài. Đầu của Gioan chỉ đáng giá một chầu khiêu vũ và được trưng bày làm trò cười cho thiên hạ. Chúa Giêsu thường đối xử với bạn thân tệ bạc như thế đấy. Chúng ta không dám sánh mình với Gioan nhưng dưới hình thức này hay hình thức khác chúng ta cũng được đối xử tương tự. Chúng ta hãy mạnh dạn để cho Ngài đối xử theo ý Ngài. Tình thương của Ngài luôn ở với chúng ta và sức mạnh của Ngài là đủ cho chúng ta rồi.

Giáo dân Kobey mới

Trong một thế giới mê say chạy theo hưởng thụ đã trở nên hỗn loạn vô luân đến độ từ cha sinh mẹ đẻ đến nay chưa bao giờ thấy như nhiều người khôn ngoan nhận xét. Và cũng không ai có thể đoán cứ đà này thế giới sẽ chìm xuống tới đâu. Tuy nhiên, đừng thất vọng, trong quả tim con người và bất cứ con người nào dù sa đọa đến đâu vẫn còn mang trong mình một niềm khao khát vô biên. Chúa cần

những con người có khả năng khêu gợi niềm khao khát tiềm tàng đó cách mạnh mẽ và hiệu lực. Nói rõ hơn, Chúa cần những Linh mục ý thức và xác tín hồng ân Linh mục Chúa ban để thăng tiến chính mình và thăng tiến anh em mình, sống thanh thoát, không bao giờ để cho óc hưởng thụ, trưởng giả hay những tham vọng trần thế lôi cuốn, chỉ hoàn toàn hiến thân cho Chúa và các linh hồn. Chính những Linh mục này có khả năng khêu gợi niềm khao khát tiềm tàng đó. Chúng ta nghĩ sao?

Cùng cha Phan Văn Bình

Ngài mong chờ câu trả lời quảng đại của chúng ta.

Những ngày đầu năm 2008 giáp đúng 50 năm trước đây tôi ở Kơbey, tôi đã đi một vòng về phía địa sở Kơbey mới để thăm viếng người xưa cảnh cũ.

Cha Phan Văn Bình hiện phụ trách các làng này.

Hiện giờ làng Kơbey phân tán ba nơi :

- Kơbey tại P. Krong,

- Kơbey làng cũ (vài ba mươi gia đình trở về),

- Kơbey trên đường đi Đak Tô, phía tả ngạn sông Pơkô.

Tại Kơbey đường Đak Tô có các chị Nữ tu Mến Thánh Giá Bắc Hải phục vụ: Chị Ngọt, chị Nga và chị Ánh.

Đang lúc tôi đến thăm các chị Nữ tu MTG Bắc Hải, có sáu em gái Kơbey 10, 12 tuổi, tự động đến nơi tôi đang ở, không nói không rằng nhưng vui vẻ cầm tay đưa tôi đi thăm làng các em:

- Hai cháu, một cháu cầm tay phải, một cháu cầm tay trái.

- Hai cháu khác cầm hai chiếc dù che cho tôi mỗi cháu mỗi bên.

- Hai cháu khác nữa đi trước dẫn đường đưa tôi đi một vòng thăm một số gia đình tại Kơbey mới.

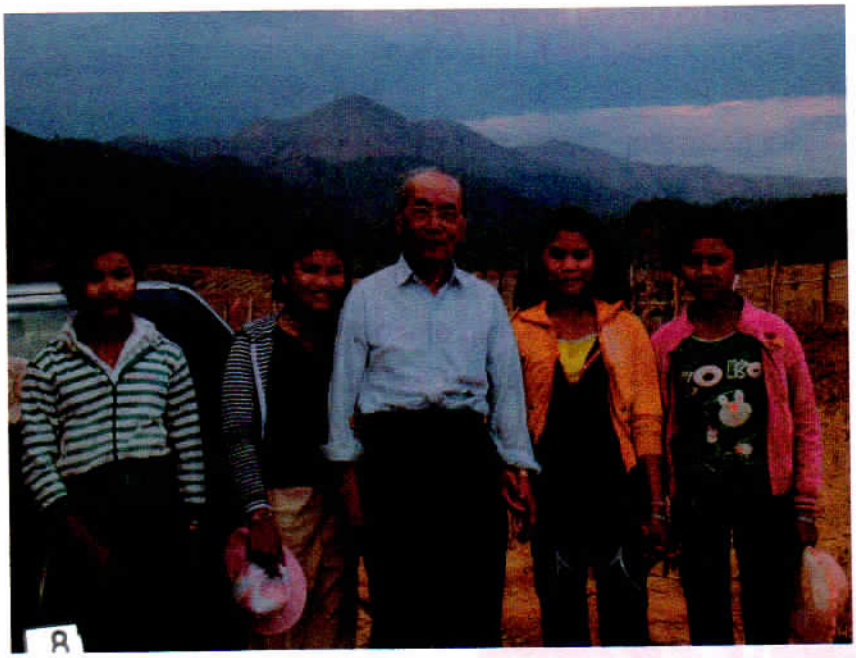

"Bốn thiên thần"

Sau đó chúng thinh lặng vui vẻ đưa trả tôi về chỗ các chị MTG Bắc Hải. Thật cảm động! Thật dễ thương! Đúng là bốn

thiên thần, thiên thần không cánh.

Tôi không hiểu qua cử chỉ đó các em muốn nói gì với tôi. Tôi không rõ nhưng chắc chắn một điều là chúng biết tôi rất quyến luyến với Kơbey nơi trước đây tôi đã ở và phục vụ ông bà cha mẹ các em, những năm đầu tiên đời Linh mục của tôi. Lúc đó các em chưa sinh. Ngay cả cha mẹ các em nhiều người cũng chưa sinh.

Xin Chúa chúc lành cho các thiên thần của tôi.

Xin Chúa thương chúc lành cho anh chị em giáo dân Kơbey.

Những chiếc ghè lâu năm rất quý hiếm

HỒI KÝ TỪ THÁNG 8 NĂM 1974

SỨ VỤ MỤC TỬ SAU 1975

Sau khi rời Chủng Viện Thừa Sai Đàlạt, nơi tôi đã phục vụ tám năm (1966 - 1974), và trước khi về làm việc tại Kontum, tôi ghé lại trại phong Qui Hoà (Ghềnh Ráng) và xin ở lại đây 4 tháng.

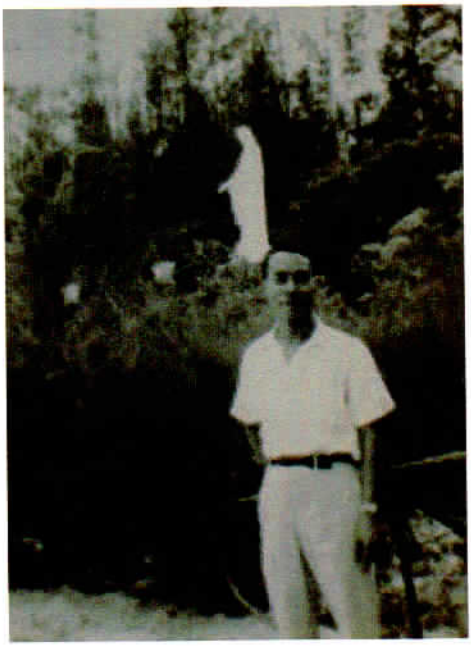

Tại Qui Hòa năm 1974

Đây là thời gian nghỉ ngơi có dịp gần gũi và phục vụ anh chị em bệnh nhân: dâng Thánh Lễ, giải tội... thời gian cha tuyên úy Janningros về nghỉ bên Pháp.

Ngày ngày tắm biển, tham quan các phong cảnh trong vùng, nhất là hưởng bầu khí yên tĩnh và trong lành. Đây cũng là dịp xem cung cách làm việc của chị em Dòng Franciscaines đang phục vụ tại đây, thời gian mẹ Charle - Antoine làm giám đốc, sr Ozit quản lý và nhiều chị em Việt Nam cùng Dòng. Tôi rất cảm kích về đời sống hy sinh và tận tuỵ của chị em đối với bệnh nhân. Qua cách làm việc và đối xử của chị em với bệnh nhân, tôi thấy có sự gần gũi thân thương chứ không giữ kẽ hoặc tránh né xa cách anh chị em phong cùi.

Thi sĩ Hàn Mặc Tử xưa kia sống chết ở đây. Tôi nhớ ông có những câu thơ tuyệt vời ca tụng "các thiên thần" của Chúa phục vụ tại nơi này.

Khi về lại Kontum, Đức Cha bổ nhiệm tôi ở nhà Caritas

tại Đức An phụ trách giáo dân Bahnar tại Thị xã Pleiku và dọc quốc lộ 19 đến Măng Yang thay thế cha Rannou, trụ sở này không liên hệ gì với Giáo xứ Đức An.

Tôi đã có ý định xây một nhà nội trú cho các em dân tộc Jarai - Bahnar tại Pleiku "Xang Ama" (Nhà Cha). Ý định chưa kịp thực hiện thì đất nước bắt đầu chuyển qua tình hình mới.

Thời gian này, Dòng Phú Xuân lo việc ăn uống cho tôi, sáng sáng chiều chiều các em đệ tử xách cơm cho tôi đầy đủ. Tôi rất nhớ ơn chị em.

Một ngày nọ, tôi không nhớ đích xác ngày nào, từ trụ sở Bác Ái tôi đến thăm cha Phan Hữu Hậu, cha sở Đức An, tôi thấy ngài đang vội vã chuẩn bị hành lý rồi âm thầm và có thể nói lạnh lùng ra đi, sau đó không bao giờ nghe nói đến ngài và cũng không biết ngài đi đâu. Tôi cũng không rõ trong hoàn cảnh tranh tối tranh sáng đó Đức Cha giao trách nhiệm Đức An cho cha nào. Tôi có cảm tưởng như mạnh ai nấy chạy!

Quãng thời gian này, chúng tôi nhớ mang máng có tin đồn rằng từ Đà Nẵng trở vô Tp. Hồ Chí Minh thì thuộc Chính Quyền Miền Nam, còn Tây Nguyên thuộc Chính Quyền Miền Bắc. Vì thế những ngày trước đó dân chúng Kontum và Pleiku cùng một số anh em Linh mục ồ ạt đổ xô về Tp. Hồ Chí Minh, hầu hết qua đường Phú Bổn.

Riêng tôi quyết tâm ở lại giáo phận trong bất cứ chế độ hoặc tình huống nào.

Có một đêm tôi nghe đài Phát thanh Hà Nội ca tụng Cao Nguyên, đồi núi ao hồ với cảnh trí thiên nhiên tuyệt vời càng làm cho những lời đồn đại trên đây gần sự thật hơn nữa. Các chị Nữ tu các Dòng Phaolô, Con Đức Mẹ Vô Nhiễm, Mến Thánh Giá biết tôi ở lại nên giao nhà cho tôi. Nhưng vô phương không

tài nào bảo vệ được. Nhà Dòng nhà xứ nào tôi cũng đi thăm ngó sáng sáng chiều chiều nhưng cướp trộm thi nhau giựt của, khuân vác hiên ngang như kẻ có quyền ngay trước mặt tôi! Một ngôi nhà các chị Phaolô bị cháy, tôi không rõ lý do, ngoài ra của cải toàn bộ sạch bóng. Phú Xuân cũng thế, hơn bốn chục máy may với những vật dụng trong nhà cũng được đổi chủ. Đa số các gia đình nhất là gia đình giàu, vật dụng trong nhà bị tước đoạt hoàn toàn...

Tâm trạng tôi lúc bấy giờ nói được là hờ hửng dửng dưng. Vả lại tôi cũng không thể làm gì hơn.

Lính nhảy dù quốc gia xuất phát từ rừng núi bắn phá các đường phố, uất ức vì theo lời họ, Quốc gia đầu hàng nhưng họ không được một lời báo tin!

Tất cả các phương tiện tháo chạy được sử dụng. Xe Landrover của tôi để tại Nhà xứ Thăng Thiên, các chị nữ tu Dòng nọ xin đổi bánh cũ lấy bánh mới. Tôi sẵn sàng. Có chị xin xe để chạy, tôi cũng cho luôn nhưng tôi báo trước cho biết xe này chỉ đi được vài chục cây số là tối đa, lý do trong tình trạng hỗn loạn này không chỉ chở một hai người nhưng hàng chục người nhất là lính nhảy dù sẽ tự động leo lên nếu không cho là họ sẽ bắn phá mà nếu cho thì lốp sẽ nổ ngay. Đúng như tôi nói, bánh xe xẹp lép nằm bên vệ đường phía dưới Mỹ Thạch.

Mọi người xôn xao vội vã lên đường bỏ lại tất cả. Cha già Ánh xứ Hiếu Đạo kiêm tuyên úy cũng trong tư thế sẵn sàng nhưng có vẻ thoải mái hơn. Tôi bảo ngài nếu đã quyết định thì nên đi ngay chứ đừng chần chừ. Ngài đáp: "Lính quốc gia còn mở đường mấy ngày nữa, thong thả chứ vội gì?!" Dường như thân phụ ngài qua đời tại Phú Bổn.

Hầu như tất cả đoàn người lánh nạn qua con đường Phú Bổn để về tỉnh Phú Yên là con đường gần và kể như an toàn

nhất để vào "vùng quốc gia!" Một số khá đông lọt được.

Cũng như ở Kontum, phía Pleiku còn một ít anh em Linh mục với tôi tình nguyện ở lại.

Cũng quãng trong giai đoạn này cha Hoàng Đức Oanh từ Tp. Hồ Chí Minh về Pleiku và ở Hiếu Đạo.

Có những đêm thật cô quạnh dễ sợ. Anh em Linh mục rủ nhau về ở chung tại nhà xứ Thăng Thiên. Bấy giờ cha bề trên Nguyễn Trí Thức là cha sở, có cha Trần Sơn Nam, cha Hoàng Đức Oanh, cha Đinh Bạt Huỳnh, cha Hoàng Văn Quy. Từ nhà Caritas Đức An tôi cũng đến ở với anh em. Tôi cùng ở chung một phòng với cha Huỳnh. Có lần ngài buồn bã thổ lộ với tôi nếu hay biết tình trạng này thì chạy vào Tp. Hồ Chí Minh là hơn cả. Tôi an ủi và nói: "Chúa thương và sẽ sắp đặt cho chúng ta. Đừng quá lo lắng."

Nhưng chỉ bốn hay năm ngày sau thì những người lánh nạn đoàn đoàn lũ lũ mệt mỏi chán nản từ Phú Bổn kéo nhau về lại Pleiku trông thật thảm hại! Nhiều người, ra đi tay không, lúc về tay trắng, đầu tóc bơ phờ, mặt mũi thê thảm, có người quần áo rách tả tơi ! Bi thảm hơn nữa phải gặp lại cảnh vườn trống nhà hoang! Biết làm sao tả cái cảnh tuyệt vọng này, thật là "rã rời rơi rụng."

Lúc bấy giờ sắp bước vào Chúa Nhật Lễ Lá, tuần Khổ Nạn của Chúa Giêsu.

Phú Bổn đầy nghẹt người và người, quân đội Miền Bắc đã có mặt. Có người nói: "Bao nhiêu vàng bạc của cải tôi đổ hết xuống sông xuống rừng Phú Bổn."

Có một người nọ thấy anh bộ đội hãi quá tự động hiến cho anh mấy cây vàng! Nhiều gia đình đã mất người thân tại đấy.

Tôi nhờ Cha Huỳnh đưa tôi đi Mỹ Thạch để kéo xe tôi trước đây đã cho một số nữ tu sử dụng. Dọc đường xe ngài cũng được Bộ đội Miền Bắc dòm ngó và đòi phải giao xe cho họ. Nhưng Huỳnh ta rất khẳng khái: "Tôi chưa bao giờ thấy Nhà Nước lấy xe của dân!" Thế là ngài vẫn làm chủ xe.

Lễ an táng Cha Đinh Bạt Huỳnh năm 2007

Cách Mạng bắt đầu đặt chân lên Pleiku. Trật tự bắt đầu lập lại. Các chú bộ đội thấy cái gì cũng lạ cũng đẹp dường như mới gặp lần đầu tiên trong đời! Nhất là thấy Honda, đài, tivi thì mắt sáng lên. Một em thiếu nhi từ Nhà thờ Thăng Thiên dự lễ ra về, tay cầm quyển Tân Ước có bao bì đẹp. Anh vừa hỏi vừa chỉ vào tay em: "Cầm đài đi đâu đấy?"

Em thiếu nhi không hiểu đài là cái gì. Mở ra thì là quyển sách Tân Ước!... Thời bấy giờ các em có thói quen đem sách Tân Ước để đọc chung với nhau trong Thánh lễ.

Bộ đội di chuyển khắp nơi. Đường về Kontum đầy người chưa từng thấy. Anh em Linh mục chúng tôi cũng bắt đầu đi lại thăm nhau. Cha Tường lái chiếc xe Thames màu xanh đậm, đầu đội chiếc nón bộ đội phóng nhanh qua mặt các xe lính Miền Bắc, ngài giơ tay chào vui vẻ và được trân trọng chào đáp lễ. Họ tưởng là sĩ quan cấp lớn của họ!

Trong thời gian này tôi thấy có bổn phận phải đi Đàlạt để xem tình hình Chủng viện Thừa sai toạ lạc tại 1 Thống nhất, nơi tôi làm giám đốc từ tháng 8 năm 1966 đến tháng 8 năm 1974. Tôi cố gắng làm những gì có thể để bảo vệ ngôi nhà cho giáo

phận. Mặc dù lúc đó không cần giấy tờ đi đường nhưng tôi vẫn xin cho được giấy chứng nhận để dễ bề đi lại và nhất là vào lại Chủng viện thừa sai 1 Thống nhất Đà Lạt. Giấy cấp cho tôi đi 10 ngày. Bấy giờ nhà bị bộ đội chiếm đóng. Đến nơi tôi trình giấy cho bộ đội canh phòng tại chủng viện thì hỡi ôi! sân chủng viện là một đống rác khổng lồ đủ loại. Tôi đoán những nhà láng giềng đã lên chủng viện ăn cắp những gì được xem là quý giá và ném những giấy tờ và các đồ lặt vặt khác xuống sân, còn sách vở đem bán ngoài chợ.

Cha Bùi Đức Vượng thế tôi làm giám đốc được hơn sáu tháng từ tháng 8. 1974 đến tháng 3. 1975 thì giải tán Chủng viện và tháo chạy về Sàigòn.

Trước khi ra về tôi qua Chủng viện Đà Lạt thăm và thấy trong tủ sách nhan nhản những sách mang tên Chủng viện Thừa sai Kontum. Tôi nhớ mang máng như thế. Hỏi ra thì các sách ấy được bày biện bán đầy chợ. Ai muốn mua bao nhiêu tuỳ ý. Chắc chắn các cha cũng như chủng sinh Đà Lạt đã mua ngoài chợ, tôi nghĩ như thế vẫn còn hơn là bị người ta ăn cắp và bán ký để gói đồ. Số sách đó đa phần là của thư viện Thừa sai mà chính tôi đã tạo lập. Ngoài ra còn có các sách của các cha giáo Ginhoux, Larroque, Desroches, Pouclet và của tôi.

Nhân dịp đây tôi muốn để lại vài hàng về lai lịch Chủng viện Thừa sai Kontum tại Đà Lạt để hậu sinh rõ. Đầu Niên - khoá 1966, chiến cuộc tại Kontum ngày càng áp đảo, Đức Cha Kim (Seitz) đã đem bốn lớp chủng sinh

Cha giám đốc và đồi Sohier Đà Lạt

Troisième, Seconde, Première, Terminale qua Đà Lạt để có thể tiếp tục chương trình mà ngài đã khởi đầu. Ở đây các chủng sinh ngày hai buổi cặp sách đến trường Adran cùng học chung một chương trình với các học sinh của các Frères Lasan. Chủng viện đóng góp giáo sư với họ. Phía chủng viện có cha Pouclet, cha Ginhoux, cha Lange, cha Larroque, bà Raccord. Chủng viện thừa sai Kontum chỉ là nhà nội trú. Riêng tiếng Latinh thì chủng sinh học tại nhà với cha Desroches.

Đây là bệnh viện của Bs Sohier đã được mua lại với giá mấy chục ngàn đô. Mỗi năm tôi đóng thuế đầy đủ nhưng chưa sang tên đoạn mại bởi lẽ bà Hậu là Thị Trưởng Đà Lạt bấy giờ cạnh tranh với Đức Cha Kim để mua toà nhà này nhưng Đức Cha là người đến trước.

Toà nhà này ở bên cạnh Hồ Xuân Hương cùng trên một quả đồi với nhà ông Tướng Đỗ Cao Trí, địa thế tuyệt vời. Vì thế với tư cách là Thị Trưởng, bà Hậu lấy nê này nọ không chịu ký nhận hợp đồng mua bán giữa ông Sohier và Đức Cha. Và chẳng may sau đó là biến cố 1975. Tất cả dừng ở đây. Mong ngày nào giáo phận sẽ lấy lại nhà. Các giấy tờ mua bán thì cha Bùi Đức Vượng đã giao cho ai tôi không rõ.

Sau khi các lớp lớn đã qua Đà Lạt thì tình thế tại Kontum ngày càng căng thẳng. Năm 1972, Đức Cha tiếp tục đem tất cả các lớp nhỏ với ban giáo sư lên Đà Lạt tạm trú tại Dòng Chúa Cứu Thế. Thời đó tu viện Dòng Chúa Cứu Thế gần như bỏ trống vì thiếu ơn gọi (?). Ở đây cha Đoàn Đức Thiệp làm giám đốc với các cha giáo: cha Faugère, cha Radelet, cha Hoàng Đức Oanh, cha Nguyễn Thanh Liên, giám luật.

Cha Phaolô Lê Quang Trinh đã được Đức Cha Kim chỉ định làm Giám Đốc tại 1 Thống nhất từ tháng 8 năm 1966 và cũng trong tháng đó đã tử nạn xe hơi trên đường Biên Hoà đang

lúc ngài đi Tp. Hồ Chí Minh mua những vật dụng cần thiết cho Chủng viện.

Ngay sau đó Đức Cha gọi tôi từ Kơbey, tản cư và đang ở tại P. Krong về Đà Lạt thế chân ngài từ 1966 đến 1974.

Sau 9 năm giám đốc, tôi xin chuyển sở để về làm việc tại Kontum. Đức Cha đồng ý và cho cha Bùi Đức Vượng thay thế nhưng chỉ được ít tháng thì Cách Mạng đến.

Tháng 3 năm 1975, cả hai chủng viện giáo phận Kontum, tại Kontum cũng như tại Đà Lạt, đều giải tán và tất cả chạy về Tp. Hồ Chí Minh.

Xây sân bóng rổ CVK Sohier Đalat

TÌNH HÌNH TÔN GIÁO PHÍA KONTUM NĂM 1975

Đức Cha Kim vẫn ở lại với anh em Linh mục. Trong giai đoạn này nhiều lần từ Pleiku tôi đến thăm ngài. Trông ngài không bi quan lắm như người ta tưởng, nhưng vẫn hy vọng sinh hoạt tôn giáo sẽ trở lại bình thường. Xã hội mới, chương trình mới. Đêm ngày tiếng hát chiến thắng của Cách Mạng vang dậy bầu trời Kontum. Có lần ngài vui vẻ cười nói với tôi trước sân Toà giám mục. "Ils méritent ca!" Họ xứng đáng những bài ca chiến thắng như thế. "

Trong trường hợp này theo sự khôn ngoan ngài nghĩ rằng cần phải tấn phong giám mục phó cho Cha Alexi Phạm văn Lộc và ngài đã tấn phong tại Nhà thờ Phường Nghĩa ngày Lễ Dầu, 27. 3. 1975.

Anh em Linh mục phía Pleiku không kịp báo tin. Lúc chúng tôi từ Pleiku đến thăm thì ngài đưa Đức Cha Lộc ra mắt với chúng tôi. Tôi thầm nghĩ, thật may mắn, nếu không thì tình trạng giáo phận trống ngôi và không biết bao giờ mới có giám mục!

Tháng 8 năm 1975, các Linh mục Việt - Pháp được Chính Quyền mời họp, hai địa điểm khác nhau, một nhóm Pháp, một nhóm Việt. Anh em Linh mục Pleiku không có mặt nên không rõ nội dung các cuộc họp.

Sau này tôi tìm hiểu và được biết Cách Mạng sau cuộc họp thì mời các Linh mục Việt nam dùng cơm và báo tin họ sắp trục xuất các Linh mục Pháp về nước. Có một cha trả lời với họ:

"Trong tình trạng đau khổ thế này thì ai mà còn nghĩ đến ăn với uống nữa!"

Rồi sau đó các cha buồn bã kéo nhau về ngay.

Còn phía các Linh mục Pháp, Đức Cha Seitz trước khi được mời đi họp thì dường như ngài có vẻ lạc quan mong những gì ngài yêu cầu sẽ được đáp ứng nghĩa là mong có sự dễ dãi về công việc mục vụ.

Nhưng hoàn toàn ngược lại, những gì ngài không ngờ lại xảy đến: các Linh mục Pháp có lệnh phải rời Việt Nam tức khắc, không được về lại Toà giám mục, ngay những đồ dùng cá nhân cũng nhờ các cha Việt Nam lấy hộ và chuyển cho các ngài! Các ngài được âm thầm chở về Tp. Hồ Chí Minh ngay và lên máy bay về nước. Rất tiếc anh em Linh mục phía Pleiku không kịp nói một lời tiễn biệt với các ngài!

Từ đó không còn nghe tin tức gì về các ngài. Dường như có lần tôi đã đọc tờ hồi ký nào đó mang tên "le temps des chiens muets"(?), thời kỳ chó câm. Tôi không nhớ hết nội dung.

Đức Cha Lộc đương nhiên từ Giám mục phó sang Giám mục chính toà. Từ đấy không còn tin tức gì về Đức Cha Seitz. (Ngài qua đời năm 1984 tại Pháp).

Chủng viện vẫn được tiếp tục với một số chủng sinh đến tháng 8. 1976. Sau đó bị giải tán.

Cũng trong thời gian này anh em Linh mục chúng tôi phía Pleiku thường hội họp học hỏi với nhau ngày thứ ba mỗi tuần tại nhà xứ Thăng Thiên về vấn đề mục vụ thời đại mới.

Anh em LM Pleiku gặp nhau ngày thứ ba hằng tuần

Với chút kinh nghiệm sống vùng Việt Minh năm 1946 - 1947 tại Quảng Nam - Đà Nẵng, cũng

như với một ít vốn liếng về thuyết Mác - Lê tôi học hỏi với Cha Gonthier nguyên là thừa sai trước đây bên Trung Quốc bị trục xuất và sau đó là giáo sư của tôi tại Đại Chủng viện Tp. Hồ Chí Minh thời các cha Pháp (1949 - 1955), tôi đã có lần chia sẻ với anh em Linh mục những kinh nghiệm đó để ứng phó với tình thế mới vì sau này việc nhậm Xứ hay đổi Xứ hoặc đi lại làm mục vụ từ xứ này qua xứ khác, Huyện Xã này qua Huyện Xã khác, phải có giấy phép đàng hoàng mà xin phép là việc vô cùng khó khăn.

Có một ông bạn – Nguyễn Đức Mầu, DCCT - trách tôi:

"Bác Chung ơi, sống trong Xã hội Chủ nghĩa độc lập tự do, bác không biết sao, tại sao bi quan đến độ đó!".

Nhưng sau đó quãng tuần lễ thì mọi sự đã xảy ra từng ly từng tý đúng như lời tôi nói và còn gắt gao hơn thế nữa. Thật tội nghiệp cho ông bạn của tôi quá lạc quan!

Thời gian không lâu, tôi không ngờ chính ông bạn đó lại còn bi quan hơn anh em chúng tôi nữa đến độ vượt biên và hiện sống ở nước ngoài!

Quãng năm 1995, lúc tôi qua Rôma lần đầu tiên, ông bạn có đến thăm tôi tại nhà Phát Diệm chưa kịp bắt tay thì từ xa ông bạn cầm 100USD giơ cao lên và nói: *"xin biếu bác Chung!"*

Không nói ra nhưng 100USD dường như thưởng công lời tiên tri của tôi thuở nào.

Sống trong xã hội chủ nghĩa, tôi tưởng không nên bi quan hay lạc quan nhưng phải hiểu rõ bản chất của chế độ và biết bình tĩnh nhận định tình hình thực tế với những khó khăn để có thể phục vụ anh chị em giáo dân đến mức tối đa theo khả năng. Mức tối đa theo khả năng, chúng ta phải hiểu là có lúc phải chui lén giải tội hoặc dâng lễ hay giúp đỡ kẻ liệt cũng

như những mục vụ cấp bách khác, mặc dù có thể bị tra hỏi bất cứ lúc nào.

Cha Gonthier, cha giáo của tôi trên đây, cũng còn thuật lại nhiều câu chuyện vui vui bên Trung Quốc thời kỳ cộng sản mới đến, đặc biệt những chuyện liên quan đến các Linh mục. Có lần nọ một Linh mục đang tìm những tấm ván vụn để đóng một kệ sách. Công an đến điều tra và hỏi : "ông làm cái gì đó?".

Linh mục chắc chắn còn bực tức về những cuộc tra xét tỉ mỉ lăng nhăng lít nhít trước đây liền trả lời: *"tôi sắp làm một quả bom nguyên tử!!!"*

Họ làm biên bản ngay lập tức.

Qua câu chuyện này tôi muốn nói các Linh mục được họ lưu ý một cách rất đặc biệt trong công việc hằng ngày, công tác mục vụ cũng như trong cách giao tiếp với giáo dân và mọi hạng người trong xã hội.

Mỗi ngày thứ ba hằng tuần anh em Linh mục chúng tôi về phía Pleiku hội họp tại nhà xứ Thăng Thiên, học hỏi với nhau về Kinh thánh, mục vụ, về việc giảng dạy hằng tuần, chia sẻ cho nhau những sáng kiến về truyền giáo hoặc đường đi nước bước với những khó khăn trong xã hội mới. Mặc dầu anh em chúng tôi chưa có kinh nghiệm đời sống xã hội chủ nghĩa nhưng vài ông bạn có rất nhiều sáng kiến rất độc đáo.

Cũng trong năm 1975, nhà thờ Hiếu Đạo bị Nhà Nước trưng dụng viện lý do là nhà thờ quân đội. Mặc dù có cải chính nhưng cũng không tới đâu. Noel năm đó anh em Linh mục chúng tôi đồng ý không dâng Thánh Lễ nửa đêm để bày tỏ ý kiến phản đối và chia buồn với anh chị em giáo dân Hiếu Đạo. Nhà thờ Hiếu Đạo là nhà thờ của giáo dân Hiếu Đạo. Họ đã góp tiền góp công xây dựng với giấy phép của Bộ Nội Vụ Chính

Quyền bấy giờ. Cha Ánh trước tiên là cha sở họ Hiếu Đạo. Sau này ngài kiêm Tuyên uý quân đội. Binh sĩ có đạo đến dự lễ tại nhà thờ Hiếu Đạo hay các nhà thờ khác thì không phải vì thế mà gọi các nhà thờ đó là những nhà thờ quân đội !

Không biết bao giờ Nhà thờ Hiếu Đạo sẽ được trả lại cho giáo dân?

Rồi miếng đất mặt tiền nhà thờ Thăng Thiên, hiện giờ là nơi xây cất nhà thờ mới, họ đòi nhường cho họ xây cất Ngân Hàng (?) Họ tự động cắm cọc làm ranh giới. Giáo dân phản đối và nhổ cọc. Ủy Ban Mặt Trận tập họp các Linh mục và giáo dân, anh em chúng tôi bàn cãi sôi nổi cho đến sáu giờ tối đưa ra đủ lý do không thể chấp nhận yêu cầu của Ủy - ban, lúc đó ông Lê Minh Hưng là chủ tịch Mặt Trận. Thăng Thiên thắng thế.

Tiếp đến cha Quy bị đi làm việc về những bức tranh Kinh Thánh. Tôi không nhớ rõ lý do nào mà Nhà Nước buộc tội cha Quy cha sở Thăng Thiên về những bức tranh lấy từ Kinh Thánh và được treo trên tường phòng áo lễ. Ngài làm việc từ ngày này đến ngày khác. Cha Quy dứt khoát không chịu ký biên bản. Họ mời tôi đến để thuyết phục cha Quy. Bấy giờ tôi là Tổng Đại Diện và cũng là uỷ viên Mặt Trận Thị Xã. Tôi làm việc với ông Hoàng Cảnh Di. Tôi không bàn cãi gì và chỉ nói một tiếng cuối cùng:

Đồng tế với cha Hoàng Văn Quy

"Này anh Di, xin anh dừng ngay tại chỗ này, đây là vấn đề Kinh Thánh, phạm vi đức tin của chúng tôi, anh không nên tiến tới nữa. Tiến tới là phạm đến tôn giáo của chúng tôi."

Sau đó cha Quy đã được cho về.

Anh em chúng tôi rất phục cha Quy. Ngài làm việc lâu ngày rất cực nhọc. Ngài luôn luôn đem theo chai nước để uống không bao giờ dùng đến những thức ăn này nọ được dọn ra cho ngài. Uống nước xong rồi nằm trên bàn ngủ, không ký biên bản cũng không trả lời những câu hỏi ngày nào cũng giống ngày nào.

BỔ NHIỆM QUẢN XỨ ĐỨC AN

Như thế phía Pleiku các Linh mục được rải rác kể như đầy đủ các Giáo xứ. Muốn dâng lễ tại các họ nhánh không Linh mục, thì phải làm đơn qua Thôn, Xã, Huyện rồi lên Tỉnh.

Rước lễ vỡ lòng dịp lễ Mân Côi năm 1983

Quãng tháng 8 năm 1975 tôi được Đức giám mục chính thức bổ nhiệm quản xứ Đức An. Ngày lễ Noel 25 tháng 12, tôi phụ trách Đức An nhưng còn phải dâng lễ tại Lệ Chí cách xa quãng 15 - 18 cây số. Suốt cả ngày 24 tôi chạy xuống Xã để xin phép, Xã chỉ lên Huyện, Huyện chỉ lên Tỉnh. Lên Tỉnh, Tỉnh lại chỉ phải về Huyện. Tôi phải xuống Huyện một lần nữa. Huyện từ chối. Tôi mất nguyên một ngày rồi phải về tay không. Thế là chiều vọng Noel và suốt cả ngày hôm sau tôi chỉ được dâng lễ tại Đức An thôi. Các anh em Linh mục khác tại Sở của mình cũng gặp một tình trạng tương tự như thế.

Cũng may là thời gian này còn được phép chạy xe máy. Sau này có lệnh cấm.

Ngày Chúa Nhật thật vất vả cho các Linh mục cần dâng nhiều lễ nhiều nơi khác nhau phải đi lại bằng xe đạp. Tôi dâng lễ Đức An rồi một giờ trưa phải đạp xe ra dâng lễ tại Hiếu Nghĩa rồi sau đó phải dâng lễ chiều cho Đức An hoặc một xứ khác. Sau này phải làm đơn xin phép chạy Honda và họ cho phép một tuần. Hết phép thì xin lại. Đó là riêng tôi, các cha khác dường như không được may mắn như tôi, vì lúc đó có lẽ tôi là Tổng Đại Diện. Cũng may là tôi còn giữ lại được chiếc xe 67 mà tôi đã mua tại Đà Lạt giá (140. 000 đồng?) thời gian làm giám đốc chủng viện thừa sai. Hôm nay tôi còn giữ lại được chiếc xe 67 để làm kỷ niệm thời xa xưa!

Tại Đức An, ngày Noel tôi dâng Lễ ngoài trời vì nhà thờ nhỏ và tối tệ không đủ sức chứa giáo dân. Đây là nhà thờ cũ. Mặt Trận Thị chỉ cho phép dâng lễ một thời gian nhất định. Tôi không nhớ thời gian đó bao lâu nhưng lúc cho chịu lễ vừa xong thì ông chủ tịch Mặt Trận lên góc bàn thờ báo cho tôi phải ngưng Thánh Lễ vì đã đúng giờ quy định. Tôi thản nhiên đưa tay mời ông xuống khỏi bàn thờ. Tôi vẫn bình tĩnh tiếp tục dâng Thánh Lễ và kết thúc như thường lệ và ban phép lành cho giáo dân và cho ông Chủ tịch luôn!

Tại Đức An với hai cháu Tứ và Hải, ngoài việc mục vụ, tôi tổ chức trồng su su, nhờ vậy đời sống kinh tế không đến nỗi eo hẹp lắm. Một giàn su su trải rộng trên một sào đất có trái ăn thường xuyên và thu được chút ít tiền để chi tiêu cho ba bác

cháu cũng như cho địa sở. Các cha khác cũng ít hay nhiều làm kinh tế như tôi.

Trước nhà xứ Đức An

Thời gian này cháu Hải đi học may ở Tp. Hồ Chí Minh.

Vấn đề kiểm tra hộ khẩu rất nghiêm ngặt có lúc gần như mỗi tuần nhất là sau năm 1975. Có lần đoàn nhân viên kiểm tra hộ khẩu kéo đến nhà tôi gần cả chục người gồm Phường - Thị - Tỉnh lúc 11 giờ đêm. Thường kiểm tra hộ khẩu vào 11 giờ, theo nguyên tắc trước giờ đó thì không. Họ gõ cửa nhưng tôi không mở. Qua cửa sổ tôi chỉ thấy Chính Quyền cấp trên nhưng ông tổ của tôi thì không thấy. Tôi bảo nếu không có ông tổ thì tôi không dám tiếp. Mặc dù trời mưa họ vẫn ngồi đợi và cho người chạy đi tìm ông tổ bên bờ suối cuối làng gần cả tiếng đồng hồ. Nhà xứ bấy giờ được lính bao vây cẩn thận sợ có người trốn thoát vì họ tưởng có khách đang trú tại nhà tôi! Ông tổ của tôi vừa đến thì tôi ra tiếp họ. Nhà tôi lúc đó chỉ có ba bác cháu có đăng ký hộ khẩu đàng hoàng. Thế là xong. Tôi phải khôn ngoan và tuân hành kỷ luật. Nếu không thì họ sẽ buộc tội tôi dám tiếp khách ban đêm sau 11 giờ mà không có Chính quyền địa phương, Chính quyền địa phương chính là ông tổ của thôn tôi đấy.

Lần khác ca đoàn trưởng của tôi đang tập hát ban chiều, có người báo công an sắp đến làm biên bản vì "tập hát bất hợp pháp. "Tôi cho ca đoàn trưởng nghỉ và tôi đứng ra tập hát. Sau đó năm mười phút, thực sự có công an đến làm biên bản và bắt tôi ký. Tôi trả lời bây giờ là năm giờ chiều, ngoài giờ lao động, dân có quyền tự do sinh hoạt tôn giáo đúng theo Chánh sách Nhà Nước. Họ ép tôi ký. Tôi trả lời nếu phải ký thì tôi ký thế này:

tôi trở đầu viết chì và gạch xéo hình chữ x trên tờ biên bản. Thế là xong. Họ ra về. Nếu tôi không cứng rắn thì không bao giờ làm được việc gì và bị ăn hiếp cả đời. Tôi có cách ký tên thế này nhiều lần trong Xã hội hôm nay khi mà cán bộ bắt ký những điều phi lý không đúng Pháp luật.

Có lần một ông cán bộ khuyên anh em Linh mục chúng tôi nên mặc áo dòng. Tôi bảo đây là sự tự do tối thiểu của chúng tôi còn được hưởng. Thật sự nếu họ buộc mặc áo dòng thì tôi mặc thường phục. Nếu buộc mặc thường phục thì tôi sẽ mặc áo dòng. Mặc áo dòng chắc chắn họ dễ kiểm soát hơn.

Lần khác sau buổi họp tại Mặt Trận ông Bo đi sát bên cạnh nói riêng với tôi: "Nghe tin Toà Thánh cho phép các Linh mục được lập gia đình, chắc các ông vui lắm!?"

Tôi trả lời: "Trời ơi, lúc 25 - 30 tuổi, nghĩa là tuổi trưởng thành đầy đặn, chúng tôi đã sung sướng tình nguyện chọn đời sống độc thân để thoải mái phục vụ giáo hội và dám hy sinh cuộc sống cho anh em mình. Nếu không độc thân thì chắc giờ này tôi không có mặt ở đây để nói chuyện với ông? Nếu không độc thân thì chắc gì có đủ can đảm để dám làm dám ăn nói hiên ngang khi người ta hà hiếp chúng tôi? Thật ông khéo bịa đặt câu chuyện để thử chúng tôi làm gì."

Không những tôi mà anh em Linh mục khác cũng gặp nhiều thử thách như tôi.

Ông Bo thời gian sau này trước khi chết ông đi thăm từng anh em Linh mục chúng tôi. Lúc bấy giờ tôi đang ở Kontum, ông cũng cố gắng đến thăm tôi. Dường như ông xin thông cảm và tha thứ cách đối xử không mấy tốt đẹp với chúng tôi trước đây.

Lần nọ ông chủ tịch Mặt Trận Thị đến thăm tôi, ông vui

Từ giả Đức An về Tòa Giám Mục

vẻ để nghị với tôi nên tiếp tục xây nhà thờ Đức An không phải để làm nhà thờ nhưng làm nhà hát, tiền lời sẽ chia đôi. Tôi tủm tỉm cười chứ không nói gì. Nhà thờ bấy giờ được cha Hậu xây dở dang chỉ có vách và ít cây cột. Sau này cha Đông thời buổi thoáng đãng hơn đã tiếp tục hoàn thành ngôi nhà thờ này.

Ngày 23 tháng 5 năm 1977, cha Tổng đại diện Nguyễn trí Thức qua đời. Anh em chúng tôi tổ chức đám tang rất lớn gồm đầy đủ các thành phần Dân Chúa Hạt Pleiku để cầu nguyện cho ngài và biết ơn ngài về những khó khăn ngài đã gánh vác thời gian làm việc.

Dường như trước kia lúc còn ngoài Bắc ngài đã gặp rất nhiều khó khăn với Chính Quyền và sau khi tản cư vào Miền Nam, nỗi canh cánh lo sợ vẫn còn. Tất cả những ai dự đám tang mỗi người cầm một nhánh hoa và đi bộ cho tới nghĩa trang. Đức Cha Phạm văn Lộc từ Kontum đến chủ lễ.

Tiếp đến câu chuyện Cha già Toán qua đời tại bệnh viện Pleiku. Thật là lao đao vất vả cho tôi biết mấy!

Ngày 27 tháng 4 năm 1978, cha già Toán, cha sở Kon Jodreh, bị bệnh và Đức Cha Lộc nhờ tôi đem vào bệnh viện Gia Lai. Đưa vào buổi sáng thì buổi chiều ngài chết. Chị Thanh Liên Phaolô mới hỏi tôi tại sao mặt mày ngài đỏ như "gà nòi" thế này?

Không ai trả lời được câu hỏi. Anh em Linh mục chúng tôi vội đem ngài về nhà thờ Thăng Thiên rồi sau đó chính tôi đem xe chuyển về Toà giám mục nhưng không được phép vô Toà giám mục. Tôi chở xuống Kon Jodreh xứ đương nhiệm của ngài nhưng sau hết có lệnh đưa về Toà Giám mục. Ngài đã được chôn cất tại nghĩa địa các Linh mục Kontum.

Sau an táng, công an Pleiku mời tôi đi làm việc ba ngày với anh Chiến công an Tỉnh. Anh cứ quanh đi quẩn lại tra hỏi

tôi: "Anh đem xác Linh mục Toán về nhà thờ Thăng Thiên có ý đồ gì?"

Tôi tức cười và trả lời:

"Anh hỏi gì mà ngớ ngẩn vậy! đem về Nhà thờ để chuẩn bị việc chôn cất chớ để lại nhà thương làm cái gì bây giờ?"

Anh ta không tin lời tôi nói và cứ một mực hỏi đi hỏi lại một câu hỏi như trên. Tôi nói tiếp, Linh mục Toán đã chết và không có thân nhân ở đây thì chính chúng tôi anh em Linh mục với nhau còn hơn thân nhân nữa có bổn phận phải lo chôn cất ngài chứ anh muốn chúng tôi làm cái gì bây giờ? Nếu để mãi đó thì người ta sẽ cho vào nhà xác mà thân nhân gần gũi thì không có ai, vào địa vị anh, anh sẽ làm thế nào, xin anh nói cho tôi biết. Chúng tôi đang chịu một cái tang lớn, đáng lẽ anh phải thông cảm và giúp đỡ nhưng đây anh lại hạch xách chúng tôi. Cũng như tôi bị tai nạn xe máy nằm ngoài đường, anh không giúp đỡ mà trái lại anh cứ hỏi tôi có ý đồ gì mà té xe? Bấy giờ người ta sẽ đánh giá công an Xã hội chủ nghĩa như thế nào?

Đang lúc tôi làm việc thì có một ông công an cấp Trung Ương mới vô có ghé vào chỗ làm việc. Ông ta khuyên tôi nên làm việc nghiêm chỉnh. Tôi càng tức cười và ngạc nhiên hơn nữa. Mà thực sự tôi ngạc nhiên và tức cười vì một câu chuyện tôi cho là ngây ngô.

Cũng đang lúc tôi làm việc qua ngày thứ hai, thì cha Hoàng văn Quy và chị Thanh Liên Dòng Phaolô, ra Uỷ Ban Mặt Trận Tỉnh chắc là để "cầu cứu" cho tôi hay nói đúng hơn là để chỉ cho thấy cách làm việc buồn cười, kỳ quặc của công an.

Nhân dịp này anh Công an lại đặt vấn đề cho tôi. Anh ta nói: "Này anh Chung, tại sao đang lúc tôi làm việc với anh, Linh mục Quy và Bà Thanh Liên ra Mặt Trận để làm gì? Ý đồ gì?"

Tôi đáp:

"Tôi không bao giờ trả lời với anh về câu hỏi này. Tôi chỉ trả lời khi chính ông Chủ tịch Uỷ Ban Mặt Trận hoặc Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh hỏi tôi."

Anh ta hết sức ngạc nhiên về câu nói hiên ngang của tôi rồi anh tiếp tục làm việc.

Tiếp tục làm việc ngày thứ ba, quanh đi quẩn lại vẫn những câu hỏi như ngày đầu tiên nghĩa là anh có ý đồ gì khi đem xác Linh mục Toán về nhà thờ Thăng Thiên, nhưng cách làm việc tương đối nhẹ nhàng hơn, thông cảm hơn. Tôi có cảm tưởng như anh nhận thấy cách làm việc của anh "hớ" rồi.

Sau hết anh ta nói:

"Này anh Chung, tôi đã gặp ông chủ tịch Mặt Trận cũng như chủ tịch Uỷ Ban Nhân Dân Tỉnh rồi, hai ông uỷ quyền cho tôi để nghe câu trả lời của anh về vấn đề tôi hỏi hôm qua." (nghĩa là tại sao lúc làm việc với công an thì cha Quy và chị Thanh Liên ra Mặt Trận)

Tôi trả lời:

"Vấn đề này rất đơn sơ, người dân như tôi chân ướt chân ráo bước vào Xã hội Chủ nghĩa mà còn am tường phương chi anh là công an mà không hiểu à? Sở dĩ Nhà Nước lập UBMTTQ mục đích tạo điều kiện cho dân hoàn toàn tự do thoải mái đến với họ bất cứ lúc nào bất cứ trường hợp nào để họ giải thích hoặc chỉ bảo cách thức phải làm sao cho tốt. Mà nếu công an cấm đoán hoặc can thiệp thì ai dám đến với Mặt Trận nữa và Mặt Trận của Nhà Nước trở nên vô ích."

Tưởng nên nhắc lại trước đây anh em Linh mục chúng tôi được mời vào Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc với tư cách uỷ viên. Để cho có tính cách dân chủ, ông chủ tịch mời chúng tôi bầu một

người và Linh mục Hoàng Đức Oanh, Xứ Thánh Tâm trúng cử. Ông chủ tịch đỡ lời "xin mời ông Chung đi vì ông Oanh ở xa vất vả!"

Chắc ông tưởng Thánh Tâm cách xa Thị xã hàng mấy chục cây số!!

Anh Chiến kết thúc ngay những ngày làm việc bằng một câu nói rất khiêm tốn:

"Anh Chung, qua cách làm việc và các câu trả lời của anh, tôi nhận thấy anh người có trình độ đang khi đó tôi chỉ là viên chức thừa hành không được sự hiểu biết sâu rộng như anh. "

(Dường như sau này anh Chiến lập gia đình với một người Công Giáo).

Cho đến bây giờ chúng tôi cũng không hiểu tại sao tôi phải đi làm việc lâu ngày với công an về việc đem xác cha già Toán về nhà thờ Thăng Thiên. Có lẽ có một sự bí ẩn nào xung quanh cái chết của cha già chăng? Tôi nhớ lời chị Thanh Liên trên đây: "Tại sao xác cha già đỏ như gà nòi?" Nghĩa là chị muốn nói chết bình thường thì đâu có như thế. Theo thiển ý chúng tôi, họ tưởng chúng tôi xin xác cha già về Thăng Thiên để rồi "quậy" và đặt vấn đề này nọ.

Tôi không nhớ rõ ngày tháng năm nào Nhà Nước ngỏ ý mời tôi vào Hội Đồng Nhân Dân Tỉnh hay Thị. Tôi chỉ nhớ câu trả lời của tôi quá thật tình là "bao giờ vào Hội Đồng thì tôi sẽ cố gắng làm cho mọi người tôn trọng tự do tôn giáo". Từ câu trả lời đó về sau không bao giờ nghe tăm dạng gì nữa. Nhà Nước biết

rằng tôi hơi bức xúc về vấn đề tự do tôn giáo nên chắc họ cũng không thiết tha gì mời tôi vào Hội Đồng Nhân Dân.

Năm 1980 có cha Nguyễn Văn Thượng từ Đà Lạt về Pleiku, như thế đoàn anh em Linh mục được thêm số.

Đấy cũng là dịp tôi mừng 25 năm Linh mục của tôi. Niềm vui chính là Thánh Lễ gợi lên sự hy sinh cao cả của Chúa Giêsu làm tôi cảm nghiệm được hạnh phúc theo gương Chúa để phục vụ anh em trong hoàn cảnh khó khăn.

Năm 1985, giáp 30 năm Linh mục, tôi bị đau hơi nặng về chứng tiểu tiện, một ngày tiểu tiện đến 90, 95 lần. Nhờ uống nước lá cây của cha Thượng, cha Huỳnh và ông câu Thảo giới thiệu mà tôi được lành: tầm gửi trên cây khế và rễ tranh.

Trong quãng thời gian này anh em Linh mục chúng tôi thật vất vã phải chạm trán với nhiều khó khăn mỗi ngày.

Nghe tin tôi được Toà Thánh cử làm Giám mục phó giáo phận Kontum, Ty Công An Gia Lai - Kontum dọn tiệc ngỏ ý mời tôi đến dự để họ có dịp chúc mừng chia vui. Tôi suy nghĩ không đi thì cũng tế nhị vì dù sao họ có nhã ý tưởng nghĩ đến tôi nên không thể viện lý do nào để từ chối. Nếu có đi thì cũng thật tế nhị, không cần nói ra ai cũng biết. Hiện diện trong bữa tiệc hôm đó có ông trưởng CA và một số ít viên chức cao trong Ty CA thôi nhưng khá linh đình. Bàn ăn được bày biện những con cá to và những chai bia mà từ đầu 1975 tôi chưa bao giờ thấy, dân chúng ngoài thì chỉ dùng bia hơi thôi. Để tỏ thiện chí tôi

cố gắng ăn qua loa chút ít với họ. Sau bữa ăn tôi nói vài lời cám ơn và ông trưởng CA một lần nữa có vài lời chúc mừng chung chung, sống tốt đời đẹp đạo và đạt được nhiều kết quả v. v... trong đó có xen vài lời hướng về các Linh mục, nhất là có Linh mục nào, theo lời ông nói, phản động thì nói riêng cho ông ta biết. Tôi mỉm cười vui vẻ và đáp: "...giữa Linh mục chúng tôi với nhau nếu có gì không đẹp thì trong tình anh em bạn bè chúng tôi xây dựng cho nhau thì tốt hơn cả, nhưng nếu không sửa mình thì dân chúng hay công an cũng thấy chẳng cần gì đến riêng với các ngài làm gì."

Ngày 22 tháng 11 năm 1981 lễ thánh Xêxilia, tôi sẽ được tấn phong giám mục phó. Nhà Nước giới hạn 500 giáo dân tham dự và theo giáo luật đòi hỏi, Đức Cha Lộc được phép mời hai Đức Cha Phanxicô Nguyễn Quang Sách, giám mục Đà Nẵng và Đức Cha Nguyễn Huy Mai, giám mục Ban Mê Thuột.

Trước đây tôi đã lên Toà giám mục Kontum và đã tĩnh tâm 10 ngày rồi về lại Pleiku. Chiều 21 tôi đi xe đò lên Kontum cùng với anh em Linh mục, với các cháu và một số anh chị em giáo dân. Xe đò bị chận lại và bị lục soát. Sau một lúc giải thích thì

họ cho đi. Cả cây gậy giám mục được cháu Hải xách theo cũng được hỏi thăm đến. Tôi bảo cây gậy và tôi không được đi thì không còn lễ lạc gì nữa! Còn xe đạp liên tục từng đoàn này đến đoàn khác từ Pleiku kéo lên Kontum.

Có nhiều thanh niên đạp xe từ Kontum về lại Thăng Thiên để mượn Micro.

Lễ tấn phong Giám Mục đêm 22/11/1986

Lễ tấn phong theo như dự định sẽ được cử hành ngoài trời tại mặt tiền chủng viện thừa sai lý do nhà nguyện không đủ chỗ. Mọi sự đã được chuẩn bị nhưng giờ chót, không thấy hai Đức Cha đến. Đức Cha Alexi Phạm Văn Lộc đành phải dời lại dịp khác. Chúng ta biết vào thời đó chưa có điện thoại như hôm nay. Mọi người kéo nhau ra về. Ở đây tôi nhớ ông Công - an Di xía vào một câu làm cho ai nấy cũng không hài lòng lắm. Ông ta bảo biết đâu trực thăng sẽ chở hai giám mục Đà Nẵng và Ban Mê Thuột tới! Ông ta nói móc làm nhiều người liên tưởng đến chế độ cũ! Chiều đến một số anh em bàn với Đức Cha vì tình hình khó khăn có lẽ đủ lý do để tấn phong không cần đợi hai giám mục, lại thêm Nhà Nước bảo nếu không cử hành thì sẽ không cho phép ngày nào khác.

Thế là chiều hôm đó Thánh lễ Tấn phong cử hành vào 6g00 tối với quãng 150 giáo dân tham dự tại nhà nguyện chủng viện thừa sai, mất điện tối om, cũng may là còn được một ngọn đèn dầu vừa đủ đọc sách! Có người nói thật thảm thương cho giám mục xã hội chủ nghĩa! Người khác đáp lại: nhưng tâm hồn

ai nấy đều sáng trưng! Hôm đó cũng có một số bà con thân nhân từ Cồn Dầu Đà - Nẵng lên dự. Sáng hôm sau tôi dâng lễ đầu tay với số giáo dân đông hơn.

Tại Cồn Dầu, người ta thuật lại khi nghe tin tôi được tấn phong giám mục thì cả Xã xôn xao, không ai biết vì lý do gì. Sau những ngày tấn phong tôi về thăm quê hương xứ sở và dâng lễ. Đêm tôi về Cồn Dầu, quãng 10 giờ tối Xã đến và kiểm tra hộ khẩu. Tôi trả lời cho họ rõ theo luật pháp hiện hành 1975 thì không có vấn đề đăng ký tạm trú hay xin phép khi người ta về quê mẹ mình giữa hàng mấy trăm người bà con cô bác còn đang sống và vây quanh tôi đây. Họ rút lui vì thấy tôi nắm vững luật Nhà Nước thời bấy giờ.

Thời gian nào Đức Cha Phạm Ngọc Chi làm việc với Công An tôi không nhớ rõ. Lúc về Đà Nẵng để đi dự Hội Đồng Giám Mục ở Huế hay Hà Nội (?), tôi có nghe các chị Phaolô thuật lại rằng mỗi khi đi làm việc với Công an về thì ngài nói: "Họ tốt quá mà! họ cho ăn ngon và đối xử tử tế lắm. "Và ngài còn tỏ vẻ thích thú mỗi khi được đi làm việc với họ. Tôi nhớ trong thời gian "thích thú""ăn ngon" này ngài đã qua đời. Có Đức Cha Sách, Đức Cha Các, Đức Cha Điển (?) và tôi dự lễ an táng ngài tại Trà Kiệu. Chính giờ hôn mê hấp hối, các Đức Cha chỉ định tôi ban phép giải tội lòng lành cho ngài.

Ban phép giải tội lòng lành cho ĐGM Phạm Ngọc Chi

Lễ an táng Đức TGM Nguyễn Kim Điển

Thi hài Đức Cha Phạm Ngọc Chi được chôn cất tại vườn nhà thờ Trà Kiệu.

Cũng trong thời gian này hai Đức Cha Nguyễn Kim Điền và Đức Cha Hoa, giám mục phó Qui Nhơn qua đời.

Xung quanh cái chết của ba vị giám mục trên đây có nhiều cái bí ẩn.

TÌNH HÌNH PHÍA KONTUM

Trước đây đương lúc chiến cuộc 1972 ngày càng áp đảo, các Linh mục đã tập trung về Kontum và từ đấy chỉ sinh hoạt trong Thị Xã thôi. Dịp biến cố 1975 một số đông Linh mục lánh nạn về Giáo phận Tp. Hồ Chí Minh, Xuân Lộc, và các Giáo phận khác, đồng thời ở luôn tại đấy cộng với số Linh mục Pháp bị trục xuất về nước tháng 8 năm 1975, tất cả khoảng 40 vị rời bỏ Kontum.

Đấy là chưa nói đến số Linh mục qua đời từ 1975 đến 1988 gần như mỗi năm một vị. Như thế Giáo phận chỉ còn lại quãng 20 Linh mục cho 180. 000 giáo dân. Còn riêng tôi vì áp lực của Chính Quyền Pleiku, Đức Giám Mục Kontum bất đắc dĩ đem tôi về Toà Giám Mục, viện lý do Giám Mục Chính ở đâu thì Giám mục Phó cũng ở đó. Tôi không hiểu thực sự lý do nào.

Trước khi rời Đức An

Ngày 15.4.1986, tôi về Kontum và cha Nguyễn Vân Đông đến thay thế tôi

làm cha sở Đức An.

Cha già Nguyễn Trọng Ân qua đời 19.3.1987.

Những ngày vừa qua cũng như ngày 19.3 hôm nay cha già thường cầm chuỗi qua lại bên nhà nguyện nhỏ Toà Giám Mục, lúc ngồi, lúc đi, lúc đứng. Tôi thấy cha yếu hơn thường. Sáng hôm đó trong Thánh lễ tôi nhớ đặc biệt cầu nguyện cho ngài. Tôi nhớ ngài đã gặp nhiều khó khăn phía anh em. Hôm đó là lễ thánh Yuxe, Bạn Đức Maria. Tôi cầu nguyện để xin cho ngài ơn chết lành.

Buổi chiều chúng tôi đang ăn tối, lúc 6g10, người cháu của ngài hớt hải chạy báo tin: thưa cha, ông con chết rồi. Tôi bỏ ăn vội vã chạy ra phòng ngài và giải tội lòng lành cho ngài. Xác ngài đã lạnh. Chúng tôi đem ngài lên nhà nguyện chủng viện để giáo dân cầu nguyện cho ngài. Ngày hôm sau có Công an đến xin phép Đức Cha Lộc đem xác ra phòng bên cạnh để mổ xem, không thấy gì khác ngoài ra chỉ thấy quả tim to hơn thường và có lớp mỡ bọc quanh. Sở dĩ có chuyện mổ tử thi vì họ nghi ngờ ngài bị đầu độc...

Cũng trong năm này lại thêm một cái tang lớn: cha già Den qua đời ngày 17 tháng 10. Cha già ở với Cha Liên tại nhà thờ chính toà. Tôi rất gần gũi ngài vì mỗi chiều thứ bảy tôi luôn luôn có mặt tại đây để giải tội cho anh chị em Dân tộc.

Mọi người như hoảng hốt vì số Linh mục còn lại quá ít ỏi, nhất là đến năm 1988 cha già Quyền và 1989 cha Thuận cả hai ở Ankhê cùng đi. Tiếp đến Cha Quy và cha Thủ sau năm 2000.

Các Linh mục còn lại bao nhiêu cũng chỉ quây quần trong Toà giám mục không đi làm mục vụ được, ngay trong Thị xã cũng phải xin phép rất khó khăn, có lúc bị từ chối nếu không phải là Linh mục đã có hộ khẩu tại đó.

Tôi không nhớ thời gian nào tôi được chọn làm Phó Tổng Thơ ký Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.

Năm 1988 là năm Toà Thánh phong thánh cho các vị Tử đạo Việt Nam. Đây thật là niềm vui lớn lao cho quê hương đất nước đang trải qua những ngày tháng khó khăn. Ngày phong thánh lại nhằm vào ngày 19 tháng 6 ngày quân lực Việt nam cộng hoà chế độ trước đây càng làm cho xã hội hôm nay nghi ngờ. Nhưng thực sự Giáo Hội đứng trên và ngoài các thể chế chính trị không bao giờ có ẩn ý gì khi chọn ngày Chúa Nhật duy nhất còn lại trong tháng, các ngày khác trước hay sau đó đã có chương trình lấp kín cả rồi.

Hai tuần cuối tháng Năm, năm 1988 Hội đồng giám mục được Nhà Nước mời họp liên tục tại Hà Nội, hết ngày này qua ngày khác mục đích để gây áp lực Toà Thánh đẩy lui đẩy tới ngày phong thánh và bớt đi một vị xem như không xứng đáng!! Lúc bấy giờ tôi là Giám mục phó tổng thư ký miền Trung dĩ nhiên cũng đi dự.

Tôi nhớ trời Hà Nội oi bức khủng khiếp trong đời ít khi

Họp Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

Hội Đồng Giám Mục Pháp thăm Kontum

:hấy. Sáng sớm lúc 5 giờ ngủ dậy, việc đầu tiên của tôi ra khỏi ɔhòng ngủ là chạy tới xem nhiệt kế, có ngày 35°c! Trưa thì khỏi ıói, 42°c! Những chiếc quạt máy trong các phòng liên tục làm việc 24/24 suốt cả tuần lễ!

Hết ngày này qua ngày khác, chúng tôi họp riêng rồi họp chung, họp với Mặt Trận rồi họp với Công An và các Ủy Ban khác.

Trước tiên họp tại Hồ Haller (Hồ Thiền Quang?) gần Bộ Nội Vụ với ông Bộ Trưởng Bộ Công An Mai Chí Thọ. Cuộc họp diễn ra vào lúc 5 giờ sáng. Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn và trên ba mươi giám mục. Mười lăm phút đầu dành cho các phóng viên Nhà Nước quay phim nhiếp ảnh, sau đó họ mời vô phòng họp.

Ông Mai Chí Thọ bắt đầu trình bày về vụ phong thánh. Ông bàn lui bàn tới ngày 19 rồi đến danh tánh các thánh tử đạo cần phải xén bớt một vị mà nhà nước coi như không xứng đáng, thay vì 117 thì còn 116... Ông thuyết phục Hội Đồng Giám Mục làm theo ý nhà nước đã quyết định.

Đức Hồng Y đứng lên nói rất nhỏ nhẹ nhưng đầy vẻ cương quyết: *"Đây là vấn đề thuộc phạm vi đức tin, Giáo Hội có ơn khôn*

ngoan sáng suốt, khi đã quyết định thì không ai có quyền thêm bớt sửa đổi... chúng tôi tất cả đồng ý và vâng phục, không thể bàn lui bàn tới, xin quý vị trong Nhà Nước thông cảm".

Ông Mai Chí Thọ như điên tiết lên, trước đây thì trình thưa quý vị giám mục, thưa quý ngài, bây giờ đổi giọng đổi cách xưng hô bằng hai tiếng "các ông" cụt ngủn ...

Hai thái độ, một bên thì hùng hổ áp đảo. Một bên thì khiêm tốn nhưng không hề lay chuyển.

Thế là cuộc họp tại Hồ Haller kết thúc không còn chút hy vọng nào thuyết phục các "ông giám mục. "

Nhưng chưa hết. Về Toà giám mục Hà Nội, các giám mục được chọn làm đầu mười nhóm và đem đi riêng rẽ từng nhóm làm việc với một hoặc hai viên chức nhà nước tại các cơ quan. Dĩ nhiên tôi không có tên trong các nhóm đó vì tôi bấy giờ chỉ là giám mục phó. Thật tội nghiệp cho ông Nguyễn Văn Hoà (?), Ban Tôn giáo trung ương (?) với người hầu cận ông đã gặp Đức Cha Sách Đà Nẵng. Ngài chỉ nói một câu thôi thì ông Hoà ngã ngửa đằng sau và bị tai biến mạch máu não. May phước có người hầu cận ông đỡ ngay lấy ông và chứng kiến sự việc. Bệnh tình của ông về sau tôi nghe nói trầm trọng và kéo dài nhiều năm tháng?

Dịp lễ Chúa Thánh Thần 1997

Đức Cha Sách đã nói gì? tựu trung cũng chỉ là "việc nội bộ Toà thánh, xin đừng ai xen vào..." nhưng giọng nói của ngài có

vẻ đanh thép quyết liệt ngược lại hoàn toàn với sự mong đợi của ông Hoà nên chi có tai nạn bất ngờ.

Khi nghe câu chuyện này một vị sư chùa Bà Đá nói: "Trời đánh thánh vật! Phạm đến trời đến thánh thì phải đền tội!"

Thế là Hội Đồng Giám Mục đã họp và hoàn toàn nhất trí với quyết định của Toà Thánh.

Về lại Tỉnh nhà, Chính Quyền tại Kontum, cũng đã mở cuộc họp các Linh mục về vụ phong thánh và các Linh mục không bàn cãi gì chỉ nhất trí cao với HĐGM và Toà Thánh.

Phía Gia Lai, các Linh mục tu sĩ không phải đi học tập và ngày 19.6.1988 đã mừng trọng thể các Thánh Tử Đạo Việt Nam.

Đang khi đó thì tại Miền Nam có một hoặc hai vị trong giáo hội muốn đứng về phía nhà nước để giải hoà thì bàn lui. Từ đó một vị nọ trong Giáo Hội được mang tên là "Bùi Lan", là bàn lui đấy. Và tiếp đó có nhiều câu văn thơ hài hước mục đích chế giễu những người không đồng ý với việc phong thánh. Nói đúng họ có thiện chí giải hoà với nhà nước thôi, nhưng không đúng lúc đúng sự việc vì Toà Thánh đã quyết định và xếp đặt cả rồi. "Cẩm lơ còm mít xe rơ, Cẩm đâu thiện được chỉ cò mà thôi"... Những câu chế giễu của cha Nguyễn Ngọc Lan về một vị Linh mục nọ bàn lui việc phong thánh.

Mỗi năm mừng lễ các thánh Tử Đạo Việt Nam chúng ta không khỏi bùi ngùi cảm động khi nhắc đến những chặng đường gian truân này để các ngài được tôn vinh giữa cộng đồng con cái các ngài. Đấy là dịp chúng ta cầu nguyện sốt sắng hơn để xin các ngài cho mưa móc dẫy đầy trên giáo hội Việt Nam.

Ở đây, tôi thấy cần nhắc đến một việc lạ kể như hồng ân của các thánh Tử Đạo Việt Nam.

Hình chụp chung với Cha Antôn Vương Đình Tài

Anh chị em Jarai phía Pleiku hàng loạt xin tòng giáo. Từ xa xưa dân tộc Jarai kể như xa lạ với đạo Công Giáo nhưng từ ngày các vị tử đạo được phong thánh, hết làng này đến làng khác xin theo đạo. Đây là một biến cố lớn, ai ai cũng nhận thấy nhất là cha Vương Đình Tài và Trần sĩ Tín (DCCT) nhận thức rõ hơn ai hết vì các ngài phụ trách các làng Jarai.

Tôi cảm nghĩ nên chọn các Thánh Tử Đạo Việt Nam làm Bổn Mạng cho một giáo xứ Jarai nào phía Pleiku để ghi nhớ công ơn các ngài, chẳng hạn Đền Thờ các thánh Tử Đạo Việt Nam.v.v.

TRỞ LẠI VỚI TÌNH HÌNH TẠI KONTUM

Tiếp đó năm 1989, tôi làm đơn xin lên Kon Xơmluh cách Kontum 15 cây số để phục vụ Tuần thánh và được ở lại cả tuần. Ai xui khiến tôi làm đơn chứ cá nhân tôi đâu có bao giờ dám nghĩ đến chuyện xin ở lại và làm mục vụ cả tuần tại một nơi xa Kontum và trong tình trạng vô cùng khó khăn như thế này. Đây là lần đầu tiên từ 1975 đến giờ, ai cũng ngạc nhiên! Chúng ta nhớ thời buổi bấy giờ, Linh mục nào ở đâu thì chỉ được dâng lễ tại đấy thôi. Có khi đây là quà của các thánh Tử Đạo Việt Nam?

Với chiếc 67 tôi chở bình điện và tất cả vật dụng cần thiết cho tuần thánh và lễ Phục Sinh. Suốt tuần, tôi ăn uống ngủ nghỉ

tại nhà anh yao phu Ngiuh, và ngày nào cũng giải tội từ mai đến chiều cho anh chị em dân tộc các làng xung quanh tuôn đến. Ngày thứ Năm Tuần thánh và các ngày liên tiếp dâng lễ ngoài trời với bình điện chiếu sáng lờ mờ cho hàng ngàn giáo dân, với đống củi đuốc lúc loè lên lúc sụp xuống, trên bàn thờ chỉ có hai đèn hoa kỳ lớn hơn quả chanh, mà một chiếc đã mất ống kính! Cả làng cũng không tìm ra đèn nào khác. Tội nghiệp cho anh em Kon Xơmluh nghèo khó, tội nghiệp cho Tuần Thương khó chuẩn bị mừng Chúa sống lại! Nhưng lòng giáo dân hớn hở vô cùng.

Rồi tiếp đến tuần sau đó cha Nguyễn Thanh Liên bày vẽ hai anh em chở Honda đi lên thăm Huyện Kon Plong để cám ơn họ về cái phép khác thường cho dâng lễ ở Kon Xơmluh. Hai anh em đi nguyên một ngày giữa cái nóng bức cực độ của tháng ba Tây Nguyên năm đó, lại thêm đường rừng cong queo đèo dốc liên tục. Về nhà tôi liệt giường mấy ngày lúc tỉnh lúc mơ không ăn uống gì, đến độ cháu Tứ ở Pleiku lên thăm đang lúc hôn mê tôi cũng không nhận ra. Rồi tiếp đó tôi xuống Pleiku nằm cả tháng chích thuốc đến độ không còn một xu dính túi. May phước cha Liên đã chạy vạy cho tôi khoảng 300. 000 đồng mấy lần chích thuốc... Các cha Oanh, Thượng, Quy rất lo lắng và chăm sóc sức khoẻ tôi.

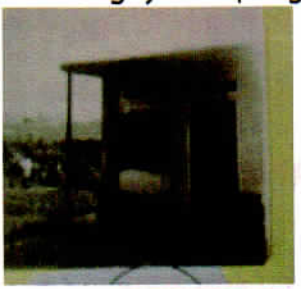

Cám ơn các thánh Tử Đạo, cám ơn các cha. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời tôi liệt nặng. Nhưng cũng là hạnh phúc cho tôi được chịu khó vì các thánh. Xin các thánh chuyển cầu cho

giáo phận chúng con.

Chuyện tuy nhỏ nhưng nhắc đến như một biến cố đáng lưu ý. Nhưng dù sao tôi vẫn cám ơn Chúa đã cho tôi được dịp củng cố lòng tin của anh chị em dân tộc ở xa trong thời buổi khó khăn.

Cuối năm 1994, một số các giám mục trong HĐGM Việt nam đi dự Thượng Hội đồng Giám mục tại Rôma, trong đó có tôi cùng đi với tư cách dự - khuyết vì lúc ấy tôi làm phó tổng thư ký Miền Trung của Hội Đồng Giám Mục.

Tại Rôma, tôi ở "nhà Việt nam" cùng với Đức Hồng Y Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận. Đây là lần đầu tiên tôi qua Rôma. Dường như Đức Hồng Y đã xin đi Úc và qua Rôma nhưng không được trở về Việt Nam. (Hôm nay năm 2007 nghe tin Toà

ĐHY Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận

Thánh sẽ cất nhắc Ngài lên hàng tôi tớ Chúa và mong ngày gần đây sẽ lên chân phước. Xin Đức Hồng Y chuyển cầu cho giáo hội Việt Nam chúng con.)

Một trăm năm sinh nhật Thánh nữ Têrêxa Hài Đồng Giêsu (1897 - 1997), đây là một dịp hiếm có để giáo dân mừng lễ và nói lên lòng biết ơn chị thánh. Có thể nói một số khá đông chị em miền núi mang tên thánh nữ. Nhiều giáo xứ chọn chị làm quan thầy. Tôi tin chắc chị vẫn tiếp tục làm mưa hoa hồng trên phần đất thân yêu của chị, phần đất của những con người nhỏ bé đang gặp muôn vàn khó khăn cần chị bảo trợ.

"Cuối thế kỷ XX, Giáo Hội gặp cơn khủng hoảng, thế gian lên tiếng khai trừ Thiên Chúa và sách vở báo chí khai tử Ngài. Ngài thinh lặng. Ngài dùng một cô gái bé nhỏ để đáp trả một thế gian điêu ngoa, ngạo mạn..." Đấy là vài lời mở đầu bức thư 1997 tôi gởi cho anh chị em giáo dân dịp trăm năm sinh nhật của chị. Có thể áp dụng cho đầu thế kỷ XXI cũng đang tràn ngập những biến động nguy hại cho đức tin.

Tiếp đến mừng lễ 50 năm thành lập Hội Dòng Ảnh Phép Lạ. Bức thư có những lời nói đầu: "Ngày 1 tháng 4 tới đây, Hội Dòng Ảnh Phép Lạ mừng Kim Khánh 1947 - 1997. Một Hội Dòng nữ dân tộc phục vụ người dân tộc. Một hồng ân Chúa ban cho giáo phận Kontum. Một gia tài quý báu cha ông đã để lại cho con cháu. Xin chia vui với các chị và cùng dâng lên Thiên Chúa lời cảm tạ tri ân..."

Chị em bắt đầu ra quân. Các chị được phân phối đi phục vụ trong các địa sở.

Dòng Chị em ngày càng đông số và gồm đủ các dân tộc Tây nguyên.

Tại một nhà thờ bị đập phá

Thăm dân làng

Nghĩa địa các Linh Mục ngày lễ Các Đẳng năm 1996

Đại hội giới trẻ năm 2001

Lễ đặt viên đá đầu tiên nhà thờ Hoa Lư Pleiku

150 NĂM TRUYỀN GIÁO TÂY NGUYÊN (1848 - 1998)

Ngày 13 tháng 4 năm 1995, Đức Cha Phạm Văn Lộc nghỉ hưu, tôi lên giám mục chính toà. Nhân dịp này tôi cùng đi với Hội Đồng Giám Mục viếng Toà Thánh, tôi đã xin Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cho phép mở năm Toàn xá 150 năm truyền giáo Tây nguyên 1848 - 1998.

Khởi đầu thánh lễ nhận nhiệm vụ Giám Mục chính tòa ngày 13/04/1995

Thật là một đại hội lớn xưa nay chưa từng có ở Kontum. Hiện diện trong thánh lễ có hơn 20 giám mục, khoảng 300 Linh mục từ Bắc chí Nam, trên 30 ngàn giáo dân. Có mấy ông bà người Pháp từ đâu đến dự. Họ rất ngạc nhiên sung sướng được dự một Thánh Lễ đặc biệt chưa từng có ở Việt Nam hay ở Tây Nguyên. Một người trong họ hỏi tôi ước lượng số người dự Lễ. Tôi bảo trên hai chục ngàn. Ông ta bảo còn hơn nhiều, ông ta đo đất tính theo thước vuông và nói 33 ngàn. Đám đông dự lễ chật ních con đường Nguyễn Huệ trước Nhà thờ Chính toà và con đường chạy dài ra Núi đá Đức Mẹ.

Thánh lễ sáng ngày 13/04/1995

Trong Thánh Lễ, mười Giám Mục rửa tội và thêm sức cho mười người.

Cá nhân tôi thấy Năm Toàn Xá mang một ý nghĩa rất lớn cho anh chị em miền núi. Đây không phải là một tổ chức có tính cách phô trương loè loẹt bên ngoài nhưng là một dịp để anh chị em giáo dân miền núi cùng nhau dừng chân nhìn lại quãng đường đã đi qua với biết bao tình thương của Chúa ban cho ông bà cha mẹ và cho chính họ hôm nay, để rồi họ tiếp tục tiến bước can đảm hơn nhờ sức mạnh lãnh nhận nơi Năm Toàn Xá này.

Trong bức thư gởi cho anh chị em giáo dân chuẩn bị mừng Năm thánh, có đoạn viết:

"Năm 1848, bước vào Tây Nguyên gồm nhiều sắc dân sống xa lạ và kình địch nhau, các bậc cha anh (các vị thừa sai Pháp - Việt) hiểu rõ mình bắt đầu bước vào một thế giới hoàn toàn mới lạ. Không đường sá, không tiện nghi, không bạn hữu. Tất cả đều xa lạ với phong tục, tập quán và ngôn ngữ. Nhịp cầu tiếp cận hầu như không thể thực hiện nổi. Các ngài bước đi trong tình trạng lén lút và tín thác vào bàn tay quan phòng của Thiên Chúa. Khắp nơi giăng đầy những cạm bẫy của thiên nhiên, của con người, của xã hội. Vào một thời Giáo Hội non trẻ tại Việt Nam đang phải trải qua những cuộc cấm đạo gay gắt. Chúa đã chúc lành cho công việc của các ngài để có một ngày nay huy hoàng và tươi sáng với hai giáo phận Kontum và Ban Mê Thuột hiện có hơn 350 ngàn tín hữu. " (trích thư gởi giáo dân nhân dịp ngày 150 truyền giáo Tây nguyên)

Lễ mừng 150 năm
Truyền Giáo Tây Nguyên

Năm Toàn Xá nói theo kiểu anh chị em dân

tộc là suối mát bên cạnh đường rừng dừng chân tắm rửa và ăn uống nghỉ ngơi để cùng nhau hồi tưởng những chặng đường đã đi và hăng hái vượt qua những gian khổ đang chờ đợi.

Thật thế mấy chục năm nay, từ 1972 và những năm kế tiếp không có Linh mục đến với họ. Về đức tin, họ tự sống, tự lo, tự bảo vệ và tự khuyến khích nhau. Mỗi dịp Noel và Phục Sinh cũng như các ngày lễ lớn trong năm, mặc dù cách xa từ hai mươi, ba mươi đến hàng trăm cây số họ lũ lượt kéo nhau hàng mấy chục ngàn người về nhà thờ Chính Toà để dự lễ. Con đường từ làng mạc của họ đến Thị xã Kontum thật cam go và phức tạp

quá sức tưởng tượng. Có lúc đi bộ hoặc đi xe đò trên đường lớn thì bị công an chận. Họ phải tìm đường rừng để tiếp tục đi cho tới nơi. Có lúc khuya khoắt mới tới Kontum nhưng vẫn tươi cười háo hức, không chút trách móc hay oán hận. Thường thường là những đoàn thanh niên thanh nữ cùng đi với nhau hay những cặp vợ chồng thay nhau cõng con, đem theo cơm đùm cơm gói hoặc tới nơi thì cơm hàng cháo chợ, các quán xá Yuơn "tiếp rước nồng hậu vì được mùa". Các thanh niên vào các quán giải khát uống bia lon rồi ném vỏ cho Yuơn lượm xem cho vui như họ thường khoe với nhau! Có một thời kỳ anh chị em dân tộc phía Đak Glei nhờ đãi vàng mà có tiền nhiều.

Một tuần trước Noel và Phục Sinh, anh em Linh mục chúng tôi ở Toà Giám mục phải ngồi toà suốt ngày tại nhà nguyện chủng viện cũng như tại Nhà thờ Chính Toà. Mỗi ngày mỗi người giải tội hai ba trăm người, rồi tới ngày áp lễ các cha phải đi phục vụ những xứ trong Thị xã, mình tôi phải làm sao giải quyết cho xong từ 500 đến 800 người một ngày, từ sáu giờ sáng đến 6 giờ chiều hoặc lâu hơn nữa. Thật là cực nhọc nhưng khi so sánh những vất vả của chúng tôi đây với những vất vả của anh chị em phải cuốc bộ hàng trăm hay năm bảy chục cây số để về đây thì kể như chưa có gì đáng kể.

Tình trạng này đã khởi đầu từ năm 1975 và kéo dài đến quãng năm 2002, thời gian này anh em Linh mục được thêm số và được phép tạm bổ nhiệm đi xa thì con số giáo dân về Nhà thờ Chính toà bớt dần.

Thật tội nghiệp cho họ đêm Noel phải nằm ngoài trời lạnh lẽo, tôi nhớ năm 2000 sau khi dâng lễ nhà thờ Chính toà về nhà 11 giờ khuya, tôi nhìn nhiệt kế thì thấy xuống 6 độ C. Đây là lần đầu tiên tôi thấy mùa đông giá lạnh đặc biệt trên Tây nguyên.

Có người bảo "tại sao họ không vô các gia đình Công Giáo

MỪNG 150 NĂM
TRUYỀN GIÁO TÂY NGUYÊN

giáo xứ Phương Nghĩa hay Tân Hương?" Các gia đình sẵn sàng đón nhận anh chị em dân tộc nhưng họ dường như họ thích ngủ chung với nhau. Có một lần một bà Phật giáo nọ chở đến nhà thờ Chính toà một xe củi để họ sưởi ấm. Cám ơn bà Phật giáo có lòng đại độ, đang khi đó những người Công giáo có khi vì quen mắt với cảnh khổ xảy ra hằng năm nên không để ý bao nhiêu.

Tình trạng tập trung tại nhà thờ Chính Toà các ngày lễ Noel và Phục Sinh ngay cả hôm nay cũng còn ít nhiều mặc dù đã có các Linh mục được phân phối đi các sở, dường như họ còn lưu luyến cảnh gặp gỡ thân thương thời xa xưa.

VỤ VIỆC TRƯỜNG CUENOT BỊ CHIẾM ĐOẠT NĂM 1996

Đây là bức xúc của toàn dân Công giáo. Cách riêng là anh chị em Dân tộc mỗi khi đi ngang qua trường Cuenot, ai ai cũng thở ra với vẽ buồn không thể diễn tả nên lời. Có người nói, nhà nước làm chủ vùng trời, vùng biển, vùng rừng núi bao la, họ có thể xây nhiều ngôi nhà cao đẹp gấp trăm lần ngôi nhà này, tại sao vào đây để chiếm đoạt một mảnh vườn xó xỉnh và một ngôi nhà nhỏ bé nhưng đầy vẻ thánh thiêng của người dân tộc nghèo khó hầu hết là Công giáo?

Trên đây nói vẻ thánh thiêng vì trường Cuenot là một cơ sở tôn giáo đầu tiên tại Kontum ngay từ ngày các vị thừa sai Việt - Pháp đặt chân lên Miền Cao Nguyên này từ 1848. Mỗi khi nhìn xem ngôi nhà này là nhớ đến nguồn gốc tôn giáo của họ, vì chính ngôi nhà này là Toà Giám Mục đầu tiên, đồng thời cũng là nơi đã và đang đào tạo những Yao Phu ra đi xây dựng

đức tin cho ông bà tổ tiên và con cháu họ. Nhà này mang tên Cuenot là vị Giám Mục Tử đạo tại Qui Nhơn, chính ngài từ năm 1848 đã sai người lên khám phá miền núi này, rồi từ đấy mới có cái tỉnh Kontum này, có cái Thị xã này, có cái cảnh sông núi xinh đẹp hữu tình này, nơi mà mọi người lương giáo chúng ta đang sống, đang làm ăn. Lương hay giáo, hay tất cả những ai khác cũng còn mang ơn ngài, lẽ ra nơi thánh thiêng này cần được nể nang chứ!

Có người nói hơi quá đáng, nhưng cũng là một trong nhiều ý kiến, họ bảo: nếu Trường Cuenot bị dẹp đi thì công việc truyền giáo Tây nguyên cho anh chị em dân tộc rồi đây sẽ ra sao? vì từ đấy phát xuất những ông yao phu là những ông thầy dạy đạo cho dân tộc. Chủng sinh còn gởi đi nơi khác học, còn anh em dân tộc thì gởi đi đâu để học làm yao phu? Trong các làng nếu không có Yao Phu thì ai sẽ lo công việc mục vụ cho giáo dân?

Có người đặt vấn đề tại sao các Đức Cha, các cha năm 1996 không cố gắng thuyết phục nhà nước để giữ lại ngôi nhà này. Nhà nước không hiểu thì phải giải thích cho họ chứ!

Xin trả lời:

"Nếu mở hồ sơ còn đang giữ tại Toà Giám mục, thì anh chị em thấy hết tháng này qua tháng nọ tôi chạy vạy khắp nơi, chạy lên Tỉnh rồi ra Hà Nội, ra Hà Nội rồi về Tỉnh rồi xuống Thị... không những mình tôi mà cả Cha Tổng Đại Diện, lúc bấy giờ là cha Hoàng Đức Oanh và các cha khác nhất là cha Nguyễn Thanh Liên, một đống hồ sơ vẫn còn đó, hồ sơ đánh máy, hồ sơ viết tay, sở dĩ viết tay vì ra Hà Nội có những trường hợp gấp phải đưa lên Thủ Tướng. Nhưng đứng trước một số cán bộ không có trình đô hiểu biết chỉ mong cho được chiến lợi phẩm để trình lên Cấp trên thì tôi đành bó tay. Phải chờ ngày tháng bầu trời quang đãng hơn vậy."

Tất cả hồ sơ trên đây được tóm gọn trong vài lời rất cương quyết và đanh thép đọc ngày Thứ năm Tuần thánh trước nhà thờ Chính toà cho toàn thể giáo dân đến tham dự thánh Lễ:

"Bấy lâu nay anh chị em trong Giáo phận thắc mắc và xúc động khi thấy Chính Quyền tiến hành xây dựng một số cơ sở trên khu đất Thánh Cuenot của giáo phận Kontum.

Với tư cách Giám mục Giáo phận, tôi xin thông báo cùng toàn thể anh chị em trong Giáo phận:

1. Cơ sở Thánh Cuenot đã, đang và mãi mãi là tài sản của Giáo phận Kontum. Chưa bao giờ hiến cho ai.

2. Phía Giáo phận đã nhiều lần bày tỏ lập trường này với Chính Quyền các cấp, kể cả Trung Ương.

3. Xin anh chị em bình tĩnh biết ứng xử theo đúng tinh thần con cái Chúa: chứng tá của lẽ phải, công bình và yêu thương."

Nói một cách khách quan, nếu nhà nước trả lại Cơ sở này thì có lợi cho danh thơm tiếng tốt của nhà nước. Riêng tôi, tôi nghĩ việc chiếm đoạt trường Cuenot chỉ là việc làm của vài cán bộ địa phương nông nổi bồng bột háo thắng nhưng nhà nước có bổn phận phải suy nghĩ lại và quan tâm đến anh chị em dân tộc đa số là Công giáo bằng cách trả lại Cuenot cho họ. Đây là danh dự của Chính Quyền.

Có người bảo đây là chiến lợi phẩm làm sao Nhà Nước có thể trả lại.

Nhưng tôi lại có suy nghĩ khác: nói chiến lợi phẩm là nói những gì thu được của địch quân như đồn bốt, luỹ chiến hay cơ sở của địch quân, còn đây trường Cuenot là cơ sở thuần tuý tôn giáo của dân. Hai sự việc khác nhau trời vực. Nhà nước phải phục vụ dân và tôn trọng của dân chứ ai lại đi lấy của dân?

Tôi ghi lại những sự việc trên đây và lưu lại trong Hồ sơ giáo phận để hậu sinh được am tường những gì đã xảy ra về vụ chiếm đoạt Trường Thánh Cuenot thời bấy giờ.

Có lần Chính Quyền cũng muốn lấy Chủng viện Thừa sai, Đức Cha Alexis thời đương nhiệm, đã trả lời cách quyết liệt. Ngài nói : "Nếu muốn lấy thì phải đạp qua xác tôi. "

Ngoài Trường Cuenot, còn cả chục cơ sở khác cũng bị Nhà Nước tịch thu.

Sau này sẽ có dịp ghi lại.

TIẾP TỤC TÌNH HÌNH KHÓ KHĂN TRONG GIÁO PHẬN

Các nhà thờ mái tranh vách đất trong các Huyện vì thời gian cũng như chiến tranh dần dần sập đổ hầu hết, chỉ còn lại khoảng 20 nhà, đa số tại huyện Đak Hà, rách nát xiêu vẹo, xin phép sửa chữa, xin đi xin lại nhưng chẳng bao giờ được hồi âm. Trong hoàn cảnh này giáo dân cần quy tụ để đọc kinh chung và bảo vệ đức tin cho nhau, nhưng không biết quy tụ ở đâu?

Những nơi còn nhà nguyện dù tồi tàn như chuồng ngựa thì tương đối không có vấn đề, giáo dân có quyền quy tụ. Những nơi nhà thờ đã sập hoàn toàn hoặc chưa có nhà nguyện, thì giáo dân tập họp tại nhà yao phu hay dưới gốc cây. Có nơi chính Quyền địa phương có phần dễ dãi, có

nơi cấm đoán. Nhiều làng ngày Chúa nhật dậy rất sớm từ ba giờ sáng tập họp đọc kinh để tránh con mắt dòm ngó. Có nơi phải xin phép hoặc cùng lắm thì chạy chọt như nhiều Yao Phu nói: "Cho họ một ghè rượu và một con gà thì họ nhậu thoải mái còn mình cũng thoải mái đọc kinh!"

Có làng tập họp đọc kinh "trái phép" bị phạt một trăm hoặc hai trăm ngàn, Ví dụ ở xã Ngọc Tụ. Tôi đã đến để can thiệp với Chính Quyền Xã nhưng giáo dân đã tự động góp tiền nộp phạt trước đó rồi.

Hoàn cảnh trên đây kéo dài đã từ mười mấy năm như thế. Có lúc được thông cảm phần nào nhưng chung quy vẫn gặp khó khăn mãi mãi. Nhất là phía bắc Kontum.

Những năm đầu tiên khi tôi lên làm Giám mục Chính Tòa, từ tháng 4 năm 1995, tôi bắt đầu ra quân.

Trước hết tôi đi thăm Giáo xứ Đak Wơk của cha Chương, cách Kontum quãng 20 cây số. Là cha xứ nhưng từ năm 1975, ngài cũng chưa bao giờ được đến dâng lễ. Một ngày Chúa nhật nọ tôi mời ngài cùng đi với tôi đến thăm làng. Để đến các làng Đak Wơk, Đak Yo, Hamong Kơtu thì phải qua Xã. Để tỏ thiện chí, ngài bảo tôi nên ghé thăm Xã. Tôi đoán biết sự việc không đi đến đâu nhưng cũng cố gắng làm vừa lòng ông bạn. Đúng như thế, vừa bước chân đến Xã, tuy ngày Chúa nhật nhưng cũng có vài ba người trực, chúng tôi bày tỏ nguyện vọng đi thăm giáo dân các làng nói trên thì câu trả lời đầu tiên là phải có giấy cấp trên. Tiếp đến họ điện thoại cho cấp trên và theo lời họ nói cấp trên cũng một câu trả lời như thế. Điện thoại reo liên tục.

Thế là chấm dứt. Dù có nài nỉ cũng vô ích. Chúng tôi ra về. Nhưng dù sao cũng tiếc, đã ra đến đây mà không tắm sông Pơkô thì uổng quá, vì các làng trên đây nằm dọc theo sông này. Xe rồ máy tôi còn ngoái cổ hỏi thêm một câu: "Này các anh, không đi thăm giáo dân nhưng chúng tôi đi tắm sông Pơkô gần đó cũng được chứ?"

"Tắm cũng không được, phải có phép cấp trên!!" Họ đáp.

Lên xe ra về, ai cũng vừa cười vừa nói "tắm mà không được thì nói gì đến chuyện đi làm lễ và giải tội cho giáo dân!!" Nếu phải xin phép thì mất mấy tuần mới được một cái phép! Mà chắc chắn là không bao giờ được. Đó là kết quả của cuộc ra quân đầu tiên của tôi về phía bắc Kontum.

Lần sau tôi đi dâng lễ tại Giáo xứ Phú Yên, một họ đạo với chục gia đình người Kinh nằm ngay bên lề quốc lộ 19 trước khi tới đèo Măng Yang cách xa Thành phố Pleiku 45 cây số.

Tại đây tập trung các làng dân tộc từ vùng sâu vùng xa đến. Dâng Thánh Lễ tại đây rất khó nhưng tiếp tục nhiều lần thì Chính Quyền cũng quen mắt. Giáo dân chỉ báo trước cho Xã biết là đủ. Nhà nguyện rách nát nhỏ hẹp, ngồi trong thì hai trăm, ngoài thì ba trăm, sát quốc lộ 19, bất chấp mưa gió và ồn ào, xe đò qua lại liên tục.

Sau dâng lễ, tôi cùng đi với ít người Kinh trong Ban Chức Việc vào các làng Kret - Krot, Kơdung... tất cả có sáu làng dân tộc Bahnar trong vùng này. Tôi vừa vào làng và lên một nhà anh em dân tộc thì Honda Xã chạy đuổi theo. Họ bảo tại sao đi vào làng dân tộc mà không có phép Xã. Tôi trả lời ngày Chúa nhật Xã đâu có làm việc mà xin phép.

Họ bảo: *"Đừng lợi dụng ngày Chúa nhật Xã không làm việc mà chạy lung tung!"*

Nói thế rồi tôi cứ đi thăm vài làng rồi về. Sau này thỉnh

thoảng ngày Chúa nhật tôi vẫn "chạy lung tung" các làng dân tộc, chẳng thấy ai nói gì. Trong vùng này có nhiều nhà thờ đã bị phá và giáo dân đã làm một cái am vừa đủ chỗ cho ảnh Thánh Giá và tượng Đức Mẹ. Ngày Chúa nhật giáo dân tập họp trước am và cầu nguyện. Cha Đinh Bạt Huỳnh lúc bấy giờ là Cha sở Phú Thọ kiêm các Sở vùng này có tập album những hình các loại "chuồng thờ" các làng trên đây.

Qua một ít sự việc trên chúng ta thấy tập họp đọc kinh chung, sửa chữa hoặc làm nhà thờ nhà nguyện cũng như đi thăm mục vụ là việc vô cùng khó khăn. Dù có thử xin phép và cùng với anh em Linh mục mở hết tài ngoại giao vẫn gặp phản ứng tiêu cực.

Những "chuồng thờ" trên này thật thảm thương. Dịp Cấm phòng năm vào năm 2000 tại Hà Nội, Hội Đồng Giám Mục đi thăm Chính Quyền Trung Ương, tôi đã trình bày trước mặt Thủ Tướng Phan Văn Khải và Hội Đồng Giám Mục tình hình tôn giáo khó khăn tại giáo phận Kontum, đi làm mục vụ cũng như sửa chữa các nhà thờ nhà nguyện. Khi trình bày sự việc, tôi xin lỗi Thủ Tướng hai lần vì nói lên một tiếng không được lịch sự lắm, nhưng vì phận sự phải nói lên sự thật phũ phàng. Thay vì nói nhà thờ, tôi đã nói "Chuồng thờ". Thế mà xin sửa chữa mãi cũng không được phép. Những "chuồng thờ" này đa số thuộc địa sở cha Chương và ngài có cả một tập Album.

Khi tôi trình bày vấn đề này thì ban thư ký của Thủ Tướng cũng như báo chí ghi chép và chụp hình quay phim lia lịa nhưng sau hết vẫn đâu vào đấy, không thấy kết quả gì.

Tiếp đến kỳ Hội Đồng Giám Mục năm sau, Đức Cha chủ tịch HĐGM có làm đơn khiếu nại lên Thủ tướng về vấn đề đi thăm mục vụ và hoàn cảnh các nhà thờ trong Giáo phận Kontum cũng như Giáo phận Hưng Hóa nhưng rồi vẫn thấy thinh lặng.

Trước kia có văn thư của Thủ tướng Võ Văn Kiệt và tiếp đến Nghị quyết 26 điều 15 (?) cho phép các Giám Mục được đi khắp nơi trong Giáo Phận cũng như cha sở trong giáo xứ của mình khỏi cần xin phép, nhưng địa phương vẫn đòi phải có giấy cấp trên! Có Xã sau khi đọc Nghị Quyết và giải thích cho tôi theo sự hiểu biết của họ thì Giám Mục chỉ được làm lễ trong Tòa giám Mục thôi!?

Tuy nhiên tôi vẫn đi vẫn dâng lễ và bị bắt làm biên bản đều đều: Đak Wơk, Đak Yo, Hamong Kơtu, Đak Mar, Xã anh hùng Đak Ui, Đak Rơtêng Klah Đak Rơchơt... tôi không bao giờ ký biên bản. Họ dọa nếu không ký thì phải ở lại ba ngày. Tôi bảo: "Ba ngày ít quá. Ở lại ba tháng thì càng tốt. " Họ không biết ăn nói sao nữa đành để tôi về. Thật sự tôi cũng trông cho được ở lại Xã để anh em Dân tộc qua lại được thấy tôi đang tìm cách đến thăm họ thì cũng là an ủi lắm rồi.

Các cán bộ Xã làm biên bản thường mất cả tiếng đồng hồ hoặc hơn. Thời gian đó vì mệt mỏi, tôi thường kê ghế và ngủ ngay trong Văn phòng Ủy Ban Xã. Thật sự trước đó tôi đã giải tội hàng mấy trăm người và dâng hai Thánh Lễ mà không mỏi mệt sao được. Có lúc tôi đi qua đi lại hành lang Xã để đọc kinh hoặc lần chuỗi.

Nói đến đây có người nhắc đến cha Hoàng Văn Quy ở nhà thờ Thăng Thiên trước kia lúc đi làm việc ở Công an Tỉnh lâu ngày ngài kê bàn kê ghế và ngủ ngon lành "dưới sự che chở của Công An. "

Khoảng năm 2000, tôi có gặp nhiều viên chức từ Trung Ương vào thăm, tôi đã trình bày sự việc nhưng chỉ là nước đổ lá môn! Họ không biết tình hình khó khăn tại Kontum hay làm bộ như không biết. Có lần tôi đã nói: "Các ngài tưởng chúng tôi thích Pháp thích Mỹ lắm sao mà còn nghi kị chúng tôi! Có lẽ các ngài thích họ hơn chúng tôi đấy. Mỹ hay Pháp chúng tôi quá biết rồi. Các ngài tưởng

chúng tôi muốn cho chế độ sụp đổ. Sự thật không phải như vậy. Nhưng nếu không đổi mới thì thật là đại hoạ cho Xã hội.

Có lần các ông cán bộ Trung Ương nói với tôi: *"Fulro đã dẹp xong rồi."* Ý họ muốn nói gì tôi không rõ.

Tôi trả lời: *"Dân tộc đâu có mang nhãn hiệu Fulro nơi áo, nhưng Fulro ở trong đầu họ chứ. Ai mà biết được. Họ bất mãn tức là Fulro chớ gì nữa"*

Có lần tôi nói: *"Nhà Nước còn phân biệt đối xử với anh chị em Dân tộc quá."*

Họ trả lời: *"Sao cụ dám nói vậy."*

Tôi trả lời: *"Đối với người Kinh chỗ này hay chỗ khác xin làm nhà thờ, mặc dù còn hạn chế nhưng Nhà Nước cấp giấy phép cho xây 500 hay 700m² hoặc lớn hơn tùy theo nhu cầu... nhưng anh em Dân tộc ngay trong Thị xã Kontum chúng tôi nài nỉ mấy năm trời để được cái phép làm nhà thờ, sau hết giấy phép cấp 100m² dù giáo dân có tới hàng ngàn người. Tôi xin lấy xe hơi của tôi để đưa ông đi xem ngay trong Thị xã Kontum. cách đây hai cây số. Nhà thờ làng Kon Mơnei Kơtu 850 người, chính Quyền Kontum chỉ cho 100 m²!! 300 ngồi ở trong, 500 ngồi ở ngoài! Tình người ở đâu? Đấy là chưa nói đến tự do tôn giáo!"*

Nhà tạm xứ Kon Xơmluh

Có lần anh chị em Dân tộc nói với tôi giọng mỉa mai: *"Thưa Đức Cha, Đức Cha không biết à, chúng con là Thượng mà, dân tộc mà, ai cho làm nhà thờ lớn!!"* Chính anh chị em Dân tộc đã nói lên lời đó thì hiểu thế nào nếu không phải là phân biệt đối xử?

"Kính thưa ông, tôi phải trả lời làm sao với anh chị em Dân tộc của tôi? Đấy chỉ là vài ví dụ cụ thể."

Nhà thờ Long Loi

Đấy không phải là chuyện chỉ xảy ra năm 1975, nhưng là chuyện đang xảy ra năm 2000 mà ngay cả năm 2002, 2003. Cụ thể nhà thờ Long Loi, Huyện Đak Hà, thời Đức Cha Hoàng Đức Oanh mới nhậm chức. Giáo dân Long Loi năm sáu trăm nhưng nhà thờ chỉ được phép xây cất với 100m^2. Vì 100m^2 thì mở cửa chạm đến đất Nhà Nước nên cán bộ buộc phải thu hẹp lại còn quãng 70m^2. Nhà thờ 70m^2, bàn thờ cung thánh chiếm 4m^2 rồi, còn sáu trăm giáo dân ngồi ở đâu?

Có lần tôi đi thăm nhà thờ này vào một buổi trưa nắng đẹp, bầu trời quang đãng, cảnh rừng núi mênh mông bát ngát, làng mạc trải rộng trước mắt, tự nhiên tôi suy nghĩ tại sao giữa vùng đất bao la ngút ngàn cha ông họ để lại mà hôm nay con cháu họ xin thêm ít tấc đất để xây nhà thờ rộng lớn hơn chút cũng không được phép? Tôi không hiểu nổi. Tình người ở đâu? Quyền hạn người công dân ở đâu? Tôi thấy xúc động vô cùng. Vô tình các cán bộ bôi nhọ Nhà Nước! Cũng như nhà thờ Kon Mơnei Kơtu trong Thị xã Kontum, 100 m^2 cho 850 giáo dân! Anh chị em dân tộc càng bức xúc hơn nữa vì nói đến nhà thờ là nói đến nơi thờ phượng Thiên Chúa Đấng tối cao, nơi thánh thiêng, nơi hun đúc Đức tin của họ. Đức tin đối với họ là của quý báu hơn hết mọi sự trên đời.

Có lần tôi nghe một người giáo dân thuật lại rằng khi nói đến cán bộ khó dễ với tôn giáo hay cán bộ cấm đạo, thì ông ta hét lên đòi bỏ tù.

Người giáo dân đó mới nói:

"Tôi không biết dùng tiếng nào để diễn tả cho đúng thái đô của cán bộ đối với tôn giáo, nói cán bộ khó dễ với tôn giáo thì ông không chấp nhận, nói cán bộ hạn chế tôn giáo cũng không được, nói cán bộ cấm đạo thì ông nổi giận sùng sục"...!

Ngày Đức Cha Micae Hoàng Đức Oanh khánh thành nhà thờ Long Loi, có một ít người ở Tp. Hồ Chí Minh cùng đến dự, ai cũng ngẩn cả người! Thật đúng đây là "Vương Cung Thánh Đường Miền Núi", họ nói.

Giải tội

Mỗi tháng tôi cố gắng dành cho anh chị em vùng sâu vùng xa vài ba ngày Chúa nhật vì ngày thường họ đi làm rẫy. Vả lại họ cần sự hiện diện nâng đỡ của Giám Mục hơn người Kinh - Thượng ở Thị xã. Sáng sớm khoảng 4 giờ sau khi lót lòng, thường là mì ăn liền, tôi lên xe. Đến làng trời vẫn còn tối và Công An lúc đó còn ngủ, mặc dù không báo trước nhưng giáo dân một số khá đông đã có mặt vì là ngày Chúa nhật. Tôi giải tội xong thì dâng Thánh Lễ. Nếu có cha nào theo thì giải tội trong xó. Còn tôi thì ngồi giữa nhà thờ chịu trận. Đang giải tội, có lúc họ mời ra nhưng tôi bảo xin đợi vì đang giải tội. Giải tội xong họ mời gặp, tôi bảo còn phải dâng lễ nữa, xin đợi. Sau lễ, họ tiếp tục gọi. Tôi bảo tôi cần phải nhắn nhủ vài lời với giáo dân.

Các bài giảng thường bắt đầu bằng câu: "Bă Yang băt kơ iem. Mă nhôn duh băt kơ iem jat. Chúa thương anh chị em, chúng tôi cũng mến thương anh chị em lắm lắm! Mặc dù anh chị em gặp hoàn cảnh khó khăn nhưng Chúa vẫn thương ban Thánh Lễ để

thêm sức mạnh cho anh chị em. . . "

Sau dâng Thánh Lễ bao giờ cũng có chuyện như tôi thuật trên đây nghĩa là được mời về Xã và làm biên bản hoặc bị hăm dọa ở lại ít ngày. Nếu không bị đem về Xã thì tôi bình tĩnh và lịch sự giải thích ít lời về chủ trương đường lối và chánh sách Nhà Nước, dựa theo Văn thư của thủ Tướng Võ Văn Kiệt hoặc Nghị Quyết 26 điều 15. Thấy tôi cương quyết thì nhiều nơi cũng dễ dàng với tôi. Họ làm biên bản cả tiếng đồng hồ mà tôi không bao giờ ký.

Hết làng này tôi qua làng khác để dâng một thánh Lễ nữa. Nhưng sức lực tôi có hạn. Số nhà thờ trong các làng đếm đốt ngón tay vỏn vẹn từ 15 đến 20 và chỉ trong Huyện Đak Hà thôi. Thường sau lễ thứ hai, tôi đi thăm một làng khác và giải tội, nơi mà tôi không thể dâng thánh lễ vì không có nhà nguyện. Giải tội lúc ở nhà trên, lúc ở nhà bếp, lúc ở gốc cây, lúc trên đường đi từ nhà này sang nhà khác. . . Tránh ngồi ghế tại chỗ vì sợ dân chúng quy tụ quá đông, sẽ có chuyện.

Trước đây có lần các Linh mục lén đến giải tội một Xứ nọ về phía Xơđang, họ bị bắt và làm biên bản. Những ai đi xưng tội thì phải bị phạt mỗi người 10 ngàn. Nhiều giáo dân tự động vui vẻ đem số tiền phạt cho Công An. Bị anh em la mắng nhưng họ bảo chỉ đi xưng tội mà bị phạt 10 ngàn đồng vẫn còn rẻ hơn là về Kontum có khi mất những 50, 70 ngàn tiền xe thì sao?

Có lúc đi thăm và bị công an theo dõi, xe tôi đi trước, Honda Xã theo sau, tôi không dám vô nhà sợ gây phiền hà cho giáo dân tội nghiệp. Xe tôi đi chậm rãi vừa đi vừa nhìn vào các gia đình mục đích để giáo dân biết rằng có vị chủ chăn còn nhớ đến họ, chứ không phải họ hoàn toàn bị bỏ rơi đâu.

Khoảng năm 1995 - 1997 làng Plei Xơmei và các làng phụ cận tự động sửa nhà thờ. Đây chỉ là nhà thờ tranh thôi. Che thêm ít tấm tranh. Sửa chữa vài chỗ dột. . . thế là nhà bị dỡ và đem về

Xã, cả ảnh tượng cả các vật dụng trong nhà thờ cũng vậy. Nghe tin đó tôi đến thăm nhà thờ Plei Xơmei. Tôi quỳ ngay trên nền nhà thờ cầu nguyện. Cả làng ở trong nhà ngó ra. Tôi không vô sợ khó khăn cho họ mà họ cũng ngại đến với tôi. Lúc ra khỏi làng vài cây số, một cậu thanh niên đang đánh banh thấy xe tôi liền chạy ra chận lại.

Tôi hỏi : *"Anh là ai mà chận xe tôi giữa rừng như thế này?"*

Anh trả lời: *"Tôi là công an biên phòng."*

Tôi nói: *"Một người không mang sắc phục công an mà chận xe tôi à."*

Anh ta vội vàng chạy vào bận y phục công an, vừa cài nút vừa mời tôi vào làm biên bản. Trong biên bản khởi đầu bằng tiếng "bắt được quả tang".

Tôi không hiểu bắt được quả tang chuyện gì. Đi thăm giáo dân, thăm nhà thờ là chuyện bình thường của Giám Mục, có gì phạm pháp đâu mà bắt được quả tang. . . Sau khoảng hơn một tiếng đồng hồ làm biên bản "quả tang", tôi không chịu ký. Tôi phải ở lại Xã năm sáu tiếng đồng hồ. Sau hết họ đưa tôi về huyện Măng Yang. Ông Trưởng Công An Huyện gặp tôi nửa phút tại ngưỡng cửa và chỉ nói mấy tiếng: "Xin lỗi, cấp dưới không biết luật."

Trời vừa tối. Tôi ra về. Mất một ngày vì biên bản "quả tang".

Lần sau tôi tiếp tục đi thăm các làng cũng thuộc vùng đó. Tôi để xe hơi đầu làng và ghé thăm một chú Yao Phu, lúc ra khỏi nhà để lên xe thì tôi thấy có chiếc Honda đậu chận xe tôi, một cậu thanh niên có lẽ công an đến lịch sự hỏi tôi:

"Xin lỗi có phải xe của Đức Cha Chung không?"

Tôi gật đầu và anh để tôi đi. Tôi đoán Ban Tôn Giáo Pleiku đã can thiệp để tôi được đi thăm mục vụ.

Lễ tấn phong Giám mục Đức Cha Micae

Nhà Thờ KONTRANG MƠNÂY
Xã Đak La, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

Nhà Thờ KONTRANG KƠLA
Xã Đakla, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

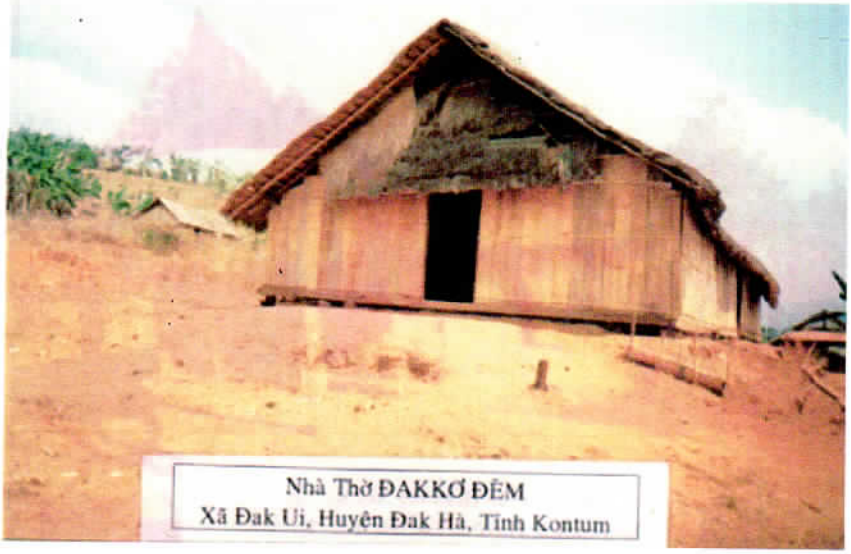

Nhà Thờ ĐAKKƠ ĐÊM
Xã Đak Ui, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

Nhà Thờ KONTRANG KÊP
Xã Đakla, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

Nhà Thờ ĐAKRƠTÊNG KLAH
Xã Đak La, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

Nhà Thờ ĐAK YO
Xã Hamong, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

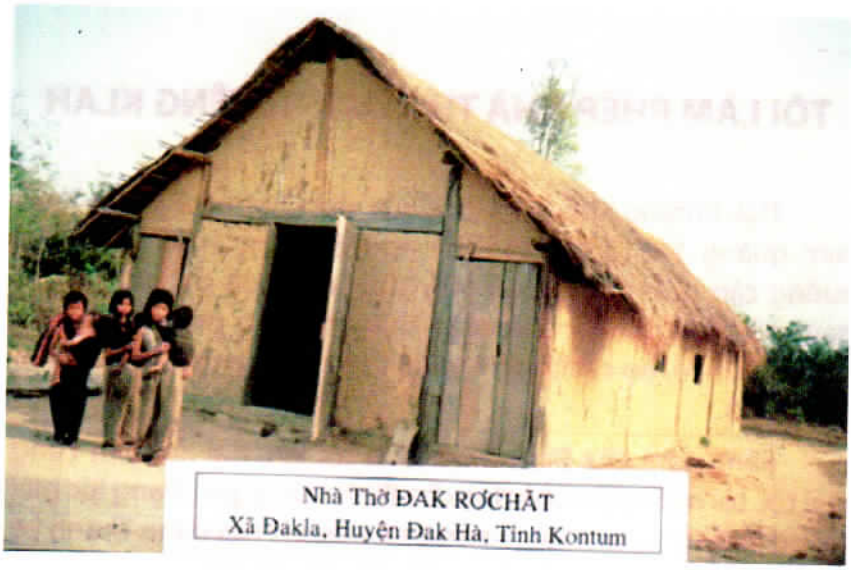

Nhà Thờ ĐAK RƠCHĂT
Xã Đakla, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

Nhà Thờ HAMONG KƠTU
Xã Hamong, Huyện Đak Hà, Tỉnh Kontum

TÔI LÀM PHÉP NHÀ THỜ ĐAK RƠTÊNG KLAH

Đak Rơtêng Klah là Họ đạo của cha Chương, cách xa Kontum quãng 11, 12 cây số. Nhà nguyện bằng tranh vách đất xuống cấp trầm trọng. Sau mấy chục năm xin sửa chữa, hôm nay mới được phép. Giáo dân thật vô cùng phấn khởi. Sau nhiều tuần lễ, họ cắt tranh lợp lại toàn bộ. Họ mời tôi lên làm phép nhà.

Sáng sớm cha Binh lái xe đưa tôi lên. Hai anh em cùng giải tội, tôi ngồi giữa nhà thờ, cha Binh trong góc. Đang lúc giải tội họ mời tôi ra làm việc nhưng tôi bảo xin đợi dâng Thánh Lễ xong. Sau lễ, tôi ra trước nhà thờ thì thấy bốn năm ông công an Xã ngồi đợi và mời tôi về Xã làm việc. Tôi không hiểu làm việc gì vì tôi là Giám mục đã dâng lễ đây nhiều lần. Theo Nghị quyết 26 điều 15, Giám mục có quyền đi trong giáo phận. Họ vẫn cương quyết bảo tôi phải lên Xã, tôi vẫn cương quyết không lên. Họ đập bàn hăm dọa, tôi vẫn một mực từ chối. Bầu khí căng thẳng. Đang lúc hàng trăm giáo dân vây quanh tôi, có một bà trong nhóm mời một ông công an ra nói chuyện.

Bà ta nói: *"Giám mục chúng tôi đến đây dâng Thánh Lễ thường xuyên, tại sao mấy ông làm khó dễ?"*

Vẫn căng thẳng. Họ cương quyết bảo tôi phải lên Xã. Tôi vẫn cương quyết từ chối và nói: *"Tôi sẽ tiếp tục đi thăm các Họ đạo khác chứ không lên Xã. Nếu các ông muốn bắn tôi thì cứ bắn chứ đừng bắn tài xế".*

Dần dần họ rút lui ra góc vườn và bàn tính với nhau. Tôi lên xe bình tĩnh ra đi. Thấy xe tôi đi, họ không động tĩnh gì. Trong đời làm Giám Mục chính tòa, tôi đã đi thăm mục vụ mấy chục lần và đây là chuyến thăm sau hết, cuối năm 2003.

Đây là thời gian Đức Cha Micae Oanh bắt đầu làm việc.

Hội đồng giám mục Pháp thăm GP. Kontum

Tôi ý thức thái độ tôi có lẽ quá cứng rắn. Nhưng tôi vẫn ý thức làm một việc mà Luật Pháp cho phép, nếu không cứng rắn thì thì giáo dân không bao giờ gặp được Linh mục đồng thời việc đi lại để ban các Phép Bí Tích cũng bị dẹp luôn. Họ muốn đạo ai nấy giữ không cần đến Linh mục.

Những nơi, những giáo phận không có đồng bào dân tộc thiểu số và không gặp khó khăn kéo dài 30 năm nay như trên Tây Nguyên này, có một người nọ nói: Tại sao không luồn lách, không nhẹ nhàng xin phép, không biết ngoại giao hay có nhiều cách khác... để cho có sự dễ dàng hơn chút.

Những cách làm như thế không xứng đáng con người cương trực và còn làm hư hỏng cán bộ vì Chánh sách Nhà Nước đã cho phép. Còn báo cáo hay cùng lắm xin phép, thì cũng đã có đầy đủ, nhưng vô ích. Tôi nghĩ bụng phải chấp nhận thôi vì đây là chế độ xã hội chủ nghĩa. Pháp luật cho phép nhưng để cấp dưới ngăn cấm hoặc cho phép tuỳ ý (?)

Lần nọ có một vị giám mục từ miền bắc được mời vào thăm Kontum và thuyết trình về vấn đề tu đức cho một số tu - sĩ. Ngài tỏ ý muốn đi thăm một vài làng Dân tộc. Mặc dù có người bàn ra nhưng dường như ngài không tin. Sau khi đi được chặng đường thì Công An biết được. Đến làng Đak Rơchơt cách Kontum quãng 10 cây số, ngài bị rượt chạy và đi thẳng một hơi, không kịp quay về lại Toà Giám Mục!!

Có lúc tôi, có lúc cha quản lý đã báo cáo Ban Tôn giáo ıay sở Công an và nhờ các cơ quan này báo lại có Giám mục đi :hăm giáo dân trong Huyện. Chính quyền cấp trên muốn như :hế. Nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Điều này làm tôi ngạc nhiên: Có Xã bảo nếu Trung Ương hay Tỉnh cho phép thì về Trung ương về Tỉnh mà làm lễ.

Tôi hơi lấy làm lạ về cái cử chỉ ngạo mạn của các cán bộ với Chính quyền cấp trên. Có lần tôi dám chỉ mặt các cán bộ Xã và nói thẳng thừng cho họ biết:

"Các ông là cấp dưới mà có thái độ khinh khi, ăn nói thiếu lịch sự với Chính Quyền cấp trên của các ông như thế, thật là gương xấu cho người dân. Các ông khinh dể Chính Quyền cấp trên như thế làm sao dạy chúng tôi vâng lời Chính Quyền? "

Những khó khăn này có lần tôi đã trình bày với Sở công an Tỉnh, thì họ bảo chính họ đến mà không giấy thì cũng gặp khó khăn như thế, mặc dù họ biết là công an Tỉnh?? Tôi không rõ đây là câu nói để an ủi tôi hay là có thật như vậy. Tôi biết rõ nếu cứ đến Xã trình báo hoặc xin phép thì đến tận thế cũng không bao giờ có thể thăm anh chị em giáo dân.

Các ngày Tết anh em Linh mục chúng tôi đã đi thăm và chúc mừng năm mới các Huyện. Có chỗ các nhân viên Huyện tiếp đón vui vẻ, có chỗ Huyện sai một người ra chào thăm và nói đôi lời lạt lẽo qua loa.

Thực sự cho đến bây giờ tôi cũng không bao giờ hiểu nổi tại sao các cán bộ gây khó khăn với các giám mục Linh mục khi làm mục vụ như thế? Hay là những khó khăn trên đây chỉ có một mục đích như vài người nói : họ không muốn giám mục Linh mục có ảnh hưởng trên giáo dân? Linh mục đánh một tiếng trống thì cả làng ồ ạt kéo nhau đi lễ. Từ đó có sự ghen tức? Không lý nhỏ nhen đến mức độ đó, vì đây không phải chuyện

cá nhân của giám mục hay Linh mục mà là vấn đề tôn giáo, vấn đề Chính sách tự do Tôn giáo của Nhà Nước. Mỗi lần có bóng dáng giám mục hay Linh mục đến trong làng thì chỉ mấy phút sau đã thấy Công An đến hỏi giấy mặc dù họ đã quá quen mặt rồi.

Tôi sực nhớ một dạo nọ trên đường về Thành Phố, tình cờ khi đi ngang qua dãy đồi trải dài hàng mấy cây số thuộc Tỉnh Đak Lak, không ai bảo ai tự nhiên có một vị Linh mục chỉ cho thấy đây là vùng mà có lần các cán bộ muốn xoá trắng tôn giáo, nghĩa là họ cương quyết không cho một tôn giáo nào lọt vào đây. Thế nhưng, vị Linh mục nói tiếp, bây giờ vẫn có nhiều làng có đạo.

Trên Kontum, cách này hay cách khác tôi có cảm tưởng nhiều cán bộ cũng có ý nghĩ như thế.

Tôi nghĩ rằng cứ mạnh dạn mở ra con đường mới để đi rồi sẽ thành thông lệ. Khi nghĩ đến đoàn chiên hơn 30 năm nay bị lạc loài vì không được thăm viếng, thì bao nhiêu khó khăn cũng chẳng thấm vào đâu. Tôi sẵn sàng chấp nhận.

Mỗi lần tôi vào làng, không thể mô tả niềm vui sướng của họ, có những ông già bà già ôm lấy tôi như muốn khóc. Tôi nhận thấy sự hiện diện của chủ chăn nâng cao tinh thần họ và đem lại sức mạnh để vượt những khó khăn vì Đức tin. Riêng tôi rất cảm động về hạnh phúc Chúa thương ban cho những con người nhỏ bé và tự nhiên nhớ lại Lời Chúa Giêsu : "Đừng sợ, hỡi đàn chiên nhỏ bé, vì Cha các ngươi đã thương ban Nước của Người cho các ngươi"(Lc12, 32)

Nhiều lần bằng cách này hay cách khác, tôi đã nói với Chính Quyền các cấp ngay cả Trung Ương đến thăm tôi: "Nếu giáo dân của tôi có ai lìa xa đức tin công giáo để gia nhập vào một môn phái hay theo một tôn giáo nào khác, thì lỗi đó một

phần lớn phải quy cho Chính Quyền, vì Chính Quyền không cho phép làm nhà thờ để đọc kinh cầu nguyện hoặc đã cấm ngăn hoặc làm khó dễ với các vị chủ chăn đến dâng lễ và giảng dạy cho họ."

Một ví dụ cụ thể. Cái mà người ta gọi là "vụ Đức Mẹ hiện ra cho bà Gin ở Hà - Mòong Kơtu. "Đây là mộng mị của một người đàn bà Rơngao nguyên trước kia là phù thuỷ đã trở lại công giáo, lòng tin còn non kém, giàu óc tưởng tượng lại thêm háo danh háo lợi hiện giờ lan rộng khắp nơi đã làm cho một số người say mê chạy theo. Bà bảo chi thì họ làm nấy, không cần thờ Chúa, chỉ thờ Đức Mẹ của bà là đủ, bất chấp lời khuyên răn can gián của Giáo hội. Sự việc đã và đang gây xáo trộn khắp nơi cho đến nhiều tỉnh vùng Tây nguyên, nhất là phía Buôn Ma Thuột đến độ Chính Quyền ra lệnh truy nã.

Nếu Chính Quyền để cho giám mục, Linh mục được tự do đi lại dâng lễ giảng dạy thì đâu có những câu chuyện quái gở này. Cha Chương là cha sở của họ đạo này và chính tôi đã có lần đến khuyên bà nhưng bị chận ngay trên đường đi như tôi thuật lại trên đây.

Nếu muốn mô tả tất cả những khó khăn về tôn giáo cách tỉ mỉ trong các làng các xã thì cả một quyển sách dày cộp cũng không rồi. Nhưng trong lịch sử giáo hội tôi nhận định rằng càng gặp khó khăn thì tinh thần giáo dân càng lên cao.

Để kết thúc những cái khó khăn về tôn giáo trên đây, tôi nhớ đến câu chuyện thương tâm của một vị Thượng Tọa phía Pleiku nhân ngày Đại Hội Tỉnh Gia Lai - Kontum sau Biến Cố 1975.

Cuộc họp mặt lớn gồm các đại biểu Chính Quyền Tỉnh Thị Huyện Xã và đầy đủ thành phần đại biểu các Tôn giáo trong Tỉnh, lúc bấy giờ hai tỉnh còn là một. Được mời phát biểu, vị

Thượng Tọa đứng lên nói:

"Tôi không biết nói gì bây giờ. Sư cụ thầy của tôi ở Bình Định liệt nặng gần chết, tôi đã xin phép về thăm ngài lần cuối cùng nhưng nài nỉ Chính Quyền mãi ba bốn lần liên tiếp cũng không cho. Tôi không biết làm gì bây giờ, tôi chỉ muốn chết thôi. Nhưng chết thì uổng quá không còn được thấy độc lập tự do hạnh phúc!!"

Trong hội trường mọi người như nín thở nhìn nhau và buổi họp dừng lại trong thinh lặng nặng nề kéo dài một hồi rất lâu. Ông chủ tịch Mặt Trận Tĩnh chủ tọa cuộc họp ngẩn cả người và lúng túng không biết trả lời làm sao hay nói một lời gì để phá tan cái thinh lặng chết chóc này.

Thời đại cởi mở hôm nay - hay nói đúng, hé mở hơn chút - không ai muốn tạo một bầu khí thinh lặng ngột ngạt khó xử như trên. Dù theo lý tưởng hay tôn giáo khác nhau, việc trước tiên trong một xã hội văn minh là phải cư xử với nhau cho có tình người và biết tôn trọng hạnh phúc của nhau. Ước mong Chính Quyền biết lắng nghe tiếng nói của người có tôn giáo, đặc biệt của anh chị em miền núi. Chính họ mới là những con người đáng thương, đã có lần họ than thở với tôi:

"Thưa cha, chúng con làm ăn thật vất vả quá sức tưởng tượng, bữa có bữa không, chỉ còn có chút hạnh phúc theo Chúa, nhưng cái hạnh phúc linh thiêng này dường như cũng bị cướp mất! Có đạo mình mới vui mới làm việc được chứ."

Nhân dịp mừng 50 năm Linh mục (1955 - 2005), tôi có ngỏ ý với một già làng PleiKơbey mong được dâng Lễ Tạ Ơn tại làng của họ, nơi mà cách đây 50 năm tôi đã là cha xứ, nếu không được phép dâng lễ vì không có nhà thờ thì ít nữa đãi họ con bò hay con heo với ít ghè rượu cũng được. Tôi không tha thiết gì vấn đề ăn uống, nhưng chỉ để tỏ lòng mến thương họ vì trước kia tôi đã sống chung với họ trong giai đoạn cực kỳ nguy hiểm,

thời kỳ hai Linh mục bị giết: cha Hoàng ngọc Minh 1960, cha Bonnet 1961 và chính tôi cũng ở trong hoàn cảnh có thể xảy ra như thế. Thời gian đó, Đức Giám Mục bổ nhiệm tôi làm Giám Đốc Chủng Viện Thừa Sai Đà Lạt. Lúc từ giả, họ đã tự động làm một con bò và mười con heo để tiễn biệt tôi nhưng vì lệnh Bề trên tôi vội vả lấy máy bay đi ngay, chưa kịp nói gì với họ. Họ vừa mếu máo vừa nói vài lời từ giã. Hôm nay khi nghe tin tôi ước ao đến dâng Thánh Lễ, họ rất xúc động và vui sướng, vui sướng vì cha con gặp lại nhau sau 50 năm. Người đại diện trong làng có trình bày với Huyện Sa Thầy thì Huyện bảo "đã 50 năm lâu lắc lâu lơ mà còn mừng gì nữa!" tuy nhiên họ bảo cứ làm đơn. Sau đó đã có lá đơn xin mừng 50 năm Linh mục thì họ trả lời "Mừng tuổi thọ thì ở đâu lại không được cần gì phải ở Kobey. "

Thật ông nói gà bà nói vịt, không hiểu gì về tôn giáo. Một cán bộ mà không có sự hiểu biết tối thiểu về tôn giáo thì làm sao đối xử với người có đạo cho đúng tư cách con người của Chính Quyền? làm sao có thể cai trị dân cho ổn?

Dường như Bề Trên Giáo Phận có ý kiến với cấp trên trong Tỉnh thì Tỉnh cũng một giọng điệu như Huyện.

Khi ghi lại câu chuyện này, ai cũng đoán tôi sẽ phản ứng như vị Hòa Thượng đáng kính trên đây.

Không. Không. Hai thời buổi khác nhau, có những cảm nghĩ khác nhau. Phải xây dựng Nhà Nước thì tốt hơn là dỗi hờn. Nhà Nước đã lặp đi lặp lại ba mươi năm nay trong các cuộc hội họp: "Nhân dân phải yêu Chủ nghĩa xã hội"

Tôi nghĩ Chủ Nghĩa Xã hội đây là chú rể muốn được lòng cô dâu thì cần phải sửa mình, phải đổi mới, phải sửa sắc đẹp, phải có những đức tính cao thượng đáng yêu đáng mến chứ xấu như ma thì cô dâu nào dám bén mảng, còn nói chi đến chuyện yêu nhau. Tình yêu có bao giờ mà ép được!!

Tôi nghĩ nếu như một cán bộ có sự hiểu biết khoáng đạt hơn, thanh thoát hơn, có lòng yêu nước yêu Chủ nghĩa Xã hội thật sự thì sẽ nói được ít câu tương tự như thế này mỗi khi có giám mục hoặc Linh mục tỏ ý muốn đi dâng lễ trong các làng dân tộc:

"Chúng tôi xin mời, thiết tha mời các vị cứ đến dâng lễ vì Trung ương đã đồng ý, không cần gì phải báo phải xin phép, trong một nước độc lập tự do hạnh phúc, đã có Chính sách tôn giáo minh bạch mà còn dùng hai tiếng xin phép thì nó quê mùa làm sao ấy, làm cho ai cũng thẹn và khinh dễ cán bộ là những người đầy tớ phục vụ nhân dân như lời Bác dạy, chúng tôi chỉ xin các ngài cố gắng khi gặp gỡ giáo dân nên nói vài lời khuyên họ sống đẹp hơn, bớt uống rượu và chuyên cần làm ăn .... để xây dựng Chủ Nghĩa xã hội ngày càng giàu đẹp càng văn minh.... Chúng tôi vẫn biết các ngài thường dạy con chiên của các ngài như thế nhưng chúng tôi xin các ngài càng nhấn mạnh hơn nữa."

Trời đất ơi! biết bao giờ chúng ta sẽ được nghe những lời vàng ngọc thốt ra từ miệng một cán bộ như thế.

Thời gian trước đây tại Pleiku sau năm 1975, tôi cùng với anh em Linh mục được đi học tập phải sống tốt sống đẹp xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa để tiến lên Chủ Nghĩa Xã hội. Học trò thì thuộc lòng bài học, còn ông thầy nay biến đâu mất không thấy nữa hay là đã biến chất rồi??

MỪNG NĂM MƯƠI NĂM LINH MỤC TẠI KƠBEY

Xin dâng Lễ mừng năm mươi năm không được phép. Việc tập trung dân làng để ăn trâu uống rượu cũng không được. Sau hết dân làng đã chọn ngày mồng hai Tết Bính Tuất (nhằm ngày 30 tháng 2 năm 2006), ngày truyền thống dân tộc Việt Nam không có vấn đề phép tắc gì, họ mời tôi lên thăm mừng tuổi nhau và dùng cơm trưa với họ.

Mừng kim khánh linh mục tại nhà thờ Măng La

Niềm vui lớn cho anh chị em Kơbey và các làng mà tôi đã phục vụ trước kia. Có cha Trường - cha sở Măng La, cha Tis ở Pháp mới về cũng đến dự bữa ăn trưa. Tôi đưa tiền cho ông Ngiu mua một con trâu 13 triệu. Đêm trước đó trâu đã được xẻ thịt và chia cho từng gia đình. Bữa ăn trưa rất đơn sơ, quá đơn sơ, trải chiếu ngồi đất gồm quãng ba mươi người đa số các bậc tai mắt trong các làng, còn dân chúng thì không thấy bao nhiêu vì có người nói họ sợ không dám tập trung. Sau đó có vài ba ghè rượu. Dân làng nói đáng lẽ có mấy trăm ghè cho hàng ngàn người để chia vui với tôi trong dịp mừng 50 năm hiếm có, nhưng chỉ được phép bấy nhiêu thôi. Các lão ông lão bà ngồi xúm xít bên tôi sung sướng thuật lại những câu chuyện xa xưa lúc tôi còn ở Kơbey.

Có hai cán bộ cũng đến dự, cùng dùng cơm với chúng

tôi. Trước bữa ăn, họ đứng lên có vài lời chúc mừng lạt như nước ốc và cầu mong đừng có gì bất lợi xảy ra!

Tôi nghĩ anh chị em bà con chỉ chúc Tết nhau chứ có gì bất lợi xảy ra đâu. Thật cái bệnh nghi kỵ và sợ sệt kinh niên của các ông cán bộ làm cho giáo dân không thoải mái chút nào.

Bữa ăn trưa mừng 50 năm linh mục tại Kơbey

Năm nay Đức Cha Micae mời tôi dâng Thánh Lễ Noel cho Địa sở Ngọc Hồi. Còn ngài thì dâng Lễ cho Kon Hơring.

Lễ tại Ngọc Hồi 8 giờ tối và 6 giờ 30 sáng, mỗi lễ quãng 4 ngàn người tham dự. Bầu khí Thánh lễ thật nghiêm trang sốt sắng, cả lương giáo, cả Thượng lẫn Kinh từ các vùng xung quanh nhất là Tân Cảnh, Đak Tô và có cả nhân viên trong Chính Quyền cũng có mặt nữa.

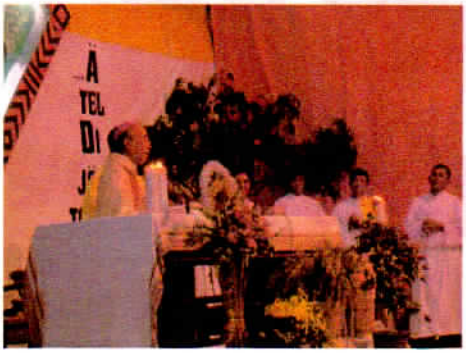

Thánh lễ Noel tại Đak Mot
đêm 24/12/2007

Sau bài giảng tiếng Xơdang, tôi có ít lời gợi lại nội dung chính bằng tiếng Kinh:

"Em Bé Bêlem ơi ! Em là ai mà đêm nay khắp thế giới, nơi hang cùng ngõ hẻm hay ở rừng núi xa xăm cũng vang dậy tiếng hát mừng Em, Em là ai?

"Em là ai mà từ hai ng-

hìn năm nay muôn muôn triệu triệu người đành bỏ tất cả ngay cả mạng sống để chạy theo Em, Em là ai?"...

Lễ Noel trên đồi giữa cảnh rừng núi heo hút với hàng ngàn người tham dự, đằng xa là dãy núi Krêng và Charlie, nơi đã xảy ra những cuộc chiến ác liệt trước đây.

Với anh em ban chức việc địa sở Dak Mot

Mộ của Đức Cha Gioan Sion Khâm, nguyên chính xứ Cồn Dầu từ năm 1920-1922.
(Hình chụp tại Pháp dịp tôi đi viếng Tòa Thánh năm 1996)

Paris năm 2002

Cha Espie (Cố Mỹ) , nguyên chính xứ Cồn Dầu.
Hình chụp tại Paris Pháp, dịp tôi đi viếng Tòa Thánh năm 2002

Chụp cùng cha Lange và cha Léonie

Gặp Đức Thánh Cha Gioan-Phaolo II dịp Ad Limina 2002

Đức Hồng Y Sepe

Đưa cha Vương Đình Tài thăm núi Sơn Trà - Đà Nẵng

Cùng ĐGM Gp Tulsa tại nhà xứ cha Tâm
Tulsa - OK 16/08/2008

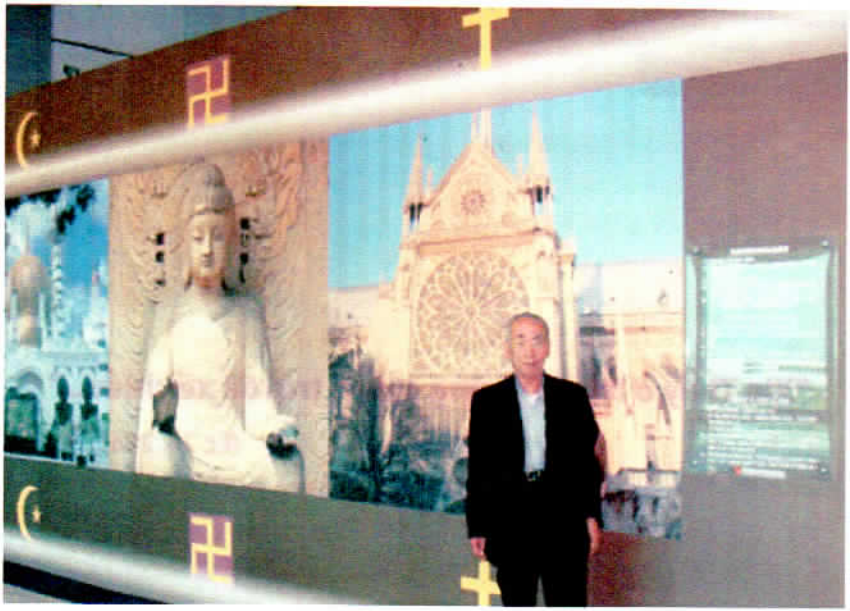

Tại sân bay Quốc Tế Taipa, Taiwan 22/08/2008

"Xin Thầy ở lại với chúng con vì trời đã xế chiều..."

(Lc 24, 29a)

GIỜ SẮP RA ĐI!

Tôi năm nay sắp tròn tuổi 83. Bình thường là tuổi ra đi.

Chúa đòi hỏi tôi luôn luôn sẵn sàng, tâm hồn ngày càng phải trong sáng, thanh thản nhẹ nhàng, tình thương đối với Chúa với anh em ngày càng phải thắm thiết đậm đà hơn.

Tôi nhờ Mẹ Maria hướng dẫn tôi trong giai đoạn cực kỳ nguy hiểm này, vì tôi cảm thấy bé nhỏ, hèn yếu, tội lỗi ...

Ngày ra đi càng gần thì quỷ dữ càng áp đảo nặng nề với những trận giao tranh quyết liệt cuối cùng! Nó muốn cướp giựt tôi khỏi tay Chúa và Đức Mẹ! Nhưng Đức Maria là cái roi, là nỗi kinh hoàng của Hoả ngục. Tôi giao phó tất cả cho Mẹ. Mọi sự nhờ Mẹ.

Từ Toà Giám mục, thỉnh thoảng tôi về nhà cháu Tứ - Dung tại Pleiku để nghỉ ngơi vài ngày.

Phía sau nhà cháu là trường mẫu giáo. Mỗi sáng từ phòng khách, có lần tôi để ý nhìn các bà mẹ đến gởi con. Đây là những hình ảnh rất đơn sơ diễn ra hằng ngày nhưng đối với tôi thật tuyệt vời vì nó gợi lên một cảm kích sâu xa.

Trước khi giao con cho cô giáo, bà mẹ âu yếm hôn con, có bà hôn đi hôn lại nhiều lần và nói nhỏ vào tai con để dặn dò. Dặn đi rồi dặn lại. Rồi sửa tóc tai cho con. Nhiều bà nhìn theo chờ con đi khuất bóng rồi mới lên xe về.

Các bà mẹ dặn con những gì?

Ai mà biết cho hết những tâm tình của các bà: nào là "Chiều mẹ sẽ đến đón con... con cố gắng học hành tốt... chơi vui với bạn bè... vâng lời cô giáo nghe hông con.... có quà mẹ

dành cho con ở nhà....."

Có em thì khóc vì phải từ giã mẹ, có em thì vui vì sẽ gặp lại bạn bè...

Tôi xác tín mỗi sáng mỗi chiều trong cuộc đời chúng ta bằng cách này hay cách khác Đức Maria vẫn có những tâm tình và cử chỉ thân thương đối với chúng ta như vậy, nghĩa là cũng dặn dò chúng ta và còn hơn thế nữa.

Muốn biết được phần nào những tâm tình của Mẹ Maria, tôi thiết tưởng trước tiên chúng ta phải quyến luyến với Mẹ và nhất là xác tín Mẹ thương chúng ta muôn ngàn lần hơn mẹ thế gian. Tâm hồn Đức Maria chứa được bao nhiêu thì Chúa ban tình mẫu tử dịu hiền vô biên của Ngài bấy nhiêu để Mẹ thương con, lo lắng cho con và dẫn con đến với Ngài.

Theo như sự nhận xét của nhiều vị thánh mà từ nhỏ tôi biết được trong Đức Maria chỉ toàn là yêu thương dịu hiền. Tôi nhớ một vị thánh nói tương tự như thế này: "Nếu các bạn thấy trong Tin Mừng nơi nào Đức Maria có một cử chỉ gắt gỏng, tôi cho phép các bạn đừng đến với Ngài, nhưng nếu chỉ gặp thấy nơi Mẹ toàn là dịu hiền nhân ái, thì hãy cám ơn Chúa vì đã ban cho một bà Mẹ như thế..."

Thời gian nghỉ hưu, mỗi ngày tôi cố gắng lần ba chuỗi, sáng trưa chiều tối. Chắc chắn không phải vụ nhiều chuỗi nhiều kinh nhưng những chuỗi đó giúp tôi quyến luyến với Mẹ hơn, đi sâu vào tình thương của Mẹ và nhất là để Mẹ dặn dò phải làm những gì theo ý Mẹ.

Bao nhiêu chuỗi là bấy nhiêu lời ca, bấy nhiêu cái hôn dâng lên Mẹ và Mẹ cũng đáp lại không bao giờ thua chúng ta.

Mẹ đưa chúng ta vào đời sống Chúa Giêsu qua các Mầu Nhiệm Vui - Thương - Mừng. Lần chuỗi là sung sướng nhìn Mẹ,

chiêm ngắm Mẹ, bắt chước Mẹ, sống ngập trong tình thương của Mẹ, mong Mẹ giúp chúng ta hiểu biết tình thương của Chúa Giêsu đối với chúng ta và vui sướng làm việc bổn phận cũng như sẵn sàng chấp nhận tất cả khó khăn đau khổ Chúa gởi đến.

Những giờ phút an vui sung sướng cũng như lúc mệt mỏi yếu đau hoặc nhàm chán, nhất là những lúc sáng đêm không chợp mắt được, chúng ta đọc chậm rãi trong trí và suy nghĩ từng tiếng chúng ta đọc. Mỗi tiếng mỗi lời trong Kinh Kính Mừng ca tụng Mẹ vì Mẹ được Chúa thương lạ lùng. Dù có lặp đi lặp lại ngàn lần cũng không bao giờ nhàm chán. Chúng ta thử nhìn xem một em bé vui chơi trước mặt mẹ: em ca hát nhảy múa, có lúc chạy đến ôm mẹ và lặp đi lặp lại: mẹ thương, mẹ nhớ, mẹ của con... Những lời thân thương đó có làm cho mẹ em nhàm không? Đối với Đức Maria, chúng ta cũng có những cử chỉ và tâm tình như thế sẽ làm cho Mẹ rất vui.

Có những lúc yếu đuối lỗi lầm, hãy hết sức khiêm tốn và vội vã ôm lấy Mẹ. Đừng bao giờ ngã lòng. Xâu chuỗi là dây nối kết chúng ta với Mẹ, Mẹ cầm một đầu, chúng ta một đầu như Thánh Têrêxa Hài Đồng Giêsu thường nói: "Con níu Mẹ, Mẹ níu con."

Tôi còn làm được gì để giúp giáo phận, giúp anh em Linh mục của tôi?

Tôi không còn làm được gì bao nhiêu nhưng qua chuỗi Mân Côi, tôi cầu nguyện cho anh em giám mục Linh mục chu toàn phận sự với Chúa với anh em, cho giáo dân cho bà con cô bác ngày càng ý thức là người con của Chúa biết nêu gương sáng cho anh em trong xã hội hôm nay.

Với sức khỏe ngày càng xuống, nhưng tôi cảm thấy còn có thể giúp ích phần nào cho giáo phận, tôi cố gắng cùng với một nhóm anh em Bahnar dịch Kinh Thánh.

Thăm Mỹ năm 2008

MỤC LỤC

- Lời giới thiệu: 03
- Lời tựa: 05

I. HỒI KÝ 1926 -1957: *Gia đình và ơn gọi Linh mục*

- Thời thơ ấu và thiếu niên trong gia đình đến 1937 10
- Gia đình nội ngoại tôi 11
- Chủng viện giải tán, về sống tại Cồn Dầu từ 1946 đến 1948 42
- Tựu trường đầu năm 1948: Đại Chủng viện Sàigòn, cuối 1949 đến 1955 58
- Thụ phong Linh mục: 25/8/1955 61
- Dạy học và Quản lý Tiểu Chủng viện Kontum 1955-1957 64
- Mẹ qua đời 30 tháng 11 năm 1972 64
- Mừng kim khánh linh mục tại Giáo phận Kontum 67
- Mừng Kim khánh Linh mục tại quê nhà 78
- Mừng Ngân khánh Giám mục 87

II. HỒI KÝ KƠBEY (1958 - 1966)

- Thời bình từ 1958 đến tháng 9 năm 1960 98
- Tôi đi Tân Cảnh 99
- Tôi đi Pơlei Kơbey 104
- Thời buổi kinh hoàng từ tháng 9 năm 1960 đến cuối 1963 173

• Di tản về P.Krong
đầu 1964 đến tháng 9 năm 1966 199

III. HỒI KÝ TỪ THÁNG 8 NĂM 1974 ĐẾN...

• Tình hình tôn giáo
phía Kontum năm 1975 218
• Bổ nhiệm quản xứ Đức An 223
• Tình hình phía Kontum 236
• Một trăm năm mươi năm
truyền giáo Tây Nguyên 251
• Vụ việc trường Cuenot
bị chiếm đoạt năm 1996 256
• Tiếp tục tình hình khó khăn
trong Giáo phận 259
• Tôi làm phép Nhà thờ
Đak Rơtêng Klah 274
• Mừng năm mươi năm linh mục
tại Kơbey 282
• Giờ sắp ra đi ! 294

MỤC LỤC 297

1955 - 1957:

Dạy học và quản lý

Tiểu Chủng Viện KonTum.

1957 - 1958:

Phụ trách Tân Cảnh

1958 - 1966:

Phụ trách Plei Kơbey

9 - 1966:

Giám đốc CVK tại Đà Lạt

1974:

Phụ trách các sắc tộc từ

Pleiku đến Mang Yang

1975:

Phụ trách xứ Đức An

22 - 11 - 1981:

Tấn phong Giám Mục

"Dilexit Me" (Galat 2,20)

15 - 04 - 1986:

Về toà Giám Mục KonTum

Lễ Dầu 1995:

Giám Mục Chính Toà

28 - 08 - 2003:

Nghỉ hưu

Hân Hoan Mừng 50 Năm

ngày

Đức Cha Phêrô Trần Thanh Chung

được

Thụ phong Linh Mục

1955 - 25.8 - 2005

Trong tâm tình gắn bó, Tôi hướng tới Hiền-Đệ đáng kính
Phêrô TRẦN THANH CHUNG, Giám Mục nghỉ hưu Giáo phận Kontum
và chân thành chúc mừng Lễ Kim Khánh Linh Mục của Hiền-Đệ.
Tôi khen ngợi Hiền-Đệ đã hoàn thành thật tốt đẹp công việc mục vụ
và hân hoan gửi Phép Lành Tòa Thánh
như là bảo chứng lòng ưu ái của Tôi với Hiền-Đệ trong Chúa.

Từ Dinh Vatican, ngày 12 tháng 05 năm 2005.
Giáo Hoàng Benedicto XVI
(ấn ký)